

TRUYỀN CỒ VIỆT NAM

NGUYỄN DŨ

TRUYỀN-KỶ
MẠN-LỤC

toàn tập

Bản dịch của TRÚC-KHÈ

NGÔ VĂN TRIỂN



TÂN VIỆT

TRUYỀN CỒ VIỆT NAM

NGUYỄN DŨ

**TRUYỀN-KỶ
MẠN-LỤC**

Bản dịch của TRÚC KHÊ
NGÔ VĂN TRIỆN



TÂN VIỆT

Tiêu-truyện ông Nguyễn Dữ

« **Truyện kỳ mạn lục** » là một bộ sách cổ của ta, đã có nhiều người biết tiếng ; người viết ra sách ấy là ông Nguyễn Dữ đời Lê.

Nguyễn tiên-sinh người làng Đỗ-tùng huyện Trường-tân thuộc về thừa-tuyên Hải-dương (1), con ông Nguyễn Tường-Phiếu, tiến-sĩ khoa Bình-dẫn niên-hiệu Hồng-đức thứ 27 (1496) nhà Lê, làm quan đến Thượng-thư, khi mất được thờ làm phúc-thần.

Tiên-sinh thừa nhỏ rất chăm học, xem rộng nhờ nhiều, từng là người học-trò thông-minh có tiếng ở cửa cụ trạng Nguyễn Bình Khiêm. Lớn lên đi thi đỗ hương-liến (2), rồi có trúng nhất nhị trường trong một vài khoa thi hội.

Kể đó tiên-sinh được bổ chức tri-huyện Thanh-toàn (3). Nhưng mới tại nhiệm được một năm, tiên-sinh tự thấy chán-nản, xin từ chức về nhà nuôi mẹ

(1) Nay là làng Đỗ-lâm, huyện Gia-lộc, phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương. Thừa-tuyên cũng như tỉnh. Vua Lê Thánh-tôn chia trong nước làm 12 thừa-tuyên. Huyện Trường-tân sau đổi là Gia-phúc, lại đổi là Gia-lộc.

(2) Như cử-nhân.

(3) Có phải nay là huyện Thanh-thủy ?

cho toàn đạo hiểu, trải mấy tinh sương, bước chân không đặt đến thành-thị.

Trong khi ở nhà, tiên-sinh chỉ ham vui với văn-chương sách-vở, người ta gọi là nhà xử-sĩ, nghĩa là một kẻ sĩ ăn-dật.

Năm sinh năm mất của tiên-sinh, hiện chưa thể tra-cứu vào đâu để biết được rõ, chỉ biết ông chừng liên-sinh sống vào khoảng từ đời Cảnh-thống (1498-1504) cho đến hết đời Tiền Lê sang đầu đời Mạc mà thôi.

* * *

TẠI SAO CÓ BỘ SÁCH TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC ?

Nguyễn Dữ tiên-sinh sống về khoảng đời các vua Uy-mục, Tương-đức, Chiêu-tôn, Cung-hoàng, nghĩa là vào hồi suy-loạn của triều Tiền Lê. Bấy giờ quốc-thể ngửa-nghiêng, cường-thần lũng-tiếm, kỷ-cương đổ-nát, phong-hóa suy-đồi. Tiên-sinh có lẽ đã biết chừng vận Lê không thể bền lâu, vả nghĩ câu « Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư » (1), nên đã treo ấn từ quan, về cố-hương phụng-dưỡng mẹ già, sống cái đời một kẻ ăn-sĩ, hàng bao nhiêu năm không đặt chân đến chỗ thành-thị. Trong khi ở nhà, tiên-sinh lấy sách-vở bút-nghiên làm bạn. Nhân bấy giờ văn-hóa nước mình cũng mới mở-mang, người ta còn hay tin những việc thần quái. Bởi hay tin, nên có lắm những chuyện thần-quái sản-sinh và lưu-hành ở trong dân-gian. Nhất là trải qua một hồi loạn-lạc mấy mươi năm ở khoảng cuối Trần đầu Lê, nhân-dân bị khủng-bố về những cái thảm-trạng sống máu núi xương, càng là nguyên-cớ để sản-xuất những chuyện thần-quái. Nguyễn Dữ tiên-sinh ngồi nhà, nhân nghĩ những câu chuyện lạ kia, có lắm chuyện cũng hay hay, đủ làm những tấm gương giám giới,

(1) Nước nguy không vào, nước loạn không ở.

nhất là nếu lại được chép-ghi bởi cây bút chàm-phung của kẻ thương thời mẫn tục. Cây bút ấy tiên-sinh đã sẵn-sàng có, vả lại là cây bút tài hoa, đương muốn trở cái tài thêu-dệt lên trên mặt giấy. Vì vậy, tiên-sinh bèn sưu-tập những chuyện truyền-thuyết linh-kỳ từ thuở Lý Trần đến hồi ấy, không chừng tiên-sinh còn bịa thêm ra nữa, dùng một lối văn mỹ-diệu của nhà tiểu-thuyết lai-nghệ, viết nên bộ TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC, có đề vào đó cái chủ-ý khống-đỡ cho phong-giáo của thời bấy giờ.

VĂN-CHƯƠNG VÀ TƯ-TƯỞNG TRONG SÁCH TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC

Bộ sách TRUYỀN-KỶ MẠN LỤC, ông Nguyễn-Dữ viết theo lối văn trong sách « Tiển-dăng tân-thoại » của Tàu mà tác-giả là Cồ Tông-Cát. Toàn bộ văn viết có những chỗ biện-luận hùng-hồn, có những chỗ điêu-khắc tỷ-mỹ, chỗ tươi-đẹp như bức tranh màu lông-lẫy, chỗ vang-dội như dòng suối chảy lờ-xờ : các chuyện phần nhiều có thơ hay đoạn văn tứ-lục chen vào mà những thơ văn đó đều là mỹ-diệm tiêm-tế lắm.

Tóm lại, bộ sách này, về phần văn-chương, thật có đúng như lời ông Vũ Khâm-Lân (1) đời Lê đã khen là « thiên-cổ kỳ bút ».

Ta lại xét đến phần tư-tưởng của tác-giả.

Trong tất cả hai mươi chuyện, tuy đều có phần thần-quái hoang-đương cả, song phần nhiều các chuyện, tác-giả tuy trong khi muốn được thỏa cái ý thích múa-mệnh ngòi bút phun hoa nhả gấm, nhưng vẫn dụng ý ký-thác vào đó một cái ý-nghĩa về đạo-đức luân-lý, hay một lời chêm-biểm về những chính

(1) Tước Ôn-dinh hầu, người làng Ngọc-lặc huyện Tứ-kỳ.

tục của đương thời. Chẳng hạn như ở trong «**Câu chuyện ở đền Hạng-vương**», có những câu nói như thế này :

«*Làm người ta không ngoài trời đất để mà sống, làm chính-trị không ngoài cương-thường để dựng nước*».

Trong «**chuyện gã Trà-đồng giáng-sinh**», có những câu :

«*Đức là nền từ-thiện, của là kho tranh-giành, Tích đức như mầm non rỏ một giọt nước, sẽ nảy-nở lên ; tích của như lửa đỏ gieo một khối băng, sẽ tàn-lụi xuống*».

«*Đạo trời công-minh như cái cân, cái gương, có thần-minh để ghi dấu-vết, có tạo-hóa để giữ công-bằng ; gương lắt soi suốt mà không riêng, lược tuy thưa-thớt mà không lọt*».

Trong «**chuyện Phạm Tử-Hư lên chơi Thiên-tào**» có những câu :

«*Xưa nay bàn về kẻ sĩ, tất trước phải kể về đức-hạnh*».

«*Sự báo-ứng luân-hồi ở trong trời đất, chỉ có thiện ác đôi đương : kẻ chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế-dình ; kẻ hay tích ác, dù là chưa chết, án đã thành ở Địa-phủ*».

Trong «**chuyện bữa tiệc đêm ở Đà-giang**» có những câu :

«*Tôi nghe thánh-nhân trị-vì, cần-khôn trong-sáng, minh-vương tu đức, chim-muông yên-vui. Nay chúa thượng đương kỳ thái-hanh, làm chủ dân vật, tưởng nên chăng lược mà thu-vết lấy những người hiền-sĩ trong thiên-hạ, cùng mưu hạnh-phúc cho thương-sinh. Cớ sao lại giết gấu săn hươu, lẫn cướp cả công-việc của kẻ Sơn-ngu (1) như vậy !*»

(1) KINH THU : Vua Thuấn sai ông Bá-Ích làm chức Ngu-công, giữ việc núi đăm.

Trong «**chuyện Lý tướng-quân**» có những câu :

«**Thiện ác tỏ ra, phải tích dần lại, bảo ứng đem đến, có sai bao giờ. Cho nên luận-số không bằng luận-lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay tướng-quân ác có mà đức không, người khinh mà của trọng, mượn oai-quyền mà làm dữ, vụ kiêu-xa cho thỏa lòng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn có cách gì mà tránh khỏi tội trời !**».

Trong «**cuộc nói chuyện thơ ở Kim-hoa**» có những câu :

«**Sĩ quân-tử ở trong danh-giáo, thiếu gì cách vui ! Hà tất lấy không làm có, trở phải ra trái, đem chữ nghĩa ra làm trò đùa**».

Cứ những câu lược-trích như ở trên này, tỏ rằng ngòi bút của tác-giả có ý khuyến-giới châm-quy cho nhân-tâm phóng-tục bấy giờ, và tỏ rằng tác-giả tin-tưởng cái lý thiện ác báo-ứng của nhà Phật. Những câu nói như ở trên này, quyết-nhiên không phải vô-tình mà vào chuyện, và ai bảo là nó đã không từng có bổ-ích cho thế-đạo nhân-tâm.

Ngoài ra, tác-giả còn hay ca-tụng cái thú ăn-dật, khiến ta tỏ thấy ở tác-giả có cái tâm-hồn của một bậc cao-sĩ trốn đời lánh tục.

Hãy xem :

«**Ta là kẻ dật-dân trốn đời, ông lão-già lánh bụi. Gửi tính-mệnh ở lầu tranh quán cũ, tìm sinh-nhai trong búa gió riu trắng (1). Ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết-chân khách tục. Ban vui ta là hươu nay tôm cá, quần bên ta là tuyết nguyệt phong hoa. Chỉ biết đông kếp mà bè đơn, năm mây mà ngủ khối, mức khe mà uống, bời núi mà ăn ; có cần chi phải hỏi bên ngoài là triều-đại nào, là vua quan nào. . .**»

(1) Lời người kiếm củi cho nên có chỗ ru búa.

« Kể sī ai có chí nấy, hà tất phải vậy ! Cho nên Nghiêm Tử-Lăng không vì chức Giám-nghị ở Đông-đô mà quên khói sóng Đồng-giang (1), Khương Bá-Hoài không vì bức họa-đồ của Thiên-tử mà bỏ nước non Bành-thành (2) ».

Những câu này là lời người tiêu-phu trong
«chuyện người tiêu-phu núi Na»

« Uống nước ở suối trong và ở thác biếc, mặc thấy danh-lợi không bận gì đến. Hang đá bên mây cất mình dễ, màn bụi trên đời vương chân khó ».

« Nghin suối muôn khe có lối thông, phất tay áo đi tung-tăng, muốn đi về đông hay về tây tùy ý. Hừng đến thì cùng đi bên mưa ở dưới núi xuân, sàu đi thì cùng ra hóng gió ở trên bến nước. . »

Những câu này rút ở hai bài thơ của Hồ xữ-sĩ và Viên tú-tài trong «chuyện bữa tiệc đêm ở Đả-giang».

Cứ xem những lời trên đây, ta có thể tưởng thấy cái tâm-hoài của nhà xữ-sĩ Nguyễn Dữ, tác-giả «TRUYỀN-KÝ MẠN-LỤC», và biết cái cơ tại sao tiên-sinh lại cáo quan về ẩn, hàng bao nhiêu năm không đặt chân đến chốn thị-thành.

Giữa khoảng đời hỗn-loạn cuối Lê, người ta đã phảng-phất thấy ở Nguyễn Dữ tiên-sinh cái phong-cách của Đào Uyên-minh đời Tấn.

TRÚC KHÊ

(1) Nghiêm Tử-Lăng là người đời vua Quang-vô nhà Hán ở ẩn và câu cá ở Đông-giang. Vua Quang-vô vời ra trao cho chức Giám-nghị đại-phu, nhất định không nhận.

(2) Khương Bá-Hoài người đời vua Hoàn-đế nhà Hán quê ở Bành-thành. Vua Hoàn-đế nghe tiếng là người hiền thuận, sai thợ vẽ bức hình-tượng và vời ra làm quan, nhưng Khương không chịu ra, nói rằng : « Nay đương buổi quốc-chính ở tay bọn họan-quan, đó là thời nào mà mình lại ra ! ». Rồi đến lánh ở Thanh-châu làm nghề bói toán.

CÂU CHUYỆN Ở ĐỀN HẠNG-VƯƠNG

QUAN Thừa-chỉ Hồ Tôn-Thốc là người hay thơ, lại giỏi lối mĩa-mai giễu-cợt. Khoảng cuối đời Trần, phụng mệnh sang sứ Tàu, nhân đi qua đền Hạng-vương có đề bài thơ rằng :

百二山河起戰烽
Bách-nhị sơn-hà khởi chiến-phong,

携將子弟入關中
Huề-tương tử-đệ nhập Quan-trung.

煙消函谷珠宮冷
Yên tiêu Hàm-cốc châu cung lãnh,

雪散鴻門玉斗空
Tuyết tán Hồng-môn ngọc đấu không.

一敗有天亡澤左
Nhất bại hữu thiên vong Trạch-tả,

重來無地到江東
Trùng-lai vô địa đáo Giang-dông.

經營五載成何事
Kinh-doanh ngũ tải thành hà sự ?

銷得區區莖魯公
Tiêu đắc khu-khu táng Lỗ-công.

Dịch :

*Non nước trăm hai (1) nổi bụi hồng,
 Đem đoàn tử-đệ đến Quan-trung.
 Khói tan Hàm-cốc cung châu lạnh (2),
 Tuyết rã Hồng-môn đấu ngọc không (3).
 Thua chạy trời xui đường Trạch-tả (4),
 Quay về đất lấp nẻo Giang-đông (5).
 Năm năm lặn-lộn hoải công cốc,
 Còn được vùi trong mả Lỗ-công (6).*

Đề xong ruồi ngựa trở về nhà trọ. Rượu say nằm ngủ, ông Hồ chiêm-bao thấy một người đến nói với mình rằng :

— Tôi vàng chỉ của đức vua tôi, mời ngài đến chơi nói chuyện.

Hồ vội-vàng sửa-sang quần-áo. Người ấy đưa ông đến một cung-diện nguy-nga, quan hầu đứng sắp hàng rậm-rắp, Hạng-vương đã ngồi chờ sẵn, bên cạnh có cái giường lưu-ly, mời ông lên ngồi. Rồi Hạng-vương hỏi rằng :

(1) Nhà Tần đóng đô ở Quan-trung là nơi hiểm-cố, hai người ở trong có thể chống với trăm người ở ngoài, vì thế gọi là non nước trăm hai.

(2) Nói việc Hạng-Vũ đốt cung A-phòng của nhà Tần.

(3) Tiệc ở Hồng-môn, Phạm-Tăng định giết Bái-công mà Hạng-Vũ không nghe, đề Bái-công lại thoát về được. Tăng tức mình, chém vỡ tan cái đấu ngọc của Trương-Lương biểu. Đấu ngọc không, nghĩa là đấu ngọc thành không. Tuyết rã là nói những mảnh vụn rơi-bời của cái đấu ngọc.

(4) Hạng-Vũ bị vây ở Cai-hạ, đem phá vòng vây chạy được đến Âm-lãng, hỏi thăm đường thì bị một ông già làm ruộng đánh lừa bảo đi sang phía tả, rồi mắc một cái đầm lớn không chạy được. Vũ than là trời định làm mất ta.

(5) Hạng-Vũ chạy đến Ô-giang, người lái thuyền khuyên qua sông sang Giang-đông rồi sau lại tính kế quay về, nhưng Vũ không nghe, tự-tử chết.

(6) Lỗ-công là tước công nước Lỗ. Hán Cao-tổ lấy lễ Lỗ-công mà chôn cho Hạng-Vũ.

— Bài thơ ông đề lúc ban ngày, sao mà mỉa-mai ta dữ thế ! Ừ thì hai câu : « *thua chạy trời xui đường Trạch-tả, quay về đất lấp nẻo Giang-dông* » kể cũng là đúng, nhưng đến hai câu « *năm năm lẩn-lộn hoài công cốc, còn được vui trong má Lỗ-công* », há chẳng phải lời chê-bai không chính-đáng ư ? Này như Hán làm nên vạn thắng (1), ta cũng làm nên vạn thắng. Ta không diệt được Hán, Hán lại có thể phong tước cho ta được ư ! Đến ngay Điền Hoành là một gã trẻ con, còn không tham tước của Hán, và hồ-thẹn tự sát mà chết ; huống ta đường đường một vị bá-vương ở nước Sở, lại tự cam nhận lễ Lỗ-công hay sao ? Kể kia làm việc ấy, chỉ là đem quàng cho ta một cái tước-vị hão, để dền-bù lại sự hồ-thẹn khi ở Hán-trung (2) thôi đó. Ta lại xin nói đề ông rõ : Ngày xưa nhà Tần xõ mất con hươu (3), người ta nổi dậy nhao-nháo, tranh nhau bắt lấy. Ta bấy giờ vì ghét người Tần mà nổi quân đánh Tần, tháo răng bừa làm giáo, thối cơm chiêm làm lương, tôi-dòi đều là quân, hào-kiệt đều là tướng, phá xứ Ngô như hủy tổ kiến, lấy đất Hoài như đốt lòng hồng, một trận đánh mà quân Chương-hàm phải tan, hai trận đánh mà miếu Tô-long phải sụp. Đức-nghĩa ban ra, nhiều nước được dựng lại, oai-lệnh truyền đi, bao kẻ thuận làm tôi. Đứng đầu Chư-hầu là quân nước Sở, làm chúa Tam-Tần là tướng nước Sở. Thiên-hạ theo về nước Sở, có thể ngồi mà sai-khiến được. Nhưng rồi Sở đến phải chết vì Hán, há chẳng phải là bởi trời ư ? Vậy thì khi trời định giúp Hán, dù kẻ thối kèn, dệt chiếu, cũng đủ để thành công ; khi trời định giết Sở, dù người cắt vạc, nhổ núi, cũng khôn hề nói giỏi.

(1) Vị Thiên-tử có muốn cõ xe.

(2) Hạng-Vũ từng phong cho Bái-công làm vương ở Ba-thục và Hán-trung.

(3) Con hươu là ví với thiên-hạ.

Phượng chi Chung Ly mạnh-mẽ, chẳng kém Hoài-âm, Á-phụ khôn-ngoan, thực hơn Nhụ-tử. Nếu ta nghe lời không cố-chấp, nhân thua mà tính toan, thì ruồi ô-truy bốn vó mỗi chồn, há không đủ cày lật cung-đỉnh Phong-bái, thu Bánh-thành những quân tảo-mác, há không đủ đào tung-miếu xã Viêm-lưu. Nhưng chỉ vì thương lũ sinh-linh, nên mới đem tấm thân tám thước đường đường, ném vào tay lũ Vương Ế (1). Vậy sự hưng-vong của Hán, Sở, chỉ là do ở sự may rủi của trời mà thôi, há nên lấy thành bại mà so bì ư? Nhưng đời những kẻ thích phàm-bình nhân-vật, có kẻ bảo không phải trời làm mất, có kẻ bảo trời có định-dáng gì. Thi-nhân mặc-khách thường đem chuyện ta diễn vào trong thơ. Có câu thi :

Cái thế anh-hùng sức nhỏ nui,

Sở ca bốn mặt lệ tràn lan.

Có câu thi :

Vua chẳng ra vua, tôi chẳng tôi,

Bên sông lập miếu cũng hoài thôi.

Ngày chờng tháng chắt, có đến hàng nghìn bài chứ không phải ít. Nhưng chỉ có hai câu của Đỗ Mục :

Giang-đông tử-đệ nhiều tay giỏi,

Cuốn đất quay về chưa biết đâu.

Lời thơ ủy-khúc trung-hậu, hợp cách-luật của nhà thơ, đọc lên ta còn vừa lòng đôi chút. Ngoài ra thì hầu toàn những lời phù bạc, ta vẫn lấy làm bất-bình lắm, nay tiện dịp ta nói để cho ông rõ.

Ông Hồ cười mà rằng :

— Lẽ trời việc người, cũng là dầu cuối lần cho nhau. Bảo mệnh ở trời, Thương Trụ vì thế mà mất nước; bảo trời sinh đức, Tân Mãng vì thế mà bỏ mình. Nay nhà vua bỏ việc người mà đi

(1) Hạng-Vũ tự vẫn để cho Vương-Ế cắt đầu nộp Hán-vương lấy công.

bàn lễ trời, vì thế đã đến táng-bại, vẫn không tỉnh-ngộ. Tội bừa nay may-mắn, được nhà vua vờ đến tiếp-kiến, muốn xin được nói thẳng không giấu-giếm gì, nhà vua nghĩ thế nào?

Hạng-vương nói :

— Vàng vàng, ông cứ nói.

Ông Hồ nói :

— Phàm xoay cái thế thiên-hạ, ở trí chứ không phải ở sức, thu tấm lòng thiên hạ, ở nhân chứ không phải ở bạo. Nhà vua thì chỉ lấy quát-thét làm oai, lấy cương-cường làm đức. Chém Tống Nghĩa là một tướng mạnh (1), vô quân đến đâu ! giết Tử Anh là người đã hàng (2), bắt võ quá lắm ! Hàn Sinh vô tội mà bị lược (3), hình-pháp trái thường ; A-phòng vô cố mà bị thiêu (4), hung uy quá tộ. Cứ những việc của nhà vua làm thì được lòng người chăng ? Hay mất lòng người chăng ?

Hạng-vương nói :

— Không phải như thế. Nay như cái việc Hàm-dan, lấy một nước Triệu mới dựng, chống với nước Tần sôi hùm, thành bại chỉ ở trong một hơi thở, còn mất chỉ ở trong một chớp mắt. Vậy mà Nghĩa lần-khân sợ-sệt, chờ khi giặc mới lui, dùng-dăng trùng-trình, cản đường quân tiến tới. Nếu mà kế trong trướng không thi-hành được, quân qua sông lại lửa-lần thêm, thì dân chúng ở

(1) Vua Hoài-vương nước Sở sai Tống Nghĩa làm Thượng tướng-quân đem quân đi đánh Tần. Hạng-Vũ thấy trùng-trình không tiến, vào trướng chém chết.

(2) Hạng-Vũ dẫn quân vào làm cỏ đất Hàm-dương, vua Tần Tử Anh đã hàng mà Vũ còn giết.

(3) Hàn Sinh khuyên Vũ đóng đô ở Quan-trung. Vũ không nghe, Hàn Sinh tức, nói văng mấy câu. Vũ nghe được, nổi giận, sai làm thịt bỏ vào nồi lược.

(4) Cung A-phòng của nhà Tần, bị Hạng-Vũ đốt.

trong thành Triệu, sẽ lại có cái thảm-họa hơn là ở Trường-bình thừa trước. Vậy thì ta giết một Tống Nghĩa, mà cứu sống được tính-mệnh cho trăm vạn sinh-linh, có gì là quá ! Vua các nước đều là Chư-hầu, tước thì của thiên-vương phong cho, đất thì của thiên-vương ban cho. Vậy mà Tần lợi-dụng đất cát, ngông-cường giáp binh, mổ Hàn thệ Triệu, hiếp Ngụy hại Yên, nam thì lừa Sở rồi bắt mà giữ lại, đông thì dối Tề để hãm cho chết đói. Nếu không lật đổ ngôi Tần và tru-diệt họ Tần thì cái hờn căn-nuốt các nước, không biết ngày nào tiêu-tan được. Cho nên ta giết một Tử Anh để trả mối thù giết-vong cho sáu nước, có gì là tệ. Ôm bụng trung-lương là tiết lớn của kẻ làm tôi. Hàn Sinh thì không thể, khoe mẽ hợm mình, vong ân bội nghĩa, mùa lúa để chỉ-nghị quân-thân, khuê môi để buông lời sàm-báng. Vì vậy ta đem làm thịt, để những kẻ bất-trung biết mà răn sợ. Giữ thói tiết-kiệm là đức tốt của người làm vua. Thủy-hoàng thì không thể, xây cung ở bên sông, mở đường ở ven núi, đắp nền cho cao bằng những hòn-oán của dân, chừa kho cho đầy bằng những máu-mỡ của dân. Vì vậy ta đem đốt đi để những vua đời sau biết nên dè-sèn. Nếu lại buộc tội về những điều ấy thì ta trộm lấy làm không phực.

Ông Hồ nói :

— Thế thì sáu Kinh trong lửa, đốt sách Thánh-nhan, thước kiếm trên sông, giết vua Nghĩa-đế, những việc ấy chỉ mà nhân-tâm như vậy ! Sao bằng người Hán : sợ lỗi phạm vua tôi thì nghe lời Đồng-công làm việc nhân-nghĩa, khiến nền-nếp đế vương hầu rồi mà lại sáng ; sợ thất-truyền đạo-học thì về đất Khúc-phụ, bày lễ thái-lao, khiến dòng nguồn thì thư hầu đứt mà lại nối. Cho nên người ta có câu nói rằng : « Hán được thiên-hạ, không ở cắt dùng Tiều, Trương, mà ở việc đề trở (1) của ba

(1) Hạng-Vũ giết vua Nghĩa-đế nước Sở, Hán-vương theo lời Đồng-công cho ba quân đề trở.

quân, gọi lòng trung-phần các hào-kiệt ; Hán giữ thiên-hạ không ở qui-mô rộng lớn mà ở việc đến tế ở Khúc-phụ, mở nền nường-tựa cho đời sau». Nhà vua thì so vì làm sao được với Hán-vương.

Hạng-vương ghen lời không biết nói ra sao, sắc mặt tái như tro nguội. Bên cạnh có một vị lão thần họ Phạm, tiến lên nói rằng :

— Tôi nghe làm người ta không ngoài trời đất để mà sống, làm chính-trị không ngoài cương-thường để dựng nước. Bầy tôi của Đại-vương đây có người tên là Cao (1) tiết cứng như tùng, lòng bền tựa đá, sa cơ không chịu sống mà nhục, liều mình để được thác mà vinh ; nếu không phải nhà vua biết cách thống-ngự thì sao có sự tử-trung ấy ! Truyện (2) có nói rằng : « Vua khiên bề tôi lấy lễ, bầy tôi thờ vua lấy trung » ; ở Đại-vương đây, chính là đã dùng hợp vào với câu ấy. Chứ như kẻ kia, sai Úng Sĩ giữ đất Phong thì Úng Sĩ đầu hàng, sai Trần Hy coi nước Triệu thì Trần Hy làm phản ; đạo cương-thường hỏi ai là hơn ? Hậu-cung của Đại-vương có bà họ Ngu, mệnh nhẹ lá thu, hồn theo bóng kiếm, gửi lòng thơm ở ngọn cỏ tịch-mịch, chôn hồn-oán ở cánh đồng hoang-vu (3) ; nếu không phải nhà vua biết lễ cư-xử thì sao có sự tận tiết ấy ! Kinh Thi có câu rằng : « Dạy vợ mình trước, sẽ trị nhà nước » ; ở Đại-vương đây chính là đã xứng-đáng đối với câu ấy. Chứ như kẻ kia, Lã Trĩ ngông-ngạo mà làm việc dâm-tà, Thích Cơ

(1) Tào-Cao làm Đại-tư-mã nước Sở, Hạng-vương sai giữ ở Thành-Cao. Sau vì đánh nhau bị thua quân Hán ở trên sông Ty-thủy, Cao tự-tử mà chết.

(3) Sách Luận-ngũ.

(2) Hạng-Vũ đến lúc đường cùng ở Cai-hạ, Ngu Mỹ-nhân tự-tử mà chết. Tục truyền sau trên má nàng mọc lên một thứ cỏ riêng, người ta gọi là cỏ « Ngu Mỹ-nhân ».

được yêu, rồi dày thân con lợn (1) ; lẽ cương-thường hỏi bèn nào hơn ? Huống chi như trái lẽ trời mà bảo xẻ chén canh, yêu con bé mà coi thường gốc nước (2) luân-thường cha con hỏi rằng đề đầu ? Những người nghị-luận ở đời sau, chẳng so nặng nhẹ, chẳng xét phải trái, lòng không suy-nghĩ, miệng chỉ quàng-xiên, đối Hán thì khen-ngợi chẳng tiếc lời, đối Sở thì chê-bai không tiếc sức, khiến đứng Đại-vương của chúng tôi trong cõi minh-minh cứ phải chịu những lời mỉa-mai cay độc. Vậy mong những điều như tiếng xấu, phiền ông gọi-rửa giùm cho, cũng là một việc thú trong cuộc gặp-gỡ giữa chúng ta.

Ông Hồ thấy lời nói cũng hơi có lý, gật đầu hai ba lần, rồi ngoảnh bảo những người theo :

— Các người ghi-nhớ lấy.

Rồi đó canh tàn-trà cạn, ông đứng dậy từ-giã xin về ; Hạng-vương đưa chân ra đến cửa thì phương đông đã dần sáng rạng. Ông xốc áo vùng dậy, té ra là một giấc chiêm-bao, bèn mua rượu và nem bày một lễ cúng ở đầu thuyền trước khi rời khỏi đấy.

Lời bình

(Trong hai-mươi chuyện của sách này, hầu hết ở cuối có một đoạn lời bình, không biết của chính tác-giả hay là của ai, vì không thấy ghi rõ).

Than ôi, so Sở với Hán thì Hán hơn, sánh Hán với bậc vương-đạo, Hán còn xa lắm. Sao vậy ? Hồng-môn cõi giặc, Thái-công tha về, những việc

(1) Nàng Thích-Cơ là vợ lẽ của Hán Cao-Tổ, sau khi vua mất, bị Lã-hậu chặt cụt chân tay vất trong nhà sí mà gọi là con lợn, để trả thù lúc trước nàng được vua yêu.

(2) Hạng-vương bắt cha Hán-Cao là Thái-công đem ra chực giết làm thịt. Hán-Cao nói : «cha ta cũng như cha mày, nếu mày có thịt thì chia cho ta một chén nước suýt.— Lại sau khi làm vua, Hán-Cao vì yêu con bé là Triệu-vương Như Ý mà truất ngôi Thái-tử của con lớn.

ấy, Sở không phải là bất nhân ; nhưng nhân nông mà ác sâu. Làm cỏ Dĩnh-xuyên, giết hại công-thần, những việc ấy, Hán không phải là không có lỗi, nhưng lỗi ít mà tốt nhiều. Sở đã đánh trái với nhân-nghĩa, nhưng Hán cũng chỉ là giống với nhân-nghĩa. Họ Hạng nước Sở không được là hạng bá-giả mà vua Cao nhà Hán cũng là tạp-nhạp. Kể trị thiên-hạ nên tiến lên đến đạo thuần-vương, còn Hán Sở nhân với bất nhân, hãy gác ra không cần bàn đến.

CHUYỆN NGƯỜI NGHĨA-PHỤ Ở KHOÁI-CHÂU

TỪ ĐẠT người ở Khoái-châu, lên làm quan tại thành Đông-quan (Hà-nội) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng-xuân, láng-giềng với nhà quan Thiêm-thư là Phùng Lập Ngồn. Phùng giàu mà Từ nghèo ; Phùng xa-hoa mà Từ tiết-kiệm ; Phùng chuộng dễ-dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại-khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi-bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có người con trai là Trọng Quý ; Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng xuýt-xoát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cùng có ý muốn kết-duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư-xử với họ-hàng rất cung-thuận, người ta đều khen là người nội-trợ hiền.

Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi-bời lêu-lồng ; Nhị Khanh thường vẫn phải ngăn-gián. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính-trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ-ấm được bổ làm một

chức ở phủ Kiến-hưng. Gặp khi vùng Nghệ-an có giặc, Triều-đình xuống chiếu kén một viên-quan giỏi bỏ vào cai-trị. Đình-thần ghét Lập Ngôn tinh hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hòa nhau tiến-cử. Khi sắp đi phó-nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng :

— Đường-sá xa-xăm, ta không muốn đem đàn-bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng-con sẽ lại cùng nhau tương-kiến.

Trọng Quý thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến-luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn-bảo rằng :

— Nay nghiêm-đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen-ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến-cử đến chốn hùng-phiền, bề trong thực dồn đuổi vào chỗ tử-địa. Chẳng lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam-chương nghìn trùng, hiểm-nghèo giữa đám kinh-nghe, cách-trở trong vùng Lèo Mán, sớm hôm săn-sóc, không kể đỡ thay ? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đầu đem mối khuê-tình để lỗi bề hiếu-đạo. Mặc dầu cho phần nhạt hương phai, hồng rơi tia rụng, xin chàng đừng thối-mắc bận lòng đến chốn hương-khue.

Sinh không dừng được, mới bày một bữa tiệc từ-biệt rồi cùng Lập Ngôn, đem người nhà đi vào phương nam.

Không ngờ lòng trời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái-châu, chôn cất cứng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu-thị.

Bấy giờ có quan tướng-quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu-thị muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền-bạc đến khăn-cầu. Lưu-thị bằng lòng rồi nhân lúc vắng-vẻ, bảo Nhị Khanh rằng :

— Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm-vị, ngày tháng hoang chơi, triều-chính đổ-nát, họ

loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối ; mà Phùng-lang từ ngày ra đi, thắm-thoắt đã 6 năm nay, tin-tức không thông, mất còn chẳng rõ. Nhỡ ra mà gặp lúc rồng tranh hồ chọi, phải khi hướm đại ong cuồng, Tra-Lợi mắc vào tay (1), Áp-Nha không sẵn mặt (2), chỉ e Chương-dài tơ liễu, trôi bay đi đến tận phương nào. Chi bằng bạn lãnh kén lựa, duyên mới vương xe, lấp những lời trăng gió cột trêu, nương dưới bóng tùng-quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ-trọi, sống cái đời sương-phụ buồn-tênh.

Nhị Khanh nghe nói sợ-hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu-thị biết chỉ nàng không chuyển-động, nhưng cố định lấy lễ-nghi để cưỡng-ép, hôn-kỳ đã sắp sẵn-sàng.

Nhị Khanh một hôm bảo người bố già rằng :

— Chú là người đầy-tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ gì sự đền-đáp ơn-đức của người xưa ư ?

Bố già nói :

— Tùy ý vợ muốn sai-bảo gì tôi xin hết lòng.

(1) Đời Đường, Hàn-Hoành có người tình là nàng Liễu-thị, nhân khi xa cách mấy năm, Hàn gửi bài thơ về cho Liễu-thị rằng *„Chương-dài liễu, Chương-dài liễu, lịch nhật thanh thanh kim tại phủ ? Tùng sử trường điều tự cựu thủy, đã ung phan chiết tha nhân thủ..* Nghĩa là : Cây liễu ở Chương-dài, ngày trước xanh tươi là thế, nay có còn không ? Dù cành dài có còn như cũ, chắc cũng đã bị vịn bẻ về tay người khác. Sau Hàn về thì Liễu đã bị chiếm bởi tay một viên phiến-tướng là Sa-Tra-Lợi. Có người hiệp-khách là Hứa-Tuấn thương-hại Hàn-Hoành, vào phủ phiến tướng cướp được Liễu-thị về cho Hàn.

(2) Đời Đường, Lưu Vô-Song là vợ chưa cưới của Vương Tiên-Khách. Gặp loạn, nàng bị hãm vào trong cung-dinh. Tiên-Khách nhờ được nghĩa-sĩ Cồ-Áp-Nha dùng kế đưa một thứ thuốc cho nàng uống chết đi rồi giả làm thân-thuộc chuộc thầy nàng ra. Sức thuốc nhạt, nàng lại hồi-sinh, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

Nhị Khanh nói :

— Ta sở dĩ nhịn-nhục mà sống là vì nghi Phùng-lang hầy còn ; nếu chàng không còn thì ta đã liệu mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chứ có thể vì ta chịu khố lận-lợi vào xứ Nghệ hỏi thăm tin-tức cho ta không ?

Người bố già vâng lời ra đi. Bấy giờ binh-lửa rồi-ren, đường-sá hiểm-trở, hẳn phải lận-dận đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ-an. Hẳn đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, vì con trai hư, nên gia-tư đã sạch-sành-sanh, đáng phàn-nàn quá.

Người bố già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng-sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn, không còn có cái gì đáng giá. Sinh bảo người bố già rằng :

— Quan nhà không may, thất lộc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh-quá nghẽn-trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh.

Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà vợ chồng cùng trông nhau mà khóc. Đêm hôm ấy buồn loan chung gối, sinh ngâm một bài thơ rằng :

憶昔平生日
Úc tích bình sinh nhật

曾諧契合緣
Tăng hài khế hợp duyên

感君情太厚
Cảm quân tình thái hậu

笑 我 命 終 速
Tiểu ngã mệnh chung truán (1)
 別 袂 分 攜 早
Biệt nhuệ phân huệ tảo
 長 亭 勸 飲 頻
Trường-đình khuyến ẩm tần
 依 依 愁 嶺 嶠
Y-y sầu lĩnh kiền
 擾 擾 隔 風 塵
Nhiều-nhiều cách phong-trần
 共 約 人 千 里
Cộng ước nhân thiên-lý
 相 望 月 半 輪
Tương vọng nguyệt bán luân
 侵 尋 閑 六 載
Sâm tìm nhàn lục tải
 零 謝 悵 雙 親
Linh tạ trượng song-thân
 怕 睡 橫 山 曉
Phạ thụy Hoành-sơn hiều
 行 歌 演 水 濱
Hành ca Diễn thủy tân
 登 樓 王 粲 淚
Đăng lầu Vương Sán lệ
 索 句 杜 陵 巾
Xách cú Đỗ Lăng cân
 竹 石 難 醫 俗
Trúc thạch nan y tục
 琴 樽 不 療 貧
Cầm tôn bất liệu bần

(1) Câu thứ hai, chữ *duyên* nhầm, xin cải chính là chữ *nhân* 姻 cho đúng vận.

他鄉勞寄目

Tha hương lao ký mục

故國重傷神

Cố quốc trọng thương thần

放浪非吾事

Phóng lãng phi ngô sự

淹留病此身

Yêm lưu bệnh thử thân

寧知蓬島客

Ninh tri Bồng-đảo khách

遙達錦江鱗

Dao đạt Cẩm-giang lân

采石重移棹

Thái-thạch trùng di trạo

黃姑兩問津

Hoàng-cô lưỡng vấn tân

幾年巫峽夢

Kỷ-niên Vu-giáp mộng

一旦武陵春

Nhất đán Vũ-lăng xuân

蝴蝶交情舊

Hồ điệp giao-tình cựu

鴛鴦變態新

Uyên-ương biến thái tân

輕儂唐魏國

Khinh huyền Đường Quốc-quốc

靡曼宋東鄰

Mỹ mạn Tống Đông-lân

綠暗鶯聲澁

Lục ám oanh thanh sáp

紅稀燕子嗔

Hồng hy yến tử sân

狎遊今杜牧

Hiệp du kim Đỗ Mục

奇 遇 古 劉 晨
 Kỳ ngộ cổ Lưu Thần
 吟 詠 聊 隨 興
 Ngâm vịnh liêu tùy hứng
 風 流 肯 讓 人
 Phong-lưu khăng nhượng nhân
 會 應 傳 勝 事
 Hội ưng truyền thắng sự
 命 筆 記 周 春
 Mệnh bút ký Chu Tần

Diễn :

Nhớ từ năm hầy thơ ngây,
 Đói ta sớm đã xe dây Tấn Tần.
 Tình em thấm đượm vô ngần,
 Số anh riêng lắm gian-truân cũng kỹ.
 Chia tay một sớm rạ đi,
 Trường-đình chén rượu, phân-ly rước mời.
 Sầu treo đỉnh núi chơi-vời,
 Mịt-mù gió bụi cách-vời xa-xăm.
 Bắc nam nghìn dặm âm-thầm,
 Trăng cài nửa mảnh dăm-đăm bên trời.
 Sáu năm vùn-vụt đưa thôi,
 Thông già huyền héo, ngậm-ngùi nhớ thương.
 Từng khi ngủ dưới Đèo Ngang,
 Từng khi bến Diễn ngậm vang điệu sầu.
 Lệ tuôn, Vương Sát lên lầu,
 Sầu óm, Đỗ Phủ ngâm câu cảm-hoài.
 Rượu đàn trúc đá ham chơi,
 Càng nghèo càng cảm thấy đời bé-tha.
 Mắt mòn trông-ngóng quê nhà,
 Lòng đau nghĩ nỗi phương xa lạc-loài.

Người mà đến thế thì thôi,
 Đời phiêu-lãng chỉ là đời bỏ đi.
 Hay đâu tin đến bất kỳ,
 Người tiên còn vẫn yêu-vì chưa thôi.
 Bên tiên khách lại trùng-lai,
 Mộng say Đỉnh Giáp, xuân tươi Nguồn Đào.
 Uyên bơi bướm giỡn xôn-xao,
 Vẻ nào chẳng đượm, nét nào chẳng ưa !
 Đây vườn lục rậm hồng thưa,
 Con oanh cái én ơ-hờ nhớ xuân.
 Duyên may Đỗ Mục, Lưu Thần,
 Thủ phong-lưu dễ nhượng phần cho ai.
 Việc nên truyền lại lâu dài,
 Bút hoa mượn thảo mấy lời vân vân.

Hai người vì xa-cách nhau lâu, uên nay tình-ái bội phần nồng-đượm, sự vui-sướng không còn phải nói.

Song sinh vì quen thân phóng-lãng, thuộc tính chơi-bời, về nhà ít lâu rồi nét cũ lại dấu đóng đậy, hằng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bé tha lêu-lồng. Sinh thì thích Đỗ có tiền nhiều, Đỗ thì ham sinh có vợ đẹp. Những khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi như sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ-dàng như thò tay vào túi mình lấy đồ-vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn-bảo rằng :

— Những người lái buôn phần nhiều là giáo-quyệt; đừng nên chơi thân với họ ; ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem.

Sinh không nghe. Một hôm sinh cùng các bạn-bè hợp nhau đánh tứ sắc, Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền dễ đánh và đòi sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quý quen mùi vẫn được luôn, chẳng suy-

ngĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao-kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quý gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét ; cử-tọa cũng đều ngơ-ngác buồn-rầu hệt.

Trọng Quý phải cho gọi Nhị Khanh đến ; bảo rõ thực tình, đưa tờ giao-kèo cho xem và yên-ủi rằng :

— Tôi vì nỗi nghèo nó bó-buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi-hoan tán-tự cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều-chuộng hẳn, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả-vờ nói tử-tế rằng :

— Bỏ nghèo theo giàu, thiếp lẽ đâu từ-chối. Số trời xếp-đặt, há chẳng là tiền-định hay sao ! Nếu chàng mới không nở rẻ bỏ, còn đoái-thu đến cái dong-nhan tàn-tạ này, thiếp sẽ xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu-hạ, như đã đối với chàng xưa vậy. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn-biệt và cho về từ-giã các con một chút.

Đỗ cả mừng, rót đầy một chén xà-cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà rằng :

— Cha con bạc tình, mẹ đau-buồn lắm. Biệt-ly là việc thường thiên-hạ, một cái chết với mẹ có khó-khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi.

Nói xong, lấy một đoạn dây tơ thắt cổ mà chết.

Đỗ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quý hối-hận vô cùng, sắm đồ liệm-táng tử-tế rồi làm một bài văn-tế rằng :

Hồi ơi nương-tử !
 Khuê-nghi đáng bạc,
 Hiền-đức vẹn mười.
 Tình-thần nhã đạm,
 Dáng-điệu xinh-tươi.
 Khi về với ta,
 Vợ chồng thân-thiết.
 Ai biết giữa đường,
 Phút nên ly-biệt.
 Cha làm quan xa,
 Ta theo hầu-hạ.
 Trải sáu năm dư,
 Bặt tin nhận cá
 Buồn xuân trường lạnh,
 Hạc oán vượn sầu.
 Than ôi đường trước,
 Gieo neo đến đâu !
 Bên trời góc bể.
 Nệm khách lẻ-loi,
 Tìm nhà chột đến,
 Ngựa về quất roi.
 Sắt cầm diu-dặt,
 Lại gấn keo loan.
 Vıra vui sum-họp,
 Phút bỗng lia-tan.
 Ta sao bạc quá !
 Nàng đáng thương thay !
 Nói-năng gì nữa,
 Đã nên nỗi này.
 Hoa bay trước viện,
 Quế rụng giữa trời.
 Phú-dung ủ-rũ,

Dương-liễu tả-loi.
 Phong-cảnh còn đây,
 Người đã xa chơi.
 Lấy gì độ em ?
 Một lễ lên chùa.
 Lấy gì khuấy em ?
 Duyên sau đến bù.
 Non mòn bề cạn,
 Mỗi hận khôn khuấy.
 Hỡi ôi nương-tử,
 Hâm hưởng lễ này

Trọng Quý đã góa vợ, rất ăn-năn tội-lỗi của mình. Song sinh-kế ngày một cùng-quần, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh của mọi người làng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy-hóa (thuộc xứ Hưng-hóa), bèn tìm đến đề mong nhờ-vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng :

« Có phải Phùng-lang đấy không ? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì ngày ấy tháng ấy xin đến chờ em ở cửa đền Trung-vương (ở xã Hát-môn Sơn-tây). Ân-tình thiết-tha, đừng coi là âm-dương cách-trở.»

Sinh lấy làm lạ là tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ, nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đứng hện đến trước đền ấy. Song đến nơi chỉ thấy bóng tà gợn cửa, rêu biếc đầy sân, năm ba tiếng quạ kêu ở trên cành cây xao-xác. Sinh buồn-rầu toan về thì mặt trời đã lặn, bèn ngã mình nằm ở một tấm ván nát trên một cái cầu. Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe thấy tiếng khóc nức-nở từ xa rồi gần ; khi thấy tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng,

nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với sinh rằng :

— Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn-lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được !

Trọng Quý chỉ tự nhận tội-lỗi của mình ; nhân hỏi đầu-đuôi thì Nhị Khanh nói :

— Thiếp sau khi mất đi, Thượng-đế thương là oan-uổng, bèn ra ân-chỉ, hiện thiếp được lệ-thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những sự-vấn tấu đối, không lúc nào nhàn-rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi ; nếu không thì nghìn thu dằng-dặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp-gỡ nhau.

Trọng Quý nói :

— Sao em đến chậm thế ?

Nhị Khanh nói :

— Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế-sở. Vì có chàng, nên thiếp đã phải bầm xin về trước đây ; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.

Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện-trò thủ-thỉ. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày :

— Thiếp thường theo châu tả hữu Đức-Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ-triều sẽ hết vào năm binh-tuất, binh-cách nổi lớn, số người bị giết-chóc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người trồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân-nhân họ Lê, từ miền tây-nam xuất-hiện ; chàng nên khuyên hai con bèn chỉ đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.

Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo-biệt, vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại, rồi thoát chốc thì biến đi mất.

Trọng Quý bèn không lấy ai nữa, chăm-chỉ chăn-nuôi hai con cho đến nên người. Đến khi vua Lê Thái-tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam-sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập-thị-nội. Đến nay ở Khoái-châu hiện còn con cháu.

Lời bình

Than ôi, người con gái có ba đạo theo, theo chồng là một. Nàng Nhị Khanh chết, có quả là đã theo chồng không? Thưa rằng không. Đời xưa bảo theo, là theo chính-nghĩa, chứ không theo tà-dục. Chết hợp với nghĩa, có hại gì cho cái đạo theo. Theo nghĩa tức là theo chồng đó. Có người vợ như thế mà đề cho phải hàm-oan một cách ai-oán, Trọng Quý thật là tưởng chó lợn. Muốn tề được nhà, phải trước tự sửa mình lấy chính, khiến cho không thẹn với vợ con, ấy là không thẹn với trời đất.

CHUYỆN CÂY GAO

TRÌNH TRUNG NGỘ là một chàng đẹp trai ở đất Bắc-hà. Nhà rất giàu, thuê thuyền xuống vùng Nam buôn-bán. Chàng thường đỗ thuyền ở dưới cầu Liễu-khé (1) rồi đi lại vào chợ Nam-xang. Dọc đường, hay gặp một người con gái xinh-đẹp, từ Đông-thôn đi ra, đằng sau có một ả thị-nữ theo hầu. Chàng liếc mắt trông, thấy là một giai-nhân tuyệt-sắc. Song đất lạ quê người, biết đâu dò hỏi, chỉ mang một mối tình u-uất trong lòng. Một hôm khác, chàng cũng lại gặp, muốn kiếm một lời nói kín-đáo để thử khêu-gợi, nhưng người con gái đã xốc xiêm rảo bước, và bảo với con hầu gái rằng :

— Ta lâu nay rượu xuân quá chén, mê-mệt năm dài, hầu nửa năm trời, không lên chơi cầu Liễu-khé lần nào cả, chẳng biết giờ phong-cảnh ra sao. Đêm nay nên qua thăm cảnh cũ, để được khuấy-giải chút tình u-uất ở trong lòng, vậy em có đi theo ta không ?

Con hầu vâng lời.

Trung Ngộ nghe lồm được lấy làm mừng lắm. Tối hôm ấy, chàng đến bên cầu chờ sẵn. Đêm khuya người vắng, quả thấy người con gái cùng ả thị-nữ mang theo đến một cây hồ-cầm, đi tới đầu cầu, thở dài mà nói rằng :

(1) Cầu này ở làng Liễu-kiều, huyện Nam-xang.

— Nước non vẫn nước non nhà, cảnh còn như cũ người đã khác xưa, làm sao cho khỏi cảm-động buồn-ngùi cho được !

Bèn ngồi tựa vào bức lan-can trên cầu, ôm đàn gảy mấy bài Nam-cung, mấy điệu Thu-tử. Một lúc nàng bỏ đàn đứng dậy nói rằng :

— Giải niềm u-uất, muốn mượn tiếng đàn ; song điệu cao ý xa, đời làm gì có kẻ tri-âm hiểu cho mình được, chẳng bằng về cho sớm là hơn.

Trung Ngô liền bước rảo đến trước mặt nàng, vái chào mà rằng :

— Chính tôi là người tri-âm mà nương-tử đã không biết đấy.

Người con gái giạt mình nói :

— Vậy ra chàng cũng ở đây ư ? Thiếp đã từng nhiều lần được chàng đoái tới, ơn ấy thật vẫn ghi lòng. Chỉ vì đường-sá vội-vàng, không tiện tỏ-bày chung-khúc. Giờ nhân đêm vắng, dạo bước nhàn du, không ngờ chàng lại đã đến trước ở đây. Nếu không phải duyên trời, sao lại có sự gặp-gỡ may-mắn như vậy. Song hạt châu hạt ngọc ở bên, thiếp chẳng khỏi tự xét thấy mình như-bần, thực lấy làm e-thẹn vô cùng.

Chàng hỏi họ tên và nhà cửa. Nàng chau mày nói :

— Thiếp họ Nhị tên Khanh, là cháu gái của ông cụ Hối, một nhà danh-giá trong làng. Hai thân mất sớm, cảnh nhà đơn-hàn. Mời đây bị người chồng ruồng bỏ, thiếp phải dời ra ở bên ngoài lũy làng. Nghĩ đời người ta, thật chẳng khác gì giấc chiêm-bao. Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui. Kể một sớm chết đi, sẽ thành người của suối vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan-lạc ái-ân, cũng không thể được nữa.

Hai người bèn đưa nhau xuống thuyền. Người con gái sẽ bảo chàng rằng :

— Thân tàn một mảnh, cách với chết cũng

chẳng bao xa. Ngày tháng quanh-hiu, không người săn-sóc. Nay dám mong quân-tử quạt hơi dương vào hang tối, thả khi nóng tới mằm khô, khiến cho tia rụng hồng rơi, được trộm bện xuân quang đôi chút, đời sống của thiếp như thế sẽ không phải phàn-nản gì nữa.

Bèn cùng nhau ân-ái hết sức thỏa-mãn. Nàng có làm hai bài thơ đề ghi cuộc hoan-lạc như sau :

I

窮 閨 久 困 午 眠 遲
Cùng diêm cửu khốn ngọ miên trì
 羞 對 新 郎 語 別 離
Tu đối Tân-lang ngữ biệt-ly
 玉 筓 整 斜 珠 釧 子
Ngọc duàn chỉnh tà châu xuyên tử
 香 羅 脫 換 綉 鞋 兒
Hương la thoát hoán tú hài-nhi.
 夢 殘 半 枕 迷 蝴 蝶
Mộng tàn bán trâm mê hồ-diệp,
 春 盡 三 更 怨 子 規
Xuân tận tam canh oán tử quy.
 此 去 未 酬 同 穴 約
Thử khứ vị thù đồng huyệt ước,
 好 將 一 死 爲 心 知
Hảo tương nhất tử vị tâm tri.

Dịch :

*,Giấc xuân mê-mệt chốn hoang-liêu,
 Bỗng sượng-sùng thay cuộc ập-yêu.
 Mãng ngọc (1) vuốt-ve nghiêng xuyên chạm,
 Dải la cời tháo trút hài thêu.
 Mộng tàn gối bươm bâng-khuàng lạc,
 Xuân hết cảnh quỳn khắc-khoải kêu,*

(1) Ngón tay.

Đồng-huyệt chưa tròn nguyệt-ước ấy,
 Vì nhau một thác sẵn xin liều.

II

佳期忍負此良宵
 Giai kỳ nhẫn phụ thử lương tiêu
 醉抱銀箏撥復挑
 Tủy bảo ngân tranh bát phục khiêu.
 玉燕任慵簪墜髻
 Ngọc yến nhiệm dung trâm trụy kế,
 金蟬幾怕束纖腰
 Kim thuyền ky phạ thúc tiêm yêu,
 煙舒棠萼紅猶濕
 Yên thư đường ngọc hồng do thấp.
 汗褪梅粧白未消
 Hãn thối mai trang bạch vị tiêu.
 早晚結成鸞鳳友
 Tảo vãn kết thành loan-phượng hữu,
 風晨月夕任招邀
 Phong-thần nguyệt-lich nhiệm chiêu yêu.

Dịch :

Đêm đẹp này đâu nỡ bỏ hoài,
 Ôm tranh nhẹ bấm một đôi bài.
 Đầu cài én ngọc (1) hình nghiêng chéch,
 Lưng thắt ve vàng (2) dáng oẻ oai.
 Đường (3) lúc nở rồi hồng đượm ướt,
 Mai khi rã hết trắng chưa phai,
 Phượng loan sớm kết nên đôi lứa,
 Gió sớm trăng khuya thỏa cợt-cười.

(1) Cái thoa chạm hình con chim én.

(2) Lưng mỹ-nhân thắt độn lại như lưng con ve.

(3) Cây đường-lê, có hai giống hoa đỏ và giống hoa trắng, có quả ăn được.

Trình Trung Ngô vốn là lái buôn, biết ít chữ-nghĩa, nàng giải-nghĩa rõ-ràng cho hiểu ; chàng rất khen-ngợi mà rằng :

— Văn-tài của nàng, không kém gì Di-An (1) ngày xưa.

Nàng cười mà rằng :

— Người ta sinh ở đời, cốt được thỏa-chí, chứ văn-chương thời có làm gì, chẳng qua rồi cũng một nắm đất vàng là hết chuyện. Đời trước những người hay chữ như Ban Cơ, Sái-nữ (2), nay còn gì nữa đâu. Sao bằng ngay trước mắt, tìm thú vui say, đề khỏi phụ mất một thời xuân tươi-tốt.

Trời gần sáng, nàng từ-biệt ra về, từ đấy đêm nào cũng lại.

Trải hơn một tháng, bọn bạn buôn có người biết chuyện, báo với Trung Ngô rằng :

— Bác ở chỗ quê người đất khách, nên biết giữ mình thận-trọng, xa lánh những sự hiềm-nghi. Chứ sao nên giở nét gió trăng, quyến phượng hoa liễu. Như người con gái ấy, chẳng tường duyên-do gốc-tích, nếu không là cô ả nũng-nịu ở chốn buồng thêu, thì tất cũng đi bé yêu chiều ở nơi gác gấm. Nay bác cứ như vậy, lỡ một sớm sự cơ khó giấu, thanh-tích lộ ra, trên thì bị hình-pháp lôi-thôi,

(1) Di-An tức là nàng Lý Thanh Chiếu, hiệu Di-An cư-sĩ, con gái của Lý Cách-Phi và vợ của Triệu Minh Thành, người đất Tế-nam, có tài thơ-văn, nhất là lối từ, trở nên một đại thi-gia đời Tống, có quyển "Thấu ngọc từ" còn truyền ở đời.

(2) Ban Cơ tên là Chiêu, em gái Ban Siêu đời Hán, có tài học, triều vua Hoà-đế được triệu vào cung dạy học, các hoàng-hậu quý-nhân đều phải thờ làm thầy. Có làm ra 7 thiên Nữ-giới và làm nổi sách Hán-thư. Sái-nữ là nàng Sái Diệm, con gái Sái Ung đời Hán, có văn-tài và hiểu âm-luật, làm ra 18 khúc hát Hồ-già.

dưới không có họ-hàng cứu-giúp, bấy giờ thì bác tinh thể nào ? Chi bằng đã trót đan-diu thì nên tìm đến gốc-tích của nhà, rồi hoặc ruộng bỏ, như Xương Lê với nàng Liễu Chi (1), hoặc đèo-bồng, như Lý Tĩnh với nàng Hồng-Phất (2), thế mới là kế vạn toàn được.

Trung Ngộ khen phải, rồi một hôm chàng bảo với nàng :

— Tôi vốn là một người viễn-khách, tinh-cờ kết mối lương-duyên ; nhưng đối với giai-nhân, cửa-nhà chưa rõ, tung-tích không tường, trong bụng rất lấy làm áy-náy.

Nàng nói :

— Nhà thiếp vốn không phải xa-xôi là mấy. Nhưng nghĩ chúng mình gặp-gỡ; chẳng qua là một cuộc riêng tấy. Chỗ e thuyền-quyên ghen-ghét, tai mắt nghi-ngờ, đánh vọt mà kinh uyên, đốt lan mà héo huệ. Cho nên thà mang sao mà đến, đội nguyệt mà về, khỏi để mối lo cho lang-quân đó thôi.

Song Trung Ngộ cố nài ; nàng cười mà rằng :

(1) Hàn Dũ là một nhà văn-hào, làm quan đời Đường được phong là Xương-lê-bá. Hàn có hai người nàng hầu là Giáng Đào và Liễu Chi. Khi Hàn đi sứ vắng, Liễu Chi bỏ trốn, người nhà đuổi theo bắt về được. Sau Hàn về, chỉ yêu-dấu Giáng Đào và ruộng bỏ Liễu Chi.

(2) Lý Tĩnh đời Đường vào thăm một vị đại-thần là Dương Tổ, Tổ có một ả nàng hầu tay cầm cái phất-trần đỏ (hồng phất) đứng hầu, đưa mắt nhìn Tĩnh. Tĩnh về nhà, chùng độ nửa đêm, có người mình mặt áo tía, đầu đội mũ đến gõ cửa. Tĩnh mở cửa mời vào, người ấy bỏ mũ ra thì là một mỹ-nhân. Hỏi thì nói : «Em là người cầm phất-trần đỏ ở nhà họ Dương đây mà, xin đem thân cát dâng nương bóng tưng-quân». Hai người bèn đưa nhau lên Thái-nguyên kết làm vợ chồng.

— Chỉ vì nhà thiếp xấu-xa, nên hồ-thẹn mà muốn giấu-giếm. Nhưng nay chàng đã cố muốn biết, vâng thì thiếp xin đưa về.

Rồi đó canh ba đêm hôm ấy, nhân lúc đêm đen trời tối, hai người cùng đi đến Đông-thôn. Khi đến một chỗ, chung quanh có bức hàng rào bằng giồng tre, thỉnh-thoảng chen lẫn vào vài khóm lau khô, trong có túp nhà tranh thấp nhỏ lụp-sụp, dây vối dây bìm leo đầy lên vách và lên mái, nàng trở bảo chàng rằng :

— Đây, nhà của thiếp đây, xin cứ đẩy cửa vào ngồi chơi, để thiếp đi kiếm cái lửa.

Trình cúi đầu qua dưới mái tranh, vào tạm ngồi ở chỗ bờ cửa. Thỉnh-thoảng có cơn gió thổi, chàng thoáng thấy một mùi tanh thối khó chịu. Đương kinh-ngạc không biết mùi gì, bỗng trong nhà đã có bóng đèn sáng. Chàng trông vào, thấy ở gian bên phía tả kê một chiếc giường mây nhỏ, trên giường để một cỗ áo quan sơn son, trên quan phủ một tấm the hồng, dùng ngân-sa để vào mấy chữ : « Linh-cữu của Nhị Khanh ». Chàng cứ có người con gái nặn bằng đất, tay ôm cây hồ-cầm đứng hầu.

Trung Ngộ thấy vậy, sồn gai dựng tóc, tất-tả nhảy choàng ra khỏi cái nhà ấy. Song chàng vừa chạy thì người con gái đã cản đường mà bảo :

— Chàng đã từ xa lại đây, quyết không có lý nào còn trở về nữa. Phương-chỉ trong bài thơ bữa nọ, thiếp chả đã từng lấy cái chết mà hẹn-hò nhau Xin sớm theo nhau đi, cho được thỏa nguyện đồng huyết. Năm vò-vỡ một mình như vậy, lẽ đâu nay thiếp lại để cho chàng về.

Nói rồi nàng sẵn lại nắm vạt áo chàng. Nhưng may vạt áo cũ bỏ, chàng giật rách mà chạy được thoát ; về đến cầu Liễu-khé, hầu như kẻ mất hồn không nói được nữa.

Sáng hôm sau, nhân đến Đông-thôn hỏi thăm,

quả có người cháu gái của ông cụ Hối, lên 20 tuổi, chết đã nửa năm, hiện quán ở ngoài đồng ngay bên cạnh làng. Từ đấy Trung Ngộ sinh ra ốm nặng. Mà Nhị Khanh cũng thường qua lại, có lúc đến bên cửa sổ nói thi-thào. Trung Ngộ cũng vẫn thường ứng-đáp với nàng và muốn vùng dậy đi theo. Người trong thuyền phải lấy dây thừng trói lại thi chàng mắng :

— Chỗ vợ ta ở, có lâu-dài lộng-lẫy, có hương hoa ngạt-ngào, ta phải đi theo chứ không thể lẫn-quần trong chốn bụi hồng này được ; dự gì đến các người mà dám đem dây thừng buộc ta thế này ?

Một đêm người trong thuyền ngủ say, đèn sáng thức dậy thì thấy mất Trung Ngộ. Họ vội đến Đông-thôn tìm thấy chàng đã nằm ôm quan-tài mà chết, bèn phải thu-liệm chôn ngay ở đấy. Từ đó về sau, phàm những đêm tối trời, người ta thường thấy hai người dắt tay nhau đi đôi, khi thì hát, khi thì khóc ; thường bắt người ta phải khấn-cầu lễ-bái, hễ hơi khổng được như ý thì làm tai làm vạ. Người làng đấy không thể chịu được mọi nỗi khổ-hại, họ bèn đào mả phá quan-tài chàng, rồi cùng cả hải-cốt của nàng, vớt bỏ xuống sông cho trôi theo dòng nước.

Trên bờ sông ấy có một cái chùa, chùa có cây gạo rất cổ, tương-truyền là đã sống được hơn trăm năm. Linh-hồn của hai người bèn nương-tựa vào cây gạo ấy làm yêu làm quái, hễ ai động đến cành lá cây gạo thì dao gãy riu mẻ, không thể nào đẵn phạt được.

Trong năm Canh-ngọ (1330) niên-hiệu Khai-hựu nhà Trần, có vị đạo-phán một đêm vào năm ngủ trong cái chùa ấy. Giữa lúc sông quanh trăng mờ, bốn bề im-lặng, đạo-nhân thấy một đôi trai gái thân-thể lỏa-lồ mà cùng nhau cười đùa nô-giỡn, một lát, đến gõ thỉnh-thình mà gọi hỏi trong chùa. Đạo-nhân cho là đôi trai-gái lẳng-lơ đêm

trăng dắt nhau đi chơi, khinh-bĩ cái phẩm-cách của họ, nên cứ đóng cửa nằm im, không thèm đánh tiếng. Sáng hôm sau, đạo-nhân đem sự trông thấy thuật chuyện với một ông già ở trong thôn và phân-nàn là sao dân phong đời-tệ như vậy. Ông già nói.

— Ngài không biết, đó là giống yêu-quỷ, chúng ẩn ở trên cây gạo đã mấy năm nay ; ước sao có thanh kiếm trừ tà, để trừ cho dân chúng tôi đây giống yêu-quỷ ấy.

Đạo-nhân trầm-ngâm một lúc lâu rồi nói :

— Ta vốn lấy việc cứu giúp mọi người làm nhiệm-vụ ; nay cái việc mắt ta trông thấy, nếu chẳng đem pháp-thủ ra thì tức là thấy người chết đuối mà không cứu-vớt.

Rồi đạo-nhân vời họp người làng, lập một đàn-tràng cúng-tế, viết ba đạo bùa, một đạo đóng vào cây gạo, một đạo thả chim xuống sông, còn một đạo đốt ở giữa trời ; đoạn, quát to lên rằng :

« Những tên âm-quỷ, càn-dữ đã lâu, nhờ các thần-linh, trừ loài nhơ-bẩn, phép không chậm-trễ, hỏa tốc phụng-hành.»

Một lúc, mây gió nổi lên ùng-ùng, người đứng cách mấy thước không trông thấy nhau, dưới sông thì sóng tung cuộn-cuộn, vang trời động đất. Sau một hồi, gió lặng mây quang, thấy cây gạo đã bị nhổ bật, cành cây gãy nát và bị tước như tước đay vậy, kể nghe thấy trong không có tiếng roi-vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên trông, có 6, 7 trăm linh đầu trâu, gông trói hai người mà dẫn đi.

Người làng đem rất nhiều tiền-của để tạ ơn vị đạo-nhân, nhưng đạo-nhân phất áo đi vào non sâu, không lấy một tý gì cả.

Lời bình

Than ôi, cái giống ma-quỷ, tuy từ xưa không

phải cái nạn đáng lo cho người thiên-hạ, nhưng kẻ thất-phu đa dục thì thường khi mắc phải. Trung Ngộ là một gã lái buôn không có tri-thức, không đủ trách vậy. Vị đạo-nhân kia vì người trừ hại, công-đức lớn-lao; nhà bình-luận công-bằng sau này, phải nên biết đến. Không nên lấy cơ huyền-thuật mà cho là chuyện nhảm, bảo rằng dị-doan mà dim mắt cái hay, ngộ hầu mới hợp cái ý-nghĩa người quân-tử trung-hậu đối với người khác.

CHUYỆN GÃ TRÀ - ĐỒNG

GIÁNG SINH

DƯƠNG ĐỨC CÔNG tên là Tạc, người phủ Thường-tín xứ Sơn-nam, về triều vua Huệ-tôn nhà Lý, ông làm quan coi việc hình-án ở trấn Tuyên-quang, xét rõ mọi điều oan-khuất, khiến các án-vụ đều được rất công-bằng. Vì sự nhân-từ phúc-hậu, người thời bấy giờ đều gọi là Đức Công. Năm 50 tuổi, Đức Công vẫn không có con trai, chợt bị ốm nặng rồi chết, hồi lâu lại tỉnh, bảo với mọi người rằng :

— Ta vừa đến một chỗ thành mực vách sắt, toan bước chân vào thì có một viên-chức ngăn lại. Viên ấy dẫn ta đi sang phía hữu, thấy có những cửa đỏ biếc sơn. vén áo đi vào cửa này thì thấy san-sát những tòa rộng dầy dài, có đến hơn trăm người thất đai đứng hầu sau trước. Giữa có hai vị mặc áo bào tia ngồi đối-diện nhau ở bên một cái án, đưa mắt cho viên-chức kia bảo lấy sổ sơn của họ Dương ra xem, một lát hai vị cùng nhìn nhau bảo rằng :

— Dương-gian thật không có người nào được thế, cứ sống cho mọi người nhiều lắm. Chỉ tiếc hưởng tuổi không dài và dòng sau không người nối-dõi. Người như thế mà không biểu-dương thì

làm sao khuyến-khích cho kẻ khác được; ta sẽ phải tâu lên Thượng-dế.

Bèn truyền cho Đức Công hăng xuống tạm nghỉ ở cái hành-lang phía đông. Chừng độ nửa ngày, hai vị ấy lại sai dẫn Đức Công vào, bảo rằng :

— Nhà người ngày thường vốn có tiếng là người lương-thiện. Thượng-dế khen-ngợi, ban cho một người con trai tốt và cho sống lâu thêm hai kỷ (1) nữa. Nèn mau về đi mà cố-gắng làm điều Am-đức, đừng bảo là trên cõi mình-minh không biết gì đến.

Đoạn sai viên-chức kia dẫn về. Khi ra khỏi cửa, Dương hỏi rằng :

— Chẳng hay đây là dinh tòa nào ? Ai là chủ-trương và coi giữ về công-việc gì ?

Viên-chức ấy nói :

— Đây là một tòa trong 24 tòa ở Phong-dò ; phạm người mới chết đều phải qua cả. Người nào tên ghi ở sổ son, may ra còn có khi sống mà về được, chứ đã tên ghi sổ mực thì chẳng còn mong gì. Nếu ông không phải người xưa nay hết lòng làm thiện thì cũng khó bề thoát được.

Bèn cùng nhau chia tay từ-biệt, rồi ông bưng tỉnh như một giấc chiêm-bao.

Bà vợ cũng nói là đêm qua lúc cuối canh một, có ngôi sao nhỏ rơi vào lòng, lòng bỗng thấy rung-động. Rồi bà có mang, đầy năm sinh ra được một cậu con trai, đặt tên cho là Thiên Tích. Tính Thiên Tích thích uống trà lã, thường tự vi mình như Lư Đồng, Lục Vũ (2) đời xưa. Song thiên-tri cao-mại, học-vấn rộng-rãi, phạm sách-vở văn-chương cổ kim, không cái gì là không thiệp-liệp. Đức Công mừng mà rằng :

(1) Mười hai năm là một kỷ.

(2) Hai người nghiện chè đời xưa.

— Thế là ta có dòng giống rồi !

Bèn chuyên đem những nghĩa-lý chân-chính dạy con. Sau đó 24 năm thì rồi ông vô bệnh mà mất ; Thiên Tích thương-xót rất mực, xa gần ai nấy đều cảm-động.

Khi đã hết tang, Thiên Tích sớm hôm học-hành, không hề trễ-biếng. Nhưng gia-cảnh nghèo-nàn, ăn tiêu không đủ. Thường tìm những nhà có con gái xin vào ở rề, nhưng chẳng ai nhận cả. Láng-giềng hàng-xóm, họ thấy nghèo thường đem lòng khinh. Chàng than rằng :

— Cha ta thuở trước cứu sống được cho hàng nghìn người, mà rút lại không cứu sống được một đứa con. Làm thiện như thế phỏng có ích gì !

Nói chưa dứt lời, bỗng thấy một người áo mũ chững-chạc, tự xưng là quan đại-phu họ Thạch, đến vái chào mà rằng :

— Ngày xưa tôi từng được chịu ơn dày của Dương-công, không biết lấy gì đền-báo. Có đứa con gái là Hán Anh, vậy xin hiến cậu đề hầu-hạ chẵn-gối. Cậu nên tự bảo-trọng lấy mình, đừng vì cơ nghèo mà để tiêu-mòn mất trí-lự

Nói xong chợt biến đi đặng nào mất. Thiên Tích rất lấy làm quái lạ, bèn ghi-nhớ lấy những lời nói ấy. Nhân nghe ở huyện Tiên-du có Trần tiên-sinh dạy học trò đến mấy trăm người, bèn cấp sách đến theo học, ở ngụ tại một nhà trong xóm Thanh-lân. Xóm ấy có một nhà giàu-có họ Hàng, thấy sinh mặt-mũi khôi-ngô, văn-chương thông-thái, có cái ý muốn kén vào ngôi đông sàng. Người chồng bảo vợ rằng :

— Nhà ta mấy đời lấy nghề buôn bán mà khởi-gia, hiện tiền-của chẳng thiếu gì, chỉ thiếu có người rề tốt. Nay có Dương-sinh ở trọ bên láng-giềng, thật là một tay hào-kiệt ở Nam-châu ; vả xem tướng-mạo, sau này chắc có thể làm nên. Con bé nhà ta tuổi cũng lớn rồi ; mỗi duyên trao tơ, ngoài đám ấy thì còn đám nào hơn nữa !

Vợ cũng bằng lòng. Họ Hoàng bèn đón Dương sinh đến làm rể, phạm những phi-tôn về lễ-lan khách-khứa, hết thấy đều tự bỏ ra cả. Sinh rất mừng-rỡ và sung-sướng. Nhưng thường trong lúc vắng-vẽ, sinh hay ngồi ngẩn ra nghĩ-ngẫm, gấp sách lại thở dài. Người vợ một khi bắt gặp, nhân hỏi-han duyên-cớ. Sinh nói :

— Ngày xưa tôi thấy có vị thần hiện lên, bảo tôi sẽ lấy người vợ họ Thạch tên là Hán Anh. Nay tôi may-mắn được vào làm rể chốn cao-môn. Như thế là lời thần bảo về việc ấy không đúng; vậy chắc việc thành-đạt sau này cũng không đúng nốt, vì thế cho nên tôi không khỏi bận lòng.

Người vợ nghe nói giàn-giụa nước mắt mà rằng :

— Đó tất là cha thiếp đấy. Thiếp thuở nhỏ tên là Hán Anh, cha thiếp họ Thạch tên là Mang, làm quan Thú ở Tuyên-quang, bị quan trên vu-hãm, cả nhà phải bắt rồi chết ở trong ngục. Bấy giờ thiếp đương còn trẻ-dại, nghe nói có ông Dương Đức Công thương là vô tội, hết sức chống-cự với những viên quan khác, rồi tha cho thiếp được ra khỏi ngục tù. Tấm thân hèn yếu, may được sống còn, nghiêm-đường ở đây thương-hại, mới nuôi làm con nuôi. Thiếp nương tổ-tò-vò đã mười năm nay, thực thì vốn là con của quan đại-phu họ Thạch.

Sinh kinh-ngạc nói :

— Thế thì tôi chính là con của Đức Công. Mới biết xưa nay vợ chồng, chẳng ai là không bởi-túc-duyên ; ai dám bảo lá thắm chỉ hồng là những câu chuyện hão !

Sinh thấy mối nhân-duyên lạ-lùng, tình-ái vợ chồng càng thêm thắm-thiết. Vì trong đã có chỗ nương-thân, ngoài không phải lo hồ-khẩu, nên sinh được thảnh-thơi để chí về đường văn-học, rồi đi thi hai khoa đều đỗ. Ban đầu sinh lĩnh một

giáo-chức ở kinh, sau thăng lên Đê-hình, trải hai-mươi năm, làm nên đến một vị quan lớn. Ông là người thờ vua thì trung, giữ mình thì liêm, trải thờ hai triều, chốn miếu-đường lấy làm ỷ-trọng. Song vì lúc bé nghèo-nàn, lắm người khinh-mạn, rồi ân bằng cái tơ, oán bằng cái tóc, ông đều nhất nhất báo-phục cả, đó là chỗ kém mà thôi. Một lần ông lập một đàn-tràng làm lễ kỳ-yên, đón đến hàng trăm vị đạo-sĩ mũ cao áo rộng cúng-vái linh-đình. Kế rồi có một vị đạo-sĩ áo rách giầy nát thất-thêu đi đến. Người coi cổng không cho vào, nhưng đạo-sĩ cố nài mãi. Người coi cổng vào bầm thì ông quát mắng sai đuổi ra. Đạo-sĩ vừa đi vừa phất-nàn :

— Cỗ-nhân tim cỗ-nhân, không ngờ cỗ-nhân lại bạc tình như vậy. Cái nạn Ô-tôn sau này, xin đừng phiền bận đến nhau thôi, và đừng trách cỗ-nhân là phụ cỗ-nhân.

Ông nghe nói, sai người đuổi theo mời lại, xuống thêm đón tiếp. Ngồi chơi xong, đạo-nhân nói :

— Tương-công ngày nay quan ngồi miếu-diện, đất dựng lầu-đài, đi có lính dẹp đường, ở có chuông giữ gác (1), phú-quí ở nhân-gian đã đến cùng-cực, không còn nhớ gì đến thú vui ở chốn Tử-vi xưa ư?

Ông nói :

— Thú vui ở Tử-vi thế nào tôi chưa được rõ.

Đạo-nhân nói :

— Ông bị sống đục vui-lấp đến nỗi mê-man thế, vậy tôi xin kể ông nghe. Khi xưa ông vốn là một gã trà-dồng của đức Thượng-đế mà tôi thì là kẻ tửu-lại ở chốn tinh-tào (2) hằng ngày châu-chực

(1) Dương Hồ đời Tấn làm Đô-đốc Kinh-châu, trong gác đặt quả chuông rung để phòng-ngừa sự cảnh-cấp.

(2) Tửu-lại là một viên-chức coi kho rượu ; tinh-tào là dinh tòa của các vị sao.

ở cung Tử-vi, vẫn cùng nhau thân-cận. Một hôm, Thượng-đế bãi triều, bảo với quần-tiên rằng : « Các ngươi ai bằng lòng xuống chơi xem hạ-giới, lĩnh chức tề-tướng hơn mười năm ? ». Quần-tiên đều trông nhau chưa ai nói gì thì ông vui-vẻ vâng lời. Thượng-đế phán : « Ừ đi đi. Thú vui ở nhân-gian chẳng kém gì ở Thiên-tào, đừng nên cho chốn trần-hoàn là chật hẹp ». Bấy giờ tôi đứng chầu một bên, cho nên được biết rõ lắm.

Nói rồi đạo-nhân đưa cho Dương Thiên Tích một hạt linh-dan. Dương uống xong thì thấy tâm-hồn tỉnh sáng, dần dần nhớ ra hết những việc kiếp trước. Rồi ông nói :

— Lai-lich của tôi, tôi đã được nghe qua. Còn ông, sao ông lại ở dưới đời này ?

Đạo-nhân nói :

— Tính tôi tềnh-toàng, lại hay uống rượu, nên Thượng-đế ngài quở-phạt và đày xuống trần đã gần được ba kỷ nay rồi. Nay kỳ đày đã mãn, lại bỏ vào chức cũ ở chốn tinh-tào ; vì cùng ông có tình cố-cựu, nên đến qua thăm một chút.

Ông Dương lại hỏi về câu chuyện Ô-tôn. Đạo-nhân buồn-rầu không vui, bảo đuổi tất cả mọi người ra rồi nói :

— Sau 5 năm nữa, ông có việc đi bề, tôi e bấy giờ sẽ gặp một tai-nạn rất lớn.

Ông Dương hỏi vì tội-lỗi gì mà gặp phải tai-nạn. Đạo-nhân nói :

— Ông làm Tề-tướng, kẻ thì không có lầm-lỗi gì. Chỉ có rằng tại chức lâu ngày, hay yêu người này ghét kẻ khác. Nay thì sự thù-oán đã sâu-cay lắm, hồn oan đã đầy-dẫy ở ngoài đường rồi.

Ông nói :

— Vậy thì muốn tránh vạ nên như thế nào ?

Đạo-nhân nói :

— Không ngại. Tôi vốn tên là Quân Phòng.

Nếu khi cần kíp, ông cứ đốt một nén hương rồi gọi tên tôi, tôi sẽ đến cứu giúp.

Đêm hôm ấy hai người cùng ngủ. Ông Dương nói :

— Ông đã là chỗ tương-tri, có điều gì hay để dạy bảo tôi chăng ?

Đạo-nhân nói :

— Nay đức là nền từ-thiện, của là kho tranh-giành. Tích đức như mầm non rỏ một giọt nước, sẽ nảy-nở lên, tích của như lửa đỏ gieo một khối băng, sẽ tàn-lụi xuống. Hưởng chi không vun mà lớn là mầm thiện-ác, không giữ mà đầy là cơ phúc-họa, cái tình-hình ý-phục trong đó thật là đáng sợ. Ông nên trân-trọng, cố gắng mà làm những điều nhân.

Ông Dương nói :

— Tôi nghe đạo trời công-minh như cái cân cái gương, có thần-minh để ghi dấu-vết, có tạo-hóa để giữ công-băng ; gương tất soi-suốt mà không riêng, lưới tuy thưa-thớt mà không lọt. Phép thật chí nghiêm mà chí mật, người nên không oán cũng không hờn. Có sao những sự khuyển-răn lại thấy lắm điều lộn-xộn. Làm sự lợi vật chưa nghe thấy được phúc ; làm sự hại nhân, chưa nghe thấy mắc nạn. Kẻ nghèo có chí cũng thành không ; người có muốn gì cũng được nấy. Có người chăm học mà suốt đời không đỗ ; có nhà xa-hoa mà lũy-thế vẫn giàu. Ai bảo rằng trao mệnh giả quýnh, thế mà vẫn trồng dưa được đậu. Đó là những sự mà tôi rất nghi-ngờ không hiểu.

Đạo-nhân nói :

— Không phải như thế. Thiện ác tuy nhỏ cũng rõ-rệt, báo-ứng dù chậm nhưng lớn-lao. Âm-công khi rõ-ràng ra, phải đợi quả thiện được tròn-trần, dương-phúc khi tiêu-tán mất, phải chờ mầm ác đã cao-dài. Có khi sắp đuổi mà tạm co, có khi muốn dè mà thử nống. Có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội-

khien kiếp trước, bất-nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu-xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không nên lập-luận một bề và xem trời một mặt.

Đạo-nhân nói như vậy đến mấy nghìn lời, đều ngụ cái ý khuyên-răn cả. Ông Dương rất vui-vẻ nghe theo.

Sáng hôm sau, trong lúc lâm-biệt, ông đem 10 đĩnh vàng tốt để tiễn chân. Đạo-nhân cười mà rằng :

— Hà tất như thế để làm gì ! Tôi chỉ khuyên ông cố làm điều lành, để tội khỏi trở lại gặp ông lần nữa, đó tức là ông đã cho cố-nhân nhiều lắm.

Sau ông Dương Thiên Tích quả vì tâu việc làm trái ý vua, bị vua đày đuổi vào Nam. Khi đi qua cửa Khẩu-hải (ở huyện Kỳ-anh tỉnh Hà-tĩnh), đương giữa ban ngày sáng-sủa, bỗng một đám mây đen kéo lên, gió nam nổi dậy ầm-ầm, từng đợt sóng nổi lên như núi. Chợt có hàng trăm giống ma-quái ở đâu kéo đến cùng hô-reo lên rằng :

— « Kẻ thù của chúng ta đã đến đây rồi ! Hôm nay chúng ta được cam lòng với hẳn ».

Rồi kẻ vit cuối thuyền, kẻ leo đầu thuyền, thuyền chòng-chành mấy lần xuyt lật sắp xuống. Ông Dương vội hỏi người lái thuyền đây là nơi nào thì y nói là đất Ô-tôn. Ông mới sợ nhớ đến lời Đạo-nhân, bèn theo như cách đã dặn mà gọi tên ông ta. Thoắt chốc, quả thấy một cỗ xe mây bay đến, đứng dừng lại ở trên không, hai bên có ngọc-nữ tiên-dồng châu-hầu rất nghiêm-túc. Đạo-nhân gọi với lũ quỷ mà bảo rằng :

— Lũ mày dẫm-duối, nghiệp-chương nặng-nề, thuở sống đã phạm vào diên-chương, lúc chết lại gây thêm tội-nghiệt, oan-oan nối tiếp biết thuở nào thôi ! Sao không rửa ruột đổi lòng, quay về đường chính. Ta sẽ tâu lên Thượng-đế, tẩy hết những oan-hồn đi cho.

Chúng quý nghe nói đều sung-sướng nhảy-nhót rồi trong chốc lát tan-giãn đi cả.

Ông Dương khẩn-khoản khuyên mời xe tiên giáng xuống để được hỏi-han mọi việc sau, nhưng trong thoắt chốc đã không thấy gì nữa.

Rồi đó gió êm sóng lặng, thuyền đi được chót-lọt đến bờ. Dương bèn từ-giã vợ con rồi không biết đi đường nào mất. Sau có người gặp Dương ở núi Đông-thành, người ta ngờ là đã đắc đạo thành tiên.

Lời bình

Than ôi, làm thiện ở người, giáng phúc cho người thiện ở trời, sự cảm-ứng ở giữa khoảng trời và người, thật là sâu mờ vậy thay !

Đức-công là một viên quan xử án, chỉ vì hay xét rõ được nỗi oan-uổng cho người, mà sự dương báo của trời, đã bảo rõ cho ở trong cơn mê-mệt. Huống chi người làm chức tể-tướng cầm quyền thiên-hạ, giúp đấng Thiên-tử sửa-trị âm-dương, giữ lòng cho ngay để róng-rả mọi người, suy rộng ra mà làm những chính-trị tốt, khiến trong khoảng trời đất, không một vật gì là không đắc-sở, thì trời ban phúc cho còn đến thế nào.

Đến như việc của Thiên Tích, có lẽ chỉ là cái vết của hòn ngọc bạch-khuê. Nhưng dù là cái vết, giá mài bỏ được đi thì càng tốt lắm. Ta mong những người làm quan nên biết cố-gắng và nên biết soi gương.

CHUYỆN KỶ-NGÔ Ở TRẠI TÂY

HÀ NHÂN, người học-trò quê ở Thiên-trường (nay là phủ Xuân-trường thuộc tỉnh Nam-định), khoảng năm Thiệu-bình ngụ ở Kinh-sư đề tông học trường cụ Ưc-trai (Nguyễn Trãi).

Mỗi buổi đi học, đường tắt phải qua phường Khúc-giang. Trong phường có cái trại, gọi là trại Tây, dinh cơ cũ của quan Thái-sư triều Trần. Ngày ngày đi qua, sinh thường thấy hai người con gái đứng ở bên trong bức tường đồ nhi-nhoễn cười đùa, hoặc hái những quả ngon, bẻ bông hoa đẹp mà ném cho sinh nữa. Lâu lâu như thế, sinh không làm ngơ được. Một hôm, mới đứng lại trò chuyện lán-lá. Hai người con gái tươi-cười bảo :

— Chúng em một người họ Liễu, tên gọi Nhu-nương, một người họ Đào, tên gọi Hồng-nương, nguyên là những tỷ-thiếp của quan Thái-sư. Từ ngày quan Thái-sư qua đời, chúng em vẫn phòng-thu khóa kín. Nay gặp tiết xuân tươi-đẹp, chúng em muốn làm những bông hoa hương dương, để khỏi hoài-phi mắt xuân quang.

Sinh rủ-ré hai ả đến chơi chỗ trọ của mình, chuyện-trò dăm-thăm, chàng lả-lơi cợt-gheo, hai ả thẹn-thò nói rằng :

— Chúng em việc xuân chưa trải, nhụy thắm còn phong, chỉ e mưa-gió nặng-nề, hoặc không

kham nổi cho những tấm thân hoa mềm-yếu.

Sinh khuyên-lơn dịu-ngọt rồi cùng tắt đèn đi
nằm. Lửa đượm hương nồng, ân-ái mười phần
thỏa-nguyện. Trong lúc gối êm chăn ấm, sinh bảo
hai nàng cùng làm thơ ngâm chơi. Nàng Liễu
ngâm trước :

麝塵涼汗濕羅衣
Xạ trần, lang hãn thấp la y
翠黛輕顰八字眉
Thúy đại khinh tần bát tự mi
報道東風寬羣身綠
Báo đạo đông - phong khoan đả lục
纖腰擺亂不勝吹
Tiêm yêu bãi loạn bất thắng xuy

Dịch :

Màu hôi dâm dấp áo là,
Mây xanh như nét tà-tà như chau.
Gió xuân xin nhẹ-nhàng nhau,
Thân non mềm chịu được đâu phủ-phàng.

Nàng Đào cũng tục ngâm :

天高禁御漏聲遲
Thiên cao cấm ngự lậu thanh trì,
燈擁銀缸出絳帷
Đăng ủng ngân giăng xuất giăng duy.
分付才郎攀折去
Phân phó tài lang phan triết khứ,
新紅認取小桃枝
Tân hồng nhận thủ liễu đào chi.

Dịch :

Cung sáu thừa dầm giọt rờng,
Ngọn đèn soi tỏ trướng hồng lung-linh.
Tài-lang mặt sức vin cành,
Đào non nhận lấy những nhánh thắm-tươi.

Sinh vỗ tay cả cười mà rằng :

— Tình-trạng trong chốn buồng xuân, tả đến như thế thì thật là diệu tuyệt. Lời hoa ý gắm, tôi khó lòng theo kịp hai nàng.

Sinh bèn lại tục ngâm :

倦掩書齋客夢慵,
Quyện yếm thư-trai khách mộng dung,
 誤隨雲雨到巫峯,
Ngộ tùy vân vũ đáo Vu-phong.
 交飛蝶弄參差白,
Giao-phỉ điệp lộng sâm-si bạch,
 連蒂花開次第紅,
Liên-đế hoa khai thứ đệ hồng.
 並宿任教鶯上下,
Tịnh túc nhiệm giao oanh thương há,
 分流忍禁水西東,
Phân lưu nhẫn cấm thủy tây-đông.
 絕憐均是風流種,
Tuyệt liên quán thị phong-lưu chủng,
 興到風流自不同,
Hưng đáo phong-lưu tự bất đồng.

Dịch :

Quê khách buồng văn giấc lạnh-lùng,
 Mây mưa bỗng lạc tới Vu-phong.
 Đua bay bướm giỡn so-le trắng,
 Liền cuống hoa phở rục-rỡ hồng.
 Một ổ thỏa thuê oanh ăm-áp,
 Đôi dòng san-xẻ nước tây-đông.
 Hữu tình cùng giống phong-lưu cả,
 Mỗi vẻ nhưng riêng thù đượm nồng.

Từ đó về sau, hai nàng cứ sớm đi tối đến, ngày nào cũng giống ngày nào. Sinh cho là sự kỳ-ngộ

của đời mình, so với chuyện xưa, có thể sánh với Bùi Hằng và vượt hơn Tăng Nhụ (1).

Một buổi tối mưa dầm gió bắc, nhưng hai nàng vẫn đứng hẹn đến, khẽ bảo sinh rằng :

— Chúng em sợ lỗi hẹn nên phải cố đến, nhưng thân như cái én, có chịu nổi rét mướt đâu.

Sinh bèn kéo Liễu vào lòng mà ấp-ủ, đùa bảo rằng :

— Về kiều-diễm của em Liễu thật là tốt bậc, có thể xứng đáng với một câu thơ cổ : « *Mỹ-nhan nhan sắc đẹp như hoa* ».

Đào lặng-lẽ cúi đầu, có dáng hồ-thẹn, rồi từ đây luôn trong mấy hôm không đến.

Sinh hỏi Liễu :

— Em Đào mấy hôm nay có được khỏe không ?

Liễu nói :

— Chị ấy vẫn khỏe chứ có làm sao đâu. Chỉ vì hôm nọ chàng khen em đẹp mà không nói gì

(1) Bùi Hằng đời Đường đi thi trượt trở về, đến trạm Lam-kiều khát nước, vào một nhà gần đó xin uống. Trong nhà có bà cụ già gọi một cô gái tên là Vân Anh bưng nước ra cho. Thấy Vân Anh nhan-sắc tuyệt-đẹp, Bùi Hằng xin lấy làm vợ. Bà già đòi phải đem bộ chày cối ngọc để già một viên thuốc tiên thì sẽ gả cho. Sau Hằng quả đi kiếm được chày cối ngọc đem đến rồi được lấy người con gái ấy. Té ra người con gái là một nàng tiên. Vợ chồng đưa nhau vào ở trong động Ngọc-phong, đều thành tiên cả (Thượng hữu lục).— Ngưu Tăng Nhụ cũng người đời Đường, đi thi trượt về, đến dưới núi Minh-cao, trời tối lạc đường. Một lúc có bóng trăng lên, thoáng thấy mùi hương lạ. Xa trông một chỗ có bóng đèn, tìm đến, thấy một tòa cung-đền rực-rỡ, thì là miếu của bà Thái-hậu họ Bạc đời Hán. Bà Bạc-hậu hiện lên mời đón, rồi lại họp cả các bạn như Thích phu-nhân, Chiêu-quân, Thái-chân, Phan-phí v. v. để cùng làm thơ, Tăng Nhụ cũng làm một bài (Thượng hữu lục).

đến chị ấy, nên chị ấy xấu-hổ không dám đến nữa.

Nhân đưa bài thơ của Đào gửi cho sinh :

晴霞骨格雪精神
 Tinh hà cốt cách tuyết tinh-thần,
 露蕊煙條兩樣新
 Lô-nhị yên điều lưỡng dạng tân.
 可恨東皇私著意
 Khả hận Đông-hoàng tư trước ý,
 一枝憔悴一枝春
 Nhất chi tiêu-tụy nhất chi xuân,

Dịch :

Băng sương cốt-cách, tuyết tinh-thần,
 Nhị mơn ngành mềm đã xúng cân.
 Khả trách Đông-hoàng thiên-vị lẫm,
 Một cành bỏ héo một cành xuân,

Sinh đọc xong buồn-rầu lúc lâu, nhân làm bài thơ họa theo vần trên để đáp lại :

相思一段一勞神
 Tương-tư nhất đoạn nhất lao thần,
 底事纔成別恨新
 Đê sự tài thành biệt hận tân.
 憑仗風姨煩寄語
 Bằng trượng phong di phiến ký ngữ,
 爲誰憔悴爲誰春
 Vị thùi tiêu-tụy ? vị thùi xuân ?

Dịch :

Tương-tư nặng gánh khổ tâm-thần,
 Ân-ái chưa hề lẹch cân cân.
 Di gió, nhờ đem tin nhắn-nhủ :
 Hoa nào bỏ héo ? lá nào xuân ?

Đào được thơ, từ đấy mới đi lại như trước.
 Gặp đêm nguyên-tiêu (rằm tháng giêng), người ở

kinh-thành kéo nhau đi chơi vui râm-rập. Hai nàng mời sinh :

— Nhà chúng em chẳng xa-xăm gì mà chàng chưa hề bước chân đến, thật là đáng trách. Nay gặp lệnh-tiết, chúng em muốn mời chàng quá bộ lại chơi.

Sinh vui-vẻ bằng lòng đi ngay.

Khi đến trại Tây, qua mấy lần rào, quanh một đoạn tường, đi ước mấy chục trượng thì đến một cái ao sen ; hết ao thì là một khu vườn, cây cối xanh tươi, mùi hoa thơm ngát, nhưng ở dưới bóng đêm lơ-mờ, không nhận rõ được cây gì cả.

Hai nàng nhìn nhau nói :

— Nhà chúng ta chạt-chội túi-mùi, chỉ bằng bày tiệc vui ngay ở trong vườn.

Rồi đó rải chiếu giát trúc, đốt đèn nhựa thông, bóc bánh lá hèm, rót rượu hạt hạnh, các món ăn trong tiệc đều là những món quý-trọng cả. Kế rồi thấy những mỹ-nhân tự xưng là họ Vi, họ Lý, họ Mai, họ Dương, này chị họ Kim, kia cô họ Thạch lục-tục đến mừng và dự tiệc. Trời gần sáng, mọi người giải-tán, hai nàng cũng đưa sinh ra đến ngoài tường. Sinh về đến thư-phòng thì mặt trời đã đông đã rạng.

Sau đó vài tháng, sinh tiếp được tin nhà già đến kinh-dô, nói cha mẹ ở nhà đã hỏi vợ cho, giục sinh nên về mau để làm lễ cưới. Sinh bối-rối quanh-co, lòng rất không nỡ, hai nàng đoán biết được tình ý, bảo sinh rằng :

— Bọn chúng em thân bồ vóc liễu, không thể cang-dáng được việc tần-tảo ở gia-đình. Vả ngồi chủ-phụ trong nhà, tất phải là người trong nền-nếp trăm-anh, chúng em đâu dám chời-mời đến. Chỉ mong chàng sau buổi về quê, tình cũ sẽ vẫn-vương không dứt, sớm đẹp lòng quyến-luyến hương-thổ để lại tình kẻ tìm hoa, sẽ xem cây liễu Hàn-Hoành, vẫn chờ đợi với những cành dài ngày

xưa (1), cây đào Thôi-Hộ, vẫn chào đón với những hoa cười năm ngoái (2). Xin chàng lưu ý, đừng vìấp-yêu duyên mới mà phai nhạt tình cũ, khiến chúng em thành những bông hoa vô chủ ở Giang-nam.

Nói rồi cũng nâng chén tiễn-biệt và mỗi người đọc một bài ca. Nàng Liễu ca trước rằng :

帝城東邊蕃草萊
Để thành đông biên phần thảo lai,

(1) Hàn Hoàn 韓宏 là một thi-sĩ đời Đường, làm quan về đời vua Đức-tôn. Thuở hàn-vi, có người hiệp-sĩ là Lý-sinh đem người vợ lẽ yêu và đẹp là Liễu-thị tặng cho, lại giúp cho một số tiền lớn. Sau gặp loạn, vợ chồng tán-tác mỗi người một nơi. Liễu-thị muốn giữ trọn tiết với Hoàn, cắt tóc đi tu ở chùa Pháp-linh. Khi hết loạn, Hoàn thuê người đi tìm Liễu, có bài thơ rằng : « *Chương-dài-liễu ! Chương-dài-liễu ! Tích nhật thanh thanh kim tại phủ ? Túng sử trường điều tự cự thù, dã ưng phan triết tha nhân thú.* ». Nghĩa là: Chương-dài-liễu xanh xanh ngày trước, nay còn chẳng tha-thướt về oai ? Ví còn tha-thướt cành dài, bẻ vin chắc đã tay ai khỏi nào ! Liễu được thơ, cũng làm một bài trả lời. Sau hai người lại đoàn-viên (xem Tình-sử).

(2) Thôi Hộ đời Đường, ngày thanh-minh đi chơi, khát nước vào một nhà xin uống, thấy một người con gái đem chén nước ra cho rồi đứng dựa cây đào nhìn mình chăm-chú. Thôi đi rồi bằng một năm, năm sau cũng ngày thanh-minh lại đến nhà ấy thì thấy đóng cửa. Chàng để một bài thơ vào cửa như sau : « *Khứ niên môn nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng. Nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu đông phong.* ». Nghĩa là : Bữa này năm ngoái chốn qua chơi, mặt ngọc hoa đào óng-ánh tươi. Mặt ngọc ngày nay đâu vắng tá ? Hoa đào năm ngoái vẫn còn cười. Người con gái xem thơ, nhớ thương rồi ốm chết. Chợt Thôi Hộ đến, nghe tiếng khóc chạy vào ôm thây mà khóc. Người con gái bỗng hồi tỉnh rồi sống lại. Ông bố bèn đem cô con gái gả cho Thôi Hộ (Tình-sử).

破屋歎閒曲江曲
 Phá ốc sỗ gian Khúc-giang khúc,
 銀篦綵盤事梳粧
 Ngân tỷ thái lộc sự sơ trang,
 霧閣雲牕苦幽獨
 Vụ các vân song khổ u độc,
 粵從二八惜芳容
 Việt tông nhị bát tích phương dung.
 蝶使蜂媒未肯通
 Điệp sứ phong môi vị khứng thông,
 晝日對依紅杏塢
 Tận nhật đối y hồng hạnh ồ,
 窺春羞問少年叢
 Khuy xuân tu vấn thiếu-niên tùng.
 挾書何處佳公子
 Hiệp thư hà xứ giai công-tử,
 學博才奮貫經史
 Học bác tài xa quán kinh sử.
 草草牆頭一見間
 Thảo thảo tường đầu nhất kiến gian,
 良緣未許心先許
 Lương duyên vị hứa tâm tiên hứa,
 便將凡卉向陽栽
 Tiện tương phàm hủ hướng dương tài,
 分付東皇好好開
 Phân phó Đông-hoàng hảo hảo khai.
 絮暫迎風香落漠
 Như tạm nghênh phong hương lạc mạc,
 影初試暖綠徘徊
 Ảnh sơ thí noãn lục bồi hồi.
 樓花露滴檀心吐
 Nùng hoa lộ trích đàn tâm thổ,
 消得從前春恨苦
 Tiêu đắc tông tiền xuân hận khổ.

笙歌軟度小蠻腰
 Sinh ca nhuyễn độ Tiểu-man yêu,
 脂粉膩勻西子乳
 Chi phấn nễ quân Tây tử nhũ.
 會來屈指未周星
 Hội lai khuất chỉ vị chu tinh,
 滿目山河旅夢驚
 Mãn mục sơn-hà lữ mộng kinh.
 淚落粉鄉魚遞信
 Lệ lạc phần hương ngư đệ tín,
 魂消梅驛馬語程
 Hồn tiêu mai dịch mã am trình.
 長亭又趕車聲早
 Trường-đình hựu sấn xa thanh táo,
 使妾長憂來祖道
 Sử thiếp trường ưu lai tổ đạo.
 西坦雨暗泣黃梅
 Tây viên vũ ám khấp hoàng mai,
 南浦波寒愁綠草
 Nam phổ ba hàn sầu lục thảo.
 梅黃草綠暗傷神
 Mai hoàng thảo lục ám thương thần,
 妾在君歸影暫分
 Thiếp tại quân quy ảnh tạm phân.
 鄰重爲君歌此曲
 Trĩnh trọng vị quân ca thử khúc,
 臨歧應有斷腸人
 Lân kỳ ưng hữu đoạn trường nhân.

Dịch :

Để thành nọ mé bên đông,
 Mấy gian nhà cũ giữa vùng trại hoang.
 Phần son ngày tháng diễm-trang,
 Quạnh-hiu gác khỏi hiên sương lạnh-lung.

Vừa tuần đôi tám xuân dung,
 Tin ong-sứ điệp chưa thông nẻo nào.
 Bên hoa hôm sớm tiêu-dao,
 Đường xuân thẹn chửa dám chào hỏi ai.
 Nho sinh bồng có một người,
 Văn-chương kinh-sử tốt vời lâu thông.
 Trong tường ngấp-nghé xa trông,
 Tuy duyên chưa buộc mà lòng đã trao.
 Tình yêu chẳng dễ ngăn rào,
 Đợi hoa thối đã gửi vào chừa xuân.
 Cảnh xanh lá biếc thanh tân,
 Múa may theo ngọn gió xuân dập-dìu.
 Lòng hoa khi giọt sương gieo,
 Sầu xuân đã nhẹ-nhàng tiêu, nhẹ-nhàng.
 Miệt-mải trong cuộc truy-hoan,
 Tây Thi (1), ngực nở, Tiêu Man (2) lưng mềm.
 Năm tròn chẵn gối vừa êm,
 Non sông giục khách chạnh niềm gia-hương.
 Tin nhà gửi đến đau-thương,
 Càng đau-thương lúc buông cương dặm ngoài.
 Bon-bon xe ruồi trời mai,
 Lòng em khô-héo tiễn người đường xa.
 Bến Nam cỏ áy bóng tà,
 Vườn Tây một rặng mai già khóc mưa.
 Cỏ cây rầu-rĩ tiêu-sơ,
 Chàng về thiếp luống ngỡ-ngờ tâm-hồn.
 Vì chàng hát khúc nữ-non,
 Biệt-ly đề nặng đau-buồn cho ai.

(1) Nàng Tây Thi là vợ vua Phù Sai nước Ngô người tuyệt đẹp.

(2) Nàng Tiêu-Man, vợ lẽ của nhà thi-sĩ Bạch Cư Dị, nàng múa rất khéo.

Đào cũng ca rằng :

秋 霄 抹 碧 兮 秋 葉 棲 丹
Thu tiêu mạt bích hề thu diệp thê đan,
 千 戶 萬 戶 兮 寒 砧 聲 乾
Thiên hộ vạn hộ hề hàn chám thanh can.
 孤 雁 南 飛 兮 征 鴻 度 關
Có nhạn nam phi hề chinh hồng độ quan
 暮 煙 慘 淡 兮 新 愁 一 般
Mộ yên thảm-đạm hề tân sầu nhất ban
 我 公 不 留 兮 我 心 盤 桓
Ngã công bất lưu hề ngã tâm bàn-hoàn
 竟 捐 舊 愛 兮 暫 結 新 歡
Cánh quyền cự ái hề tạm kết tân hoan
 河 汾 嘆 菊 兮 楚 畹 羞 蘭
Hà phần than cúc hề sở uyển tu lan
 泛 我 瓊 觴 兮 修 我 銀 盤
Phiếm ngã quỳnh tràng hề tu ngã ngân bàn
 別 時 容 易 兮 見 時 良 難
Biệt thời dung dị hề kiến thời lương nan
 嗚 呼 一 歌 兮 鬱 陶 長 嘆
Ô hô nhất ca hề ất đào trường than
 恨 不 遊 絲 兮 纏 挽 歸 鞍
Hận bất du ty hề triền vãn quy an
 恨 不 長 坡 兮 障 杜 回 瀾
Hận bất trường pha hề chương đở hồi lan
 恨 不 黃 鶯 兮 喚 客 緝 蠻
Hận bất hoàng-oanh hề hoán khách miên-man
 咄 嗟 此 別 兮 何 時 當 還
Đốt ta thử biệt hề hà thời đương hoàn.
 花 留 洞 口 兮 水 到 人 間
Hoa lưu động khẩu hề thủy đáo nhân-gian
 忍 令 小 妾 兮 抱 此 生 冤
Nhân linh tiểu thiếp hề bảo thử sinh oan

嗚呼再歌兮珠淚汎瀾

Ô hô tái ca hề châu lệ hoàn lan.

Dịch :

*Trời thu nhuộm biếc chừ, lá thu chen hồng
Đập vãi tiếng vang chừ, mọi nhà tấp đông
Chim nhận về nam chừ, chim hồng sang sông
Khói chiều thắm-đạm chừ, sầu mới mênh-mông
Tinh-lang chẳng ở chừ, lòng tơ trăm vòng
Tạm cất tình xưa chừ, về lập tân phòng.
Cúc Hà ủ-rũ chừ, lan Sở then-thùng.
Nàng chén rượu quỳnh chừ, đối bóng trắng trong
Dẽ khi ly-biệt chừ, khó lúc trùng-phùng
Than ôi em hát một khúc chừ, nhớ thương
khôn cùng.
Hậu không sợi tơ chừ, buộc níu chinh-an,
Hận không bờ bãi chừ, ngăn chẹn hồi-lan,
Hận không oanh vàng chừ, gọi khách miên-man
Ly-biệt từ đây chừ, bao lại đoàn loan ?
Hoa lưu cửa động chừ, nước xuống nhân-gian
Nữ đề thân em chừ, ôm mối hờn oan.
Than ôi em hát hai khúc chừ, lệ châu lan-tràn,*

Nghe hát xong, sinh rung-rung đôi hàng nước mắt rồi cùng hai nàng từ-biệt.

Sinh về đến nhà thi hôn-ký đã do cha mẹ định sẵn. Sinh nói với cha mẹ rằng :

— Sinh con trai muốn cho có vợ, sinh con gái muốn cho có chồng, đó vẫn là lòng của cha mẹ mà cũng là phúc của gia-đình. Song con nghĩ mình dòng-dối tấn thân, mà sự học-hành chưa thành-danh gì cả. Nếu nay có vợ, e không khỏi vui bề chẵn gối mà lãng việc sách đèn. Chi bằng việc cưới xin hãy tạm hoãn, đợi khi con đường mây nhẹ gót, thỏa-nguyện bình-sinh, bấy giờ hãy tính đến, trông cũng chưa muộn.

Cha mẹ không nỡ trái ý sinh, việc cưới bèn đình hoãn lại.

Ở nhà chưa bao lâu, sinh vì tưởng nhớ hai nàng mà lúc nào cũng ủ-ê rầu-rĩ, bèn lại lên đường để tới kinh. Vừa đến trại Tây, đã thấy hai nàng đứng đón, tươi-cười hỏi :

— Lang-quân vừa cưới vợ, sao không hăng ở nhà vầy-vui duyên mới, đã vội lên đường ?

Sinh kể rõ nguyên-do, hai nàng đều nắc-nỏm khen rằng :

— Lang-quân thật là một người tin-nghĩa, không lổi lời ước-hẹn tìm hoa.

— Bèn vì sinh sắm lễ, để lại đến trường cũ theo học.

Sinh tuy mượn tiếng du-học, nhưng bút-nghiên chỉ nắn, son phấn tình nồng. Ngày nào mới buổi xuân-dương, thoát đã trời đông tiết lạnh. Một hôm sinh ở ngoài về, thấy hai nàng mắt đều dầm lệ. Sinh giạt mình hỏi, hai nàng đều gương lệ nói rằng :

— Chúng em không may đều mắc bệnh gió sương, khí xuân chưa về, mặt hoa dễ héo, hương hồn một mảnh, chưa biết rồi sẽ trôi-giạt đến nơi nào.

Sinh kinh-ngạc :

— Anh cùng với hai em, duyên không mối-lái, nghĩa kết keo-sơn. Cớ sao các em lại vội nói đến chuyện lia tan, khiến anh lo sợ như là con chim sợ cung vậy !

Nàng Liễu nói :

— Ham vui ân-ái, ai ai chẳng lòng ; nhưng số trời đã định, kỳ về đến nơi, biết làm sao được. Rồi đây cánh rã trong bùn, hương rơi mặt đất, ba xuân cảnh sắc, thú vui biết sẽ thuộc về đâu !

Sinh ngao-ngán buồn-rầu, không sao dứt được. Nàng Đào nói :

— Người sinh ở đời như cái hoa trên cây, tươi

héo có kỳ, không thể nào gượng được dù trong chốc lát. Chỉ xin chàng từ đây bồi-dưỡng thân-thể, chăm-chỉ bút-nghiên, ghép liễu (1) thành công, xem hoa (2) thỏa-nguyện, thì chúng em dù vùi thân trong chỗ ngòi lạch cũng chẳng chút phàn-nàn.

Sinh nói :

— Vậy thế cái kỳ tan-tác còn chừng bao lâu nữa sẽ đến ?

— Chỉ nội đêm nay thôi. Hễ lúc nào có trận giông-gió nổi lên ấy là lúc chúng em thác hóa. Chàng nếu nghĩ tình ân-ái cũ, quá bộ đến trại Tây thăm-viếng, chúng em sẽ được ngậm cười mà về chốn suối vàng.

Sinh khóc mà rằng :

— Sự-thế cấp-bách như vậy, cũng chẳng biết làm sao được nữa, song anh ở đất khách quê người lưng không túi rỗng, biết lấy gì mà đắp-diêm cho hai em !

Hai nàng nói :

— Thân mệnh của chúng em lão-luột như tơ, mong-manh tựa lá. Sau khi thác hóa, đã có mây làm tán, có lối (gió) làm xe, sương trắng làm ngọc đeo, cỏ xanh làm nệm rải, than-khóc đã oanh già thổ-thể, viếng-thăm đã bướm héo vật-vờ, chôn-vùi có lớp rêu-phong, đưa tiễn có dòng nước chảy, khói tan gió bốc không phiền phải đắp-diêm gì cả.

Đoạn rồi mỗi người để đôi hài cườm lại tặng sinh và nói :

— Mất người còn chút của tin, gọi có vật này để tặng nhau trong lúc sinh-ly tử-biệt. Sau này khi

(1) Tôn Kính đời Hán, ghép lá liễu lại để viết sách mà học.

(2) Xem hoa là những người thi đỗ được cưới ngựa xem hoa ở vườn Thượng-uyên.

Nhưng liễu và hoa ở đây còn có ý ánh chiếu vào tên họ của hai nàng.

chàng ướm thử, sẽ như là chúng em còn ấp-yêu ở dưới chân chàng.

Tối hôm ấy, quả nhiên hai nàng không đến. Khoảng gần nửa đêm, trời bỗng nổi cơn mưa gió dữ-dội, sinh đứng tựa lan-can, buồn-rầu ngơ-ngẩn như kẻ mất hồn. Nhân sang chơi nhà ông cụ già bên láng-giềng, kể-lễ về câu chuyện ấy. Ông già nói :

— Ô! cậu rõ nói chuyện chiêm-bao chữa ! Cái dinh-cơ ấy từ khi quan Thái-sur mất đi, trải hơn 20 năm nay, đã thành một nơi hoang-quạnh. Mấy gian đèn mồi, một người quét dọn cũng không có, làm gì có nhiều những cô gái họ họ, họ kia như cậu nói. Chẳng qua đó là những hạng gái lẳng-lơ dám-dăng ; nếu không thì là những u-hồn trệ-phách, hiện lên thành yêu-quỷ đó thôi.

Sáng hôm sau, ông già cùng sinh đến trại Tây. Chỉ thấy nếp nhà quạnh-hiu, vài ba cây đào liễu xơ-xác toi-bời, lá trút đầy vườn, tờ vương khắp giậu.

Ông già trở bảo sinh rằng :

— Đây chả phải là nơi cậu đến chơi ư ? Chị á họ Kim, thì đây hoa Kim-tiền. Cô nàng họ Thạch, thì đây cây Thạch-lựu. Đến như họ Lý, họ Vi, họ Dương, họ Mai, cũng đều nhân tên hoa mà làm họ cả. Không ngờ mấy cây hoa ấy lại biến huyền như thế được.

Sinh bấy giờ mới giật mình tỉnh-ngộ, tự nghĩ mình bấy lâu mê-mải, chỉ là đánh bạn với hồn hoa. Về đến nhà, sinh lấy những chiếc hài tặng ra xem, vừa cầm trên tay, mấy chiếc hài đã thành ra những cánh hoa, bay vèo lên trên không mất.

Sáng hôm sau, sinh đem cầm một cái áo, lấy tiền làm mâm cỗ bày cúng hai nàng ; lại làm một bài văn tế như sau này :

惟 二 人

Duy nhị nhân

冰 凝 奇 骨
 Băng ngưng kỳ cốt
 露 滴 妍 芳
 Lộ trích nghiên phương
 雅 尚 天 然 之 質
 Nhã thượng thiên nhiên chi chất
 恥 爲 時 勢 之 粧
 Sĩ vi thời thế chi trang
 均 是 名 姝 第 一
 Quân thị danh chu đệ nhất,
 信 乎 絕 代 無 雙
 Tín hồ tuyệt đại vô song
 閨 苑 英 華 厭 看 富 貴
 Lăng uyển anh-hoa, yếm khan phú-quý,
 糊 窗 燈 火 好 伴 清 光
 Hồ song đặng hỏa, hiếu bạn thanh quang
 盆 種 雙 頭 茉 莉
 Bồn chủng song đầu mạt lý,
 池 栖 交 頸 鴛 鴦
 Trì thê giao cảnh uyên ương.
 惟 願 久 沾 於 恩 海
 Duy nguyện cửu triêm ư ân hải,
 如 何 遽 返 於 僂 鄉
 Như hà cự phản ư tiên hương!
 冉 冉 禮 花 頓 改
 Nhiêm nhiêm nùng hoa đốn cải
 悠 悠 別 恨 空 將
 Du du biệt hận không tương.
 風 乘 我 我 乘 風 片 時 撩 亂
 Phong thừa ngã, ngã thừa phong, phiến thời
 liêu loạn.
 色 是 空 空 是 色 半 夜 淒 涼
 Sắc thị không, không thị sắc, bán dạ thể lương

慘淡紅稀院落
 Thảm đạm hồng hy viện lạc
 低迷綠暗池塘
 Đé-mê lục âm trì dưông
 深深兮瘞玉
 Thâm thâm hề ế ngọc
 鬱鬱兮埋香
 Uất uất hề mai hương
 身世逐秋風之客
 Thân thể trục thu phong chi khách
 繁華驚春夢之場
 Phồn hoa kinh xuân mộng chi trường.
 噫一朝離別
 Y nhất triều ly-biệt,
 萬古悲傷
 Vạn cổ bi thương
 魂欲招兮不返
 Hồn dục chiêu hề bất phản
 蹤擬訪兮無方
 Tung nghĩ phỏng hề vô phương
 縱有靈兮未泯
 Tung hữu linh hề vị dãn
 尚來餐兮予觴
 Thượng lai hương hề dư trướng
 嗚呼哀哉
 Ô hô ai tai!

Dịch :

Hỡi ơi, hai nàng,
 Sương đọng ấy màu.
 Bãng trong làm cốt,
 Ưa vẻ thiên nhiên,
 Ghét bề diễm chuốt
 Sắc nọ hẳn không hai,

Tài này dành có một.

Anh-hoa vườn Lãng, đứng-dưng những cảnh
 huy-hoàng,
 Đền lửa song hồ, thân-cận với người nghiên
 bút.

Ao uyên-ương chim cặp vầy-vùng,

Chậu mặt-ly hoa đôi tươi-tốt,

Những mong bề ái giọng thuyền,

Sao bỗng làng tiên trở gót.

Cuộc biến-thiên xui hoa nọ rơi-bờ,

Hờn ly-biệt để lòng này kẹo-cuột.

Gió cười mình, mình cười gió, một khắc mê-ly,

Không là sắc, sắc là không, nửa đêm vi-vút.

Trên ao vẽ biếc đê-mê,

Trước viện màu hồng thừa-thớt.

Ngọc lấp thắm-thương,

Hương vùi não-nuột.

Thân theo bóng nhận, phơ-phất lưng trời,

Mộng tỉnh phồn-hoa, bàng-hoàng một phút.

Ôi ! Một sớm chia-phôi, nghìn thu đau-xót,

Hồn lạc không về

Người đi mất hút

Linh-thiên ai hỏi có hay,

Hiến hưởng rượu này mới rót,

Than ôi thương thay !

Đêm hôm ấy, chàng chiêm-bao thấy hai nàng
 đến tạ rằng :

— Đội ơn Lang-quân làm bài văn-tế viếng,
 khiến cho thanh-giá chúng em càng bội tăng lên.
 Cảm vì tình ấy, nên chúng em về đây bái-tạ.

Sinh muốn lưu lại, nhưng hai nàng đã vụt bay
 lên trên không đi mất.

Lời bình

Than ôi, thanh lòng không bằng ít dục. Dục nếu yên lặng thì lòng trống-rỗng mà điều thiện sẽ vào, khi bằng-phẳng mà cái lý sẽ thẳng, tà quỷ còn đến quấy-nhiều làm sao được. Chàng họ Hà lòng trẻ có nhiều vật-dục, cho nên loài kia mới thừa cơ quyến-rũ. Nếu không thì những giống nguyệt-quái hoa yêu, mê-hoặc sao được mà chẳng phải thu-hình nép bóng ở trước Lương Công là một bậc chính-nhân (1). Kẻ sĩ gánh cặp đến học ở Trường-an, tưởng nên chăm-chỉ về học-nghiệp, tuy không dám mong đến được chỗ vô-dục nhưng giá gắng tiến được đến chỗ quả dục thì tốt lắm.

(1) Đời Đường, Vũ Tán Tư có người nàng hầu là Tố Nga, nhan-sắc đẹp lắm. Ông Dịch Lương Công đến chơi, Tán Tư gọi ra, nàng bỗng lẫn mất. Tán Tư thấy chỗ góc nhà có mùi hương bay thơm ngát, đến lắng nghe, chính là Tố Nga. Nàng nói : "Thiếp là con yêu mặt trắng, Thượng-đế cho xuống hầu-hạ ông. Lương Công là bậc chính-nhân đương thời, thiếp không dám dấn-lá".

CHUYỆN ĐỐI TUNG Ở LONG - CUNG

HUYỆN Vĩnh-lại ở Hồng-châu (Hải-dương), khi xưa có nhiều giếng thủy-tộc. Men sông người ta lập đền thờ đến hơn mười chỗ. Năm tháng dần lâu, có chỗ linh-thiên thành yêu ; song cầu tạnh đảo mưa đều rất linh-ứng, nên hương lửa bắt tuyệt mà người ta càng phải kính sợ.

Về đời vua Minh-tông nhà Trần, có quan Thái-thú họ Trịnh làm quan ở Hồng-châu, vợ là Dương thị Nhân khi về thăm nhà, đỗ thuyền ở bên cạnh một ngôi đền thờ thủy-tộc. Bỗng có hai người con gái, bung một cái hộp nhỏ thép vàng, đến trước mặt Dương-thị nói rằng :

— Đức-ông tôi sai đem vật này kính biểu phu-nhân, gọi là đề tử một chút tình ; sớm muộn trong làng nước mây, duyên cưỡi rồng sẽ được thỏa-nguyên.

Nói xong không thấy dấu nữa. Dương-thị mở hộp ra xem thì trong đó có cái dải đồng-lâm màu tía, trên dải đề một bài thơ tứ tuyệt rằng :

佳人笑插碧瑤簪
Giai nhân liễu sáp bích dao trâm
勞我情懷屬望深
Lao ngã tình hoài thuộc vọng thâm

留待洞房花燭夜
 Lưu đãi đồng phòng hoa chúc dạ
 水晶宮裏結同心
 Thủy tinh cung lý kết đồng tâm.

Dịch :

*Người đẹp đầu cài trâm bích ngọc,
 Cho ta thương nhớ ngấn-ngỡ lòng.
 Vật này dành để đêm hoa-chúc,
 Trong thủy-tinh-cung kết dải đồng.*

Dương-thị cả sợ, cùng con hầu bỏ thuyền lên bộ, lại quay về nhiệm-sở, kể chuyện với chồng. Trịnh cũng kinh-sợ nói :

— Giống thủy-quái ở đầm-từ chực bắt mình đấy, phải nên tránh nó đi. Phàm những chỗ bờ sông bến nước đừng bước chân đến. Gặp những đêm mưa gió hay đêm tối trời, phải tắt đèn sáng và cắt người canh giữ.

Phòng ngừa như thế được chừng nửa năm vẫn thấy vô sự. Đến đêm trung-thu kia, nhân thấy bầu trời quang mây, bốn bề trong vắng, sông Ngân vắng-vặc, trăng sao sáng tỏ như ban ngày, Trịnh mừng mà rằng :

— Trăng thanh gió mát như đêm nay có thể không lo gì cả.

Vợ chồng bèn cùng nhau uống rượu, uống say rồi ngủ lý. Chẳng ngờ đầu sấm chớp bỗng chốc nổi lên, lúc Trịnh thức dậy thì cửa ngõ vẫn nguyên mà Dương-thị không thấy đâu nữa. Đến xem chỗ cái đèn ngày trước thì mặt sông phẳng-lặng, trăng chiếu lạnh-lùng, thấy có áo xiêm của Dương-thị ở đó. Trịnh Thái-thú tiếc ngọc thương hoa, nỗi buồn thật không sao kể xiết, chỉ đứng giữa trời mà nghẹn-ngào than-thở, không còn biết làm sao được.

Rồi Trịnh buồn-nản bỏ quan về, chôn một cái mả hờ dưới chân núi Đốn, hằng ngày ở một mình trong cái lều nhỏ. Cái lều trông xuống bến sông, mà chỗ bến ấy là một cái vực sâu thăm-thẳm. Trịnh mỗi khi lên lều đứng trông, thường thấy có ông cụ già đeo một cái bao đồ đựng tiền, sớm đi rồi tối về. Trịnh nghĩ thầm : Quái ! Đây là một bến sông sâu thẳm, nào có thôn xóm gì đâu mà ông già kia lại đi lại như vậy. Bèn thử tìm đến chỗ ấy thì quả thấy chỉ có bãi cát phẳng-lặng không có nhà-cửa gì, duy lèo-tèo mấy khóm lau sậy đứng rung mình ở trên mặt nước. Trịnh lấy làm lạ, đi rộng ra các ngả để tìm, thấy ông cụ già đã đứng ngồi xem bói ở trong chợ Nam. Trịnh trông ông cụ mặt mũi gầy-gù nhưng tinh-thần trong-sáng, đoán chắc là một kẻ ẩn-sĩ lánh đời, nếu không thì một vị chân-nhân đắc đạo, lại không nữa thì hẳn là một tiên-khách trong áng yên-hà, bèn cùng ông cụ làm thân, hằng ngày bày tiệc rượu, cùng nhau chè-chén rất vui-vẻ. Ông cụ có vẻ cảm bụng tốt của Trịnh, nhưng hỏi họ tên thì chỉ cười mà không chịu nói, Trịnh lấy làm nghi-hoặc lắm. Hôm khác Trịnh trở dậy rất sớm, nép mình ở bên khóm lau sậy để dòm trộm xem ra thế nào. Bấy giờ sương mai ướt-át, khói sớm mịt-mù, Trịnh thấy ông già từ dưới nước thũng-thỉnh đi lên, vội-vàng chạy ra sụp lạy. Ông già cả cười nói :

— Thế ra ông định dò tìm tung-tích của tôi ư ? Thôi nay ông đã biết rồi, để tôi kể cho mà biết rõ. Tôi là Bạch-long-hầu, may bây giờ hãy còn năm sớm, mới có thì giờ rồi đi chơi lãng-băng, chứ nếu Ngọc-hoàng có sắc-chỉ truyền đi làm mưa thì chẳng còn đâu thì giờ nhàn để đi làm nghề bói ở nhân-gian nữa.

Trịnh nói :

— Ngày xưa Liễu Nghị có cuộc xuống chơi

dưới Đổng-đình (1), Thiện Văn có cuộc ăn yến ở Long-cung (2), chẳng hay kẻ phạm-tục này, có thể được theo dấu của người xưa không ?

Hầu nói :

— Khó gì sự đó.

Liền lấy đầu gậy vạch xuống nước, nước rẽ đôi ra, Trịnh theo Long-hầu xuống. Đi được chừng nửa dặm thì thấy trời đất trong-sáng, lâu-đài chót-vót, từ nhà ở đến thức ăn, đều là những vật ở nhân-gian không có. Hầu tiếp đãi rất sẵn-súc. Trịnh nói :

— Không ngờ một kẻ nghèo-khó lại được lạc bước đến chỗ tôn-nghiêm này. Ngày xưa có cái tai biến phi-thường, ngày nay có sự gặp-gỡ phi-thường, công việc báo-phục, có lẽ chính ở dịp này chăng ?

(1) Liễu Nghị người đời vua Trung-Tông nhà Đường, đi thi bị trượt, về đến đất Kinh-dương, thấy một người đàn-bà chặn dè đến nói rằng : “ Thiếp là con gái vua Đổng-đình, gả cho con thứ vua Kinh-xuyên, bị con hầu gái nó xúc-xiêm, thành ra đắc tội với cha mẹ chồng, nên phải truat đuổi đến đây. Nghe chàng về qua Đổng-đình, làm ơn đưa hộ thiếp bức thư. Nhà thiếp ở cổng có cây quít lớn, cứ gõ vào cây ba tiếng thì sẽ có người ra.” Nghị theo lời. Rồi nhân thế được đón xuống chơi Long-cung. Sau Nghị lấy người con gái họ Lư, người con gái xưng mình chính là Long-nữ nhờ Nghị đưa thư ngày trước, cùng đưa nhau về ở Đổng-đình.

(2) Khoảng niên hiệu Chí-chính nhà Nguyên, có người học trò là Dư Thiện Văn, giữa ban ngày thấy hai người lực-sĩ đến nói là vâng mệnh của Quảng Lợi-vương (vua thủy) sai đón Thiện Văn theo đi. Đến bến sông xuống một chiếc thuyền, thấy hai con rồng vàng cặp mà đem đi, rồi xuống đến Thủy-phủ. Quảng Lợi-vương tiếp đón long-trọng rồi nhờ soạn hộ một bài văn đề đọc lúc làm lễ cất câu-đầu của tòa đền Linh-Đức sắp dựng. Thiện Văn liền làm hộ một bài rất hay. Khi khánh-thành, Thiện Văn được dự một bữa yến lớn.

Long-hầu hỏi có. Trịnh đem việc Dương-thị ra kể, và nói mong nhờ cậy uy-linh, trừ loài hung xú, khiến buồm nhân gió mà được thuận, cáo nhờ hồ đề dương oai, thì thật là cũng bỏ một phen gặp-gỡ.

Long-hầu nói :

— Họ dù càn-dỡ, đã có sắc-mệnh của triều Long-vương. Hưởng chi mỗi người riêng ở một nơi, không thông-thuộc gì với nhau, ai dám vượt qua sông nước, dấy-động giáp binh, để phạm vào một cái tội-lỗi không thể tha-thứ.

— Vậy thì bây giờ tôi phát đơn kiện ở triều đình Long-vương được không ?

— Việc còn mờ-tối, chuyện chưa rõ-ràng, ông muốn đem cái việc vô bằng, bắt kẻ địch rất mạnh, sợ rằng mỗi thù ấy chưa thể trả được. Chi bằng trước hăng cây người dò-xét, lấy được chứng-cớ, thì trừ kẻ gian kia chẳng khó-khăn gì. Song lá-hữu của tôi, không có người nào đủ chắc cây đề sai đi được, vậy đề ta hãy liệu xem đã.

Cạnh đấy có một người con gái áo xanh bước ra nói rằng :

— Thiếp xin nhận công-việc ấy.

Trịnh bèn cung-kính mà nói lời ủy-cậy và trao cho một cành thoa bằng ngọc màu biếc để cầm đi làm tin.

Nàng áo xanh đến miếu thờ Thần Thuồng-luồng ở Hồng-châu, hỏi thăm quả có người đàn-bà họ Dương, hiện được phong là Xương-ấp phu-nhân, ở trong một cái điện bằng ngọc lưu-ly, chung-quanh có ao sen bao-bọc, gối-chấn yêu-dấu, hơn hết các phòng, và năm ngoái đã sinh ra được một con trai.

Nàng mừng lắm, song lâu-dài chi-chít, không có đường thông, đành chỉ thầu-thơ ở ngoài cổng. Bấy giờ màu xuân tươi đẹp, hoa tường-vi nở rất nhiều, trông hình như muôn điểm rắng hồng, kết

lại ở trên tường rọc-rỡ. Nàng vờ như không biết, vừa bẻ vừa rung. Người canh cổng nổi giận. Nàng liền đưa cành thoa dứt lốt mà nói :

— Tôi tưởng những dây hoa leo này, không phải là của quý gìn-giữ, nhờ tay vin hái, thật là có tội. Tấm thân yếu-ớt, sợ không chịu nổi roi vọt. Vậy xin bác cầm cành hoa này đưa vào lầu ngọc, đề mong được khoan tha không phải đánh-đập, thì tôi thật đội ơn vô cùng.

Người ấy nghe lời, cầm cành thoa vào dâng Dương-thị. Dương-thị nhìn lúc lâu, giả cách nổi giận mà rằng :

— Con bé nào mà dám đường-đột như vậy, làm hỏng cả một giàn hồng-cầm của ta.

Truyền đem trời người con gái ấy trong vườn ngân-hạnh. Thừa lúc vắng-vẻ, Dương-thị lẻ đến, cầm cành thoa khóc mà nói rằng :

— Đây là vật của Trịnh-lang, chồng ta xưa đây, làm sao lại ở tay chị ?

Nàng áo xanh kể rõ sự thực : bảo vật này chính là do Trịnh-lang đã giao cho tôi, lại nói Trịnh-lang hiện đương ở nhà Bạch-long-hầu, vì phu-nhân mà quên ăn bỏ ngủ, rồi nhờ tiện-thiếp xa gửi đến một mối tình để trả món tương-tư nợ cũ.

Nói chưa hết lời thì có con tiểu-hoàn vào báo là Thần Thuồng-luồng có lệnh vờ. Dương-thị vội lật-đật đi ra ; sáng hôm sau lại đến, ân-cần hỏi-hau và trao cho một bức thư mà dặn rằng :

— Chị về nói hộ với Trịnh-lang cho ta : người vợ xấu số ở bến hước xa-xăm, lúc nào cũng vẫn thương nhớ đến chàng ; chàng nên cố xoay-xở cách nào để cho được phụng lại trong mây, ngựa về trên ải, đừng khiến tôi phải già đời ở chốn cung nước làng mây này.

Bức thư gửi cho Trịnh-lang như sau :

« Non thề bẻ hện, chao ôi việc trước lơ-làng, gió đập mưa dồn, ngàn nỗi kiếp này lận-đận. Nước non muốn dầm, tám-sự mấy lời. Nghĩ như thiếp chút phận mỏng-manh, tấm thân mềm-yếu. Duyên đời lừa tự trời xe lại, ước trăm năm cùng huyết dầm sai. Nào ngờ biển dậy một đêm, đến nỗi hình rơi đáy vực. Bởi không thể dìm châu đấm ngọc, nên đánh cam dãi nguyệt dầu hoa. Áo xiêm đã lấm tanh-nhờ, thân-thể lạt còn thoi-thóp. Sầu đầy tựa bể, ngày dài như năm. Nào hay giữa lúc bơ-vơ, bỗng nhận được thư thăm hỏi, Ngấm cảnh thoa mà ứa lệ, nhìn khách đến những đau lòng. Một bước lối lấm, riêng cổ nội hoa hèn thắc-mắc, ba sinh thề ước, có trời cao đất cả chứng tri. Ngọc bích chưa lành, cần vàng xin chuộc ».

Nàng áo xanh trở về báo tin cho biết, Long-hầu bảo Trịnh rằng :

— Việc có thể nên được đấy.

Bèn cùng nhau ra đi bề nam, đến một tòa thành lớn. Hầu vào trước, bảo Trịnh đứng đợi chỉ ở ngoài cửa thành. Một lát, Trịnh thấy một người ra dẫn vào trong một cái đền, trên đền có một vị vua mặc áo tinh-hồng, mang đai ly-châu, quần-thần đứng châu-chực hai bên không biết bao nhiêu mà kể. Trịnh quý dài xuống mà tâu-bày mọi nỗi, lời rất thê-thảm. Đức vua ngoảnh nhìn vào một viên đứng phía tả, giục thảo trát đòi. Rồi có hai người lính vượt không ra đi. Chừng độ nửa ngày hai người lính áp giải đến một người đàn ông, thân-thể vạm-vỡ, mũ đỏ mặt đen, râu-ria đám tua-tua như rễ tre vậy, ra giữa sân mà quý rạp xuống. Đức vua mắng rằng :

—Tức không cho nhắm, phải đợi người công-lao, hình không dùng xằng, để trị kẻ gian nhúng. Như nhà ngươi trước có công-lao, nên ta cho coi giữ một phương, vì dân che-chở. Vậy mà ngươi giở thói dâm-ngược, như thế là trừ tai ngữ hoạn cho dân đấy ư ?

Người ấy nói :

— Kể kia ở trên trần, tiều-thần ở dưới nước, mỗi người một ngã, có can-thiếp gì đến nhau. Vậy mà hần buông lời phao-vu, để hãm hại người vô tội. Nếu bệ-hạ tin nghe lời hần thì triều-đình mắc sự lừa-dối mà tiều-thần chịu tội mập-mờ, tưởng không phải là sự yên trên mà toàn dưới vậy.

Bên nói đi, bên cãi lại, người ấy vẫn không chịu nhận tội, đức vua cũng hồ-nghi không biết quyết định thế nào. Long-hầu đứng bên khẽ rí tai bảo Trịnh rằng :

— Chi bằng khai tên tuổi Dương-thị, xin cũng bắt đến xét hỏi.

Trịnh theo lời tâu lên, đức vua quả truyền đi bắt Dương-thị đến. Ngày đã xế chiều, lại thấy hai người linh dẫn đến một mỹ-nhân, xúng-xính thướt-tha tự mé đóng lại. Đức vua hỏi :

— Chồng ngươi đâu ?

Dương-thị tâu :

— Người áo xanh kia là chồng thiếp, còn người áo đỏ là kẻ thù. Độ trước không may bị cái yêu ấy bắt cướp, trải đã ba năm trời nay. Nếu không nhờ được sự soi tới của vàng thái-dương, thì hồn tàn vóc nát sẽ phải chịu như-nhuốc trọn đời, còn mong gì được lộ mặt ra nữa.

Đức vua cả giận nói :

— Không ngờ thẳng giặc kia lại gian-hoạt đến như thế. Bên trong thì làm sự dâm-dật, mặt ngoài thì giả hòng chối cãi. Việc ấy nữ làm thì dù đem xử-tử cũng không đáng tiếc.

Bấy giờ có một người mặc áo bào xanh hiệu là Chính-hình lục-sự, tâu rằng :

« Thần nghe : vì tình riêng mà ban-thưởng, thưởng sẽ không công, đương lúc giận mà xử hình, hình tất quá đáng. Duỗi cơ vốn khác, chằm-chước mới nên. Đem cái tài vượt nanh, giữ cái trách phen giậu, tự hần dẫu gây nên tội nghiệt, với

dân cũng có chút công-ân. Có tội phải gia hình, tuy đã cam bẻ vạn tử, đem công mà trừ lỗi, cũng mong được toàn sinh. Xin khoan cho tội tru-di, giam vào ngục đen tối ».

Đức vua khen phải, bèn phê-phán rằng :

« Mãng nghe : Đời người như khách trên đường, kẻ trước đi qua mà kẻ sau tiếp đến : đạo trời không sai tơ tóc, làm lành được phúc mà làm ác chẳng yên. Lệ-luật không mờ, cớ-kim vẫn thế. Nay nhà người vốn do huân-phiệt, lạm giữ phượng-ngung. Lễ nên linh-hiễn, dễ tỏ đức rồng, sao được tà dâm, làm theo nét rắn. Sự can-dỡ ngày càng quá tệ, luật công-minh tất phải thi-hành. Than ôi, vợ người cổ chiếm, đã rất mực mê cuồng, phép nặng không dung, dễ rắn phùng gian-ác. Dương-thị kia, nét tuy đáng trở, tình cũng khá thương ; thân nên về với tiền phu, con để trả cho hậu phụ. Mấy lời phê-phán, lập-tức thi-hành ».

Nghe lời phán xong, Thần Thường-luồng cúi đầu đi ra. Tả hữu cũng đưa mắt cho Trịnh bảo lui. Long-hầu về nhà bèn đặt tiệc mừng, và lặt cho các thứ văn-tê, đồi-mồi. Vợ chồng Trịnh cùng lạy tạ rồi trở về nhà, kẻ hết đầu đuôi cho người nhà nghe, ai cũng đều mừng thay và lấy làm một câu chuyện lạ.

Sau Trịnh có việc đến Hồng-châu, lại đi qua chỗ đền ấy, thấy trường xiêu vách đổ, bia gãy rêu trùn, duy có cây gao đương tung bay bông trắng ở dưới bóng dương tà xế. Hỏi thăm những ông già bà cả, đều nói : « Trước đây một năm, một hôm giữa ban ngày bỗng dưng không mây mà mưa, nước sông đầy-dẫy, rồi có một con rắn dài mười trượng, vẩy biếc mào đỏ, nổi trên mặt nước mà đi lên mạn bắc, đằng sau có hàng hơn trăm con rắn nhỏ đi theo, dền từ đây không linh-thiên nữa ». Bấm đốt tính xem thì ngày ấy chính đúng vào ngày Trịnh kiện.

Lời bình

Than ôi, chống được ách lớn thì thờ, cần được nạn lớn thì thờ, đó là phép cúng-tế. Hưởng sự cúng-tế ấy thì phải cố danh tư nghĩa, đâu có lẽ nhận sự thờ-cúng lại còn đi làm tai làm họa cho người. Thế thì cái tội của vị Thần Thường-luồng chỉ phải bị đầy thôi, Quảng-lợi-vương dụng hình như thế, thật là chưa đáng. Tất phải làm như Hứa Tổn, Thứ Phi (1) mới là cái việc thú-vị được. Cho nên Địch Nhân-Kiệt khi làm Tuần-phủ Hà-nam, tâu xin phá hủy đến 1 nghìn 7 trăm tòa đền thờ không xứng-đáng, thật là phải lắm.

(1) Hứa Tổn là người đời Tấn, trước làm quan lệnh ở Tinh-dương, sau từ quan về học được đạo-thuật, chém rắn và giết thường-luồng để trừ hại cho dân.— Thứ Phi là một kẻ dưng-sĩ đất Kinh về đời nhà Chu, giỏi kiếm-thuật. Một lần đi thuyền có hai con thường-luồng kèm hai bên thuyền, Phi rút gươm nhảy xuống sông chém chết cả hai, cả thuyền được yên-ôn. Kinh-vương nghe tiếng, vội dùng làm chức quan Chấp-khuê.

CHUYỆN NGHIỆP-ĐÀN CỦA ĐÀO-THỊ

A danh-kỹ ở Từ-sơn là Đào-thị, tiểu-tự Hàn-than, thông hiểu âm luật và chữ nghĩa. Niên-hiệu Thiệu-phong thứ 5 (1345) đời nhà Trần, nàng được tuyển sung vào làm cung-nhân, hằng ngày châu-hầu vua ở tiệc rượu hay ở chiếu bạc. Một hôm, vua thả thuyền chơi trên sông Nhị, rồi đi lần xuống tận bến Đông-bộ-dầu. Vua lắng ngấm rằng :

霧 罨 鐘 聲 小

Vụ ẽ chung thanh tiều

沙 平 樹 影 長

Sa bình thụ ảnh trường

Nghĩa là :

Mù tỏa liếng chuông nhỏ

Cát phẳng bóng cây trường (dài)

Các quan chưa ai nổi được, nàng Đào liền ứng khẩu đọc ngay :

寒 灘 魚 吸 月

Hàn than ngư hấp nguyệt

古 壘 鴈 鳴 霜

Cổ lũy nhạn minh sương

Nghĩa là :

Bến lạnh cá dớp nguyệt

Lũy cổ nhạn kêu sương.

Vua khen-ngợi hồi lâu, nhân gọi nàng là «*Hàn-than*».

Vua Dụ-tôn mất, nàng phải thái ra ở ngoài phố, thường đi lại nhà quan Hành-khiển là Ngụy Nhược-Chân. Bà vợ quan Hành-khiển không có con mà tính hay ghen, ngờ Hàn-than tư thông với chồng, bắt nàng đánh một trận rất là tàn-nhẫn. Nàng tức-tối lắm, đem những trăm thoa bằng vàng ngọc bán đi để thuê thích-khách vào nhà Nhược-Chân trả thù.

Nhưng thích-khách đến, bị người nhà Nhược-Chân bắt được, lúc đem tra-khảo, hấn xung ra Hàn-than. Hàn-than sợ phải cạo tóc đầu và mặc đồ nâu sồng, trốn đến tu ở chùa Phật-tích, (chùa Thầy); giảng kinh thuyết kệ, chỉ mấy tháng đã lâu thông lắm. Nàng có dựng ra cái am gọi là am Cư-tĩnh, mời họp các văn-nhân để xin một bài bằng-văn. Bấy giờ trong làng có một cậu học-trò tuổi độ 14, 15, cũng đến hội-họp. Hàn-than khinh là còn ít tuổi, nói đùa rằng :

— Anh bé con này cũng làm văn được à ? Vậy thử làm cho tôi xem nào.

Cậu học-trò không có vẻ giận gì cả, lui ra dò hỏi được gốc-tích Hàn-than, rồi làm bài văn như sau :

蓋聞佛本慈悲其名曰覺

Cái văn : Phật-bản từ-bi, kỳ danh viết giác,

人能青靜即偽成真

Nhân năng thanh tĩnh, tức ngụy thành chân.

能修法界津梁

Năng tu pháp giới tân lương,

便是叢林宗主

Tiện thị tùng lâm tông chủ.

敬惟佛跡山庵主陶氏

Kinh duy Phật-tích sơn am-chủ Đào-thị,

名 逃 樂 籍

Danh đào nhạc tịch

頂 禮 梵 王

Đỉnh lễ Phạm vương

桃 口 柳 腰 掉 舌 際 纜 按 閤 梁 州 幾 曲
Đào khẩu liễu yếu, trạo thiết tả tài án duyệt
Lương-châu kỷ khúc.

慈 雲 慧 日 擡 頭 間 已 皈 依 兜 率 諸 天
Tỳ vân tuệ nhật, đài đầu gian dĩ quy y Đâu-
xuất chư thiên.

裙 拋 湘 水 層 層
Quần phao Tương thủy tầng tầng

鬢 落 楚 雲 段 段
Mấn lạc Sở vân đoạn đoạn

夢 裡 無 端 觸 景 半 枕 遊 仙
Mộng lý vô đoan xúc cảnh, bán chẩm du tiên

風 前 何 處 撩 人 數 腔 短 笛
Phong tiền hà xứ liêu nhân, số xoang đoản địch

歌 院 不 如 僧 院 靜
Ca viện bất như tăng viện tĩnh

衲 衣 絕 勝 舞 衣 涼
Nạp y tuyệt thắng vũ y lương

水 榭 曹 溪 猶 分 窺 鏡 影
Thủy các Tào-khê, do phân khuy kính ảnh

夜 宣 貝 葉 尚 作 繞 梁 聲
Đạ tuyên bối diệp, thượng tác nhiễu lương thanh

雖 云 禪 定 忘 機
Tuy vân thiền định vong cơ

叵 奈 狂 心 被 酒
Phả nại cuồng tâm bị tửu

足 不 向 潯 陽 送 客
Túc bất hướng Tầm-dương tống khách

身却來抗郡參禪

Tân khước lai Hàng-quận tham thuyên

五陵兒拋錦纏頭追隨未已

Ngũ lăng nhi phao cầm triền đầu, truy tùy vị dĩ

三生客結蓮花社招引何頻

Tam sinh khách kết Liên-hoa xã, chiêu dẫn hà tần

噫！鐘殘茶歇無餘事

Y ! chung tàn trà yết vô dư sự

好向山房一打眠

Hảo hướng sơn phòng nhất đả miên

Dịch :

Mảng nghe :

Phật vốn từ bi, gọi tên là Giác,

Người mà thanh-tĩnh, hóa giả thành chân

Muốn nên tông-chủ trong rừng thuyên,

Hãy gắng tu-trì trong cõi phép.

Kinh nghĩ am-chủ ở núi Phật-tích là Đào-thị :

Sở ca-nhạc rút tên ra khỏi,

Cửa Phạm-vương (1) núp bóng tìm vào.

Miêng đào lưng liễu, uốn lưỡi vừa véo-von máng

khúc Dương-châu (2).

Nhật sáng mây lạnh, nghễn đầu đã nương-tựa

dưới trời Đâu-xuất (3).

(1) Cửa Phạm Vương là cửa Phật.

(2) Khoảng niên-hiệu Thiên-bảo đời Đường, các điệu nhạc đều lấy tên các đất ở ngoài biên-cương như Lương-châu, Cam-châu, Y-châu v. v.

(3) Sách Thiên-hạ dị-ký nói cảnh-giới nhà Phật ở một tầng trời gọi là trời Đâu-xuất, tầng trời ấy ở trên 33 tầng trời.

Quần ném dòng Tương lờp lờp.
 Tóc rơi mây Sở từng từng.
 Trong mơ xúc cảnh bâng-khuàng, du tiên nửa
 gối
 Trước gió gheo người giéo-giắt, đoán dịch vài
 xoang.
 Phòng tầng vắng-vẻ khác phòng ca.
 Áo đạo nhẹ-nhàng hơn áo mùa.
 Khe Tào mức nước (1), chợt ngờ mặt phản
 trong gương.
 Lá bối (2) tung kinh, còn thoảng âm vang trước
 nóc (3) !
 Mùi thuyền dẫu bén,
 Lòng tục chưa phai.
 Bến Tầm-dương (4) không đến gảy tỳ bà
 Chùa Hàng-quận (5) lại vào nghiên kinh kệ.

(1) Đồi Lương, có vị cao-tăng là Tri-dược từ nước Thiên-trúc sang Tàu, thuyền đến cửa khe Tào-khê ở Thiều-châu, thoảng thấy mùi thơm, mức nước nếm, rồi bảo: Thượng lưu dòng nước này có chỗ thẳng địa. Bèn mở núi làm chùa, gọi là Bảo-lâm.

(2) Kinh Phật thường viết bằng lá cây bối.

(3) Hàn Nga sang Tề, đi qua cửa Ung thì hết lương, phải hát rong kiếm tiền ăn ; đi rồi mà tiếng hát còn văng-vẳng trên nóc nhà ba ngày không dứt.

(4) Chuyện người ca-kỹ về già lấy người lái buôn, đỗ thuyền ở bến Tầm-dương ; ông Bạch Lạc-thiên đến bến ấy tiễn khách nghe tiếng đàn tỳ-bà, tìm đến rồi bảo gảy đàn cho nghe.

(5) Á ca-kỹ ở Tây-hồ thuộc đất Hàng-châu tên là Cầm-tháo, một lần tiếp nhà văn-sĩ Tô Đông-pha, nghe ông đọc hai câu thơ «Môn ngoại lãnh lạc yên mĩ hy, lão đại giá tác thương nhân phụ». Nghĩa là : Ngoài cửa lạnh-lùng xe ngựa vắng, tuổi già duyên kẻ chủ phường buôn». Cầm Tháo tình-ngộ bèn cất tốc đi tu.

*Gấm triền-đầu pháp-phối, theo đười chưa
thôi (1).*

Hội Liên-hoa dập-dù, đón mời sao khéo (2).

Ồi ! Chuông tàn trà cạn ngồi chi nữa ?

Buồng núi vào tìm một giấc say.»

Bài văn làm xong, viết lớn rồi dán ở cửa chùa, xa gần đua nhau chép. Hàn-than nhân thế, đương đêm bỏ chùa mà trốn. Nghe chùa Lê-kỳ (thuộc huyện Chí-linh) ở hạt Hải-dương là một nơi nước tú non kỳ, phong-cảnh tuyệt đẹp, tru-tri có sư già Pháp-Vân và sư bác Vô-Kỷ, bèn đến chùa xin vào hái-yết. Pháp-Vân không nhận và bảo Vô-Kỷ rằng :

— Người con gái này, nét không cần-nguyện, tính bèn lẳng-lơ, tuổi đã trẻ-trung, sắc lại lộng-lẫy, ta e lòng thiền không phải đá, sắc đẹp dễ mê người ; tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tắc mây dễ mờ bóng nguyệt. Vậy người nên liệu lời từ-chối, đừng để hối-hận về sau.

Vô-Kỷ không nghe, lại cứ nhận cho Hàn-than ở. Pháp-Vân lập tức dời lên ở tận trên đỉnh núi Phụng-hoàng.

Hàn-than tuy ở chốn thanh-tịnh nhưng nét cũ vẫn chưa trừ bỏ. Mỗi lúc ở nhà dưới đi lên, mặc áo lụa, mang quần là, điềm môi son, tô má phấn. Cối đục đã gần, máy thiền dễ chạm, bèn cùng nhau tư thông. Hai người đã yêu nhau, mà đắm say-sưa, chẳng khác nào con bướm gặp xuân, trận mưa cứu-hạn, chẳng còn để ý gì đến kinh-kệ nữa.

(1) Đồi Đường, những công-tử vương-tôn nghe hát, thường lấy gấm quàng đầu con hát để thưởng, gọi là phao cầm triền đầu..

(2) Thầy chùa Huệ-Viễn đời Tấn cùng các bạn tu 18 người hội-họp gọi là hội Bạch-liên-hoa, viết thư mời ông Đào Uyên-minh đến dự. Uyên-minh bảo có cho uống rượu mới đến, Viễn nhận lời. Nhưng khi Uyên-minh đến lại không có rượu, ông không bằng lòng, cau mày bỏ đi.

Hằng ngày hai người thường cùng nhau làm thơ liên cú, phạm những cảnh-vật trong núi, cái gì có thể ngâm vịnh được đều đắp bút đề vịnh đề ghi danh thắng. Những thơ như thế nhiều lắm không thể chép hết được, xin thuật ra đây độ một hai phần :

1

山 雲

SƠN VÂN

遙 睇 濃 還 淡
Dao đề nùng hoàn đạm

天 邊 濕 未 晴
Thiên biên thấp vị hy

曉 隨 疎 雨 去
Hiển tùy sơ vũ khứ

暮 帶 落 霞 歸
Mộ đới lạc hà quy

鰓 鯉 因 風 捲
Ai đại nhân phong quyên

悠 揚 到 處 飛
Du-dương đáo xứ phi

僧 慵 童 亦 懶
Tăng dung đồng diệc lãn

誰 爲 掩 巖 扉
Thùy vị yểm nham phi.

Lược dịch :

MÂY NÚI

Bên trời đậm nhạt không thường,
Ráng chiều mưa sớm bốn phương đi về,
Sư lười tiểu cũng lười ghê,
Siêng-năng khép cửa bờ-dề ấy ai ?

II

山 雨
SƠN VŨ

一 雨 千 巖 暝
Nhất vũ thiên nham minh
 瀟 瀟 作 意 鳴
Tiêu tiêu tác ý minh
 珠 璣 堆 地 色
Châu cơ đồi địa sắc
 星 斗 落 天 聲
Tinh đầu lạc thiên-thanh
 溜 奪 泉 流 急
Lưu đoạt toàn lưu cấp
 涼 回 客 夢 清
Lương hồi khách mộng thanh
 山 房 無 箇 事
Sơn phòng vô cá sự
 入 夜 幾 殘 更
Nhập dạ kỷ tàn canh

Lược dịch :

MƯA NÚI

Rào-rào một trận mưa rơi,
 Đều non ngọc rụng, lưng trời sao sa.
 Nước xô hơi lạnh vào nhà,
 Buồng sâu quạnh vắng đêm tà canh.

III

山 風
SƠN PHONG

靈 籟 嗑 幽 洞
Linh lại khu u đông
 終 宵 策 策 聲
Chung tiêu sách sách thanh

翻 花 紅 意 亂

Phiên hoa hồng ý loạn

捲 樹 綠 陰 驚

Quyển thụ lục âm kinh

僧 衲 合 涼 淺

Tăng nạp hàm lương thiển

鐘 樓 送 響 清

Chung lầu tống hưởng thanh

茫 茫 天 地 內

Mang mang thiên địa nội

非 爲 不 平 鳴

Phi vị bất bình - minh.

Lược dịch :

GIÓ NÚI

Thâu đêm tiếng thổi ào-ào,

Hoa xơ-xác thắm, cây rào-rạt xanh.

Chuông lầu đưa tiếng thanh-thanh,

Không-gian nào phải bất-bình mà kêu.

IV

山 月

SƠN NGUYỆT

隱 隱 林 梢 迴

Ẩn-ẩn lâm梢 hồi

連 空 灑 氣 浮

Liên không hạo khí phù

啣 山 銀 鏡 缺

Hàm sơn ngân kính khuyết

隔 霧 玉 盤 收

Cách vụ ngọc bân thu

影 落 松 關 靜

Ảnh lạc tùng quan tĩnh

涼 回 竹 院 幽
Lương hồi trúc viện u
 清 光 隨 處 有
Thanh quang tùy xứ hữu
 何 必 上 南 樓
Hà tất thượng Nam-lâu

Lược dịch :

TRĂNG NÚI

Sau rừng khí sáng lên cao,
 Long-lạnh gương bạc gác vào đỉnh non.
 Bóng soi mát dịu tâm-hồn,
 Lên lầu Nam, lọ phải còn tồn công (1).

V

山 寺 SƠN TỰ

一 簇 輝 金 碧
Nhất thốc huy kim bích
 巖 腰 隱 夕 陽
Nham yêu ẩn tịch-dương
 風 高 松 洶 浪
Phong cao tùng hùng lãng
 天 近 桂 飄 香
Thiên cận quế phiêu hương
 洞 小 禽 聲 鬧
Động tiểu cầm thanh nào
 峯 斜 塔 影 長
Phong tà tháp ảnh trường
 塵 間 名 利 客
Trần-gian danh-lợi khách

(1) Dữu Lương đời Tấn làm Đô-Đốc Kinh-châu thường lên lầu Nam thưởng nguyệt.

望 此 幾 徬 徨
 Vọng thử kỷ bàng-hoàng

Lược dịch:

CHÙA NÚI

Am thanh ẩn dưới bóng tà,
 Thông cao hát gió, quế già phun hương.
 Chim rừng riu-rít kêu vang,
 Khách trần ai có mơ-màng chẳng ai ?

VI

山 童
SƠN ĐỒNG

生 長 樵 蘇 地
 Sinh trường liễu tô địa
 寧 知 淺 草 原
 Ninh tri thiển thảo nguyên
 狂 歌 雲 黑 暗
 Cường ca vân hắc ám
 短 笛 日 黃 昏
 Đoản địch nhật hoàng-hôn.
 麋 鹿 晷 翳 侶
 My lộc phù ế lữ
 煙 霞 木 石 村
 Yên hà mộc thạch thôn
 歸 來 深 洞 裏
 Quy lai thâm động lý
 雲 關 小 乾 坤
 Vân tịch tiểu càn khôn.

Lược dịch :

TIÊU-ĐỒNG TRONG NÚI

Năm năm sinh-trưởng trong rừng
 Đâu mây hát sớm, thét trắng cõi chiều

*Bạn bầy cây đá nai hươu
Cần-khôn riêng mở bên đèo khói mây.*

VII

山 猿
SƠN VIÊN

隱 約 巢 南 侶
 Ân ước sào nam lữ
 緣 崖 日 幾 回
 Duyên nhai nhật kỷ hồi
 愁 將 巴 淚 落
 Sầu tương Ba lệ lạc
 聲 入 楚 雲 哀
 Thanh nhập Sở vân ai
 飲 澗 呼 朋 去
 Âm gián hồ bằng khứ
 閒 經 作 伴 來
 Vãn kinh tác bạn lai
 雲 深 何 處 覓
 Vân thâm hà xứ mịch
 山 色 正 崔 嵬
 Sơn sắc chính thối ngời.

Lược dịch :

VƯỜN NÚI

*Nón cao ngoạn-ngoắt leo chơi,
Tiếng kêu buồn, để cho người rơi châu.
Ổng khe dắt rủ bạn bầu,
Ngàn mây ẩn bóng biết đâu dò tìm.*

VIII

山 鳥
SƠN ĐIỀU

身 世 雲 烟 外
 Thân thế vân yên ngoài

依 依 盡 日 閒
 Y y tận nhật nhàn
 一 聲 山 色 暝
 Nhất thanh sơn sắc mỉnh
 數 箇 夕 陽 還
 Số cá tịch dương hoàn
 僧 供 啣 來 菓
 Tăng cúng hàm lai quả
 巢 棲 到 處 山
 Sào thê đáo xứ san
 啁 啾 誰 會 意
 Chu thu thùy hội ý
 飛 繞 薜 蘿 閒
 Phi nhiễu tiệt la gian

Lược dịch :

CHIM NÚI

Khói mây ngày tháng thông dong,
 Kêu trong sắc núi, vờn trong bóng chiều.
 Tha quả chín, đậu đời kiêu,
 Bên rừng lá rậm dập-diu liêng quanh.

IX

山 花

SƠN HOA

暖 入 高 低 樹
 Hoãn nhập cao đê thụ
 枝 枝 火 欲 燃
 Chi chi hỏa dục nhiên
 東 西 霞 世 界
 Đông tây hà thế giới
 遠 近 錦 山 川
 Viễn cận cẩm sơn xuyên
 紅 雨 林 腰 墮
 Hồng vũ lâm yêu đọa

香 風 洞 口 傳
Hương phong động khẩu truyền
 自 開 還 自 落
Tự khai hoàn tự lạc
 今 古 幾 春 天
Kim cổ kỷ xuân thiên.

Lược dịch :

HOA NÚI

*Xuân sang đở ối cảnh cảnh,
 Máy thêu gấm dệt bao quanh bốn bề.
 Sắc hương man-mác rìng khe,
 Cỏ kim từng biết bao khi nở tàn.*

X

山 麓 SƠN DIỆP

一 碧 天 無 際
Nhất bích thiên vô tế
 叢 條 人 望 迷
Tùng điều nhân vọng mê
 秋 來 黃 被 徑
Thu lai hoàng bị kính
 春 到 綠 盈 蹊
Xuân đáo lục doanh khê
 畫 捲 無 人 掃
Chú quyện vô nhân tảo
 煙 深 有 鳥 啼
Yên thâm hữu điểu đề
 蒼 然 看 不 盡
Thương nhiên khan bất tận
 千 里 夕 陽 西
Thiên lý tịch dương tế

Lược dịch :

LÁ NỬI

Lưng không bát-ngát bốn bề,

Thu sang ngập úa, xuân về rợp xanh,

Chim kêu riu-riú đầu cành,

Tà dương bóng ngả chênh-chênh ngàn đoài.

Hai người ham-mê nhau quá, ngoài cái thú vui sướng trước mắt, không còn nghĩ đến điều gì. Xưa nay vui quá dễ sinh buồn, sự đó có gì là lạ. Năm Kỷ-sử (1349), nàng quả vì có thai rồi ốm, lay lắt từ mùa xuân đến mùa hạ, ngồi lên năm xuống, đều tất phải có người đỡ vức. Sư Vô-Kỷ vốn không biết thuốc, lại không biết đường chạy chữa, khiến nàng sau phải quẫn-quại chết ở trên giường cũ. Vô-Kỷ xót thương vô hạn, quàn nàng ở cuối mái hành-lang phía tây, sớm tối vỗ vào áo quan mà khóc rằng :

— Em ơi, em vì anh mà chết một cách oan uổng. Nếu anh được theo em cùng chết, anh rất sẵn lòng, khỏi để em vô-võ một mình ở nơi chín suối. Huống em bình sinh vốn thông tuệ, khác hẳn với mọi người thường, nếu có linh-thiên, xin sớm cho anh được theo về dưới đất ; anh không muốn lại trông thấy sư cụ Pháp-Vân nữa.

Sau mấy tháng Vô-Kỷ cũng vì nhớ thương mà thành ốm, lai nhai đến nửa năm trời, bỏ cả cơm cháo. Một đêm thấy Hàn-than hiện đến bảo rằng :

— Thiếp buổi trước ngàn đầu xế bóng, cửa Phật nương mình ; đáng cười thay chưa dứt lòng trần, thêm ngán nổi còn vương nợ nghiệt ; dài Dao mệnh dứt, đến nổi chia bay ; sống còn chưa được thỏa yêu đương, chết xuống sẽ cùng nhau quẫn-quít. Mong chàng hiền câu kệ lục-như (1) bỏ cõi

(1) Kinh Phật có một bài kệ nói hết thấy việc đời đều như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như sương, như điện, người ta gọi là kệ lục-như.

thiền từ-dại (1), tạm rời cảnh Phật, về chốn suối vàng, để thiếp được ngửa nhờ phật-lực, thác hóa đầu thai, để trả cho xong một cái nợ oan-gia ngày trước.

Nói xong thì không thấy đâu cả. Từ đấy bệnh Vô-Kỷ ngày càng nguy-kịch. Sư cụ Pháp-Vân nghe tin, xuống núi để thăm, thì bệnh đã không thể cứu-vãn được nữa, đành chỉ trông nhau ứa nước mắt, rồi một lát thì Vô-Kỷ chết.

Đêm hôm ấy gió mưa dữ-dội, ở kinh-đô có nhiều nhà lật mái đổ tường. Bà vợ quan nguyên Hành-khiển Ngụy Nhược-Chân chiêm-bao thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn ở dưới nách bên tả. Sau đó rồi bà có mang, sinh ra được hai người con trai, đặt tên người con lớn là Long-Thúc, người con bé là Long-Quý. Hai đứa trẻ ấy mới đầy tuổi tôi đã biết nói, lên 8 tuổi đã biết làm văn, được cha mẹ rất là yêu-quý. Bấy giờ đương giữa mùa hè nóng bức, Nhược-Chân một hôm ngồi hóng mát trên cái lầu cao. Cửa lầu trông xuống đường, có một vị thầy tu đói khó đi qua ở dưới, dùng-dặng trông ngấm, muốn đi mà không đi dứt được. Chợt rồi người ấy phàn-nản :

— Lạ thay tòa lâu đài thế kia mà rồi sẽ thành cái vục của thường luống. Đáng tiếc ! đáng tiếc !

Nhược-Chân sợ hãi thất sắc, vội chạy theo hỏi. Ban đầu thầy tu không chịu nói, chỉ bảo vừa rồi bàng-hoàng nói nhảm chứ không thấy có gì lạ, xin bắt tất phải nghi-ngờ. Nhưng Nhược-Chân cứ cố khăn-nài, thầy tu mới bảo là nhà ông chứa đầy cái khí yêu-quái, nếu không là nghiệp báo kiếp trước thì tất là oan gia kiếp này, người ta đã ở trong nhà ông, chỉ năm tháng nữa thì cả nhà không còn sống sót một mống. Nhược-Chân kêu xin cứu cho, thầy tu nói :

(1) Kinh phật nói có 4 châu lớn là những châu Thăng-thân, Thiệm-bộ, Ngưu-hóa, Câu-lư.

— Tôi vốn có con mắt xem người rất sành. Xin cho tôi xem tất cả người trong nhà, hễ tôi thấy đúng người nào thì gõ vào cái chậu để cho ông biết. Nếu tiết-lộ ra một lời thì tai-va xảy ngay lập tức.

Nhược-Chân gọi tất cả người nhà ra lay chào. Thầy tu xem khắp lượt rồi lắc đầu nói :

— Đều không phải cả.

Lại hỏi trong nhà còn ai thì phải gọi nốt ra. Nhược-Chân vào gọi nốt hai con trai đang ngồi ở trong nhà học. Khi hai người con trai đến, thầy tu liền gõ vào cái chậu rồi nức-nở khen :

— Quý hóa thay hai cậu con trai ! Sau này làm nên sự-nghiệp lừng-lẫy, vẻ-vang cho nhà và danh-giá với đời, tất-nhiên là những cậu này.

Hai người đều giận nói :

— Thầy chùa ở đâu đến đây mà bẻm mép tán xằng gì thế ?

Nói rồi đều phất áo đi vào. Nhược-Chân không bằng lòng ; thầy tu cũng từ-giã ra đi.

Đêm hôm ấy, Long-Quý khóc bảo với Long-Thúc rằng :

— Vị yêu-tăng hôm nay, lời nói ba-hoa hình như có ý dòm-dỏ. Nếu hăn mà biết e rằng sẽ nguy cho chúng ta lắm đó.

Long-Thúc cười mà rằng :

— Trừ được chúng ta, duy có một sự cụ Pháp-Vân. Còn những kẻ khác, ta chỉ giở tay là cướp được bùa dầu của họ. Huống chi Nhược-Chân đối với ta, tất vì tình cốt-nhục mà không hiềm-nghi gì cả, ta có thể yên-ổn không lo ngại gì.

Bấy giờ Nhược-Chân nằm ngủ không yên, dương dậy đi một mình thơ-thần, tinh cờ do chỗ khe cửa sổ mà nghe lóng đợc, sợ-hãi hết sức, không biết tinh thế nào. Ngày hôm sau, nói vờ là có chút việc, từ nhà ra đi, dò thăm khắp các danh lam, tìm hỏi vị sư cụ có cái hiệu là Pháp-Vân. Trải hơn một tháng đến tòa chùa ở núi Lệ-kỳ, thấy

gã tiều-dồng nói hồi nhỏ có được nghe tên hiệu ấy, nhưng sư cụ đã dời vào núi sâu từ lâu rồi. Tiều-dồng nhân trở lên ngọn núi Phụng-hoàng mà bảo :

— Sư cụ ở trên núi kia kia.

Nhược-Chân bèn xắn áo đi lên, qua 4, 5 dặm nữa mới tới chỗ sư cụ ở. Bấy giờ sư cụ đang nằm ngủ ở trên ghế, tiếng ngáy như sấm, hai bên tả hữu có hai chú tiều đứng hầu. Nhược-Chân khúm-núm đi lên ; hai gã tiều-dồng quát mắng làm cho sư cụ tỉnh giấc. Nhược-Chân đến trước sụp lạy và kể cái bản-ý tìm đến của mình. Sư cụ cười mà rằng :

— Sao tiên-sinh làm thế ? Lão-phu thân không ở chùa-chiền, chân không đến thành-thị đã lâu năm rồi. Nay chỉ có thể ở trong am cỏ, quét đất thấp hương, tụng kinh Lăng-nghiêm mấy lần. Chứ còn đến bay bùa chạy dấu thì không phải là việc của lão.

Sư cụ hết sức từ-chối nhưng hai tiều-dồng đứng lên nói :

— Đức Phật nhà ta lấy từ-bi làm bè, tế-độ làm cửa, thương bề khổ trôi-nổi, cứu sông mê đắm-chìm. Bởi vì ngài muốn ai nấy cùng sang bờ ngạn, cùng gọi thiện duyên. Nếu thầy nhất định chối-từ thì sao làm rộng đạo nhà Phật ra được.

Bấy giờ sư cụ mới vui-vẻ nhận lời. Bèn dựng một đàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Ước một trống canh thì có đám mây đen mười trượng bao bọc ở xung quanh đàn, một cơn gió lạnh thổi ào làm cho người phải ghé rờn-rợn. Sư cụ cầm cây tích-trượng chỉ-huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm ra bộ quát-mắng. Nhược-Chân ngồi ở một gian nhà phía xa, mở màn trông trộm, nhưng vắng lặng chẳng thấy gì cả, chỉ nghe trên không có tiếng khóc y-ỷ, một lúc tiếng tắt mà đám mây cũng tan. Sáng hôm sau, sư cụ lấy một phiến đá bôi hùng

hoàng vào rồi viết mực lên, trao cho Nhược-Chân mà bảo :

— Ông về hễ thấy loài yêu quái biến ra vật gì, kíp lấy đá này mà ném thì những mối thừa của tai-họa sẽ dứt được hết.

Nhược-Chân về đến nhà, thấy người nhà đương ngồi châu đầu mà khóc. Bà vợ kể chuyện canh ba đêm nọ, hai con trai cùng dắt nhau xuống giếng mà chết, nước giếng dềnh lên hầu ngập cả thềm, hiện hai cái thây đều đã quấn ở vườn nam, chỉ đợi Nhược-Chân về thì đem mai-táng. Nhược-Chân hỏi :

— Trước lúc chết, chúng nó có nói gì không ?

— Chúng chỉ phàn-nản là giá chậm độ mấy tháng nữa thì công việc xong, không ngờ bị kẻ cường tăng làm hại.

Nói xong, phu-nhân lại gào khóc. Nhược-Chân can-ngăn rồi cùng ra vườn nam mở nắp quan-tài để xem. Khi mở thấy hai cái thây đã hóa thành hai con rắn vàng : lấy hòn đá ném thì chúng liền nát ra tro cả.

Vợ chồng bèn sắm nhiều vàng lụa đem đến tạ ơn sư cụ Pháp-Vân. Nhưng đến nơi thì thấy am cỏ rêu-phong, không tìm nhận ra được vết đi nào cả, nhân buồn-bã cùng nhau trở về.

Lời bình

Than ôi ! *theo về dị-doan chỉ là có hại* (1). Hưởng chi đã theo lại còn không giữ cho đúng phép, thì mối hại phỏng còn xiết nói được ư ? Gã Vô-Kỷ kia, là một kẻ gian-dân, buông những thói tà-dục, chẳng những đối người, lại còn đối vị Phật của hần thờ nữa. Giá đem xử vào cái tội như vua Ngụy

(1) Câu này là lời của cụ Khổng chép trong sách Luận-ngữ. Dị-doan đây trở vào đạo Phật. Nhà Nho cho các đạo khác trái với đạo Nho đều là dị-doan.

giết bọn Sa-môn⁽¹⁾ ngày xưa thì hẳn cũng không oan chút nào.

Thế còn Nhược-Chân thì hẳn là không có lỗi chẳng? Đáp rằng làm quan mà như thế, còn gì gọi là *chính gia* được nữa! Mầm-vạ mọc lên, xuyt nữa hãm vào bước nguy-khốn, chính là mình làm mình chịu, không đáng lấy làm lạ chút nào.

(1) Thôi Hạo đời Ngụy ghét đạo Phật. Nhân vua Ngụy đến thành Trường-an, vào một cái chùa thấy có binh-khí và nhà hầm chứa giấu đàn-bà con-gái, Hạo bèn nói với vua giết hết Sa-môn (sư) trong thiên-hạ và đốt kinh hủy tượng.

CHUYỆN CHÚC PHÁN-SỰ ĐỀN TẢN-VIÊN

NGỒ Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên-dũng đất Lạng-giang. Chàng tính vốn khảng-khải nóng-nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng bắc người ta vẫn khen là một người cương-phương. Trong làng trước có một tòa đền, vẫn linh ứng lắm. Cuối đời họ Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến-trường. Bộ-tướng của Mộc Thạnh có viên Bách-hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái, dân-gian có người đến khuynh gia đặng sản vì sự cúng-cấp. Tử-Văn rất là tức giận, một hôm tắm gội chay sạch, khấn trời rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu le lưỡi, lo sợ thay cho Tử-Văn, nhưng Tử-Văn vùng tay không cần gì cả.

Đốt xong về nhà, chàng thấy trong mình khó chịu, đầu lão đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô đống-dạc, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng, quần áo, rất giống như người Tàu, tự xưng là cư-sĩ, đến đòi làm trả lại tòa đền như cũ, và nói :

— Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh-hiền, há lại không biết cái đức của quỷ thần ra sao, có gì lại dám lảng-miệt, hủy tượng đốt

đền, khiến cho hương-lửa không có chỗ tựa-nương, oai-linh không có nơi hiển-hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả tòa đền như cũ. Nếu không thì vô cớ hủy đền Lu-sơn, Cổ-Thiệu sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ (1).

Tử-Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất-ngưỡng tự nhiên, người kia tức giận nói :

— Phong-dô không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đây. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.

Nói rồi phất áo ra đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong-dộ nhàn-nhã, thùng-thỉnh đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng :

— Tôi là vị Thổ-thần ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến đề tỏ lời mừng.

Tử-Văn kinh-ngạc nói :

— Thế người đội mũ trụ đến đây ban nãy, chẳng phải là Thổ-địa đấy ư? Sao mà nhiều thần quá thế vậy?

Ông già nói :

— Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc-triều, cái hồn bơ-vơ ở Nam-quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo tên họ của tôi, quen dùng chước đổi-lừa, thích làm trò thảm-ngược, Thượng-đế bị nó bưng-bit, hạ dân bị nó quấy-rầy, phạm những việc hưng yêu tác-quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kẻ đầu đuôi đề nhà thầy nghe :

« Tôi lừ đời vua Lý Nam-đế làm chức Ngự-sứ đại-phu, vì chết về việc cần-vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật đã có hơn một

(1) Đời Tam-quốc, Cổ-Thiệu làm quan Thú ở quận Dự-chương, phá hủy các đền thờ những vị Thần bất chính. Sao thấy thần miếu Lu-sơn hiện lên đòi làm trả. Không bao lâu bị ốm mà chết (sách Loại-tự).

nghìn năm nay, khi nào lại làm những việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như kẻ hoạt-tặc kia đã làm. Gần đây vì thiếu sự đề-phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương-tựa ở đền Tản-viên đã vài năm nay».

Tử-Văn nói :

— Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm-vương và tâu lên Thượng-đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê.

Ông già chau mặt nói :

— Rễ ác mọc lan, khó lờng lay-dộng. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở : Những đền miếu gần quanh, vì tham của dút, đều bênh-vực cho nó cả. Khư-khư một chút lòng thành-thực, không làm thế nào để thông-đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tử-Văn nói :

— Hẳn có thực là tay hung-hãn, có thể gieo vạ cho tôi được không ?

— Hẳn quyết chống-chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh-ty. Tôi thưa lúc hẳn đi vắng nên lên đến đây báo-cáo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan-uổng.

Lại dặn Tử-Văn :

— Hễ ở Minh-ty có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hẳn chối cãi, thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản-viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải dờ miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vùi lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

Tử-Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một nơi dinh tòa rất lớn, chung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai quỷ sứ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra tuyên chỉ rằng :

— Tội sâu ác nặng, không được dự vào hạng khoan giảm.

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Đàng phía bắc, tức là một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên tả hữu cầu, có đến mấy vạn quý Dạ-xoa, đều mắt xanh tóc đỏ, hình-dáng nanh ác. Hai quý dùng gông dài thùng lớn gông trói Tử-Vấn mà giải đi rất nhanh. Tử-Vấn kêu to lên rằng :

— Ngó Soạn này là một kẻ sĩ ngay-thắng ở trần-gian, có tội lỗi gì xin bảo rõ cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời tuyên-ngôn rằng :

— Tên này bướng-bỉnh gân guốc, nếu không phán-đoán cho rõ, vị tất nó đã chịu phục tội.

Bèn sai dẫn Tử-Vấn vào trong cửa điện. Tử-Vấn vào đến nơi, đã thấy người đội mũ trụ đương kêu cầu ở trước sân.

Diêm-vương mắng Tử-Vấn rằng :

— Kẻ kia là một người cư-sĩ, trung thuần khích liệt, có công với tiền-triều, nên Hoàng-thiên cho được huyết-thực ở một tòa đền đề đền công khó nhọc. Mày là một kẻ hàn sĩ, sao dám hỗn láo ! Tội nghiệt tự mình làm ra, còn trốn đi đàng nào.

Tử-Vấn bèn tâu-trình đầu đuôi như lời ông cụ già đã nói, lời rất cương-chính, không chịu chùn-nhụt chút nào. Người đội mũ trụ nói :

— Ấy là ở trước vương-phủ mà hấn còn quật-cường như thế, mồm năm miệng mười, đem đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh-hiu, sợ gì mà hấn không dám cho một mớ lửa.

Hai bên cãi-cọ nhau mãi vẫn chưa phán phải trái, nhưng Diêm-vương vì thế bụng cũng sinh-nghi. Tử-Vấn nói :

— Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đưa giấy đến đền Tản-viên để hỏi hư thực ; không có sự thực như thế, tôi lại xin chịu thêm cái tội nói can.

Người kia bấy giờ mới có vẻ sợ, quý xuống tâu rằng :

— Gã kia một kẻ học-trò, thật là ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách-mắng như vậy, cũng đủ trừng-giới. Xin đại-vương khoan tha cho hắn để tỏ cái đức rộng-rãi. Bất tất đòi hỏi dây-dừa và thẳng tay trị tội, sợ có hại cho cái đức hiếu sinh.

Diêm-vương quát lớn rằng :

— Cứ như lời hắn thì nhà ngươi đáng tội tru lục. Điều luật lừa dối đã sẵn-sàng đó. Nhà ngươi có sao dám làm sự xuất nhập nhân tội như vậy ?

Lập tức sai người đến đền Tân-viên để lấy chứng thực. Sai-nhân về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử-Văn. Vương cả giận, bảo các Phán-quan rằng :

— Lũ ngươi chia tòa sở, giữ chức sự, cầm lòng chí công, làm phép chí công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên tư, phạt thì đích-xác mà không hà lạm, vậy mà còn có sự dối-trá can bậy như thế ; hưởng chi về đời Hán đời Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn xiết nói được ư ?

Liền sai lấy lồng sắt chup vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu-u.

Vương nghĩ Tử-Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phạm xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử-Văn một nửa, và sai lính đưa Tử-Văn về. Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau họ đón một bà đồng về phụ bóng, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử-Văn. Người làng bèn mua gỗ lại dựng một tòa đền mới. Còn ngôi mộ của người Khách kia thì tự dựng thấy bật tung lên, hài cốt tan-tành ra như cám vậy.

Sau đó một tháng, Tử-Văn thấy ông già đến báo :

— Lão-phu đã trở về miếu ; công của nhà thầy, không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở

đền Tản-viên khuyết một chân Phán-sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến-cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai không phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau đủ rồi. Nếu trùng-trình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng nên coi là việc tầm thường.

Tử-Văn vui vẻ nhận lời; bèn thu xếp việc nhà, rồi không bệnh tật gì mà mất.

Năm Giáp-ngọ (1414), có người ở thành Đông quan (Hà-nội), vốn quen biết với Tử-Văn, buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy ở trong sương mù có xe ngựa đi đến âm âm, lại nghe tiếng quát rằng :

« Người đi đường tránh ra, xe quan Phán-sự ! »

Người ấy ngẩng trông về phía trước, thấy cách nửa mẫu, người ngồi trên xe chính là Tử-Văn. Song Tử-Văn chỉ ngồi trên xe chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cưỡi gió mà đi biến mất. Đến nay con cháu hãy còn, người ta còn truyền là « nhà quan Phán-sự ».

Lời bình

Than ôi ! người ta vẫn nói : « cứng quá thì gãy ». Kẻ sĩ chỉ lo không cứng-cỏi được, còn gãy hay không là việc trời. Sao nên đoán trước là sẽ gãy mà chịu đời cứng ra mềm ru !

Ngô Tử-Văn là một anh chàng áo vải. Vì cứng cỏi cho nên mới dám đốt cháy đền tà, chống cãi yêu quý, làm một việc rửa hờn được cho cả thần và người. Nhân thể nức tiếng mà được giữ một chức vị ở Minh-tào, thật là xứng đáng. Vậy làm kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.

CHUYỆN TỪ THỨC LẤY VỢ TIÊN

TRONG năm Quang-thái đời nhà Trần, người ở Hòa-châu tên là Từ Thức, vì có phụ-âm được bổ làm Tri-huyện Tiên-du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mầu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộ-rịp, thành một đám hội xem hoa tung-bừng lắm. Tháng 2 năm Bính-tý (niên hiệu Quang-thái thứ 9 (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ 16, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội ấy, thấy vậy động mối lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng-phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền-đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sở sách bỏ ùn cả lại, thường bị quan trên quở-trách rằng :

— Thân-phụ thầy làm đến đại-thần mà thầy không làm nổi một chức tri-huyện hay sao !

Từ than rằng :

— Ta không thể vì số lượng 5 đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Ấu là một mái chèo vênh, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cỡi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống-sơn, nhân làm nhà tại đấy đề ở. Thường sai một thặng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên-minh hễ gặp chỗ nào thích ý thì hý-hững ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kỳ như núi Chích-trợ, động Lục-vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh. Một hôm Từ dậy sớm, trông ra cửa bể Thần-phù ở phía ngoài xa vài chục dặm, thấy có đám mây ngũ sắc, dùn dùn kết lại như một đóa hoa sen mọc lên, vội chèo thuyền ra thì thấy một trái núi rất đẹp. Từ kinh-ngạc bảo lái thuyền rằng :

— Ta đã từng lên-đỉnh trong áng giang-hồ, các thặng cảnh miền đông-nam, không còn chỗ nào sót mà không đi đến. Nay không biết trái núi này từ đâu lại mọc ra trước mắt, vì trước kia vốn không từng có ; ý giả là non tiên rụng xuống, vết thần hiện ra đấy chăng ?

Bèn buộc thuyền lên bờ thì thấy những vách đá cao vút nghìn trượng, sừng sững đứng thẳng, nếu khổng có cánh thì vị tất treo lên thăm cảnh đó được. Nhân đề một bài thơ luật rằng :

千章碧樹掛朝躡
 Thiển chương bích thụ quả triều đôn
 花草迎人入洞門
 Hoa thảo nghênh nhân nhập động môn
 遠澗已無僧採藥
 Nhiều giản dĩ vô tăng thái dược
 沿流剩有客尋源
 Diền lưu thặng hữu khách tầm nguyên
 旅遊滋味琴三弄
 Lữ du tư vị cầm tam lộng
 釣艇生涯酒一樽
 Diếu đĩnh sinh nhai tửu nhất tôn

擬向武陵漁子問
 Nghĩ hướng Võ-lăng ngư tử vấn
 前來遠近種桃村
 Tiền lai viễn cận chủng đào thôn,

Địch :

*Triều-dương bóng rải khắp ngày xanh,
 Hoa cỏ cười tươi đón rước mình.
 Hái thuốc nào đâu sự kẻ xuôi,
 Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh.
 Lang thang đất lạ đàn ba khúc,
 Ninh nổi thuyền câu rượu một bình.
 Bến Võ chàng ngư, tìm thử hỏi,
 Thôn Đào chỉ hộ lối loanh-quanh.*

Đề xong, trông ngấm thân-thờ, như có ý chờ đợi. Chợt thấy ở trên vách đá bỗng nức toác ra một cái hang, hình tròn mà rộng độ một trượng. Vén áo đi vào, vừa được mấy bước thì cửa hang đã đóng sập lại, tối-tăm mù-mịt như sa vào cái vực đen tối. Bụng nghĩ không còn thể nào sống được nữa, lấy tay sờ-soạng lối rêu, nhận thấy có một cái khe nhỏ, quẩn-quèo như cái ruột dê vậy. Đi mò độ hơn một dặm thì thấy có đường đi ngoi lên. Bám bấu trèo lên thì mỗi bước mỗi thấy rộng rãi. Lên đến ngọn núi thì bầu trời sáng-sủa, chung quanh toàn là những lâu đài nguy-nga, mây xanh ráng đỏ, bám ở lan can, cỏ lạ hoa kỳ, nở đầy trước cửa. Sinh nghĩ nếu không phải là chỗ đền-dài thờ-phụng, tất là cái xóm của những bậc lánh đời, như những nơi núi Sậu nguồn Đào (1) chẳng hạn. Rồi

(1) Xưa Tây-vực có núi Thiết-linh, hình như con chim Sậu, nên gọi tên như thế. Khi xưa Phật thường ở đây. Nguồn Đào là chuyện người đánh cá đời Tấn tên là Hoàng Đạo-Chân, đi ngược dòng suối lạc vào một cái động trồng đầy hoa đào.

chợt thấy có hai người con gái áo xanh bảo nhau rằng :

— Lang-quân nhà ta đã đến !

Đoạn họ vội chạy vào báo tin, một lúc đi ra nói rằng :

— Phu-nhân chúng tôi sai mời chàng vào chơi.

Sinh đi theo họ vào, vòng quanh một bức tường gấm, vào trong một khung cửa son, thấy những tòa cung-điện bằng bạc đứng sừng, có những tấm biển đề : «Điện Quỳnh-hư», «Gác Dao-quang». Trên gác có bà tiên áo trắng, ngồi trên một cái giường thất-bảo ; bên cạnh đặt một chiếc giường nhỏ bằng gỗ đàn hương, mời sinh lên ngồi và bảo rằng :

— Tinh hiếu-kỳ của chàng đã thành chứng nghiệm. Sự vui-sướng trong một chuyến đi chơi này, kể cũng đã thỏa nguyện bình sinh. Nhưng mỗi duyên gặp gỡ, chàng có còn nhớ gì không ?

Sinh thưa rằng :

— Tôi là một kẻ dật sĩ ở Tống-sơn. Một cánh buồm gió, một lá thuyền nan, phóng lãng giang-hồ thích đâu đến đấy. Nào có biết chốn này lại có Tử-phủ Thanh-đô ! Lăn mò lên được tới đây, chẳng khác như mình đã mọc cánh mà bay lên đến cõi tiên vậy. Song lòng trần mờ tối, chưa biết tiền-đồ ra làm sao. Dám xin chỉ bảo rõ-ràng cho chúng tôi được hiểu.

Bà tiên cười mà rằng :

— Chàng biết sao được. Đây là núi Phù-lai, một động tiên thứ sáu trong 36 động, bằng-bềnh ở ngoài bề cả, dưới không có bóm-bíu, như hai núi La-phù tan hợp theo với gió mưa, như các ngọn Bồng-lai, co duỗi theo với sóng gợn, mà tôi tức là địa-tiên ở Nam-nhạc là Ngụy phu-nhân. Vì thấy chàng là người cao nghĩa sẵn lòng cứu giúp sự nguy-khốn cho người, nên mới dám làm phiền mời chàng đến đây.

Bà tiên nhân đưa mắt cho con hầu để bảo gọi một cô tiên ra, sinh liếc nhìn trộm, chính là người bẻ gãy cành hoa ngày trước. Bà tiên trở bảo rằng :

— Đưa con tôi đây tên là Giáng-hương, ngày trước gặp phải cái nạn trong khi đi xem hoa, nhờ chàng cứu gỡ, ơn ấy khôn quên, nay muốn cho nó kết-duyên để báo đền ơn trước.

Bèn ngay đêm ấy đốt đèn mỡ phượng, rải dệm văn rồng, để hai người làm lễ giao bái. Ngày hôm sau quần tiên đến mừng, có người mặc áo gấm cưới con ly từ đằng bắc xuống, có người bận xiêm lụa cưới con rồng từ phía nam lên, có người đi kiệu ngọc, có người cưỡi xe gió, đồng thời lại họp. Tiệc yến đặt ở tầng thượng trên gác Dao-quang, buồng rèm cầu (1) ngọc, rủ trưởng móc vàng, phía trước đặt một cái ghế bành bằng ngọc lưu-ly mà đề không. Quần tiên vái chào nhau cùng ngồi ở những ghế bên tả ; Từ Thức thì ngồi ở cái giường bên hữu. Ngồi xong, có tiếng truyền hô là Kim-tiên đã đến, mọi người đều bước xuống cúi lạy đón chào. Đoàn rồi lên gác tấu nhạc. Tiệc bày mâm bằng mã-nã, đĩa bằng ngọc-thạch, các món ăn đều rất kỳ lạ ; lại có những thứ rượu kim-tương ngọc-lễ, mùi hương đưa lên thơm nức, dưới trần không bao giờ có được cái của quý như vậy. Người áo gấm trắng nói :

— Chúng tôi chơi ở chốn này mới 8 vạn năm, mà bề Nam đã ba lần tung bụi. Nay chàng từ xa tới đây, không vì tiên phạm mà cách trở, ba sinh hương lửa, tưởng cũng không phụ, đừng nên cho chuyện thần tiên là câu chuyện hoang-đường.

Rồi có những người trẻ nhỏ, chia ra từng lớp mà múa điệu lãng-ba. Đoàn, phu-nhân mời tiệc. Giáng-hương rót rượu. Người bận xiêm lụa nói đùa rằng :

(1) Cầu tức là cái móc.

— Nương-tử hôm nay màu da mỡ động, chứ không khô gầy như trước nữa. Người ta bảo ngọc-nữ không chồng, câu ấy hỏi có tin được không?

Quần tiên đều cười, duy người mặc áo bào xanh buồn rầu không vui mà nói rằng :

— Mỗi duyên của cô em đây, thật cũng là tốt đẹp. Song nghĩ cái giá băng-ngọc ở bên mây, mà đi kết mỗi tóc tơ ở cõi thế, vạn nhất tiếng-tấm vỡ lở, thiêng hạ chế cười, quần tiên chúng ta, e không khỏi mang tiếng lây được.

Bà Kim-tiên nói :

— Ta ở trong chốn lầu thành trên trời, châu hầu bên cạnh đức Thượng-đế, mệnh-mang trần hải, chưa từng đặt bước xuống bao giờ. Thế mà những kẻ hiểu sự họ còn bịa ra, nào bảo Dao-trì hội kiến ở đời Chu (1), Thanh-điều truyền tin ở đời Hán (2) ta còn thế, hưởng chi là lũ các nàng ư? Song tân-lang ngồi đây, ta không nên bàn phiếm những câu chuyện khác.

Bà phu-nhân nói :

— Tôi nghe tiên khá gặp chứ khôn tìm, đạo không tu mà tự đến. Những cuộc gặp gỡ hiếm lạ, đời nào mà không có : như đèn Bạc-hậu (3), như

(1) Sách Loại-tự nói vua Chu Mục-Vương ham thích thần tiên, rồi gặp bà Vương-mẫu ở Dao-trì.

(2) Lời chưa ở sách Đường-thi, nói vua Hán Vũ-Đế ngồi ở điện Thừa-hoa, chợt có hai con chim xanh từ phương tây bay lại, đậu ở trước điện. Vua hỏi Đông Phương Sóc, Sóc nói : "Đó là bà Vương-mẫu sắp đến chơi đây". Một lát, quả nhiên bà Vương-mẫu đến, có hai người thị-nữ áo xanh tức là hai con chim xanh lúc trước.

(3) Chuyện Ngưu Tảng-Nhụ đời Đường gặp các nàng tiên ở đèn Bạc thái-hậu đã chưa ở "chuyện người nghĩa phụ Khoái-châu".

quán Cao-đường (1), như thần Lạc-phổ lướt sóng (2), như nàng Giang-phi cỡi ngọc (3), như Lộng-Ngọc lấy Tiêu-Sử (4), như Thái-Loan gặp Văn-Tiêu (5), như Lan-Hương gặp Trương-Thạc (6). Bao nhiêu những chuyện cũ còn sờ-sờ đó ; nếu thế này mà bị chê cười thì đã có những người trước ấy họ chịu đỡ tiếng cười cho mình.

Mọi người cùng phá lên cười rất vui-vẻ. Rồi đó mặt trời gác núi, các khách-khưa đều giải-tán cả. Sinh dùa bảo Giáng-hương rằng :

— Thì ra tất cả các cõi trời đều có chuyện phối ngẫu cả. Cho nên ả Chức-nữ lấy chàng Ngưu-lang, nàng Thượng-nguyên tìm chàng Phong-trắc (7), Tảng-Nhụ có bài ký Chu Tần (8), Quần-Ngọc có bài

(1) Sở-vương chơi ở quán Cao-đường, gặp một nàng thần-nữ, cùng chung chăn-gối.

(2) Thần-nữ ở Lạc-Phổ tên là Bất Phi, con gái vua Phục-Hy. Sách Quần-ngọc có chép chuyện Trần Tư Vương gặp thần-nữ ở Lạc-phổ.

(3) Hai nàng tiên Giang-phi chơi ở bến sông gặp Trịnh Giao Phủ, cỡi ngọc minh-châu mà tặng cho. Trịnh nhận ngọc thì được mấy chục bước thì ngọc không còn nữa mà những nàng kia cũng biến mất.

(4) Chàng Tiêu-Sử giỏi thổi ống tiêu, vua Tần Mục Công đem con gái là nàng Lộng-Ngọc gả cho. Chàng dạy nàng thổi tiêu, chim phượng-hoàng nghe tiếng bay đến. Sau vợ chồng cùng cưỡi phượng mà bay lên trời.

(5) Chàng Văn-Tiêu gặp nàng tiên Thái-loan ở núi Tây tại đất Chung-lăng, hai người lấy nhau.

(6) Ngọc-nữ Đổ Lan Hương lấy chàng Trương-Thạc. Sau nàng về trên trời, Trương-Thạc rất thương nhớ.

(7) Phong-Trắc đọc sách ở trong núi sâu, bà tiên Thượng-nguyên phu-nhân đem đến ve-vãn (xuất ở sách Thiên-hạ dị-kỳ).

(8) Chuyện Ngưu Tảng Nhụ đã chưa ở trên.

thơ Hoàng-lăng (1), cảnh khác nhưng tình cũng giống nhau, nghìn xưa vẫn như thế cả. Nay quần tiên ai về chỗ nấy, sống trong cảnh quanh-quẻ vô liêu, đó là vì lòng vật-đục không nảy sinh, hay là cũng có nhưng phải gương dè nên ?

Nàng đổi sắc mặt nói :

— Mấy người ấy là những cái khí huyền-nguyên, những cái tinh chân-nhất, thân hầu cửa tía, tên ghi đèn vàng, ở thì ở phủ thanh-hư, chơi thì chơi miền sung-mạc, không cần gạn mà lòng tự trong, không cần lấp mà đục vẫn lặng. Không như thiếp bầy tình chưa sạch, trăm cảm dễ sinh, hình ở phủ tía nhưng lụy vương duyên trần, thân ở đèn quỳnh-mà lòng theo cõi đục ; chàng đừng nên nhân một mình thiếp mà cho là tất cả quần tiên đều thế.

Từ nói :

— Nếu thế thì ém còn thua các tiên kia xa lắm.
Vợ chồng cùng vỗ tay cả cười.

Chỗ Giảng-Hương ở có bức bình-phong trắng,
Từ thường đề thơ lên trên rằng :

I

眼 底 煙 霞 脚 底 雲

Nhôn đê yên hà cước đê vân

清 光 洒 洒 遍 三 神

Thanh quang sái sái bức Tam Thần.

松 花 半 老 香 風 動

Tùng hoa bán lão hương phong động,

媒 引 滄 浪 釣 艇 人

Môi dẫn Thương-lương điếu đĩnh nhân.

(1) Lý Quần Ngọc qua miếu Nhị-phí ở Sầm-dương có đề một bài thơ, câu đầu là "Hoàng lăng miếu tiền xuân dĩ không". Chợt có hai người con gái hiện lên tự xưng là hai nàng Nga-Hoàng, Nữ-Anh, hẹn sau hai năm sẽ cùng Lý gặp-gỡ.

Địch :

Khói rợp mây che khắp bốn trời,
 Non Thàn trong sáng đó là nơi
 Hoa thông theo gió đưa hương ngát,
 Dắt dẫn thuyền câu khách một người.

II

秋風一夜月漫山
 Thu phong nhất dạ nguyệt mạn sơn,
 簾捲黃花入倚欄
 Liềm quyển hoàng hoa nhập ỷ lan.
 酒力困人詩思苦
 Tửu lực khốn nhân thi tứ khổ,
 吟毫醉閣碧琅玕
 Ngâm hào túy các bích lang can.

Địch :

Một đêm gió thổi nguyệt đầy non,
 Rèm cuộn, hoa vàng lọt cửa son
 Rượu mệt-mê say người nặng trĩu,
 Mượn đem bút trúc gửi thi hồn.

III

寶鴨凝寒換宿香
 Bảo áp ngưng hàn hoán túc hương,
 別裁新譜理霓裳
 Biệt tài tân phổ lý nghi sương.
 辭成不敢高聲道
 Từ thành bất cảm cao thanh đạo,
 鶯起陰來風雨長
 Kinh khởi âm lai phong vũ trường.

Địch :

Đốt lại lò trầm nhóm lại hương
 Bản do đời mới khúc nghệ thường

*Bài thành không dám cất cao tiếng,
E gió mưa về ẩm một phương.*

IV

紅霞對起赤城椒
Hồng-hà đối khởi Xích-thành tiêu
插漢宮牆鎖寂寥
Sáp hàn cung tường tỏa tịch liêu.
星斗擾欄天一握
Tinh đầu nhiễu lan thiên nhất ác,
夜深秦女學吹簫
Dạ thâm Tần-nữ học xuy tiêu.

Dịch :

*Rạng đỏ đùn lên tựa gấm lều,
Cung tường cao vút vắng teo teo,
Trống sao dường mọc quanh bên mái,
Tần-nữ đêm dài học thổi tiêu.*

V

滄茫雲外短長洲
Thương mang vân ngoại đoản trường châu
聞桂乾坤日夜浮
Mân Quế kiến khôn nhật dạ phù
一鳥暮春飛不盡
Nhất điểu mộ xuân phi bất tận
連空淡掃碧悠悠
Liên không đạm tảo bích du du.

Dịch :

*Ngoài mây thấp thoáng bóng liền châu,
Mân, Quế phương trời ngút tận đầu,
Xuân nọn con chim bay lạc lõng,
Vòm không quang sạch biển lâu lâu.*

VI

却寒簾放月重重
Khước hàn liêm phóng nguyệt trùng trùng,
 怯對衰顏把鏡慵
Khiếp đối suy nhan bả kính dung
 隔竹喚來僂枕夢
Cách trúc hoán lai liềm trâm mộng,
 五更無柰遠山鐘
Ngũ canh vô nại viễn sơn chung.

Dịch :

*Rèm buông cản lạnh nguyệt linh-lung,
 Gương võ-vàng soi luống thẹn-thùng.
 Cách trúc gọi tiên vừa khẽ chợp,
 Non xa đưa rộn tiếng chuông đồng.*

VII

浮浮瑞靄遠金闕
Phù phù thụy ái nhiều kim khue
 方丈携南弱水西
Phương-trượng huề nam Nhược thủy-tê
 唱罷鼙更天聲曙
Xương bãi ðà canh thiên dục thự,
 鄉心何處一聲鷄
Hương tâm hà xứ nhất thanh kê.

Dịch :

*Khí lành quanh-quất phủ buồng xuân,
 Phương-trượng non xa, Nhược-thủy gần
 Dứt tiếng canh ðà (1) trời sắp sáng,
 Lòng quê theo dõi áng mây tần.*

(1) ðà là tên một giống cá có chân, dài vài trượng, ða bèn có thể bung trống được, tiếng kêu rất lớn, mỗi lần kêu rất đúng với mỗi trống canh.

VIII

烟嵐如髻柳如鈿
 Yên lam như kễ liễu như điềm
 瑣闥晴窺海泊船
 Tỏa thát tình khuy hải bạc thuyền,
 羽客去時無處覓
 Vũ khách khứ thời vô xứ mịch,
 步虛聲外碧連天
 Bộ hư thanh ngoài bích liên thiên.

Dịch :

Hơi lam : mái tóc, liễu : hoa cài,
 Thuyền bề xa trông thấp-thoáng ngoài
 Đạo-sĩ một đi tìm khó thấy,
 Trong không tản-mác tiếng ngân dài.

IX

四面波濤一髻山
 Tứ diện ba dào nhất kễ sơn
 夜來何處夢鄉關
 Dạ lai hà xứ mộng hương quan
 茫茫塵界回頭遠
 Mang mang trần giới hồi đầu viễn,
 身在紅雲碧水間
 Thân tại hồng vân bích thủy gian.

Dịch :

Sóng nước bao quanh núi một vùng,
 Mộng về quê cũ lối khôn thông,
 Mây vàng nước biển thân nương đậu,
 Trần giới xa coi ngút mịt-mùng.

X

桃花繞澗出天台
 Đào hoa nhiều giã xuất Thiên-thai

妾地殘紅半綠苔
 Ủy địa tàn hồng bán lục đài
 却笑劉郎輕出洞
 Khước tiếu Lưu-lang khinh xuất động,
 臨風幾把玉書開
 Lâm phong kỷ bả ngọc thư khai.

Dịch :

Mặt suốt hoa đào lặn-lẽ trôi,
 Rêu trùn sắc thắm ửng pha-phôi.
 Lưu-lang biệt động sao khờ mầy,
 Thư ngọc buồn tênh giở mầy hồi.

Nhưng Từ từ khi bỏ nhà đi, thắm-thoắt đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm sương sa gió thổi, trông thấy trăng dòm cửa sổ, sóng tóe đầu giường, đổi cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng-khuàng, quấy-nhiều khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương nam, Từ trở bảo Giáng-Hương rằng :

— Nhà tôi đi về phía kia kia, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.

Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng :

— Tôi bước khách bơ-vơ, lòng quê bị-rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cổ héo-hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào ?

Giáng-Hương hùi-nghĩ không nỡ dứt. Từ-lang nói :

— Tôi xin hẹn trong một thời-kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chỗ làng mây bến nước.

Giáng-Hương khóc mà nói :

— Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê-hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn-ngắn, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.

Nàng nhân thừa với phu-nhân, phu-nhân nói :

— Không ngờ chàng lại thác-mắc vì mối lòng trần như vậy.

Nhân cho một cỗ xe cưỡi-vận để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói :

— Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình cũ-kỹ.

Nhân tràn nước mắt mà chia biệt.

Chàng đi chỉ thoát chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân dân, hết thấy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thửa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói :

— Thửa bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất, đến nay đã hơn 60 năm, nay đã là năm thứ 5 (1458) niên-hiệu Diên-ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi.

Chàng bấy giờ mới hậm-hực bùi-ngùi ; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay đi mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu : « Kết lữ phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bề, dịp khác còn đâu ! » mới biết là Giáng-Hương đã nói trước với mình những lời ly-biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoàng-sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

Lời bình

Than ôi, nói chuyện quái sợ loạn chuyện thường, cho nên thánh-hiền không nói. Nhưng việc Từ Thức lấy vợ tiên, cho là thực không ư ? Chưa hẳn là không ; cho là thực có ư ? Chưa hẳn là có. Có không lời mờ, câu chuyện tựa hồ quái đản. Nhưng có âm đức thì tất có dương báo, cũng là lẽ thường. Những bậc quân-tử sau này khi đề mắt đến sẽ liệu mà thêm bớt, bỏ chỗ quái mà đề chỗ thường thì phỏng có gì là hại.

CHUYỆN PHẠM TỬ-HƯ LÊN CHƠI THIÊN - TÀO

PHẠM TỬ-HƯ quê ở Cầm-giang, là một người tuấn-sắc hào-mại, không ưa sợ kiếm thóc. Theo học nhà xử-sĩ Dương Trạc, Trạc thường răn Tử-Hư về cái tình hay kiêu-căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.

Khi Dương Trạc chết, các học-trò đều tan đi cả, duy Tử-Hư làm lều ở mã đề châu-chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử-Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, Tử-Hư ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững-chạc. Tử-Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạc. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạc xua tay nói :

— Giữa đường không phải chỗ nói chuyện ; tối mai nên đến đền Trấn-võ ở cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn-huyên một hôm.

Tử-Hư bèn sắm sẵn rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui-vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng :

— Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiền-hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên-do để con được vui mừng.

Dương Trạm nói :

— Ta thừa sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tin thực đối với thầy bạn ; quý-trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế-quân đây ngài khen là có bụng tốt, tâu xin cho làm chức trực-lại ở cửa Tử-đồng. Hôm qua ta hầu linh-giá ngài lên châu Thiên-cung, tinh-cờ lại gặp nhà người, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử-Hư nói :

— Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yểu của con, thầy có được rõ không ?

— Việc đó không phải thuộc về chức-vụ của ta.

— Vậy thế thầy giữ về việc gì ?

— Ta trông coi về việc văn-chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học-trò trong thiên-hạ.

Tử-Hư mừng mà rằng :

— Nếu thế thì tiến-trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ ?

— Cứ như văn-chương tài-nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung-hậu, nét thành-thực. Chỉ phải cái hời còn niên-thiếu, anh thường lấy văn-tài mà kiêu-ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỡ muộn để phải chùn-nhut cái nét ngông-ngáo đi. Nếu không thì cướp thế trước của Mông-Chính (1)

(1) Lã-mông-Chính là người đời Tống, thi đỗ trạng-nguyên, Khi nghe tin Mông-Chính đỗ, Hồ-đán-Phủ phân-nàn rằng : "Thôi thế là sang năm ta đỗ, lại phải sau hẳn một thế rồi". Quả nhiên sang năm Hồ đỗ thật.

nhặt hạt cải của Hạ-hầu (1), phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức-hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đòi họ đề di học, thay tên đề ra thi; hề trượt đỗ thì đổ lỗi mờ-quảng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hơm mình tài giỏi hơn cả tiên-bối, chí-khí ngông-ngáo tinh tinh tráo-trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dất dấn rèn cặp, phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao-du ở kinh-dò rất nhiều bè-bạn, thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta, mà trời lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.

Tử-Hur nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:

— Thừa thầy, ông mô ở ngôi trọng-thân mà tham-lam không chán, ông mô làm chức su-tu mà mô-phạm không đủ, ông mô coi lễ mà lễ nhiều thiếu-thốn, ông mô chăn dân mà dân bị tai-hại, ông mô chăm văn mà lấy đồ thiên-vi, ông mô trị ngục mà buộc tội oan-uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mấp bẻ-lẻo, đến lúc trú-tĩnh, quyết-dịnh kế lớn của quốc-gia thì mở miệng như ngời trong đám mây mù, thậm đến không noi theo danh, không xét theo thực, không trung với đấng quân thượng, lớn thì làm việc bán nước

(1) Hạ-hầu-Thăng là một danh nho đời Hán. Ông thường nói: "Kẻ sĩ chỉ sợ không sáng nghĩa kinh, nếu sáng thì lấy áo xanh áo tía để dàng như nhặt hạt cải ở dưới đất vậy".

của Lưu Dự (1) nhờ thi làm việc đối vua của Diên Linh (2). Bọn ấy sau khi chết, có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế ?

Trạm cười mà rằng :

— Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh-thang, thưa nhưng chẳng lọt. Chỉ có rằng thời-gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ cho anh nghe : trong khoảng trời đất báo-ứng luân-hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đê-dinh ; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa-phủ. Cho nên Nhan Hồi lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết được làm chức Tu-văn (3). Vương Bàng ngay thường có nét kiêu-ngoa mà chết phải máu rây mặt đất (4). Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thể mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình-phạt thì quá lạm, tước thưởng thì thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn-hạ cũng cất nhắc lên, đùa hoạt

(1) Lưu-Dự làm tội vua Khâm-tôn đời Tống, đậu trạng nhà Kim, Kim lập cho làm vua Tề.

(2) Diên-Linh làm tội vua Đức-tôn đời Đường cầm quyền làm nhiều sự gian-dối, mỗi khi ứng đối, toàn là những lời đối-trá cả.

(3) Ông Nhan Hồi là học trò bậc cao của đức thánh Khổng, nghèo khó ở trong ngõ hẹp mà vẫn vui vẻ, năm 32 tuổi mất sớm. Sau đến đời Tấn có Tô-Thiều chết đi rồi lại hồi sinh. Người em là Tiết hỏi chuyện dưới đất thì Triều nói : "Hai ông Nhan Hồi và Bốc Thương hiện được làm chức Tu-văn-lang ở dưới đất" (Văn-uyên).

(4) Vương Bàng là con Kinh-công Vương An-Thạch một lần Kinh-công ở Kim-lăng, thấy một kẻ lại cũ của mình đã chết từ lâu hiện đến. Kinh-công hỏi có biết Vương Bàng đâu không. Kẻ lại dẫn ông đến một chỗ, thấy Bàng đương bị ngục tối cùm kẹp, máu vẩy ra đầy đất. (Loạt tụ).

thăng gian, nhờ dút-lót mà được thoát khỏi. Anh nên cố-gắng, đừng gieo cái nghiệp-báo ở kiếp sau này.

Tử-Hư nói :

— Cái cửa họa phúc đã được nghe đại-khai. Nhưng nay những người học-trò thường đến đền Đế-quân làm lễ cầu mộng, xin ngài báo ứng cho biết những sự nghiệp về sau. Việc đó có quả thực không ?

Trạm cười mà rằng :

— Bấy Đệ-quân ngài quốt nhả nguyên khí, chu-da làm phượng, ngày xét giấy tờ, đêm châu Thương-dé, còn lúc nào rỗi để làm cái việc vụn-vật ấy. Song những người một lòng chạy sạch thành kinh, thì trong lúc bập-bững, tựa như có thấy. Người đời không hiểu bèn cho là sự thực, thật đáng buồn cười.

— Thưa thầy, nếu thế thì chuyện phóng bóng cửa trời, cũng là câu chuyện truyền ngoại chăng ?

— Không, việc đó thì có thật đấy.

Trạm bèn giơ ra một cuộn giấy phóng đàn rất kỹ, bảo Tử-Hư rằng :

— Đây là bóng xuân sang năm này. Ta vâng mệnh Đế-quân, đi tra xét kỹ lưỡng để giao lên cửa trời biên vào cho đủ. Vì có anh đến chơi đây nên ta chưa đi được.

Dương Trạm lại kể cho Tử-Hư nghe những thú vui ở trên Thiên-tào, hơn ở cõi trần nhiều lắm, và bảo nhà người nên cố-gắng sửa mình chuốt nét, tự-nhiên có ngày được lên ở trên ấy ; như ta đây, cũng là một cái duyên may-mắn khác thường. Tử-Hư nói :

— Minh trần vọc tục, con biết do lỗi nào mà nói lên được ! Chỉ mong theo đời xe gió, được tạm lên chơi xem một chuyến, chẳng hay thầy có thể giúp cho được không ?

— Sự đó cũng không khó. Đề ta bầm với đức Đế-quân, đem tên họ anh điền vào.

Bèn lấy bút son viết vào cuối giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử-Hư được theo thầy lên ngồi ở một bên xe, rồi cỡi xe thẳng đường bay lên. Lên đến trên trời, Tử-Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cái cửa lớn khảm trai lộng-lẫy, hai bên có những tòa lầu châu điện ngọc, văng-vặc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm-ấp lấy đằng sau đằng trước, gió thơm phưng-phức, đượm ngát quanh hiên, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt, trông xuống cõi trần, thấy mọi cảnh-vật đều bé nhỏ tũn-mủn.

Dương Trạch nói :

— Anh có biết đây là đâu không ? Tức là kinh Bạch-ngọc ở trên trời mà người đời vẫn thường nói đó. Ở chính giữa kia có một đám mây hồng che phủ, tức là cung Tử-vi của đức Thượng-đế ngài ngự. Anh nên đứng chờ ta ở ngoài cửa thành đề ta vào tâu xin cho anh.

Nói rồi Dương Trạch cầm cuộn giấy đi vào, sau một lúc lâu mới ra. Chợt nghe ở trên thành có tiếng hô vang, nói người đỗ đầu bảng sang năm, đã kén được viên trạng-nguyên họ Phạm rồi.

Dương Trạch bèn dẫn Tử-Hư đi chơi thăm khắp cả các tòa. Trước hết đến một tòa có cái biển đề ngoài là « Cửa Tích-Đức » trong có chừng hơn nghìn người mũ hoa dải huệ, kể ngồi người đứng. Tử-Hư hỏi thì Dương Trạch nói :

— Đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố-thí, nhưng biết tùy thời mà chu cấp, đã không keo bần, lại không hợm-hĩnh. Thương-đế khen là có nhân, liệt vào thanh-phẩm nên họ được ở đây.

Lại đi qua một tòa sở có cái biển đề ở ngoài là « Cửa Thuận-Hạnh », trong có độ hơn nghìn người,

áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa. Tử-Hư lại hỏi, Dương Trạh nói :

— Đó là những vị tiên thuở sống hiếu-thuận, hoặc trong lưu-ly biết bao-bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san-xẻ cho nhau, mấy đời ở chung, không nỡ chia rẽ. Thượng-đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở đây.

Lại đến một tòa sở có cái biển đề là «Cửa Nho Thần» người ở đấy đều áo dài đai rộng, cũng có tới số một nghìn, trong có hai người mặc áo lụa, đội mũ sa. Dương Trạh trở bảo Tử-Hư rằng :

— Ấy là ông Tô Hiến-Thành triều Lý và ông Chu văn-An triều Trần đó. Ngoài ra thì là những danh thần đời Hán đời Đường, không sung vào quan-vị hay chức-chưởng gì cả, chỉ ngày sóc ngày vọng thì vào tham-yết Đế-quân, như những viên tãn quan đời nay thỉnh-thoảng vào châu vua mà thôi. Cứ cách năm trăm năm lại cho giáng sinh, cao thì làm đến khanh-tướng, thấp cũng làm được sĩ-phu, hiệu-doãn. Ngoài ra còn đến hơn trăm tòa sở nữa, nhưng trời gần sáng không đi xem khắp được, vội cưỡi gió mà bay xuống trần. Xuống đến cửa bắc, thấy trăm quan đã lục-tục vào triều châu vua.

Tử-Hư từ-biệt thầy trở về ; sang năm đi thi quả đỗ tẩn-sĩ. Phàm những việc cát hung họa phúc nhà Tử-Hư, thường được thầy về báo cho biết.

Lời bình

Than ôi, những chuyện huyền-hoặc Tề-Hài, những lời ngụ-ngôn Trang-Chu, người quân-tử vốn chẳng nên ham-chuộng. Nhưng nếu là chuyện quan-hệ đến luân-thường, là lời ký-ngụ ý khuyên-giới, thì chép ra và truyền lại, có hại gì đâu.

Nay như câu chuyện Tử-Hư, có thể đề khuyên

cho những người ăn-ở trung-hậu với thầy, lại có thể làm răn cho những người ăn-ở bạc-bẽo với thầy, có quan-hệ đến luân-thường của người ta lớn lắm. Đến như việc lên chơi Thiên-tào, có hay không có, hà tất phải gan-gùng đến nơi đến chốn làm gì !

CHUYỆN YÊU-QUÁI Ở XUÔNG-GIANG

Ơ PHONG - CHÁU (Bạch-hạc — Vĩnh-yên), có người họ Hồ tên là Kỳ-Vọng. Cuối đời họ Hồ, Kỳ-Vọng đi buôn-bán, ngụ ở thành Xuông-giang (Yên-dũng—Bắc-giang), rồi ốm chết ở thành ấy. Người vợ nghèo kiệt, không có tiền để đưa ma chôn về quê được, phải đem bán người con gái nhỏ là Thị-Nghi cho một nhà phú-thương họ Phạm. Người con gái lớn lên, khá có tư sắc, họ Phạm yêu-mến rồi cùng nàng tư thông. Vợ Phạm biết việc ấy, bèn mượn cơ khác đánh Thị-Nghi một trận đau quá đến chết rồi đem chôn ở bên cạnh làng. Sau đấy mấy tháng, hồn Thị-Nghi hưng yêu tác quái, biến huyễn đủ vẻ, hoặc nhập vào chị ả buôn tương, hoặc ộp vào cô nàng bán rượu, người có vai-vế thì bị đâm sát, người có tiền-của thì bị bóc lột, suốt một giải đường mười dặm, người ta đều phải đi trưa về sớm, bảo nhau thấy gái đẹp chớ có trêu vào. Sau người làng đó biết là hồn Thị-Nghi làm tai làm quái, bèn đào mả vớt xương xuống sông, từ đấy việc quấy-nhiều cũng hơi bớt.

Triều Lê sau khi hỗn nhất, có một viên quan họ Hoàng người ở Lạng-giang đi xuống Trường-an (kinh-đô) lĩnh chức, đỗ thuyền ở bên cạnh sông. Bấy giờ trăng tỏ sao thưa, bốn bề im lặng, chợt nghe thấy ở mỏm bãi cát đằng phía đông-nam, có

tiếng khóc rất ai-oán. Chèo thuyền đến xem, thấy một người con gái tuổi độ 17, 18, mặc một cái áo lụa đỏ, đương ngồi trên đệm cỏ. Hoàng hỏi :

— Đem sáu như vậy, tại sao mà cô khóc-lóc thế, khiến lòng sắt đá cũng phải ù-mềm đi.

Người con gái khép-nép, lau ráo nước mắt rồi nói :

— Thiếp vốn người ở Phong-châu, cha mẹ làm nghề buôn hàng tằm. Không may bị quân cường-đạo giết người cướp của, cha mẹ thiếp đều hồn chôn bụng cá, xương gửi lòng sông. Còn lại tằm thân yếu-ớt trơ-trọi này thoát khỏi miệng hùm, lặn lên bờ sông, tìm vào nhà dân ở đậu. Hôm qua, nhân ra bờ sông hái dâu cho bà chú, chợt đi qua chỗ gặp nạn cũ, bất giác đau xót mà ngồi đây khóc-lóc đến giờ.

Hoàng nói :

— Cô đã bơ-vơ trơ-trọi, không chỗ tựa nương, nay tôi nhân đi-chơi Trường-an, nếu cô muốn về kinh thì tôi cho xuống ngồi nhờ thuyền. Vả từ kinh về đến quê-hương nhà cô, thuận gió no buồm bất quá cũng chẳng là mấy chốc.

Người con gái lại khóc nói :

— Chiếc thân trời nổi, nào có đáng tiếc gì đâu, chỉ hận một điều là hài cốt cha mẹ, chưa vớt lên được để đem về mai táng.

— Nếu nàng muốn thế tôi cũng chẳng quản gì bỏ một số tiền, vì nàng thu-thập những xương rơi đưa về cố-hương, đó cũng là một cái nhân-duyên trên bước đường gặp-gỡ.

Người con gái mừng-rỡ :

— Nếu vậy thật là lòng trời. Ngài quả giúp cho được như thế, thật là cái ơn cốt-nhục sinh tử. Thiếp dù có nát thân báo-đền cũng không dám quên.

Hoàng bèn thuê người giỏi lặn-ội, ngụp xuống đáy sông mò vớt hài cốt rồi chở đem xuống nam.

Có lúc chàng lấy lời thử đùa-cợt nàng để dò xem y từ thế nào, nhưng nàng chống-lại rất xứng. Hoàng càng yêu-quý và nể sợ.

Khi về đến kinh, Hoàng không đi lĩnh chức vội, lại ngược lên cửa tuấn Bạch-hạc, đem hài cốt táng ở bên sông. Việc xong, một hôm nàng bảo với Hoàng rằng :

— Thiếp cùng chàng vốn chẳng hẹn-hò, bỗng nên gặp-gỡ. Nhưng trước kia vì cha mẹ chưa được mồ êm mả đẹp, cho nên phải chống lại những sự đùa-cợt của chàng. Nay việc đã viên thành, vậy xin được đem mình hầu-hạ khẩn lược. Vả lại-chàng đi làm quan xa, giúp trong thiếu kẻ, vậy thiếp xin đương những công việc tảo tần.

Đã thành vợ chồng, tình-ái rất là thắm-thiết. Nàng lại cử-động rất hợp lễ, nói-năng biết lựa lời, họ-hàng bè-bạn, ai cũng đều khen-ngợi.

Làm quan được một tháng, Hoàng bỗng bị bệnh diên-cưỡng hoảng-hốt, mê lịm đi không còn biết gì. Nàng sớm tối khóc-lóc thiết-tha không rời ra một bước. Song Hoàng thuốc không chịu uống, mạch không cho xem ; ai đem bùa dẫu đến thì Hoàng mắng nhiếc. Các thầy thuốc thầy cúng đều ngờ là có ma quỷ, nhưng cũng không biết làm thế nào, chỉ đành nhìn nhau mà thôi. Sau đó có một người khăn cũ giầy rách, ăn mặc lôi thôi đi vào. Mọi người trông thấy cả cười thì người ấy nói :

— Các ông đều là tay hèn cả, ta đây mới chính là lạc thần y, chẳng những chữa được khỏi bệnh lại còn có thể khiến người mọc cánh thành tiên được nữa.

Hỏi đến phương-thuật thì biết chữa phong trị khí, thăm đến tay-nải thì có trần-bì phụ-tử. Hoàng bèn cười rồi đưa tay cho xem mạch. Người ấy nói :

— Không hề gì ; chỉ có phủ tạng không diên-hóa, sinh ra mê-hoặc. Nên uống thang thuốc liền (thực dễ ăn được nhiều và làm nhiều) để thần-cung quý sẽ được yên-sự.

Bèn lấy thuốc hòa vào trong một cái chai trắng rồi đổ cho Hoàng uống tất cả. Uống thuốc xong, Hoàng nôn mửa ra vài đống bọt dãi rồi nằm thiếp đi. Người con gái cả giận, lấy gậy đập vỡ cái chai rồi mắng rằng :

— Anh chàng huyền-thuật này ở đâu đến đây, ly-gián vợ chồng ta, chia rẽ nhà-cửa ta!

Người ấy lấy một đạo bùa ném ra, người con gái liền theo bùa mà ngã bõ nhào xuống đất, thành ra một đồng xương trắng. Người ấy lấy nước nóng thất hương rót vào ngực Hoàng. Một lúc Hoàng tỉnh lại, hỏi những việc trước thì chẳng biết gì cả. Mọi người tranh nhau hỏi duyên-cớ, người ấy nói :

— Tôi chợt trông mãi ông này, thấy đầy những yêu khí, mà người con gái ấy, chính là gốc rễ tà-yêu. Ban đầu tôi phải nói lằng-nhằng để nàng coi thường lời tôi, rồi tôi mới có thể trở tái ra được. Nếu không thì vị tất đã cho được ông ấy uống thuốc.

Mọi người đều kinh-phục.

Bèn sai người đến bến sông Bạch-hạc đào ngôi mộ táng ngày trước lên, thấy chỉ có mấy hờn máu tươi chứ chẳng có xương cốt đâu cả. Vừa toan nhặt lấy những hòn máu thì thoát đã chẳng thấy máu nữa. Người ấy than rằng :

— Cảnh lá tuy trừ nhưng gốc rễ còn chưa cắt được. Nếu không có thiên-bình thần tướng, trừ khử một cách ráo-riết, chỉ e lại mắc phải độc thủ thì thật rất nguy cho ông.

Sau đó hơn một tuần, Hoàng đương ban ngày nằm chơi, thấy hai người linh vào bắt đem đi, đến một chỗ chung quanh có tường bao bọc, trong có cung-diện trang-nghiêm, duy mái hành-lang bên tả bị xiêu đổ. Trên điện có một người đầu đội mũ miện, quát to lên rằng :

— Diêm-vương có chỉ, sai ta tra-xét cái án nhà ngươi đó.

Sai tả hữu lấy đưa cho chàng giấy bút, bắt phải cung khai. Hoàng nói :

— Tôi vốn nhà nghèo, may được đăng tên vào sổ sĩ-hoạn, xử mình không quất-quèo, làm quan không tham-tàn, tội-trạng không rõ, chẳng dám tuán mệnh.

Nói chưa dứt lời, đã thấy người con gái ở với mình ngày trước từ mái hành-lang phía tả đi ra. Hoàng hiểu ra ngay, liền cầm bút cung rằng :

« Kính nghe :

Kinh Xuân-thu góp sự lạ, tuy đã nói, thần giáng đều hiền (1).

Sách Dã-sử nhật điều rơi, phạm via mai, tinh đèn cũng chép (2).

(1) Kinh Xuân-thu chép mùa Xuân năm Đinh-mão thứ 8 đời vua Chiêu-công nước Lỗ, có hòn đá biết nói ở ấp Ngụy-du nước Tấn. Lại chép năm thứ 31 đời vua Trang-công có vị thần giáng xuống đất Sầm.

(2) Triệu Sur-Hùng đời Tùy, trong năm Khai-Hoàng, đi qua núi La-phù ở huyện Nam-hải đất Quảng-châu, một hôm trời tối lạnh-lùng, thấy một chiếc nhà tranh bên cạnh quán rượu ở giữa rừng thông, có cô gái đẹp mặc áo trắng ra mời đón. Dưới bóng trăng mờ, Sur-Hùng cùng cô gái chuyện trò thân-mật, rồi cùng gõ cửa nhà hàng rượu vào uống với nhau, một lát lại có đứa trẻ áo xanh ra cười đùa hát múa. Sur-Hùng say rượu nằm kềnh ra ngủ, đêm khuya thấy rét lạnh lắm, gần sáng nhìn xem, té ra nằm ở dưới góc một cây mai lớn (Thượng-hữu-lục) — Tống-Tiêm làm chức Tuần-Kiểm ở Cam-lăng, đón một người bạn là Triệu-Đương-Huấn đến nhà ngồi dạy trẻ học. Một đêm Triệu thấy một người đàn bà đẹp đứng dưới đèn ngâm thơ khêu gọi, rồi tắt phụt đèn đi, từ đấy hai người đêm nào cũng quãn-quất với nhau. Lâu rồi Tống-Tiêm biết, sai người nhà vây bắt được người đàn-bà ấy, nắm cổ tay thấy bé tí, nhìn ra thì là cái quặng đèn. Bèn đốt bỏ cái đèn ấy đi (Viên-cơ).

Há bởi trước đặt-bày huyền-hoặc.

Cốt muốn người phòng bị tà-gian.

Cho nên Thái-Chân đốt sừng tê soi xuống vực sâu, Thủy-thần trách lóc (1).

Mã-Lượng viết bàn tay thò vào cửa sổ, quý vật kêu van (2).

Hoặc xua giống quái khiêng giường (3).

(1) Ôn-Kiệu đời Tấn tên tự là Thái-Chân, đi qua bến Ngưu-trư. Chỗ đó nước sâu thăm-thẳm, người ta vẫn đồn là có nhiều quái vật. Kiệu bèn đốt một cái sừng tê soi xuống, một chốc vô số những thủy-tộc kỳ-hình quái-trạng hoặc đi xe đi ngựa, hoặc mặc áo đỏ, lở-nhổ hiện ra. Đêm hôm ấy, Kiệu nằm chiêm bao thấy có người bảo : “ Ta cùng người tối sáng khác đường, sao lại soi nhau để làm gì thế ”; xem ý có vẻ tức giận lắm. (Viên cơ).

(2) Mã-công-Lượng đời Tống, thuở nhỏ một đêm ngồi đọc sách dưới đèn ở trong cửa sổ, chợt thấy có một bàn tay lớn như là cái quạt thò vào, đêm hôm sau cũng lại như thế. Lượng bèn lấy bút nhấp nước hùng hoàng viết lớn một chữ “hoa” vào tay. Ngoài cửa sổ chợt có tiếng kêu to, bảo có rửa hộ ngay đi không. Lượng cứ mặc kệ. Gần sáng, tiếng kêu van càng tha-thiết và táy vẫn không rút ra được ; lại nói : “ Ông sắp làm nên đại quý nên tôi đùa-trêu ông, sao nỡ làm cho tôi khốn quẫn quá thế ! Há không biết việc Ôn-Kiệu đốt sừng tê ư ? ” Lượng nghĩ ra, bèn lấy nước rửa sạch chữ hoa, cái quý ấy cảm tạ mà đi. (Viên cơ).

(3) Nguy-nguyên-Trung đời Đường, một hôm thấy có mấy người đàn-bà con-gái từ đâu hiện đến đứng ở trước giường. Ông bảo : “ Có thể khiêng cái giường ta xuống dưới sân được không ? ” Họ liền khiêng ngay giường ông xuống dưới sân. Lại bảo : “ Có thể khiêng trả giường ta đặt vào chỗ cũ được không ? ” Họ lại không đặt vào chỗ cũ. Lại bảo : “ Có thể khiêng giường ta ra phố được không ? ” Họ đều cúi lạy rồi đi và bảo với nhau rằng : “ Đó là bậc trưởng-già khoan-hậu, ta không nên đùa-cợt như với những người khác ”. (Viên cơ).

Hoặc giết con tinh thối lửa (1).

Ấy kẻ sĩ cương-phương bao thừa chẳng sợ tà
yêu,
Huống tòa đều hương lửa trăm năm, lại dong
xú loại !

Như tôi,

Tính vốn thô sơ,

Vận may hiển-đạt.

Tiểu-diều một chức, lạm ăn món bồng thay cày
Tịch-mịch nửa chần, riêng nặng nỗi buồn lẻ
bạn.

Ai biết dưới trăng gặp-gỡ,

Vốn vì kiếp trước nợ-nần.

Đem môi son má phấn làm tôi say-mê,

Rút nguyên-khi chân-tinh khiến tôi hao-tồn.

Nếu không gặp thần-y cứu chữa,

Sớm đã về chín-suối vật-vờ.

Xuống sông mà rằng không bắt cá, hồ dễ ai tin,

Lấy đức mà làm sự phạt tội, dám xin thương
đoái ».

Tờ cung tiến-trình lên, Diêm-vương cả giận
nói :

— Không ngờ cái nhãi, mà dám đảo-diên, đã
làm sự dám-tà, lại còn toan kiện bậy. Vậy nên đem
tống giam vào ngục.

Bèn viết lớn lời phê-phán rằng :

« Mãng nghe :

Biển hóa ra vượn hạc sâu cát, đời Chu từng
nghe (2).

(1) Đời Tam-quốc, Quân-lộ một đêm đương ngồi dưới
dèn, chợt có một con vật nhỏ, tay cầm mớ lửa kê lên miệng
thời, xuyt nửa cháy nhà. Lộ sai học trò gươm dao chém đứt đôi
lưng, té ra là một con cáo. Từ đấy trong làng không có hỏa
tai nữa. (Viên cơ)

(2) Vua Mục-Vương nhà Chu đi đánh phương Nam,
cả một đội quân đều biến-hóa, quân-tử thì hóa làm vượn làm
hạc, tiểu-nhân thì hóa làm sâu làm cát. (Loại tự)

Tinh-linh của hoa-biểu hồ-ly, triều Tấn lại
thấy (1)

Thế vận dẫn xuống,
Ma quái càng nhiều,
Cho nên, Đạo-gia có phép trừ yêu,
Địa-ngục có bùa triệu quỷ.
Hăm bốn tòa nghiêm-mật, công việc chia riêng,
Nghìn vạn giống quỷ-yêu, tâm-hơi trốn biệt.
Có sao loài nhơ-nhớp,
Dám giở thói điên-cuồng,
Một đời chỉ sống với tà-dâm, tham-lam đã lắm,
Đến chết vẫn còn toan đối-trá, giả mạo sao
nhiều.

Cho là tội danh có thể trốn qua,
Cho là Minh-phủ không thể trừng-phạt.
Cáo họ Nhâm, hồ họ Thôi, lắm trò biến
huyễn (2),
Gươm làm cây, dao làm núi, phải giở ngục-
hình (3).

(1) Đời Tấn Huệ-đế, mả vua Chiêu-vương nước Yên có con hồ-ly già và cây cột trụ đều thành yêu-tinh. Con hồ-ly hóa thành người học trò đến thăm nhà bác-vật Trương-Hóa. (Sách Tiên-dăng).

(2) Nữ yêu họ Nhâm, rất đẹp, lấy chàng Trịnh-Sinh. Sau mấy tháng, vợ chồng đưa nhau ra ngoài thành chơi, gặp người đi săn dắt chó, nàng Nhâm chột ngã ngựa hóa thành con cáo rồi bị chó săn cắn chết (Hương-dài) — Thôi Thao đi đến quán Hiếu-nghĩa, thấy một người đàn-bà gói đầu vào cái da hồ mà ngủ. Thao kéo lấy da hồ vất xuống giếng, người đàn-bà sực tỉnh dậy, mắt da không biến được nữa. Thao lấy làm vợ. Sau ba năm, nàng hỏi da hồ để đâu : Thao bảo ở dưới giếng. Nàng vớt lên khoác vào mình, hóa làm con hồ, găm thét mà đi mất. (Hương-dài)

(3) Gươm làm cây, dao làm núi là trở vào những ngục Kiếm-thụ Đạo-sơn người ta tin là có ở dưới Âm-phủ.

Đến như gã Hoàng,
 Cũng là đáng trách
 Chí thiếu bền-cứng
 Lòng vương ham-mê
 Không biết bắt chước Nhan Thúc-Tử chối từ
 cô ả láng-giềng (1),
 Lại đi nối bước Vũ Thừa-Tự mê mãi con yêu
 hoa-nguyệt (2).

Chẳng tội gì đó,
 Có nhẹ mà thôi,
 Lời ta phán truyền,
 Thi-hành lập-tức ».

Lại ngoảnh bảo Hoàng rằng :

— Nhà ngươi theo đòi nho học, đọc sách thánh-hiền, trải xem những sự tích xưa nay, há không biết lời răn sắc đẹp, cứ sao lại đi vào con đường ấy !

Liền cầm bút phê rằng :

« Bỏ nét cương-cường, theo đường tà-dục, giảm thọ một kỷ ».

Lại sai hai tên lính đưa Hoàng về nhà. Hoàng vuôn vai bưng tỉnh, mồ-hôi toát ra đầy mình. Sau mấy năm, nhận đi việc quan đến hạt Tam-giang, vào nghỉ ở đền Phong-châu, thấy đền-dài tường vách, tượng thần và cái hành-lang trụi đồ, đúng như trong chiêm-bao trông thấy, mới biết đạo trước chính là mình bị đòi đến đây. Hoàng vội lên ngựa ruổi mau, không dám ngoảnh lại. Bấy giờ là ngày Đinh-tỵ tháng 8 năm Thiệu-bình thứ 2.

(1) Nhan Thúc-Tử đời Chu, người nước Lỗ, một mình ở một cái nhà. Đêm mưa bão, nhà láng-giềng phía bắc bị đổ, một cô gái chạy sang trú nhờ. Thúc-Tử bắt cô gái cầm một cây nến ở tay, nến hết lại đưa cây khác để đốt tiếp, đến sáng mới thôi. Giữ mình ngay sạch đến như thế. (*Thượng-hữu-lục*)

(2) Vũ Thừa-Tự tức là Vũ Tán-Tư người đời Đường, có người nàng hầu là Tố-Nga, vốn là cái tinh hoa nguyệt hóa hiện thành người. (Đã có chưa ở trên).

Lời bình

Than ôi ! dòm vào buồng, kêu trên xà, chẳng đã là quái gỡ ư ? Thưa rằng chưa vậy. Con gấu Vũ-uyên (1), con lợn Bối-khâu (2), chẳng đã làm quái-gỡ ư ? Thưa rằng chưa vậy. Bởi Xương-lê làm bài văn Nguyên-quý, Khâu-minh giải nghĩa kinh Xuân-thu, ấy là quái trở nên làm thường. Thế thì câu chuyện Xương-giang, chẳng phải là quái. Phương chi xem thấy yêu nữ mê người, sẽ biết răn sợ trước sắc đẹp, xem thấy linh-từ xử án, sẽ biết kính tránh trước thần thiêng. Nghi đề truyền nghi, chẳng có gì là quá đáng vậy.

(1) Vua Tấn ốm, chiêm-bao thấy con gấu chạy vào cửa sổ. Hàn Tuyên-Tử hỏi Tử-Sản. Tử-Sản nói : "Đời xưa vua Nghiêu giết ông Côn ở Vũ-sơn, hồn thiêng ông Côn hóa làm con gấu vàng, vào ở Vũ-uyên, đời Tam-dại vẫn cúng tế. Nước Tấn từ khi làm minh-chữ, chừng chưa cúng tế phải không ?" (Loại-tự).

(2) Đời Xuân-thu, Tề-hầu ra săn ở đất Bối-khâu, thấy một con lợn lớn. Kẻ theo hầu nói : "Đó là công-tử Bành-sinh hiện lên đấy.". Tề-hầu nói : "Bành-sinh sao được như thế !" Bàn bản một phát. Con lợn đứng lên như người mà khóc. Hầu sợ, ngã xe, bị thương ở chân và rơi mất giày.

CÂU CHUYỆN ĐỐI-ĐÁP CỦA NGƯỜI TIÊU-PHU NÚI NA

ĐẤT Thanh-hóa phần nhiều là núi, bát-ngát bao-la đến mấy nghìn dặm. Trong đó có một ngọn núi cao chót-vót, tên gọi núi Na (1). Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm-trở mà quanh-hiu, bụi trần không bén đến, chân người không bước tới. Hằng ngày trong động có người tiêu-phu gánh củi đi ra, đem đánh đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy một đồng tiền nào. Hễ gặp ông già trẻ con dưới đồng bằng, lại nói chuyện những việc trồng dâu trồng gai một cách vui-vẻ. Ai hỏi họ tên nhà cửa, tiêu-phu chỉ cười không trả lời. Mặt trời ngậm núi, lại thủng-thỉnh về động. Người đương thời cho là người thuộc hạng Thần-môn Tiếp Dư (2), chứ Thái

(1) Núi Na ở về địa-phận xã Cồ-dĩnh huyện Nông-cống.

(2) Thần-môn là người giữ việc mở công thành buổi sớm ở đời Xuân-thu, đó là một bậc hiền-giả lánh đời (Luận ngữ).

— Tiếp Dư họ Lục tên Thông, người đời vua Chiêu-vương nước Sở, giả cách rồ-dại không chịu ra làm quan, người đương thời gọi là Sở-cuồng, nghĩa là kẻ cuồng nước Sở.

Hòa (1) trở xuống đều không đủ kè.

Sau đến năm Khai-dại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường, thấy đương vừa đi vừa hát rằng :

那 之 山 有 石 嶮 峴
Na chi sơn hữu thạch loạn ngoạn

樹 蒼 蒼
Thụ thương thương

烟 莫 莫
Yên mịch mịch

水 潺 潺
Thủy sần sần

朝 兮 吾 出
Triêu hề ngô xuất

暮 兮 吾 還
Mộ hề ngô hoàn

有 衣 兮 製 芰
Hữu y hề chế kỷ

有 佩 兮 紉 蘭
Hữu bội hề nhện lan.

闥 排 青 兮 屏 曉 瘴
Thát bài thanh hề bình hieu chương.

田 護 綠 兮 枕 晴 灘
Điền hộ lục hề trâm tình than.

任 他 朝 市
Nhậm tha triều thị

任 他 車 馬
Nhậm tha xa mã

(1) Lam Thái-Hòa, tương truyền là một dật-sĩ cuối đời Đường, thường mặc bộ quần áo rách, một chân xỏ giày một chân giẫm đất, đi lang thang ở đường ở chợ, tay cầm thanh gỗ dài ba thước, uống rượu say như rồi gõ thanh gỗ ấy làm phách mà hát nghèo-ngao.

緇塵不到此江山
 Tri trần bất đáo thử giang-san.
 幽草宋朝弓劍
 U thảo Tống triều cung kiếm,
 古丘晉代衣冠
 Cổ khâu Tấn đại y quan
 王謝風流
 Vương Tạ phong-hưu
 趙曹事業
 Triệu Tào sự nghiệp
 算往古來今卿相
 Toán vãng cổ lai kim khanh tướng,
 石篆苔漫
 Thạch triện đái man
 爭如我掉頭一覺
 Tranh như ngã trạo đầu nhất giác
 紅日三竿
 Hồng nhật tam can.

Dịch :

Núi Na đá mọc chênli-vành,
 Cây tùm-um, nước long-lanh khỏi mờ.
 Đi về hôm sớm thần-thơ,
 Minh dư áo lá, cỏ thừa chuỗi hoa,
 Ngõ : xanh bao-bọc quanh nhà,
 Ruộng đem sắc biếc xa xa điều ngoài.
 Ngựa xe vông lọng thây ai,
 Nước non riêng chiếm, bụi đời khôn vương
 Áo đai đời Tấn gò hoang,
 Kiếm cung triều Tống dưới làn cỏ xanh (1)

(1) Thơ Lý-Bạch : Ngõ cung hoa thảo mai u kính, Tấn đại y quan thành cỏ khâu. Nghĩa là : Hoa cỏ cung Ngõ vùi ngõ tối, áo đai đời Tấn lấp gò cao.

Sự đời bao xiết mong-manh

Phong-lưu Vương, Tạ, công-danh Triệu, Táo (1)

Từ xưa khanh tướng ngôi cao,

Đá mờ rêu phủ đã bao nhiêu rồi.

Sao bằng ta được thành-thời,

Giấc mai bình tỉnh mặt trời lưng không.

Hát xong rồi phất áo đi thẳng. Hán-Thương đoán chắc đó là một vị ẩn-giả, bèn sai quan hầu là Trương-công đi theo mời lại. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì người ấy đã rảo bước vào động, vội gọi cũng không trả lời, chỉ thấy cuội mây lách khúi, đi thoăn-thoắt trong khoảng cành tùng khóm trúc. Biết đó không phải là người thường, bèn rón bước theo sau, rẽ cỏ lấy đường, đi ước chừng 2, 3 dặm. Song đường núi gập-ghềnh, càng vào sâu càng khó đi lắm, rồi trong thoắt chốc đã chẳng thấy người ấy đâu cả. Ngẩng lên trông, tà-dương đã gác đầu núi, cây cỏ đã bắt đầu lờ-mờ, bàng-hoàng muốn về, nhưng đã không kịp. Bỗng nghe thấy có tiếng gà gáy ở trên một chòm cây trúc, Trương mừng mà rằng :

— Đây đến chỗ có nhà người ở cũng không xa gì.

Chống gậy trèo lên thì thấy có một cái am cỏ, hai bên tả hữu trồng mấy cây kim-tiền, chen lẫn vào những cây bích-đào hồng-hạnh, đều xanh tốt đáng yêu cả. Trong am đặt một cái giường mây: trên giường để đàn sáo và chiếc gối dựa. Hai bên bức vách đông tây đều chát keo trắng và đề hai bài ca, một bài là « Thích ngữ », một bài là « Thích cừ ».

(1) Vương-Đạo, Tạ-An là khanh tướng đời nhà Tấn ; Triệu-Phổ, Tào-Bân là khanh tướng đời nhà Tống.

Bài ca thích ngữ

吾何愛? 愛惟眠
 Ngô hà ái? ái duy miên,
 愛爲安舒性適然
 Ái vị an thư tính thích nhiên
 淺墨帳添新富貴
 Thiển mực trướng thiêm tân phú quý
 矮藤牀結舊因緣
 Ủi đẵng sàng kết cựu nhân-duyên
 梅之軒竹之園
 Mai chi hiên trúc chi viên
 幽居趣味有林泉
 U cư thú vị hữu lâm tuyên.
 青奴擁後
 Thanh nô ủng hậu
 紅友羅前
 Hồng hữu la tiền
 媒引黑甜勝
 Môi dẫn hắc điềm thắng,
 景涼思輕便
 Cảnh lương tư khinh biền
 雙掩耳紅塵世上
 Song yểm nhĩ hồng trần thế thượng,
 小曲肱白屋雲邊
 Tiểu khúc quăng bạch ốc vân biên
 寄傲草廬南陽閑日月
 Kỳ ngạo thảo lư, Nam dương nhàn nhật-nguyệt
 欠伸雲觀趙宋窄山川
 Khiếm thân Vân-quán, Triệu-Tống trich sơn xuyên
 北牕吟魂易觸
 Bắc song ngâm hồn dị xúc,
 西堂春夢常圓
 Tây đường xuân mộng thường viên

書樓初捲夕
 Thư lâu sơ quyển tịch,
 酒店欲晴天
 Tiều điếm dục tình thiên
 玄鶴黃州夜夜
 Huyền-hạc Hoàng châu dạ dạ
 美人湘水年年
 Mỹ-nhân Tương thủy niên niên
 有時向醉鄉打卧
 Hữu thời hương túy hương đả ngoạ
 草鋪茵花鋪幄地鋪氈
 Thảo phủ nhân, hoa phủ ốc, địa phủ chiên
 彭澤夜深半簾殘月
 Bành Trạch dạ thâm, bán liêm tàn nguyệt ;
 濂溪院靜一枕啼鵲
 Liêm Khê viện tĩnh, nhất trâm đề quyên.
 任人道爲懶夫士爲渴睡漢爲隱神仙
 Nhiệm nhân đạo vi lãn phu sĩ, vi khát thụy hán,
 vi ẩn thần tiên.

Dịch :

Thích gì ? ta thích ngủ thôi,
 Vì chung ngủ được trong người sỏi-sang,
 Nhân-duyên xe chặt giường màn,
 Trúc, mai, rừng, suối, muôn vàn cảnh thanh.
 Quanh mình bạn đỏ hầu xanh (1)
 Giấc ngon bưng tỉnh tâm linh nhẹ vèo.
 Bưng tai chuyện thẽ eo sèo,
 Khoanh tay ngất-ngưỡng nằm khoèo bên mây

(1) Bạn đỏ, chữ là hồng-hữu, tên một thứ rượu. Hầu xanh, chữ là thanh-nô, trở vào một thứ gối dựa làm bằng trúc xanh, mùa hạ đặt trên giường để gác chân tay vào cho mát.

Lều tranh một túp xinh thay,
 Nam-dương nọ kẻ thàng ngày thảnh-thơi (1),
 Quán Vân uể-oải nằm dài,
 Non sông coi nhỏ kla ai Tống triều (2)
 Lầu tây song bắc tiêu diêu
 Khi mai quán rượu, lúc chiều hiên thơ.
 Sông Tương người đẹp trong mơ (3),
 Châu Hoàng bóng hạc vật-vờ cao bay (4)
 Có khi ngủ tít làng say,
 Đất giương, cỏ đặm, hoa vầy làm mãn.
 Uyên-minh ngủ dưới trăng tàn (5)
 Liêm-khê gối chợp tiếng ran quyền gào (6)
 Chê khen ai bảo thế nào :
 Đờ lười biếng, bạc thanh cao, mặc lòng.

(1) Ông Gia-cát Lượng trước khi ra giúp ông Lưu Bị, nằm ngủ khênh trong túp lều tranh ở đất Nam-dương.

(2) Trỏ vào ông Trần-Đoàn, một bậc cao-sĩ đời Tống, mấy lần vua vời đều từ chối không ra. Trước ở tịch cốc và luyện khí hơn hai mươi năm tại núi Vũ-dương, sau dời đến quán Vân-dài ở núi Họa.

(3) Xưa có người bắt được cái gối, đêm nào nằm cũng mơ thấy cùng một mỹ-nhân đi chơi trên sông Tương.

(4) Đời Tống, ông Tô Đông-Pha khi bị trích xuống Hoàng-châu (làm quan có lỗi phải dời đến chỗ xa xôi hay rừng thiêng nước độc, gọi là bị trích), mùa thu cùng bạn đi chơi thuyền trên sông Xích-bích, thấy một con hạc bay qua trên thuyền, rồi đêm ngủ trong thuyền chiêm-bao gặp một đạo-sĩ mặc tấm áo lông.

(5) Uyên-minh tức là ông Đào-Tiêm đời Tấn, từ quan về ăn, nằm ngủ ở dưới cửa sò đằng bắc, tự coi mình là người đời Hy-Hoàng.

(6) Ông Chu-Liêm-Khê đời Tống có một cái gối, hễ nằm vào ngủ thì nghe thấy tiếng quốc kêu nhân gọi là cái "gối quốc kêu"

Bài ca thích cờ

吾何愛？愛惟棋

Ngô hà ái? ái duy kỳ,

愛爲風雲變態奇

Ái vị phong vân biến thái kỳ.

劣處類龍蛇失勢

Liệt xử loại long xà thất thế,

勝邊如熊虎揚威

Thắng biên như hùng hổ dương uy.

車雙馳馬雙飛

Xa song tri, mã song phi

渡河一卒靠重圍

Độ hà nhất tốt靠着重圍

北南相界形勢相依

Bắc nam tương giới, hình thế tương y

方圓動靜妙算無遺

Phương viên động tĩnh, diệu toán vô di

春寂寂乍敲殘夢

Xuân tịch tịch xạ khai tàn mộng

手搖搖擺磅院泥

Thủ dao dao lung toái hương nê.

獨樂園中賓朋初定候

Độc lạc viên trung, tân bằng sơ định hậu,

黃州樓晚酌酹半醒時

Hoàng châu lâu hiều, minh đĩnh bán tỉnh thì.

晝永天留客久

Chú vĩnh thiên lưu khách cửu,

庵高子落聲遲

Am cao tử lạc thanh trì

院教慵妾掃

Viện giáo dung thiếp lão

簾許小童窺

Liêm hứa liễu-đồng khuy

贏輸賭江山半局
 Doanh thâu đờ giang-sơn bán cục
 功名消得失閒機
 Công danh tiêu đắc thất nhàn ky
 渾不覺一天向夕
 Hồn bất giác nhất thiên hướng tịch
 月斜牕烟斜篆竹斜枝
 Nguyệt tà song, yên tà triện, trúc tà chi
 閑范神仙閑中度日
 Lãng uyển thần tiên, nhàn trung độ nhật,
 長安公子醉裏歸忘歸
 Trường-an công-tử, túy lý vong quy
 相對處兼些琴兼些畫
 Tương đối xứ kiêm ta cầm, kiêm ta họa, kiêm
 ta bích đề thi.

Dịch :

Thích gì ? ta thích cờ thối
 Gió mây biển hóa ai ôi lạ-lùng.
 Cờ thua, rỗng rảnh khi cùng,
 Mà xem lúc thắng hồ hùng dương oai.
 Ngựa xe giông ruổi đường dài,
 Sang sông một tốt hãm ngoài trùng vi.
 Bắc nam hình thể riêng chia,
 Tới lui động tĩnh tính suy đủ đường.
 Xuân êm khuya tỉnh giấc vàng,
 Cờ đập mạnh hương đàn thoảng bay (1)

(1) Ý nói quân cờ làm bằng gỗ đàn.

Vườn riêng sum-hạp bạn bầu (1),
 Châu Hoàng lầu Trúc rượu say nửa vời (2)
 Ngày dài lưu khách ngồi chơi,
 Am cao điểm tiếng quân rơi trước bàn.
 Tiêu-đồng ngấp-ngó bên lan,
 Có hầu quanh viện quét làn lá rơi,
 Giang-sơn vật lộn tay dôi,
 Công-danh quên bẵng chuyện đời hơn thua.
 Ngày vui thời khắc êm đưa,
 Trăng tà hương lạnh trúc ngõ-ngần cành.
 Thần tiên nhàn-nhã vườn quỳnh,
 Trường-an công-tử thích tình vui say.
 Trong khi vui nước cờ hay,
 Thêm đàn thêm rượu thêm đầy vách thơ.

Bấy giờ tiều-phu đương ngồi ở cái hiên đá, dạy con chim yểng học nói ; bên cạnh có vài cậu trẻ nhỏ ngồi đánh cờ. Thấy Trương đến, tiều-phu kinh-ngạc mà rằng :

— Chỗ này quanh-vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, sao ông lại lần-mò tới đây như vậy, chẳng cũng khó-nhọc lắm ư ?

Trương nói :

— Tôi là chức quan Cung-phụng của đương-triều ; vì ngài là bậc cao-sĩ, nên tôi được vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện có loạn giá ở ngoài kia, xin ngài ngoảnh lại một chút.

(1) Bài ký vườn Độc-lạc của ông Tư-mã Ôn-công có câu : «Chén rượu vui-vẻ buổi xuân thừa, cuộc cờ tiêu-khiến ngày hạ dài..»

(2) Vương Nguyên-Chi làm bài ký lầu Trúc ở Hoàng-châu, trong có câu : «Nghỉ vi kỳ, tử thanh đình đình nhiên », nghĩa là nên đánh cờ, tiếng con cờ kêu lát chất.

Tiểu-phu cười mà rằng :

— Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông lão già lãnh bụi, gửi tính-mệnh ở lều tranh quán cỏ, tìm sinh-nhai trong búa gió riu trắng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục, bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quần bên ta là tuyết nguyệt phong-hoa, chỉ biết đông kếp mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khói, mùc khe mà uống, bời núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài là triều-dại nào, là vua quan nào.

Bên mời Trương ở lại đó làm một mâm thết, cơm thổi bằng hạt diêu-hồ, canh nấu bằng rau cầm-dái, lại còn có mấy món rau sống khác nữa. Canh khuya chuyện trò, đều là những lời nghĩa-lý đáng nghe cả, nhưng không có một câu nào đả-động đến thời-sự. Hôm sau, Trương lại mời ;

— Những bậc quan-tử đời xưa, không phải là không muốn giúp đời hành đạo ; khi mà giấu kín một chỗ, chỉ là còn đợi giá mà thôi . Cho nên tất có bức tiền-tượng đi tìm rồi sau đồng Thương mới thăm nước (1), tất có cô hậu-xa đi chở, rồi sau nội Mục mới thành công (2). Nay phu-tử lấy tấm thân vàng ngọc, ôm một bọc kinh-luân, ngoài vòng vinh lợi, vui lấp tiếng tăm trong đám ngư-tiêu, dấu tài trí trạch, nấu mình chốn rừng suối, vang tiếng đến cửu-trùng,

(1) Vua Cao-tông nhà Thương chiêm-bao thấy Thượng đế cho một người giúp rập rất tốt, bèn theo trong mộng vẽ một bức hình, rồi sai người đem bức hình ấy đi tìm ; quả nhiên tìm được ông Phó Duyệt, đương đắp bờ đập ở đất Phó-nham, đón về lập làm tướng. Vua có bảo ông Duyệt : «Trời khi nào đại hạn, dùng người làm mưa rào».

(2) Vua Văn-vương nhà Chu đi săn, gặp ông Lã-Vọng câu cá ở sông Vĩ-thủy, mời lên chiếc xe sau trở về, tôn làm bậc thầy ; ông Lã-Vọng bày đồ bát trận rồi đánh được nhà Ân ở đồng Mục-dã.

đốt nón lá, xé áo tơ, nay chính là đến lúc rồi đó. Dám xin bỏ bờ đập Phò-nham, ném cần câu Vị-thủy, đừng để ường hoài khát-vọng của bao kẻ thương sinh.

Tiêu-phu nói :

— Kể sĩ ai có chí nấy, hà tất phải vậy ! Cho nên Nghiêm-Tử-Lăng không đem chức Giám-nghị ở đông-đô, đánh đổi khối sớng Đồng-thủy (1), Khương Bá-Hoài không đem bức tranh vẽ của Thiên-tử, làm nhỡ non nước Bành-thành (2). Tài ta tuy kém, so với người xưa chưa bằng được. Nhưng may lại giàu hơn Kiềm-Lâu (3), thọ hơn Vệ-Giới (4), no hơn Viên-Tĩnh (5), đạt hơn Phụng-Thiến (6), kẻ thì cũng đã được trời đất ban cho khá nhiều. Nếu lại còn tham cầu những cái ở ngoài phận mình, len-lỏi vào đường sĩ tiến, chẳng những xấu-hổ với các bậc tiền hiền, lại còn phụ-bạc với vợ con ở trong núi nữa. Vậy xin ông đi đi, đừng nói lời thôi gì nữa.

Trương nói :

— Ngài cho là hiện-thời không đủ để cho ngài làm việc-được chăng ? Nay có đấng Thánh-nhân ngự-trị, bốn bề đều ngóng trông, người Chiêm dáng đất mà xưng thần, quân Minh nộp lễ để xin

(1-2) Đã chua ở phần đầu : « Nguyễn-Dữ với Truyền-Kỹ Mạn-Lục ».

(3) Kiềm-Lâu là một bậc cao-sĩ nhà nghèo, lúc chết chỉ có một cái áo che kín đầu thì hở chân, che kín chân thì hở đầu.

(4) Vệ-Giới đời Tấn, người đẹp văn hay, thọ được 27 tuổi thì mất.

(5) Viên-Tĩnh là một người học-trò, nghèo cùng chết đói ở dọc đường.

(6) Tuân-Sán đời Ngụy tên tự là Phụng-Thiến, có người vợ đẹp lắm. Sau người vợ ốm chết, Phụng-Thiến cũng chết theo.

lui. Lão-qua, Đại-lý các nước cũng đều tranh nhau quy-phục. Hiện chỉ còn thiếu các bậc dật-nhân ở rừng núi ra mà giúp rập, khiến cho huân-đức của Chúa-thượng được sánh cùng các vua Nghiêu, Thuấn ngày xưa. Ngài nếu định trọn đời ần-lánh, bắt-chước như Vụ-Quang, Quyên-Tử, thì cứ như vậy không sao. Nhưng nếu còn hơi đề ý đến đám dân kia thì bỏ lỡ dịp này không ra, tôi sợ rằng sẽ cùng cỏ cây cùng nát, không bao giờ lại có được dịp gặp-gỡ hay này nữa.

Tiêu-phu biến sắc nói :

— Như lời ông nói, há chẳng là khoe-khoang quá, khiến cho người nghe phải thẹn-thùng. Và vì vua ngự-trị bây giờ, có phải là họ Hồ không ?

— Chính phải.

— Có phải là đã bỏ khu Long-đỗ để về ở đất An-tôn không ? (1)

— Phải.

— Ta tuy chân không bước đến thị-thành, mình không vào đến cung-đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bây giờ là người như thế nào. Ông ấy thường đối-trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim-âu, đốc cạn của kho để mở phố Hoa-nhai (2), phao-phi gấm-là, vung-vãi châu-ngọc, dùng vàng như cỏ-rác, tiêu tiền như đất bùn, hình-ngục có cửa dứt là xong, quan-chức có tiền mua là được, kẻ dăng lời ngay thì phải giết, kẻ nói điều nịnh thì được thưởng, lòng dân động-lay, nên đã xảy việc quân sông

(1) Long-đỗ tức là thành Thăng-long ; An-tôn là tên một làng ở huyện Vĩnh-phúc (nay Vĩnh-lộc) Thanh-hóa, họ Hồ thiên-dô từ Thăng-long vào đấy.

(2) Kim-âu, Hoa-nhai là hai làng thuộc về huyện Vĩnh-phúc, họ Hồ dựng cung và mở phố ở đấy.

Đáy (1), cỡi bò chéch-mếch, nên đã mất giải đất Cồ-lâu (2). Vậy mà các kẻ đình-thần trên dưới theo hùa, trước sau nối vết. Duy có Nguyễn Bằng-Cử (3) có lượng nhưng chậm-chạp, Hoàng Hối-Khanh (4) có học nhưng lờ-mờ, Lê Cảnh-Kỳ (5) giỏi mưu tính nhưng không quyết-đoán, Lưu Thúc-Kiệm (6) quân-tử nhưng chưa được là bậc nhân ; còn ngoài ra phi là đồ tham tiền thì là tuồng nát rượu, phi là đồ chỉ lấy yên-vui làm thích, thì là tuồng lấy thế-vị mà khuyh-loát nhau, chứ chưa thấy ai biết những kế lạ mưu sâu để lo tính cho dân-chúng cả. Nay ta đương náu vết ở chốn núi rừng, lo lắng tránh đi chẳng được, há lại còn xấn áo mà lợi nữa ư ? (7). Xin ông vui lòng trở về, làm ơn từ-chối hộ kẻ cư-sĩ này. Ta không thể đem hòn ngọc Côn-sơn cho nó cùng cháy ở trong ngọn lửa Côn-sơn (8) được.

(1) Đáy đây là sông Tiểu Đáy ở địa-hạt tỉnh Vinh-yên bây giờ. Tháng 8 năm Kiến-tân thứ hai 2 đời Trần Thiếu-đế Nguyễn Như-Cái nổi lên làm giặc ở đây, có quân đến hơn một vạn, tung-hoành khắp mấy huyện. Sau do Nguyễn Bằng-Cử dẹp yên được.

(2) Người Minh sai sứ đòi cắt đất, Quý-Ly phải cắt khu Cồ-lâu cả thảy 59 thôn để dâng.

(3) Người Đông-ngạn Bắc-ninh, làm quan nhà Trần đến chức Đông-lộ Yên-phủ-sứ.

(4) Đỗ Thái học-sinh đời Trần Đế-Nghiễn, cuối nhà Hồ làm đến Thị-lang.

(5) Trước làm quan nhà Trần, sau làm quan nhà Hồ đến chức Hành-khiển.

(6) Đỗ đầu khoa Thái-học-sinh cuối Trần.

(7) Trương-Hoa đời Tấn đón mời ầu-sĩ là Vi-Trung, Trung thác bệnh không ra. Người ta hỏi cô, Trung nói : « Ta còn đương lo sóng rớt ở cái vực sâu kia nó tràn đến ta, há lại còn xấn áo mà lợi nữa ư ! »

(8) Chử ở thiên Thuấn-diễn trong kinh Thư : « Hòa-viêm Côn-cương, ngọc thạch cầu phần », nghĩa là : lửa đốt non Côn, ngọc đá đều cháy.

Trương nói :

— Sự xuất-xử của bậc người hiền, lại cố-chấp đến như thế ư ?

Tiêu-phu nói :

— Không phải là ta cố-chấp. Ta chỉ ghét những kẻ miệng lưỡi bẻo-lẻo, đã đắm mình vào trong cái trào-dinh trọc-loạn, lại còn toan kéo người khác để cùng đắm với mình.

Trương lặng im không trả lời, trở về đem hết những lời của tiêu-phu tâu lại với chúa. Hán-Thương không bằng lòng, nhưng còn muốn đem cỗ xe êm để cố đón ra kỳ được, sai Trương lại đi vào lần nữa. Nhưng vào đến nơi thì rêu trùn cửa hang, gai-góc đầy núi, dây leo, cành rậm, đã lấp mắt cả lối đi rồi. Chỉ thấy ở trên vách đá có hai câu thơ đề bằng nhựa cây như sau này :

奇 羅 海 口 吟 魂 斷

Kỳ-la hải-khẩu ngâm hồn đoạn,

高 望 山 頭 客 思 愁

Cao-vọng sơn-dầu khách tứ sầu.

Nghĩa là :

Kỳ-la cửa bể (1) hồn thơ đứt,

Cao-vọng đầu non (2) dạ khách buồn.

Ý lời như giọng trào-phúng của họ Nguyên họ Bạch (3), thể chữ như lối triện lệ của ông Lưu ông

(1) Cửa bể Kỳ-la ở làng Kỳ-la, huyện Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ. Năm Đinh-hợi (1487), Hồ Quý Ly bị bắt ở đây.

(2) Núi Cao-Vọng ở làng Bình-lễ, huyện Kỳ-anh, năm Đinh-hợi, Hồ Hán Thương bị bắt ở đây.

(3) Nguyên-Bạch là Nguyên-Chấn tự Vi-chi và Bạch Cư-Dị tự Lạc-thiên, hai thi-sĩ có tiếng đời Đường.

Tư (1), nhưng rút lại chẳng hiểu là định nói gì, Hán Thượng cả giận, sai đốt cháy núi; núi cháy hết vẫn không thấy gì, chỉ thấy con hạc đen lượn lơ trên không bay múa. Sau hai Hồ gặp phải tai-họa đều đúng như lời thơ.

Gã tiều-phu ấy, có lẽ là kẻ sĩ đắc đạo đấy chăng ?

Lời bình

Than ôi, có cái thần để biết việc sau, có cái trí để giấu việc trước (2), đó là việc của Thánh-nhân; tiều-phu, tuy là bậc hiền, nhưng đâu đã được dự đến hạng ấy. Tuy nói việc táng-bại của nhà Hồ, đúng như lá bói cỏ bói rùa, nhưng chẳng qua là nghiệm với lẽ trời, chứng với lòng người, nói nhiều may ra thì tin, đó là cái lẽ đi như vậy. Kẻ làm vua chúa nên lấy sự chính lòng mình để làm cái gốc chính triều-đình, chính trăm quan, chính muôn dân, đừng để cho kẻ xử-sĩ phải bàn ra nói vào là tốt hơn cả.

(1) Thái-sử Lưu nhà Chu chế ra lối chữ đại-triện; Thừa-tướng Lý-Tư nhà Tần chế ra lối chữ tiều-triện.

(2) Những câu này là lời Hệ-tử thượng-truyện trong kinh Dịch.

CHUYỆN CÁI CHÙA HOANG Ở HUYỆN ĐÔNG - TRÀO

Ở I nhà Trần, tục tin thần-quỷ, thần-tử phật-tự chẳng đâu là không có, như chùa Hoàng-giang, chùa Đông-cổ, chùa An-sinh, chùa An-tử, chùa Phổ-minh, quán Ngọc-thanh, dựng lên nhan-nhãn khắp nơi ; những người cắt tóc làm tăng làm ni, nhiều hầu hăng nửa số dân thường. Nhất là vùng huyện Đông-trào, sự sùng-thượng lại càng quá lắm, chùa-chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười nơi, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu, bao ngoài bằng rào lũy, tô trong bằng vàng son ; phàm người đau-ốm, chỉ tin theo ở sự hư-vô ; gặp các tuần-tiết thì đàn-tràng cúng-vái rất là rộn-rịp. Thần phật xem chừng cũng ứng-giáng, nên cầu gì được nấy, linh-ứng lạ thường. Bởi vậy người dân càng kính tin, không dám ngạo-mạn. Đời vua Giản-Định nhà Trần, binh-lửa luôn năm, nhiều nơi bị đốt, số chùa-chiền còn lại, mười không được một, mà cái số còn lại ấy, cũng mưa bay gió chuyền, đổ ngã xiêu nghiêng, tiêu-diêu đứng rũ ở giữa áng cỏ hoang bụi rậm. Sau khi quán Ngộ lui, dân trở về phục-nghiệp. Có viên quan là Văn Tư-Lập đến tri-huyện ấy, thấy những cảnh hoang-tàn đồ nát, bèn róng-rả dân đình các xã, đánh tranh

kén nứa mà sửa-chữa lại ít nhiều. Ngồi ở huyện ấy được một năm, thấy dân quanh huyện khổ về cái nạn trộm-cắp, từ gà lợn ngỗng ngan đến cá trong ao, quả trong vườn, phàm cái gì có thể ăn được đều bị mất hết. Tư-Lập than rằng :

« Ta ở vào địa-vị một viên ấp-tề, không có cái minh để xét ra kẻ gian, cái cứng để chế-phục kẻ ác, vì nhân nhu mà hỏng việc, chính là cái lỗi tự ta ».

Song Tư-Lập cho là những đám trộm cắp vặt ấy, cũng không đến nỗi là đáng lo-ngại lắm, nên chỉ sức cho các thôn dân, đêm đêm phải canh phòng cẩn-mật. Trong khoảng một tuần, tuy canh phòng chẳng thấy gì cả, nhưng những việc trộm vặt cũng vẫn như trước. Lâu dần càng không thấy chúng kiêng-sợ gì, đến nỗi lại vào bếp để khoảng hũ rượu của người ta, vào buồng để gheo vợ con của người ta, khi mọi người đồ đến váy bắt, thì kẻ gian đã biến đi đằng nào mất, chẳng thấy gì cả. Tư-Lập cười mà nói :

— Té ra lâu nay vẫn ngờ oan cho lũ kẻ trộm, kỳ thực đó là loài ma-quỷ, hưng yêu tác quái đó mà thôi. Những sự quấy-rối bấy nay, đều tự vật này cả.

Đó rồi đi mời khắp các thầy phù-thủy cao tay, xin bùa yểm-trấn. Song càng bùa-bèn trừ yểm, sự quấy-quắc vẫn tệ hơn trước. Tư-Lập cả sợ, họp người dân thôn lại bàn rằng :

— Các người khi trước vẫn thờ Phật rất là kính-cần, lâu nay vì việc binh-hỏa mà đèn-hương lễ bái không chăm, cho nên yêu-nghiệt hoành-hành mà Phật không cứu giúp. Nay sao chẳng đến chùa kêu cầu với Phật, tưởng cũng là một cách quyền-nghi, may có thể giúp-ích cho mình.

Mọi người bèn đi đốt hương lễ-bái ở chùa-chiền, khẩn rằng :

« Lũ chúng-sinh này kính-thờ Trời Phật, quy-

y đã lâu, hết lòng trông cậy ở Phật-pháp. Nay ma-quỷ nổi lên, quấy-nhiều dân-chúng, họa hại cả đến loài lục súc, vậy mà Phật ngồi nhìn im lặng, chẳng cũng từ-bi quá lắm ư? Cúi xin mở lượng xót-thương, ra uy trừng phạt,, khiến thần, người chẳng lẫn, dân vật đều yên, hết thủy chúng-sinh, đều được đội ơn nhiều lắm. Song loạn-lạc vừa yên, sinh-kế chưa khôi-phục được, tắc gỗ mảnh ngói khó lòng xoay-xở vào đây. Đợi khi làm ăn giàu-có sẽ lại xin sửa lại chùa-chiền, đền công-dức ấy ».

Đêm hôm ấy, trộm cắp hoành-hành lại vẫn dữ hơn trước. Tư-Lập chẳng biết làm sao được ; nghe Vương tiên-sinh ở huyện Kim-thành là người giỏi bói Dịch, bèn đến bói một quẻ xem sao. Vương tiên-sinh bói rồi nói rằng :

*Cưỡi trên ngựa tốt,
Mặc áo vải sần,
Túi da tên thiếc,
Địch thị người thần.*

Lại dặn rằng :

— Ông muốn trừ được nạn ấy, sáng ngày mai nên do phía tả cửa huyện đi về phương nam, hễ thấy người nào vận mặc như thế, mang xách như vậy, quyết là người ấy có thể trừ hại được, nên cố thỉnh mời, dù từ-chối cũng đừng nghe.

Hôm sau, Tư-Lập cùng các phụ lão theo đúng lời của Vương tiên-sinh để trông-ngóng xem, nhưng kẻ đi người lại đầy đường, chẳng thấy ai giống như thế cả. Trời đã xế chiều, ai nấy chán-nản sắp muốn về, chợt có một người từ trong núi đi ra, mình mặc áo vải, đeo cung cưỡi ngựa. Mọi người cùng chạy ra phục lạy ở phía trước mặt. Người ấy ngạc-nhiên hỏi ; mọi người cùng kể rõ bản-ý của mình. Người ấy cười mà rằng :

— Các ông sao mà quá tin bói toán đến như thế! Tôi từ nhỏ làm nghề săn-bắn, mình không rời

yên ngựa, tay không rời cung tên. Hôm qua nghe nói ở núi An-phụ có nhiều giống nai béo, thổ tốt, nên nay định đến săn, nào có biết lập đàn thầy pháp, bắn ma vô hình là công việc thế nào.

Từ-Lập nghĩ bụng người này tất là một vị pháp-đàn cao tay, vì không muốn nổi tiếng về thuật bùa-bèn, sợ bị mang lụy vào thân, nên mới vào nhớn-nhờ trong chốn núi khe, giấu mình ở thú chơi cung mã, bèn nhất định cố mời kỳ được. Người kia xem chừng không thể từ chối, phải gượng theo lời. Từ-Lập mời người ấy về huyện, để ở trong nhà quán xá, giường chiếu màn đệm đều rất sang-trọng, săn-sóc kính-cần như một vị thần minh. Người ấy nghĩ riêng rằng :

« Họ tiếp đãi kính-cần đối với ta thế này, chỉ vì cho là ta có tài trừ quỷ. Nhưng thực thì ta chẳng có tài gì về sự đó, thế mà đi hưởng sự cung-cấp của người, sao cho đành tâm. Nếu không sớm liệu trốn đi thì sẽ có ngày phải xấu-hổ ».

Hôm ấy ước chừng nửa đêm, thừa lúc mọi người đã ngủ say, người ấy bèn rón bước ra khỏi huyện lỵ. Khi đến phía Tây cái cầu ván, bấy giờ trời tối lờ-mờ, trăng khuya chưa mọc, thấy có mấy người hình-thể to lớn, hơn-hở từ dưới đồng đi lên, người ấy bèn lẩn vào chỗ khuất, ngồi rình để xem họ sẽ làm trò gì. Một lát, thấy họ thò tay khoắng xuống một cái ao, rồi bắt cứ vớ được cá lớn cá nhỏ, đều bỏ vào mồm nhai nuốt hết, lại nhìn nhau mà cười mà nói :

— Những con cá con ăn ngon lắm, nên ăn dè dặt mới thấy thú ; há chẳng hơn những thức hương-hoa nhạt-nhẽo họ thường dâng-cúng chúng mình ư ? Đáng tiếc là đến bây giờ, chúng mình mới được biết những vị ngon ấy.

Một người cười mà nói :

— Chúng mình thật to đầu mà dại, bấy nay bị người đời chúng nó lừa-dối ; ai lại đem cái oản

một vài lễ gạo để lấp cái bụng nặng nghìn cân mà đi giữ cửa cho chúng nó bao giờ. Nếu không có những buổi như buổi hôm nay mà cứ trường chay mãi như trước thì thật là một đời sống ồng.

Một người nói :

— Tôi xưa nay vẫn ăn đồ mặn, không phải chay tịnh như các ông. Nhưng hiện giờ dân tình nghèo-kết, chúng nó chả có gì để cúng-vái mình. Bụng đói miệng thèm, không biết mùi thịt là cái gì đã trải một thời-gian lâu lắm, chẳng khác chi đức Khổng-tử ở nước Tề ba tháng không được đụng đến miếng thịt. Song đêm nay trời rét nước lạnh, khó lòng ở lâu chỗ này được ; chỉ băng lên quách vườn mía mà bắt-chước Hồ-đầu tướng-quân (1) ngày xưa.

Đoạn rồi họ dắt nhau đi lên, vào vườn mía nhỏ trộm mà tước, mà hit. Người kia đương ngồi núp một chỗ, liền giương cung đáp tên, thỉnh-linh bắn ra, tin luôn ngay được hai người. Bọn gian kêu ầm-ò mấy tiếng, rồi ò chạy cả, chừng độ mấy chục bước, đều mờ khuất hết. Song lúc đó còn thấy có tiếng mắng nhau :

— Đã bảo ngày giờ không tốt thì đừng nên đi. Không nghe lời ta, bây giờ mới biết.

Người kia kêu réo rầm-rĩ lên, dân làng quanh đấy giạt mình tỉnh dậy, cùng đốt đèn thắp đuốc, chia nhau mỗi người đi đuổi mỗi ngã. Họ soi thấy dấu máu vấy trên mặt đất, bèn theo dấu đi về phía tây. Chừng hơn nửa dặm đến một cái chùa hoang, vào thấy hai pho tượng Hộ-pháp xiêu-giẹo trong chùa, trên lưng mỗi tượng đều có một phát tên

(1) Đời vua Tấn An-đế, Cố Khải-Chi làm chức Hồ-đầu tướng-quân, người ta gọi là Cố Hồ-đầu. Mỗi khi Cố ăn mía, ăn từ trên ngọn xuống đến gốc. Người ta hỏi thì nói : ăn như thế thì mỗi lúc mỗi đi tới chốn thú-vị.

cắm vào sáu lỗm. Mọi người đều lắc đầu le lưỡi, cho là một sự lạ xưa nay chưa có bao giờ. Họ liền hãy đồ hai pho tượng. Trong lúc ấy còn nghe thấy có tiếng ướn rằng :

— Vẫn tưởng kiếm cho no bụng, ai ngờ phải đến nát thân. Nhưng bày ra mưu này là tự lão Thủy-thần kia. Hẳn là chủ mưu mà được khỏi nạn còn chúng ta theo hẳn mà phải chịu va, thật cũng đáng phàn-nàn lắm.

Đó rồi họ sai người đến miếu Thủy-thần, thấy pho thần-tượng đắp bằng đất bống biến nét mặt, mặt tái đi như chàm đỏ, mấy cái vây cá hầy còn dính lèm-nhèm trên mép, bèn lại phá-hủy luôn cả pho tượng ấy.

Quan huyện Văn Tư-Lập dốc hết hòm rương để trả ơn người kia, người kia chở nặng mà về. Từ đấy yêu-tà tuyệt tích, không còn thấy tăm-bóng đâu nữa.

Lời bình

Than ôi ! Cái thuyết nhà Phật thật là vô-ích mà có hại quá lắm. Nghe lời nói-nặng thì từ-bì quảng-dại, tìm sự ứng-báo thì bắt gió mơ-hồ. Nhân dân kinh tin, đến nỗi có người phá sản để cúng cho nhà chùa. Nay xem cái dư-nghiệt ở trong một ngôi chùa nát mà còn góm-ghê như thế, huống ngày thường cúng-vái sầm-uất, phỏng còn tai-hại đến đâu. Song những anh-quân hiền-tướng, thường muốn trừ bỏ mà vẫn không thể được. Bởi các đảng quân-tử cao-minh, thường có nhiều người giúp rập, chẳng hạn như Tô học-sĩ (1) đời Tống.

(1) Ông Tô Đông-Pha thường chơi thân với sư.

Lương Trạng-nguyên (2) đời Lê. Ước sao có hàng trăm ông Hàn Xương-Lê (3) ra đời, xúm lại mà đánh, đốt hết sách và chiếm hết nhà mới có thể được.

(2) Ông Lương Thế-Vinh rất sùng đạo Phật.

(3) Ông Hàn-Dũ đời Đường rất ghét đạo Phật, có bài biều Phật-cốt công-kích đạo Phật dữ lắm.

CHUYỆN NÀNG TÚY-TIÊU

NGƯỜI đất Kiến-hưng, Dư Nhuận-Chí tên là Tào-Tàn, có tiếng hay thơ; nhất là về những bài hát, lại càng nức danh ở kinh-kỳ, mỗi bài làm ra, phường hát bội đem tiền tặng-biểu rất hậu để xin lấy. Nhân thế, Dư càng nổi thanh-giá ở chốn tao-đàn. Cuối đời Thiệu-phong nhà Trần, Dư nhân có việc, vào yết-kiến quan Trấn-soái Lạng-giang là Nguyễn Trung-Ngạn (1). Ông Nguyễn thấy Dư đến, lật đật ra tiếp, đặt tiệc ở Phiếm-bích-đường thết đãi, gọi mười mấy người con hát ra hát múa ở trước tiệc. Trong bọn con hát có ả Túy-tiêu 翠綺 là người rất xinh-đẹp. Ông Nguyễn đùa bảo Dư-sinh rằng :

— Ấy tùy ngài kén chọn trong bọn ấy, hễ bằng lòng ai thì tôi xin tặng cho.

Rồi âm nhạc nổi lên. Sinh ngâm một bài thơ sau này :

蓮花朵朵倚紅酣
Liên hoa đóa đóa ỷ hồng hằm,
曾對像家玉麈談
Tằng đối tiên gia ngọc chủ đàm,

(1) Ông Nguyễn Trung-Ngạn người làng Thồ-hoàng huyện Thiên-thị (nay Ân-thị) đỗ tiến-sĩ đời Trần, làm đến trọng chức.

醉枕綃衣呼得起
 Túy trâm liêu y hô đắc khởi,
 數聲好唱望江南
 Số thanh hảo xướng vọng giang-nam.

Dịch :

*Hoa sen đóa đóa rờ-ràng tươi,
 Góp mặt nhà tiên lúc nói cười.
 Áo lụa say nằm nghe gọi dậy,
 Giang-nam một khúc quuyến hồn người.*

Ông Nguyễn cười bảo Túy-Tiêu rằng :

— Thầy đồ đề ý vào nàng (1) đấy.

Sinh hôm ấy uống rượu rất say, mãi đến đêm khuya mới tỉnh, đã thấy nàng Túy-Tiêu ở cạnh, cảm ơn ông Nguyễn không biết chừng nào. Sáng hôm sau sinh vào tạ ơn ông Nguyễn về, ông Nguyễn bảo :

— Ấy kìa cũng là một người phong-lưu, thầy nên khéo yêu-thương lấy.

Sinh bèn đem nàng về Kiến-hưng. Túy-Tiêu vốn có khiếu thông-tuệ, mỗi khi sinh đọc sách, nàng cũng học thăm mà rồi thuộc được. Sinh nhân đem những quyển sách nói về thơ từ mà dạy nàng. Chưa đầy một năm, nàng đã làm được những thơ từ ngang với của sinh. Năm Mậu-tuất (1358), nhân gặp khoa thi, sinh sắm-sửa hành-trang lên kinh ; không nữ rời nhau, nên đem theo cả nàng cùng đi, cùng trọ tại phố Phường-thái ở cửa sông. Gặp ngày mồng một đầu năm, Túy-Tiêu rủ mấy người bạn gái, đến chùa tháp Báo-thiên (2) dâng hương lễ Phật. Bấy giờ có quan Tru-quốc họ

(1) Vì câu thơ thứ ba có những chữ «Túy trâm liêu y».

(2) Chùa này nay đã mất, nền cũ ở vào khu Nhà Thờ lớn bây giờ.

Thần thăm đi chơi phố, trông thấy Túy-Tiêu đẹp, bắt cướp đem về làm của mình. Sinh làm đơn kiện tậu triều-đình, nhưng vì họ Thần uy-thế rất lớn, các tòa các sở đều tránh kẻ quyền-hào, gác bút không dám xét xử. Sinh đau buồn lắm bèn chẳng thiết gì thi-cử nữa. Một hôm sinh thủng-thỉnh đi chơi ngoài phố, gặp đám người cưỡi ngựa đi xem hoa về, tiền hô hầu ủng rất oai-vệ, trên đường thì trâm thoa rơi rắc, hồng tía rơi-bời, sau cùng thấy Túy-Tiêu ngồi trên một chiếc kiệu căng rèm lụa hoa, đi qua dưới rặng liễu. Sinh muốn chạy đến than-thở, nhưng thấy những người cùng đi với nàng đều là bậc quyền-quý, không dám đường-đột, chỉ dăm-duối nhìn và ứa hai dòng lệ, không nói được một lời nào.

Nhân Túy-Tiêu trước có nuôi đôi chim yểng, một hôm sinh trở đòi chim mà bảo rằng :

— Chúng mày là loài vật nhỏ, còn được suốt ngày quần-quít với nhau, không phải như ta lạnh-lung chiếc gối. Ước sao chúng mày nhẹ tung đôi cánh, vì ta đưa đến cho nàng được một phong thư.

Cou chim yểng nghe nói, kêu lên và nhẩy-nhót như dáng muốn đi. Sinh bèn viết một phong thư buộc vào chân nó. Thư rằng :

昨者柳音一過

Tạc giả liễu âm nhất quá

道達無由

Đạo đạt vô do

寄雙眼於片時

Ký song nhãn ư phiến thời

曾咫尺而千里

Tằng chỉ xích nhi thiên lý

始信候門之似海

Thủ tín hầu môn chi tựa hải

第嫌客思之如秋

Đệ hiềm khách tứ chi như thu

備述舊由

Bị thuật cựu do

倍增深感

Bội tăng thâm cảm

憶昔我陪詩席

Ức tích ngã bồi thi tịch

子侑歌筵

Tử hựu ca duyn

不勞綠綺之彈

Bất lao lục y chi đàn

辱荷紫雲之惠

Nhục hạ Tử-Vân chi huệ

笑未酬於繾綣

Tiểu vị thù ư khiển quyên

恨已早於分飛

Hận dĩ tảo ư phân phi

鴻別燕而秋聲

Hồng biệt yến nhi thu thanh

雲愁秦而暝色

Vân sầu Tần nhi minh sắc

一則暖流蘇之帳

Nhất tắc hoãn lưu tô chi trướng

一則寒糊紙之衾

Nhất tắc hàn hồ chỉ chi khâm

但貪綉幕之歡

Đãn tham tú mạc chi hoan

豈念書樓之苦

Khởi niệm thư lâu chi khổ

每聽短牆滯雨

Mỗi thỉnh đoản tường trệ vũ,

廢壁寒蟬

Phế bích hàn chiêm

長天霜雁之征離
Trưởng thiên sương nhạn chi chinh ly

寂宵風笛之唱晚
Tịch tiêu phong địch chi xướng vãn

遂乃含情不語
Toại nãi hàm tình bất ngữ

掩卷長吁
Yểm quyển trường hu

對景闌懷
Đối cảnh quan hoài

不能已已
Bất năng dĩ dĩ

噫許虞候之不作
Y Hứa Ngu hầu chi bất tác

崑崙奴之已非
Côn lôn nô chi dĩ phi

應無反壁之期
Ứng vô phản bích chi kỳ

空負尋芳之約
Không phụ tầm phương chi ước

爰憑寸楮
Viên bằng thốn chữ

用寫哀篇
Dùng tả ai thiên

Dịch :

Kiên qua dưới liêu hòm nào,
 Vội-vàng chẳng kịp đưa trao một lời.
 Trông ai nước mắt thấm rơi,
 Tấc gang bông cách đôi nơi mịt-mùng.
 Cửa hầu sâu thẳm nghìn trùng,
 Sớm hôm khách nhừng riêng lòng ngàn-ngờ,
 Tình xưa kể đến bao giờ,
 Cảm sâu mọi mối như tơ rối bời.

Thơ ngâm nhớ bữa tiệc mời,
 Giọng ca lạnh-lãnh để người như say.
 Cung đàn nào đã so dây,
 Giải-nhân bỗng được trao tay rước về.
 Tình sâu chưa kịp giải-giề,
 Bắc nam vội đã chia-lìa khá thương.
 Chim hồng buồn-bã kêu sương,
 Mây Tần thăm-thẳm xa buông lối mù.
 Người nương trượng gấm êm ru,
 Người ôm một mảnh chần cù giá đông.
 Ham vui nệm tía màn hồng,
 Biết chẳng kể chốn thư-phòng thương đau.
 Mưa tường dễ vách họa nhau,
 Nhạn tan khóc sớm, dịch sâu thời khuya,
 Lặng ngồi gấp sách ủ-ê,
 Lòng này cảnh ấy khuấy đi được nào.
 Côn-Nô, Hứa-Tuấn (1) nơi nao ?
 Tìm hương, trả bích (2) còn ao-ước gì ?
 Mảnh tiền viết gửi trao đi,
 Đau-thương kẻ nổi vẩn-vi với người,

(1) Côn-lôn Nô và Hứa-Tuấn là hai hiệp-khách đã giúp cho những lúa đôi bị chia lìa lại được sum-hạp. Xem chuyện ở Tình-sử.

(2) Tình hương chữ là tâm-phương, xuất ở câu thơ "Tự thị tâm phương khứ hiệu trì" của Đỗ Mục, nói về việc duyên-lúa lữ-làng. Trả bích xuất ở điển Trùng-Nhĩ nước Tấn. Trùng-Nhĩ chạy nạn sang Tào, Hy Phụ-Cơ đưa biếu mâm cơm và ngọc bích. Trùng-Nhĩ chỉ nhận mâm cơm còn trả lại ngọc bích. Từ đấy người ta dùng chữ *phản bích* (trả lại bích ngọc) để nói cái gì trả về chủ cũ.

Con chim yêng bay đi, đến đậu ở mạn Tuy-Tiểu. Nàng được thư, bèn giở giấy Tiết-Đào (1) đắp bút Lâm-xuyên (2), viết một bức thư để trả lời. Thư rằng :

妻翠銷少倚市門

Thiếp Túy-Tiểu thiếu ý thị môn

長投樂籍

Trưởng đầu nhạc tịch

調歌接曲徒誇河古
之風流

Điều ca tiếp khúc, đồ khoa Hà-hữu chi phong-lưu

舉按齊眉未識孟光
之態度

Cử án tề my, vị thức Mạnh-Quang chi thái-độ

誰知好席

Thùy tri hảo tịch

便是良媒

Tiên thị lương môi

綠綺琴心不假長卿
之調

Lục ý cầm tâm, bất giả Trương-khánh chi điệu

華堂詩句酷憐杜牧
之才

Hoa-dương thi cú, khốc lịnh Đỗ-Mục chi tài

(1) Tiết Tào đời Đường là một danh kỹ ở đất Thục, hay làm những bài thơ ngắn, vì tiếc giấy nên cắt hẹp lại. Từ đây những tài-tử trọng Thục lấy thế làm tiện, cũng cắt những tờ giấy nhỏ để viết thơ, gọi là tờ giấy Tiết-Đào.

(2) Vương Hy-Chi đời Tấn là người viết chữ rất tốt, thường làm chức Nội-sử ở Lâm-xuyên, cho nên người ta thường nói ngòi bút Lâm-xuyên.

自喜針芥之有緣

Tự hỷ châm giới chi hữu duyên

深慶藤蘿之得托

Thâm khánh đằng la chi đắc thác

天台客逢客未盡深歡

Thiên-thai khách phùng khách, vị tận thâm hoan

章臺人送人載將離恨

Chương-dài nhân tống nhân, tải tương ly hận

佳偶翻成怨偶

Giai-ngẫu phiên thành oán ngẫu

好緣轉作惡緣

Hảo duyên chuyển tác ác duyên

恥忍棲鴉

Sĩ nhẫn thê nha

懼頻打鴨

Cu tần dả áp

出入起居之際未免從權

Xuất nhập khởi cư chi tế, vị miễn tòng quyền

別離契闊之懷不勝感舊

Biệt ly khế khoát chi hoài, bất thắng cảm cựu

樽餘翠蛾倦掃

Duy dư thúy nga quyện tảo

綠鬢慵梳

Lục mấn dung sơ

粉壁燈殘傷春腸斷

Phấn bích đăng tàn, thương xuân trường đoạn

香奩繡倦別淚痕多

Hương giàn tú quyện, biệt lệ ngân đa

昨承寄雁之書

Tạc thừa ký nhạn chi thư

倍切離鶯之想

Bội thiết ly loan chi tưởng

雖韓翃之柳暫折長條
Tuy Hàn Hoành chi liễu, tạm triết trường điều
 然合浦之珠當還故郡
Nhiên Hợp-phổ chi châu, đương hoàn cố quận

悠悠心緒

Du du tâm sự

書不盡言

Thư bất tận ngôn

Dịch :

Thiếp xưa con gái nhà nghèo

Lớn lên ca-xường học theo bạn-bầy.

Phong-lưu quen thú Hà-tây (1)

Chưa tường án Mạnh ngang mày (2) như ai.

Tiệc hoa một bữa khuyên mời,

Mỗi-manh duyên khéo an bài tự đầu.

Tràng-Khanh chưa gảy Phượng-cầu (3)

Mến tài Đỗ-Mục bởi câu Hoa-đường (4).

(1) Thuần Vu Khôn nói : « Vương-Báo ở đất Kỳ mà đất Hà-tây hát hay. (Mạnh-tử).

(2) Nàng Mạnh-Quang đời Hán, rất kính-trọng chồng là Lương-Hồng, mỗi khi dọn cơm cho chồng ăn, nâng cái án lên tận ngang mày.

(3) Tràng-khanh là tên tự của Tư-mã Tương-Như. Tương-Như gảy khúc đàn «Phượng cầu hoàng», mà lấy được nàng Trác Văn-Quân.

(4) Đời Đường, Đỗ Mục làm chức Ngự-sử phân-ty ở Lạc-dương, đến dự tiệc ở nhà vị đại-thần là Lý Nguyên-Nhà Lý có nhiều danh-kỹ hầu tiệc. Rượu say, Đỗ hỏi Lý : «Nghe nói nhà ngài có ả danh-kỹ là Từ Văn, chẳng hay là người nào vậy ? ». Lý trả cho biết. Đỗ nhìn lúc lâu rồi nói : «Lời đồn không ngoa, ngài cho tôi quách». Bọn ca kỹ đều ngoảnh lại nhìn rồi phá lên cười. Đỗ nhâu làm một bài thơ câu đầu là «Hoa-đường kim nhật ý duyên khuy».

Duyên kim phận cải xe vương,
 Những mùng dây sẵn được nương bóng tưng
 Thiên-thai một cuộc kỳ-phùng (2)
 Thú vui lửa đượm hương nồng chưa bao.
 Chương-đài cảnh liễu nghiêng chao,
 Biệt-ly mang nặng biết bao oán-sầu,
 Duyên mai hóa rủi ngờ đâu,
 Ngậm hờn nuốt tủi chịu rầu cho qua.
 Tông quyền nấn-ná vào ra,
 Tình xưa nghĩa cũ thiết-tha vẫn lòng.
 Bẽ-bàng đời khác tư-dong,
 Tóc xanh biến chải, môi hồng biến tô.
 Thương xuân, vách phấn đèn lu,
 Trông gương ngẩn lệ mơ hồ, ngại soi.
 Tiễn hồng thư mới tới nơi,
 Chia loan càng xót-xa đời biệt-ly.
 Liễu Hàn tạm bẻ vin đi,
 Nhưng châu Hợp-phố phải về quận xưa (2),
 Nỗi lòng trăm mối vò to,
 Thư dài đến mấy vẫn chưa hết lời.

Túy-Tiêu từ đó buồn-rầu sinh ốm. Quan Tru-
quốc bảo :

—Chứng nàng vẫn còn nhớ anh chàng bán thơ
phải không?

Nàng nói :

— Quả có như vậy. Tình sâu gắn-bó, hờn nặng
chia-lia, lời thề chung sống chưa phai, điều hẹn

(1) Điền Lưu Thần, Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai, gặp được người tiên.

(2) Phận bề quận Hợp-phố vốn sản ngọc châu. Gặp khi có quan thái-thứ không tốt đến cai trị, ngọc châu biến mất. Sau quan thái-thứ ấy dời đi nơi khác, ngọc châu lại về.

cùng già đã phụ. Nay thì Sở mưa Yên tạnh, liễu héo đào tươi, bần-bật xa nhau, hờn ôm thiên-cổ. Cho nên người xưa đã coi rẻ giàu-sang mà nhớ anh hàng bánh (1), xem khinh sung-sướng mà gieo xuống tầng lầu (2), thật là phải lắm.

Nói rồi nàng toan lấy chiếc khăn là thất-cổ tự-tử. Tru-quốc nói dối rằng :

— Ta cũng đang nghĩ về việc đó lắm. Vậy nàng hãy cứ nên bình-tĩnh mà bảo-dưỡng thân-thể sớm muộn ta sẽ với chàng họ Dư đến đây, để nàng được nối mối duyên xưa. Tội gì mà coi rẻ tính-mệnh, chết một cách chẳng vào đâu cả.

Nàng nói :

— Quả được như vậy thì thiếp xin vâng lời tướng công. Nếu không thì tính-mệnh này chỉ đến ngày hôm nay là hết.

Tru-quốc bắt-đắc-dĩ, phải với Dư đến, dỗ-dành sẽ trả nàng Túy-Tiêu và bảo :

— Ta làm quan ngời đến Thượng-công, quyền cao lộc hậu, việc khoản-dãi khách-khứa, mỗi ngày tốn phí đến hàng nghìn chuông thóc. Nay với thầy đến là do ý tốt chứ không có ý xấu gì cả. Huống đất Trường-an này gạo châu củi quế, thầy lấy gì mà tiêu-dùng đủ. Vậy nếu thầy không ngại thanh tịch thì nên cứ ở luôn đây cho đỡ tốn.

Bèn sai dọn một cái buồng nhỏ làm nơi đọc sách cho sinh, hằng ngày sai một ả tiều-hoàn hầu-

(1) Ninh-vương nhà Đường chiếm cướp vợ của người hàng bánh, đã trải hàng năm mà người vợ vẫn nhớ thương chồng cũ. Ninh-vương gọi người hàng bánh đến, vợ chồng trông thấy nhau cùng ứa nước mắt, vương lại trả cho về đoàn tụ với nhau.

(2) Lục Châu là vợ lẽ của Thạch Sùng. Triệu vương Luân giết Thạch Sùng để cướp Lục Châu, Lục Châu không chịu, từ trên lầu gieo mình xuống đất tự tử.

ha. Mỗi khi có tiệc mời sinh vào dự, Tru-quốc thường lấy lời dụn-dàng hoãn tiếp ; nhưng về việc Túy-Tiêu, tuyệt nhiên không nhắc-nhỏm đến. Sinh mon-men hỏi tới, Tru-quốc gạt đi mà rằng :

—Mỗi tình yêu-thương, ai mà chẳng thế. Tướng nàng nhớ thầy, cũng chẳng khác gì thầy nhớ nàng. Nhưng vì ít lâu nay nàng hơi khó ở, nên chưa thể ra cùng thầy tương kiến được. Thầy hãy cứ thông-thả, đi đâu mà vội.

Túy-Tiêu nghe sinh đã đến, cũng muốn được gặp, nhưng trong nhà nàng hầu vợ lẽ nhiều lắm, và coi giữ nghiêm-ngặt, nên không có dịp nào tìm đến sinh được. Một hôm nhân buổi chiều sớm chưa tan, thừa lúc những nàng hầu vợ lẽ đi ngủ, nàng lên đến thư-phòng của sinh. Phải lúc sinh chạy đi đâu vắng, nàng thấy trên vách có đề hai bài thơ sau này :

I

小階破履落苔衣
 Tiều giai phá lý lạc đài y
 客舍淒涼獨掩扉
 Khách xá thê lương độc yểm phi
 青鳥不來春信晚
 Thanh điều bất lai xuân tín vãn
 莎庭漠漠又斜暉
 *Sa đình mạc mạc hựu tà huy.

Dịch :

Trước thềm giày rách giẫm trên rêu
 Cửa khép phòng vắng lạnh hắt-hiu
 Băn-bặt chim xanh tin chẳng lại,
 Sân không vắng-vẻ, bóng trời chiều.

II

月殿長寒鎖翠眉
 Nguyệt điện trường hàn khóa thủy mi

儂 娥 何 日 是 歸 期
Tiên-nga hủ nhật thị quy kỳ ?
 相 思 豈 直 無 佳 句
Tương-ư khởi trực vô giai cú
 不 把 文 章 怨 別 離
Bất bả văn-chương oán biệt-ly.

Dịch :

Cung trăng lạnh-lẻo khóa mành ngài.
Tiên-tử bao giờ lại tái-lai ?
Thương-nhớ thiếu đâu câu thăm-thía,
Ngại đem chữ nghĩa khóc thương hoài.

Nàng toan họa hai bài thơ ấy, nhưng đã nghe thấy tiếng ngọc-kha (1) về đến cổng rồi, thành ra không thể họa và đề được nữa.

Lại một hôm, nàng sai con hầu thân-tín của mình là Kiều-Oanh đến phòng sinh xin cùng ngủ. Sinh đuổi ra thì Kiều-Oanh nói :

— Túy-Tiểu nương-tử sai tôi như vậy. Nương-tử nghĩ lang-quân một mình buồn-tẻ, nên sai tôi đến hầu-hạ chần-gối, cũng như nương-tử ở bên mình lang-quân.

Sinh bâng lòng. Từ đấy tin-tức mới thông mà tình khuê-môn mới đạt đến nhau được.

Bấy giờ sắp đến ngày trừ-tịch, sinh nhân lúc tiện, bảo với Tru-quốc rằng :

— Tôi vì một mối ân-tình mà vào đây làm người khách trọ, song nou Vu gang tấc, tin-tức chẳng thông, ngày tháng lữa-lần, năm lại gần hết.

(1) Tru-quốc đi châu về.

Cái việc trả châu (1) chẳng dám lại nói đến nữa. Chỉ xin được ở trước rèm một lần gặp mặt, trò chuyện với nhau một lát để rồi chia tay.

Trụ-Quốc bằng lòng mà nói :

— Chỉ sau vài hôm nữa, là đêm tốt lành, ta sẽ làm cái việc Xương-Lê thả nàng Liễu-Chi, Nghi-Thành buông nàng Cầm-Khách ; quyết không ngăn-cấm sự ham-muốn của người khác để thỏa cái vui tai mắt của mình. Nhà thầy hãy nán đợi, đừng lo chậm muộn.

Sinh vâng dạ lui ra.

Đến đêm đã hẹn, sinh đốt đèn không ngủ ngồi chờ. Chờng một trống canh, bỗng nghe thấy tiếng giầy lép kẹp ở bên khóm trúc ; mở cửa ra đón, té ra là một con hầu áo xanh. Sinh hỏi nó đến làm gì thì ra nó bưng nước chè đến. Một lúc lại thấy ở trước hoa có tiếng sột sạt, xốc áo ra xem, lại thấy một người đầy tớ trai. Chờ mãi đến quá nửa đêm, vẫn bắt tin hơi, rất là thất vọng. Ngày hôm sau, sinh bảo với Kiều-Oanh rằng :

— Nhờ em nói hộ với Túy-Tiêu : Ta nặng mối tình riêng, tin lời nói dối. Ai lại đến đòi gặp mặt để nói chuyện một lần cũng còn không được, vậy mà

(1) Lâm-Tích thừa nhờ lên Kinh, dọc đường trọ ở một cái quán tại Sái-châu, bắt được một túi ngọc châu đến mấy trăm hạt. Tích hỏi chủ quán xem ai trọ trước. Chủ quán bảo người trọ trước là Chu Trọng-Tân, Tích kể họ tên và chỗ ở của mình, dặn hễ Trọng Tân có đến thì bảo cứ đó mà tìm, mình muốn được gặp. Sau Chu Trọng-Tân quả đến tìm châu, Chủ quán bảo tìm đến Tích, Tích thấy nói đúng bèn đưa trả tất cả. Trọng Tân muốn đưa biếu một ít nhưng Tích nhất định không nhận. Trọng Tân bèn bỏ ra hơn trăm quan tiền làm chay ở chùa để cầu phúc cho Tích. Tích sau thì đỗ làm quan đến Thái Trung đại-phu ; con là Đức Tân làm đến Lại-bộ thị-lang. Nhà ấy nối đời làm nên khoa hoạn mãi.

lại mong người ta mở cửa để thả cho nàng ra thì có đời nào ! Nếu ta cứ ở mãi đây, vạn nhất lòng ghen nôi đây, kể độc bùng ra thì ta là thất cơ mà họ là đắc kế. Về đi thôi ! Về đi thôi ! Sao nên vì cơ muốn tìm ngọc châu mà lại đến nằm ở trước hàm con ly-long bao giờ (1).

Túy-Tiêu lại sai Kiều-Oanh đến bảo chàng :

— Thiếp sở-dĩ nấn-ná ở đây, chưa làm được một cái chết của nàng Lục-Châu, là chỉ vì còn có chàng. Nay chàng định về, phỏng có ước-hẹn với nhau điều gì không ? Thiếp nghe lệ cũ bản-triều, đêm hôm mồng một tết, có đốt cây bông ở ngoài bờ sông, người trong kinh-thành, đều kéo ra xem đồng nghịt. Nếu chàng chưa nở rã bỏ thì đêm ấy xin chờ đợi nhau. Loan chia phượng hợp, chỉ ở trong một chuyến này. Thiếp hãy xin hoãn đề chờ.

Ý sinh bèn quyết. Tru-quốc thấy sinh xin đi, lấy làm dễ chịu, tặng cho rất nhiều tiền bạc tơ lụa không tiếc tí gì. Sinh chở nặng một chuyến mà về. Dọc đường gặp người đầy tớ già, hẳn bảo sinh rằng :

— Cậu có sự lo-buồn gì chẳng ? Sao người gầy võ đi khác hẳn ngày trước ?

Sinh nói duyên-cớ và kể lời hẹn của Túy-Tiêu. Người đầy tớ già nói :

— Việc ấy dễ lắm, tôi xin hết sức giúp cậu.

Đến ngày mồng một, thầy trò cùng ra bến Đòng, quả thấy Túy-Tiêu đứng xem ở trên bến. Người đầy tớ bèn đi lên vào rút cái dùi sắt trong tay áo ra, nện bừa vào đám người theo hầu, khiến bọn phu kiệu, phu đủ đều chạy tan hết, rồi cướp lấy Túy-

(1) Hà-thượng-Ông nhà nghèo, người con trai lặn xuống sông mò được một hạt châu giá đáng nghìn vàng. Ông bảo : " Ngọc châu này tất là ở bìa con ly-long. May mầy gặp lúc nó ngủ, chứ nếu nó thức thì đã chết với nó rồi, còn lấy đâu mà được ngọc nữa ".

Tiêu đem đi. Hai người trông thấy nhau, nửa phần thương-xót, nửa phần mừng-vui ; nhưng còn sợ Trụ-quốc biết ,đuổi theo bắt lại. Túy-Tiêu nói :

— Hần chỉ là đồ yếu-hèn mà làm đến bậc Vệ, Hoắc (1) ; kêu-xin chạy-chợt, lúc nào ở cửa cũng rộn-rịp những người ra vào, vàng bạc châu báu trong nhà, chõng-chất đầy-dẫy. Trừ ra gặp phải hỏa tai, của nả trong nhà ấy không biết có cách nào tiêu-mòn đi được. Nhưng tội đây ác chừa, thế tất cũng chẳng được lâu. Có điều bây giờ họ còn đương thịnh, uy thế ấy cũng rất đáng sợ. Chi bằng ta ẩn hình nấu vết, về trốn-lánh ở chỗ nhà quê, khỏi bày ra tai mắt mọi người để tránh cái vạ nguy-hiểm.

Sinh cho là phải, bèn bí-mật đưa nhau xuống hạt Thiên-trường, (Xuân-trường Nam-định) ở nhà một người bạn họ Hà. Năm Đại-trị thứ 7 Trụ-quốc vì cơ xa-xỉ mà phải tội. Sinh về Kinh-sư thi đỗ tiến-sĩ, vợ chồng ăn-ở với nhau đến già.

Lời bình

Thạn ôi ! Người con trai bất trung, ông vua trung thường xấu-hồ lấy làm bề tôi, người con gái bất chính, kẻ sĩ trung thường xấu-hồ lấy làm vợ. Túy-Tiêu là một ả ca-xương, chẳng là người chính-chuyên, không hiểu Nhuận-Chi ham-luyện vì cái gì ? Vì nàng hiền chẳng ? Nhưng hết là vợ họ Trương lại là hầu họ Lý (2). Vì nàng đẹp chẳng ? Thì hết làm mẹ Hạ-sái lại làm hoặc Dương-

(1) Vệ Thanh và Hoắc Khứ-Bệnh là hai viên danh tướng đời Hán.

(2) Trương và Lý đây chỉ là những tên dùng để thí-dụ, do câu "Trương lang phụ nhi Lý lang thê".

thành (1). Vậy mà lại khinh thường sự đi sự đến, nhân-nhục tới ở với người, sờ đầu cọp, vuốt râu cọp, xuyết nữa thì không thoát miệng cọp. Như chàng Nhuận-Chi, thực là một người ngu vậy.

(1) Dương-thành, Hạ-sái là tên hai huyện thuộc đất nước Sở đời Xuân-thu, là nơi các quý công-tử được phong đến đây. Bài phú của Tống-Ngọc có câu : " Hoặc Dương-thành, mề Hạ-sái ",

CHUYỆN BỮA TIỆC ĐÊM Ở ĐÀ - GIANG

NĂM Bình-dần (1386), vua Trần Phế-đế đi săn, để lại trên bờ bắc sông Đà, đêm mở bữa tiệc ở trong trướng. Có một con cáo từ dưới chân núi đi về phía nam, gặp một con vượn già, nhân bảo :

— Vua tôi Xương-phù (1), vào rừng săn bắn, để ý vào bọn ta lắm đó. Tinh-mệnh các loài chim muông, thật là treo ở sợi dây cung. Nếu tuyết chưa xuống, gió chầm về, mình sẽ nguy mất. Tôi định đến kiếm một lời nói để ngăn-cản, bác có vui lòng đi với tôi không ?

Vượn già nói :

— Nếu bác có thể đem lời nói mà giải vây được, đó thật là một việc hay. Nhưng chỉ e nói-năng vô hiệu, họ lại sinh-nghi, trốn sao khỏi cái nạn thành cháy và lây, há chẳng nghe câu chuyện

(1) Niên-hiệu của vua Trần Phế-đế, tức Đế Nghiễn.

hoa-biêu hồ-tinh ngày trước (1).

Con cáo nói :

— Những người theo nhà vua đi săn, phần nhiều ỉa võ-nhân, bụng không bác vật như Trương-Hoa (2), mắt không cao-kiến như Ôn-Kiệu (3), vậy chắc không việc gì mà sợ.

(1) Đời vua Huệ-đế nhà Tần, ở mà vua Yên Chiêu-vương có con hồ-tinh già và một cây hoa-biêu (cây cột xây). Hồ-tinh một hôm muốn biến làm người học-trò, đến nghe Trương Hoa giảng sách, nhân hỏi cây hoa-biêu. Hoa-biêu nói : « Ông Trương là người trí-độ, khó che mắt được, đừng đi mà lại bị nhục, chẳng những hại anh mà lại lụy cả đến tôi nữa ». Hồ không nghe, bèn hóa mình đến yết Trương Hoa, bàn-luận văn-chương sử-sách, thông hiểu suốt hết. Trương Hoa phải chịu và than rằng : « Thiên-hạ đâu lại có người tuổi trẻ thông-minh như thế ; nếu không là ma-quỷ tất là hồ-ly ». Sai người đề-phòng rất nghiêm-nhật. Sau quan lệnh Phong-thành là Lôi Hoán xui Hoa thử huýt chó săn cho cắn xem sao, nhưng gã kia vẫn không sợ-hãi gì cả. Hoa giận nói : « Nó đích thực là yêu rợ, bây giờ chỉ hể được cây khô nghìn năm mà soi thì hình nó sẽ hiện ra ». Hoán nói : « Cây nghìn năm lấy đâu ra được. Người ta vẫn nói cây hoa-biêu ở trước mồ Chiêu-vương đã trải nghìn năm, nên thử dùng xem sao ». Bèn sai người ngắt cây ấy đốt ra đé soi, gã kia liền hóa thành con hồ, nhân sai đem mồ giết.

(2) Trương Hoa người đất Phương-thành đời nhà Tần học nhiều xem rộng, cái gì cũng biết, có làm ra sách Bác-vật-chi ; người đời bấy giờ ví Hoa như Tư Sản nước Trịnh đời xưa.

(3) Ôn Kiệu đời Tần đi qua bến Ngưu-chử là chỗ nước sâu không thể lường được, và người ta vẫn đồn ở đấy có nhiều quái vật, Kiệu bèn đốt sừng tê để soi. Một lát, thấy các thủy-tộc hiện ra những kỳ hình dị trạng, hoặc đi xe cưỡi ngựa, hoặc mặc áo đỏ. Đêm ấy mộng thấy người đến bảo : chúng tôi với ông u-minh khác nẻo, việc gì mà ông lại đi soi chúng tôi !

Bèn cùng nhau hóa làm hai người đàn-ông mà đi, một người xưng là tù-tài họ Viên (1), một người xưng là xử-sĩ họ Hồ (2), đương đêm đến gõ cửa hành-cung, nhờ kẻ nội-thị chuyển đệ lời tâu vào rằng :

— Tôi nghe thánh-nhân trị-vi, cần-khôn trong sáng, minh-vương sửa đức, chim muông hòa vui. Nay chúa thượng đương kỳ thái hạnh, làm chủ dân vật, tưởng nên mở lưới vợ hiền, giăng chài vét sĩ, đương gọi thi quần mái tóc, lên xe thì dành bên tả (3), đem xe bò ngựa tứ sấn những người hiền trong chỗ quê lậu, lấy lễ hậu lợi khiêm đón những kẻ-sĩ trong đám ần-dật, khiến trong triều nhiều bậc lương-tá để ban ân trạch cho sinh dân, đưa tất cả cuộc đời vào cõi nhân thọ. Cớ sao lại đi sấn gấu bắt thỏ, tranh cả công việc của chức Sơn-ngu như vậy !

Bấy giờ vua say rượu đương muốn đi nằm, sai thủ-tướng Quý-Ly mời hai người vào tiếp-đãi, ở phía dưới thêm khách, và hiểu bảo cho biết sấn bắn là phép-tắc đời xưa, sao lại nên bỏ.

Hồ nói :

— Đời xưa đuổi loài té tượng là để trừ hại, mà mở cuộc sưu miêu (4) là để giảng võ. Chuyến đi sấn ở Vị-dương, là vì một ông già không phải gấu cũng không phải hùm (5). Vì sự phò-phang quân

(1) Viên là họ Viên, đồng âm với viên là con vượn.

(2) Hồ là họ Hồ, đồng âm với hồ là con cáo.

(3) Chu-Công đương gọi đầu, quần tóc lại để tiếp người hiền. Ngụy công-tử đi xe, dành sấn bên phía tả để đón bậc hiền-sĩ Hầu Doanh.

(4) Đời xưa bên Tàu cuộc săn mùa xuân gọi là sưu, cuộc săn mùa hạ gọi là miêu.

(5) Vua Văn-vương nhà Chu đi sấn để đón ông già Lã Vọng.

linh mới có cuộc săn ở Vu-nhâm (1). Vì sự phò-phang cầm thú mới có cuộc bắn ở Trường-dương (2) Nay thì không thế : đương mùa hạ mà giở những công việc khổ dân, không phải thời ; giầy trên lúa dễ thỏa cái ham thích săn bắn, không phải chỗ ; quanh đầm mà vây, bọc núi mà đốt, không phải lẽ. Ngài sao không tâu với thánh minh, tạm quay xe giá, để khiến người và vật đều được bình-yên !

Quý Ly nói :

— Không nên.

Hồ nói :

— Đó là tôi thương những giống chim hèn muông yếu mà nài xin cho chúng. Chứ còn những giống tinh-khôn nhanh-nhẹn thì tự nhiên chúng biết xa chạy cao bay đến đàng nam núi Nam, đàng bắc núi Bắc, há chịu trần trần một phận ấp cây dâu !

Quý Ly nói :

— Nhà vua đi chuyển này, không phải vì ham thích chim muông, chỉ vì nghe ở đây có giống hồ tinh nghìn tuổi, nên ngài muốn đại cử đến để tiêu-trừ, khiến loài yêu gian không thể giở trò xằng-bậy được, có thể thôi.

Viên đưa mắt cho Hồ rồi mỉm cười. Quý Ly hỏi cơ, Hồ chợt đáp :

— Hiện giờ sài-lang đầy đường lấp lối, sao lại lo đi hỏi đền giống hồ ly ?

Quý Ly nói :

— Ngài nói vậy là ý thế nào ?

Hồ nói :

— Hiện nay thánh hóa chưa khắp, bờ cõi chưa yên : Bồng-Nga (3) là con chó đại, cắn cắn ở Nam-

(1) Vua Lê Chiêu-công.

(2) Vua Hán Bình-đế.

(3) Chế Bồng Nga, vua Chiêm-thành, hồi ấy thường vào quấy-nhiều nước ta.

phương, Lý-Anh (1) là con hồ đỏi, găm thét ở lấy bắc, Ngô-Bệ (2) ngông-cuồng tuy đã tắt, Đường-lang (3) lăm-lét vẫn còn kia, sao không giương cái cung thánh nhân, tuốt lưới gươm thiên-tử, lấy nhân làm yên khấu, lấy nghĩa làm chèo lái, lấy hào-kiệt làm nanh-vuốt, lấy trung-tin làm giáp-trụ, cần-lhận lòng cũ để giá ngự những tướng khó trị, sửa chuốc cung tên để dọa nạt những nước bất phục, tóm bắt giặc giã, đóng cũ giải về, khiến cho gần xa quang sạch. Cớ sao bỏ những việc ấy không làm, lại đi lầu-quần ở công việc săn bắn, dù được chim muông như núi, chúng tôi cũng lấy làm không phục.

Quý Ly nghe lời ; hai người mừng thầm nói :

— Thế là mưu kế có kết quả rồi.

Nhân nâng chén rượu đầy lên uống rồi nói bàn vanh-vách, trôi như nước suối, không bị đuối một tý gì cả.

Quý Ly nói :

— Ta từng tranh-luận với người Tàu người Chiêm chưa hề chịu khuất lý bao giờ, thế mà nay phải lúng-túng với các gã này. Các gã nếu chẳng phải yêu núi ma rừng thì sao nói-năng được nhọn sắc như vậy !

Hai người giận mà nói :

— Ông là thủ-tướng đáng lẽ nên tiến-dẫn nhân vật để làm đồ dùng cho quốc-gia ; cớ sao lại ghen

(1) Thuở ấy vua Minh sai chức Xá-nhân là Lý Anh xuống Vân-nam đòi mượn đường đi sang Chiêm-thành, yêu xách những voi ngựa lương thảo, bắt ta phải cung-dẫn.

(2) Đòi vua Trần Dụ-Tôn, người làng Trà-hương là Ngô Bệ họp đảng làm loạn, giữ núi Yên-phụ, dựng cây cờ lớn ở trên núi, tiệm vị xưng vương.

(3) Đòi Trần Phế-đế, người lộ Bắc-giang là Nguyễn Bò, xưng là Đường-lang tử-y, dùng pháp-thuật tiệm hiệu xưng vương làm loạn, rồi sau bị giết.

người hiền, ghét người tài, há phải là cái nghĩa ở trong kinh Thư đã nói : «Kể khác có tài, coi như ta có ».

Quý Ly đổi nét mặt đề xin lỗi và an-ủi rằng :

— Tôi nghĩ đương đời này giờ, hiếm có được hạng người như là các ông. Sao các ông không đốt bỏ tôi nỏn, từ giã cá-tôm, dươn mình con rồng ở Nam-dương, đuổi vó ngựa ký của Bàng Thống, lập công với đương thế, đề tiếng về đời sau. Có chi lại đi nằm chết khô ở chốn hang núi, còn ại người biết đến nữa.

Hai người cười mà rằng :

— Chúng tôi nướng mình bên cạnh khói, nấu vết chốn hang mây, ngủ thì lấy cỏ làm đệm êm, khát thì lấy suối làm rượu ngọt, vương chân cỏ hoa lá, kết bạn có hươu nai ; chỉ biết ăn bách nhai tùng, ngâm trăng vịnh gió, ngộ hầu mới khỏi vương lưới trần. Ai hơi đầu mà đi lo giúp việc đời dù là chỉ nhỏ một sợi lông.

Nhân lại nói :

— Chúng tôi vốn là những người phóng lãng, không chịu ở trong vòng ràng buộc. Trước vẫn hay thơ, thường ngâm vang cả hang núi. Đêm nay bồi tiệc, há lại không có bài nào đề kỷ thực ư ?

Hồ bên ngâm rằng :

飲了清泉又碧灘

Âm liêu thanh toản hựu bích than

悠悠名利不相干

Du du danh-lợi bất tương-can

雲邊石窟跳身易

Vân biên thạch quật khiêu thân dị

世上塵籠著脚難

Thế thượng trần lung trước cước nan

日落眠殘山峙迥

Nhật lạc miên tàn sơn trĩ quỳnh

更 闌 咱 倦 夜 冰 寒
 Canh lan thính quyện dạ băng hàn
 煙 霞 此 去 無 蹤 跡
 Yên hà thử khứ vô tung-tích
 子 我 相 期 久 遠 看
 Tử ngã tương kỳ cửu viễn khan.

Dịch :

Khe trong suối biếc nước ngon lành,
 Đường thẽ chỉ màng đến lợi-danh.
 Hang đá dễ nường mình phóng-khoảng,
 Vòng trần khôn đặt bước chông-chênh.
 Bóng tà giác tỉnh trơ hình núi,
 Băng lạnh đêm tàn cạn trống canh.
 Mây khói rồi đây không dấu vết,
 Đồi mình buộc chặt nghê non xanh.

Viên cũng ngâm rằng :

萬 壑 千 溪 有 徑 通
 Vạn hác thiên khe hữu kinh thông
 悠 悠 拂 袖 任 西 東
 Du du phất tụ nhiệm tây đông
 興 來 逐 伴 春 山 雨
 Hưng lai trục bạn xuân sơn vũ,
 愁 去 分 携 別 浦 風
 Sầu khứ phân h携 biệt phố phong
 湘 岸 無 聲 啼 落 日
 Tương ngạn vô thanh đề lạc nhật
 楚 天 有 淚 泣 鸞 弓
 Sở thiên hữu lệ khắp loan cung
 我 投 林 木 君 巖 穴
 Ngã đầu lâm mộc quân nhâm huyệt
 堪 笑 求 安 計 不 同
 Kham tiếu cầu an kế bất đồng.

Dịch :

Nghìn suối muôn khe có lối thông,
 Mắc dầu tha-thần bước tây đông.
 Tung-tăng lúc giỡn cơn mưa núi,
 Đứng-đỉnh khi chờ ngọn gió sông.
 Tiếng bật bờ Tương gào bóng xế (1),
 Lệ tràn đất Sở khóc dây cung (2).
 Tối lên rừng, bác vào hang núi,
 Tìm chốn yên thân cũng một lòng.

Ngâm xong, từ-biệt ra đi. Quý Ly mặt sai người rón bước theo sau, khi gần đến lưng chừng núi, thấy cả hai hóa làm con cáo và con vượn mà đi biệt mất.

Lời bình

Than ôi ! trời đất sinh ra mọi loài mà riêng hậu đối với loài người, cho nên người ta là giống khôn thiêng hơn muôn vật. Tuy phượng-hoàng là giống chim thiêng, kỳ-lân là giống thú nhân, cũng chỉ là loài vật mà thôi. Cuộc nghị-luận ở Đà-giang, cơ sao loài người mà lại phải chịu thua loài-vật ? Cái đó là vì có duyên-cớ. Bởi Quý Ly tâm-thuật

(1) Thơ vịnh loài vượn có câu : Đờ thời mặc cận Tiêu-tương ngạn, minh nguyệt cô chu hữu lữ-nhân ; nghĩa là lúc kêu chó nên kêu gần bờ sông Tiêu-tương, vì trong chiếc thuyền trơ dưới bóng trăng trong có người lữ-khách, ý nói nếu kêu để người lữ-khách nghe tiếng, sẽ gọi cho người ấy nổi buồn cố quốc tha hương.

(2) Sân triều nước Sở có con vượn trắng rất thiêng, người giỏi bắn đến đâu cũng không bắn trúng được. Vua Trang-vương sai nhà thiện xạ là Dương Do-Cơ vừa xách cung mang tên ra, chưa bắn mà vượn đã ôm cây khóc, lúc bắn, vượn liền theo ngay mũi tên mà sa xuống.

không chính, cho nên giống yêu-quái ở trong loài vật mới có thể đùa-cợt như vậy. Chứ nếu chính-trực như Ngụy Nguyên-Trung (1), trung như Trương Mậu-Tiên (2) thì chúng đã nghe giảng, giữ lửa không rời, đâu còn dám tranh-biện gì nữa. Chao ôi ! nước sông Thương-lương, trong thì để rửa mũ, đục thì để rửa chân, đều do tự mình cả đó thôi.

(1) Ngụy Nguyên-Trung là người thẳng-thắn, thừa nhỏ nhà nghèo, chỉ nuôi một đứa ở gái. Một hôm đứa ở đương thổi cơm, bỏ chạy đi múc nước, về thấy một con vượn già đầy bếp giữ lửa hộ. Con tinh vượn quý trọng Ngụy Nguyên-Trung như vậy.

(2) Tức Trương Hoa. Chuyện nghe giảng đá chua ở trên này.

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM-XƯƠNG

VŨ THỊ THIẾT, người con gái quê ở Nam-xương. Người đã thùy-my nét-na, lại thêm có tư-dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương-sinh, mền vì dung-hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng-ngừa thái quá. Nàng cũng giữ-gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà. Cuộc đoàn viên chưa được mấy lâu thì nhà-nước có việc đi đánh Chiêm-thành, bắt đến nhiều lính tráng. Trương tuy là con nhà dòng, nhưng không có học, tên đã ghi trong sổ trai-tráng, phải ra sung binh loạt đầu. Lúc chàng ra đi, bà mẹ có dặn rằng :

— Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy là hội công-danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh-cách, phải biết giữ mình, đừng nên tham miếng mồi thơm, để lỡ mắc vào lưới cá. Quan cao tước lớn, nhường để người ta. Có như thế thì mẹ ở nhà, mới đỡ lo-lắng vì con được.

Chàng quý xuống đất vâng lời dạy. Nàng thì rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng :

— Lang-quân đi chuyến này, thiệp chẳng dám mong đeo được ấn-hầu, trở về quê cũ, chỉ xin ngày về, mang theo được hai chữ bình-yên, thế là đủ rồi. Chín e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Ngày tháng lữa-lần, tin-hoi xa cách «Gió tây nổi khôn đường hồng tiễn, xót cõi ngoài

tuyệt quyền mưa sa. Màn mưa trướng tuyết xông pha, nghĩ thêm lạnh-lẻo kẻ ra cõi ngoài . . . Vì chàng lệ thiếp nhỏ dôi, vì chàng thân thiếp lẻ-loi một bề . . . »

Nàng nói đến đấy, mọi người đều ứa hai hàng lệ.

Rồi đó chén đưa vừa cạn, vó ngựa thẳng bon, «bóng cờ tiếng trống xa-xa, sải lên ngọn ải oán ra cửa phòng». Bấy giờ nàng đã đương có thai, sau khi tương-biệt được mười ngày thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là thẳng Đản.

Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm bay vườn thúy, mây ám non tần, nỗi buồn hải-giốc thiên-nhai, lại không thể nào giấu lấp được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc-thang lễ-bái, và lấy lời ngọt-ngào khôn-khéo khuyên-lơn. Song bệnh thể mỗi ngày một trầm-trọng hơn, bà mẹ trở lại với nàng rằng :

— Ngắn dài có số, tươi-héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, cùng vui sum họp. Song tuổi thọ có chừng, số trời khó tránh. Dầu khan bức hết, số tận mình cùng. Một lăm thân tàn, nguy trong sớm tối, không khỏi phải phiền đến con. Chồng con xa-xôi, mẹ chết lúc nào, không thể kịp về đền-báo được. Sau này trời giúp người lành, ban cho phúc trạch, giống-dòng tươi-tốt, con cháu đông đàn ; xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng nỡ lòng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lòng thương xót, phạm việc ma-chay tế-lễ, lo-liệu như đối với cha mẹ sinh ra.

Qua sang năm sau, giặc Chiêm chịu trói, quân nước kéo về. Trương sinh tới nhà thì mẹ đã từ trần, con vừa học nói. Chàng hỏi mồ mẹ rồi bế đứa con nhỏ đi thăm. Ra đến đồng, đứa trẻ quấy khóc, sinh dỗ-dành :

— Con nín đi, đừng khóc. Cha về bà đã mất, lòng cha buồn-khổ lắm rồi.

Đưa con thơ-ngây nói :

— Ô hay ! thế ra ông cũng là cha tôi ư ? Ông lại biết nói, không như cha tôi trước chỉ nín thin-thít,

Chàng ngạc-nhiên gạn hỏi. Đưa con nói :

— Khi ông chưa về đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chả bao giờ bế Đản cả.

Tinh chàng hay ghen, nghe đưa con nói vậy, tin chắc đinh-ninh là vợ hư, không còn ai có cách gì tháo cũi ra được.

Về đến nhà, mắng vợ một bữa cho hả giận. Nàng khóc mà rằng :

— Thiếp vốn nhà nghèo, được vào cửa tạ. Sum-hợp chưa thỏa tình chăn-gối, chia-phôi vị động việc lửa bình. Cách-biệt ba năm, giữ-gìn một tiết. Tô son diêm phấn, từng đã nguội lòng, ngõ liễu dương hoa, chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói. Dám xin trần-bạch để cỗi mối nghi-ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia từ ai nói ra thì giấu không kể lời còn nói; chỉ thường thường mắng-mỏ nhiếc-móc và đánh đuổi đi. Họ-hàng làng-xóm bènhi-vực và biện-bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bắt-dã-dĩ nói :

— Thiếp sở-dĩ nương-tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Đâu ngờ ân-tình tựa lá, gièm-báng nên non. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa gãy cuống, kêu xuân cái én lìa màn, nước thấm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi

Vọng-phu kia nữa (1).

Đoạn rời nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng-giang (2), ngửa mặt lên trời mà than rằng :

— Kẻ bạc mệnh này duyên-phận hẩm-hiu, chồng con rầy bỏ, dều đầu bay-buộc, tiếng chịu nuốc-nhờ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu doan-trang giữ tiết, trinh-bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc My-nương (3), xuống đất xin làm cỏ Ngu-mỹ (4). Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, chẳng những là chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

Nói xong, gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận, cũng động lòng thương, tìm vớt thấy nàng nhưng chẳng thấy tấm-hơi đầu cả. Một đêm phòng không vắng-vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng :

— Ô ! cha Đản lại đến rồi !

Chàng hỏi đầu. Nó trở bóng chàng ở trên vách :

(1) Nghiêm Quán-Phu lấy vợ là nàng Bì-thị mười năm không có con, chàng bèn rầy bỏ. Bì-thị làm bài thơ đề từ già rằng : "Đương thời tâm-sự dĩ tương quan, vũ tảo vân thu nhất sướng gian. Tiện thị cô phạm tông thờ khứ, bất kham trùng thương Vọng phu san". Chàng cảm-dộng, vợ chồng lại ở với nhau như cũ.

(2) Thuộc huyện Nam-xương tỉnh Hà-Nam bây giờ.

(3) My-Nương là vợ Trọng-Thủy, con gái vua thực An-dương-vương, vì lòng ngay mà phải thác oan, hóa thành ngọc trai dưới bể (cổ sử).

(4) Ngu mỹ-nhân là vợ Sở-vương Hạng-Võ. Khi Hạng-Võ thế cùng, chạy đến Cai-hạ, nàng rút gươm ra tự-vẫn. Tương truyền rằng hương hồn của nàng không tan, hóa thành hai khóm cỏ trên mồ, ngày đêm cứ quấn-quít vào nhau, người ta gọi là cỏ Ngu mỹ-nhân.

Đây này !

Thì ra khi chàng đi vắng, nàng thường đùa trở bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh-ngộ ra nỗi oan của vợ, nhưng đã chẳng làm gì được nữa.

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan-Lang khi trước làm đầu-mục bến dò Hoàng-giang, một đêm chiêm-bao thấy người con gái áo xanh, đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan thấy có người phường chài đem vào biếu một con rùa mai xanh, sức nghĩ đến chuyện mộng, nhân đem phóng sinh con rùa ấy. Cuối đời Khai-dại nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm-Bình về nước, phạm vào cửa ải Chi-lăng (Lạng-sơn), nhân-dân trong nước, nhiều người sợ-hãi phải chạy trốn. Phan-Lang cùng mọi người làng cũng phải chạy trốn ra ngoài bề, không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thấy Phan-Lang giạt vào một cái động rùa ở ngoài hải-đảo, bà Linh-Phi trông thấy nói rằng :

— Đây là vị ân-nhan cứu sống cho ta xưa đây.

Linh-Phi bèn lấy khăn gấm mà lau, lấy thuốc thần mà đỡ, một chốc Phan-Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm dài dao, nguy-nga lộng-lẫy : không biết là mình đã lạc vào trong Thủy-tuynh-cung. Linh-Phi bấy giờ mặc tấm áo cầm-vân dát ngọc, di đôi giày tản-hà nạm vàng, cười bảo Phan rằng :

— Tôi là Linh-phi trong Quy-dộng, phu-nhân của Nam-hải Long-vương. Nhờ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông, bị người phường chài bắt được, ngẫu-nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp-gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời có ý cho tôi một dịp đền ơn báo nghĩa !

Phi bèn đặt yển ở gác Triệu-đương để thiết đãi Phang-Lang; dự tiệc còn có vô số những mỹ-nhân, bạn quần nhẹ và búi tóc xể. Trong số có một người, mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn

trông rất giống với Vũ-nương (Vũ thị Thiết, vợ Trương-sinh). Phan thường nhìn trộm luôn, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người ấy bảo với Phan-Lang rằng :

— Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư ?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ-nương. Gạn hỏi duyên-do. Nàng nói :

— Tôi ngày trước không may bị người vu-báng, phải gieo mình xuống sông tự-tử. Chư tiên trong thủy-cung thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi được khỏi chết ; nếu không thì đã chôn trong bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói :

— Nương-tử nghĩa khác Tào-Nga (1), hờn không Tinh-vệ (2). Nay từ khi lạc về cung nước, thắm-thoắt đã một năm chầy, há lại không tưởng nhớ đến quê-hương ư ?

Vũ-thị nói :

— Tôi đã bị chông ruồng-rẫy, thà già đời ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về thấy người chông !

Phan-Lang nói :

— Thưa nương-tử, tôi trộm nghĩ về nương-tử, nhà cửa của tiên-nhàn, cây cối thành rừng,

(1) Nàng Tào-Nga người đời nhà Hán. Cha nàng chết đuối dưới sông, tìm không thấy xác. Nàng mới 14 tuổi. vì lòng thương cha, đi dọc sông khóc-lóc, suốt ngày ấy qua đêm khác. Rồi nàng cũng gieo đầu xuống sông tự-tử, sau ba ngày ôm được thây cha mà nổi lên. Người làng cho là thần-dị, lập miếu thờ.

(2) Con gái vua Viêm-đế ra chơi bề Đông chết đuối, hóa làm chim tinh-vệ, ngày ngày ngậm đá núi Tây để lấp bề.

phần-mộ của tiên-nhân, cổ gai nhóp mắt. Nương-tử đầu không nghĩ đến, nhưng con tiên-nhân mong đợi ở nương-lữ thì sao !

Nghe đến đây, Vũ-nương ứa nước mắt khóc rồi nói :

— Tôi có lẽ không thể gửi hình ảnh vết ở đây mãi được. Ngựa Hồ gặm gió bắc (1), chim Việt đậu cành nam (2). Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Hôm sau, Linh-Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh-châu, sai Xích-Hồn (3) sứ-giả đưa Phan ra khỏi nước ; Vũ-nương cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn :

— Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa, nên lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây thần đăng chiếu xuống nước, tôi sẽ hiện về.

Về đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với nhà Trương. Ban đầu Trương còn không tin. Nhưng sau nhận được chiếc hoa vàng, mới kinh mà nói :

— Đây quả là vật dùng của vợ tôi xưa thật.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn-tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng-giang. Rồi quả thấy Vũ-nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau lại có đến hơn 50 chiếc xe nữa ; cờ tàn tán lộng, rực-rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện. Chàng vội gọi ; nàng vẫn ở giữa dòng mà nói với vào ;

(1) Ngựa Hồ sinh ở đất bắc, quen với gió bắc, cho nên thấy gió bắc nổi thì hí lên.

(2) Chim Việt sinh ở đất Việt, cảm thụ được cái khí ấm áp. Cho nên bay đi xứ khác, hễ đậu tất đậu ở cành phía nam là phía ấm-áp hơn với chỗ quê-hương.

(3) Hồn là tên một loài cá quả.

— Thiếp cảm ơn-đức của Linh-Phi, đã thế sống chết cũng không bỏ. Đa tạ linh chàng, thiếp chẳng thể lại về nhân-gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, những hiện-tượng ấy chìm-lịm đi mất.

Lời bình

Than ôi ! những việc từa-tựa như nhau, thật là khó tỏ mà dễ hoặc. Cho nên quăng thoi đứng dậy, tuy mẹ bậc đại-hiền cũng phải phân-vấn, (1) mất búa đồ ngờ, tuy con người lảng-giềng cũng khó chối-cãi (2), ý dĩ đầy xe, Quang-Vũ đồ ngờ lão tướng, (3) trối lại mà giết, Tào-Tháo đến phụ ân-

(1) Ông Tăng-Sâm là bậc đại-hiền. Một lần có người trùng tên với ông làm sự giết người ; người ta tưởng là chính ông, đến báo tin cho mẹ ông biết. Hai người đến báo, bà vẫn điềm-nhiên ngồi dệt cửi, vì tin là con mình không khi nào như thế. Nhưng đến báo lần thứ ba, bà cũng phải dâm ngờ con mà quăng thoi đứng dậy (Ngũ-vận).

(2) Người thầy bùa mất cái búa, ngờ cho đứa con nhà lảng-giềng, nhìn cách đi đứng, giọng nói-năng của nó, nhất nhất đều thấy tỏ ra là một thằng ăn trộm búa. Nhưng rồi lại thấy búa ; hôm sau nhìn đứa con lảng-giềng, thấy nó không có cái gì tỏ ra là đứa ăn trộm búa cả (Liệt-tử).

(3) Đời Đông-Hán, Mã-Viện sang lấn cướp nước ta, hay ăn món ý dĩ. Khi về, Viện chở một xe ý dĩ về. Sau khi Viện mất, có người dâng thư lên vua Hán nói gièm, bảo xe ấy chở những ngọc minh châu và da văn tê. Vua Hán tin là thực, bưng bưng nổi giận (Hán sử).

Lời phụ — Mã Viện sang ta vơ-vét dữ lắm. Xe ý dĩ kia, tôi cũng không tin đó chỉ là một xe ý dĩ (dịch-giã).

nhân, (1) việc Thị-Thiết cũng giống như vậy. Nếu không được trời xét lăm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc, đã chôn vào họng cá ở dưới lòng sông, còn đâu được lại thông tin-tức để nét trinh-thuần được nhất-nhất bệch-bạch ra hết. Làm người đàn ông, tưởng đừng nên để cho giai-nhân oan-uổng thế này.

(1) Tào-Thảo trốn nạn, đến nhà người bạn của cha là Tả Bá-Xa. Bá-Xa sang Tây-thôn mua rượu để thết. Thảo nghe đằng sau có tiếng mài dao, lên vào nghe trộm, thấy người nói: «trói lại mà giết». Thảo xông vào, bất cứ đàn-ông đàn-bà giết sạch. Vào đến trong vườn, thấy có con lợn trói nằm đấy, bấy giờ mới biết là giết lăm người tốt. Vội-vã ra đi, được vài dặm gặp Bá-Xa cười lừa đèo hũ rượu về, sợ Bá-Xa về thấy cả nhà bị giết sẽ làm lòi-thối, Thảo lại chém Bá-Xa chết nổi (Tam-quốc chí).

CHUYỆN LÝ TƯỞNG - QUÂN

VUA Giản-Định nhà Hậu Trần lên ngôi ở Mô-độ (1), hào-kiệt bốn phương, gần xa hưởng-ứng, đều chiêu-tập đồ-dảng làm quân Cần-Vương. Người huyện Đông-thành là Lý Hữu-Chi cũng do chân một người làm ruộng nổi lên, tinh vốn dữ-tợn nhưng có sức khoẻ, giỏi đánh trận. Quốc-công Đặng-Tất tiến-cử cho Lý được làm chức tướng-quân, sai cầm một cánh hương-binh đi đánh giặc. Quyền-vị đã cao, Lý bèn làm những việc trái phép, dựa lữ trộm cướp như lòng ruột, coi người nho-sĩ như cừu-thù, thích sắc-đẹp, ham tiền-tài, tham-lam không chán ; lại tậu lắm ruộng vườn, dựng nhiều nhà cửa, khai-đào đồng-nội để làm ao, đồn-đuổi xóm-giềng cho rộng đất, đi kiếm những hoa kỳ, đá lạ từ bên huyện khác đem về. Người trong vùng phục-dịch nhọc-nhẫn, anh nghĩ thì em đi, chồng về thì vợ đổi, ai nấy đều vai sưng tay rách, rất là khổ-sở, nhưng hần vẫn điềm-nhiên không chút động tâm.

Bấy giờ có một ông thầy tướng-số đến cửa xin ăn và có thể nói được những việc họa phúc. Lý bảo xem tướng mình, ông thầy ấy nói :

(1) Mô-độ thuộc huyện Yên-mô tỉnh Ninh-bình bây giờ. Ngày 12 tháng 10 năm Đinh-hợi (1407), vua Trần Giản-Định lên ngôi ở Mô-độ.

— Lợi cho việc làm không gì bằng nói thẳng, khỏi được tật-bệnh không gì bằng thuốc đắng. Nếu ngài dong-nạp thì tôi sẽ nói hết lời. Đừng vì đảng miệng mà ghét-gũa khiến tôi phải e-dè kiêng-tránh mới được.

Lý nói :

— Được, không hề gì.

Ông thầy nói :

— Điều thiện-ác tích lâu sẽ rõ, sự báo-ứng không sai chút nào. Cho nên luận số trước phải luận lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay Tướng-quân có dữ mà không lành, khinh người mà trọng của, mượn oai-quyền để làm bạo-ngược, buông tham-dục để thỏa ngông-cuồng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào mà trối khỏi tai-họa !

Lý cười :

— Ta đã có binh-linh, có đồn-lũy, tay không lúc nào rời qua-mâu, sức có thể đuổi kịp gió chớp, trời dù có giòi cũng sẽ phải tránh ta không kịp, còn giáng họa cho ta sao được.

Thầy tướng nói :

— Tướng-quân cậy mình mạnh-giỏi chưa thể lấy lời nói để cho hiểu được, vậy tôi có chùm hạt châu nhỏ, xin đưa tướng-quân xem sẽ biết rõ dữ lành, tướng quân có bằng lòng xem không ?

Nhân lấy chùm hạt châu ở trong tay áo ra, Lý trông xem, thấy trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quý ghê-gớm, hoặc cầm thừng chảo, hoặc cầm dao cưa, mình thì đương bị gông-xiềng, bò khúm-núm ở bên vạc dầu, lấm-lết sợ-hãi. Hỏi có cách gì cứu-gỡ không, thì thầy tướng nói :

— Gốc ác đã sâu, mầm vạ sắp nảy. Cái kế cần kíp ngày nay chỉ còn có đuổi hết hầu thiếp, phá hết vườn ao, trút bỏ binh-quyền, quy đầu phúc địa,

tuy tội chưa thể khỏi được, nhưng cũng còn có thể giảm trong muôn một.

Lý ngẫm-nghĩ lúc lâu rồi nói :

— Thôi thầy ạ, tôi không thể làm như thế được. Có ai lại vì lo cái vạ sau này chưa chắc đã có, mà vứt bỏ những cái công-cuộc sắp thành làm hi-hục trong mấy năm bao giờ.

Sau đó hẳn càng làm những sự dâm-cuồng, chèm-giết, không kiêng-dè gì cả. Người mẹ tức-giận nói :

— Ưa sống ghét chết, ai ai cũng lòng, cơ sao mày hay làm những sự giết-chóc như vậy. Không ngờ ta đến lúc tuổi già, lại phải trông thấy đứa con mắc phải hình-lục có ngày.

Người con trai Lý là Thúc-Khoản cũng thường can-ngăn cha luôn, nhưng Lý chẳng nào vẫn giữ tật ấy. Năm 40 tuổi thì Lý chết ở nhà ; ngoài đường-sá người ta bàn-bạc huyền-hoa, bảo với nhau rằng :

— Kẻ làm thiện thường phải chết về đao binh, kẻ làm ác lại được chết trong nhà cửa, đạo trời để đâu không biết !

Trước đây có người bản-châu là Nguyễn-Quý, khảng-khải chuộng điều khi-tiết, vốn cùng chơi thân với Thúc-Khoản, nhưng chết đã 3 năm nay rồi. Một hôm Thúc-Khoản đi chơi sớm, chợt gặp ở đường ; Nguyễn-Quý bảo Thúc-Khoản rằng :

— Phụ thân anh sắp bị đem ra tra hỏi. Tôi vì quen thân với anh, nên đến bảo cho anh biết trước. Anh có muốn xem, tối mai tôi cho người đến đón, anh sẽ được xem. Nhưng xem rồi cần phải giữ kín. Nếu nói hở ra một lời thì tai-vạ sẽ lay sang đến tôi ngay.

Nói xong liền biến mất không thấy đâu nữa. Đến hẹn, Thúc-Khoản ngồi trong một buồng nhỏ ngóng đợi. Nửa đêm, quả thấy mấy người lính đầu ngựa đến đón tôi một cung-điện lớn. Trên

điện có một vị vua, bên cạnh đều những người áo sắt mũ đồng, tay cầm phủ-việt đồng-mác, dàn ra hàng lối đứng châu-chực rất là nghiêm-túc. Chợt thấy 4 viên Phán-quan từ bên tả-vũ đi ra mà một viên tức là Nguyễn-Quý. Bốn viên này tay đều cầm thẻ, quỳ đọc ở trước án son. Một viên đọc :

— Viên quan kia tên là Mỗ ở đời cứng vuông, không kiêng-sợ kẻ quyền-quý; tước-vị càng cao, càng biết khiêm-nhường; rồi lại biết quên mình để chết vì việc nước, làm rạn-rỡ cho nước nhà. Thần xin tâu lên Đế-đình, cho người ấy được làm tiên.

Một viên nói :

— Ở nha kia có tên Mỗ, vốn người tham-bản, hối-lộ dập-diu; lại lấy lộc-trật mà hợn-hĩnh ngông-ngheh, khinh-miệt những người có đức, chưa từng cất nhắc kẻ hiền-sĩ để giúp việc nước. Thần xin chuyển báo cho tòa Nam-tào tước bỏ tên ra.

Một viên nói :

— Ở châu kia có người họ Hà gắng sức làm thiện, hằng ngày trong nhà thường phải thiếu ăn; gần đây nhân sau hồi bình lửa, tạt dịch nổi lên, người ấy lại cho đơn cấp thuốc, số người nhờ thế mà khỏi chết đến hơn một nghìn. Thần muốn xin cho người ấy được thác sinh vào nhà có phúc, hưởng lộc ba đời, để báo cái ơn đã cứu sống cho nhiều người.

Một viên nói :

— Ở thôn kia có gã họ Đinh, bắt mực với anh em, chẳng hòa với tôn-tộc, thừa dịp các cháu bé dại, chữa lại chúc thư để chiếm cướp lấy cả ruộng nương, khiến họ không còn có miếng đất cắm dùi. Thần muốn bắt người ấy phải thác sinh vào nhà kẻ hèn, đói khát, nằm vạ-vật ở ngòi rãnh, để bỏ với sự đã đi tranh cướp của người.

Đức vua đều y theo lời tâu.

Kể đó có một người áo đỏ, từ bên hữu-vu đi ra, cũng quý trước án mà tâu rằng :

— Công việc của sở thần coi giữ, có người họ Mã tên Mã, ngoan-ngu bất-pháp, giam-cầm trong ngục một năm nay chưa đem xét-xử. Nay xin được đem ra thỉnh-mệnh ở trước Vương-đình.

Nhân đọc một bản buộc tội như sau :

伏聞玄黃肇判分陽清陰濁之形
Phục văn huyền hoàng triệu phán, phân dương
thanh âm trọc chi hình,

民物稟生有善惡業緣之異
Dân vật bẩm sinh, hữu ác nghiệp thiện duyên
chi dị.

如斯種種

Như tư chủng chủng

固可枚枚

Cố khả mai mai

蓋天能以理賦人不能使人皆賢聖
Cái thiên năng dĩ lý phú nhân, bất năng sử
nhân đại hiền thánh.

人能以身率性不能無性或昏明
Nhân năng dĩ thân xuất tính, bất năng vô tính
hoặc hôn minh.

故有倚而不中

Cố hữu y nhi bất trung

有流而為惡

Hữu lưu nhi vi ác

吉·凶之動，判然牝牡驪黃
Cát hung chi động, phán nhiên tẫn mẫu ly
hoàng.

因果之來，必爾形聲響應
Nhân quả chi lai, tất nhĩ hình thanh hưởng
 ứng.

顧 此 理 本 來 顯 著

Cố thử lý bản lai hiển trứ

奈 夫 人 一 是 頑 愚

Nại phú nhất thị ngoan ngu.

競 起 怒 嗔

Cạnh khởi nộ sân

妄 生 物 我

Vọng sinh vật ngã

堙 河 落 井 汨 汨 河 深

Nhân hà lạc giếng, mịch mịch hà thâm

則 塹 填 坑 滔 滔 皆 是

Tắc tằm điền khảnh, thao thao giai thị

幽 沉 至 此

U trầm chí thử.

隕 越 堪 憐

Vãn việt kham linh

此 九 天 垂 拔 度 之 科， 將 警 迷 而 覺 暗

Thử cửu thiên thùy bạt độ chi khoa, tương cảnh mê nhi giác ám.

十 地 具 輪 迴 之 獄， 欲 戒 往 而 懲 來

Thập địa cụ luân-hồi chi ngục, dục giới vãng nhi trừng lai.

過 而 弗 悛

Quá nhi phất thuận

刑 之 必 至

Hình chi tất chí

今 李 某 虫 沙 之 質

Kim Lý mỗ trùng sa chi chất

蟻 虱 之 驅

Nghĩ sất chi khu

締 交 時 覆 雨 翻 雲

Đế giao thời phủ vũ phiến vân

萌 心 處 妖 精 厲 鬼

Manh tâm xử yêu tinh lệ quỷ

視 文 學 寔 同 朽 齏

Thị văn học thực đồng nhưế tạc

重 貨 財 殆 若 丘 山

Trọng hóa tài đãi nhược khâu sơn

占 人 田 類 漢 紅 陽

Chiếm nhân điền loại Hán Hồng Dương

縱 虐 殺 邁 隋 楊 素

Túng ngược sát mại Tùy Dương Tố

人 扇 禍 較 豺 狼 猛 獸 有 加

*Tường nhân phiến họa, hiệu sài lang mãnh thú
hữu gia.*

縱 欲 窮 奢 雖 漢 壑 丘 山 不 足

*Túng dục cùng xa, tuy khê hác khâu sơn bất
túc.*

畢 竟 會 心 所 使

Tất cánh tham tâm sở sử

真 是 奸 人 之 雄

Chân thị gian nhân chi hùng

盍 真 嚴 條

Hạp chi nghiêm điều

用 懲 來 者

Dụng trừng lai giả

Dịch nghĩa :

Kinh nghe :

*Trời đất gây-dựng, chia ra hình âm dục dương
trong.*

*Dân vật bần-sinh, khác ở chỗ duyên lành
nghiệp dữ.*

Biết bao sự-trạng

Khôn xiết kể bày.

Bởi, trời lấy lý phú cho người, sao được người
đều hiền-thánh.

Người đem mình noi theo linh, khỏi đâu linh
hoặc sáng-mờ (1).

Cho nên thiên lệch có người,

Hư lời lắm kẻ.

Dữ-lành báo ứng, không làm được cái, đen
vàng (2).

Nhân-quả rõ-ràng, giống hết tiếng vang, hình
bóng (3)

Ngẫm lẽ ấy vốn là rõ-rệt,

Nhưng con người thật quá ngoan-ngu,

Ghen tức nhiều điều,

Riêng tày lắm chuyện,

Chìm sông ngã giếng, đắm-duối càng sâu.

Lấp giếng vùi hầm, xô-bỏ đã lắm.

U-trăm đến vậy,

Đọa lạc càng thương.

Vi thể mà, trời có đường bạt-độ, tình-thức
người mê,

Đất có ngục luân-hồi, khuyên-răn kẻ xấu.

Lỗi mà chẳng đời,

Tội ắt không dong.

Nay Lý mỗ, sáu cát thân hèn,

Kiến giun phận mọn.

(1) Nói tính người ta sáng-suốt và mờ-tối khác nhau.

(2) Tần Mục-công sai Cửu Phương-Cao đi kén mua ngựa hay. Cao về báo đã kén một con ngựa cái vàng; lúc dắt ngựa về thì lại là ngựa đực sắc đen, nhưng quả là ngựa tốt. Bá-Nhạc bảo là Cao chỉ chú-ý cái tài bên trong của nó, nên không để ý đến bề ngoài.

(3) Nhân-quả theo nhau như tiếng với vang, hình với bóng theo nhau.

Kết bạn thì mây mưa tráo-trở
 Cư tâm thì yêu-quái gớm-ghe,
 Văn-học xem khinh,
 Bạc liễn coi trọng
 Chiếm cướp ruộng người như Hồng Dương đời

Hán (1).

Giết hại mạng người như Dương Tố đời Tùy (2)
 Vu oan giả họa, so hùm-beo gấu-sói còn độc hơn
 Cực nhục cùng xa, dù khe suối núi gò chưa đủ
 thỏa.

Chỉ bởi lòng tham sai khiến,
 Thực tưởng gian-hoạt tuyệt vời.
 Phải dùng phép nghiêm.
 Làm răn kẻ khác.

Bản ấy tuyên đọc xong, thấy kẻ lại-dịch điếu Hữu-chi ra, đặt quỳ phủ-phục ở dưới cửa, lấy roi đánh rất dữ-dội, máu tươi bắn ra nhầy-nhọt. Hữu-Chi kêu rên giãy-giụa, tỏ ra đau-dớn không chịu nổi. Chợt nghe trên điện nói :

— Chia buống xét việc là bõn phận của lũ người, có sao việc ấy lại để chậm đến một năm nay ?

Người áo đỏ nói :

— Vi y tội ác chớng-chất, nên chưa dám đoán định một cách chắc nịch. Bữa nay tâu lên thì việc án mới thành.

(1) Đời Hán Thành-đế, Hồng Dương Hầu Vương-Lập chiếm đất mở ruộng hàng mấy trăm khoảnh để đem bán lấy tiền rất đắt. Việc phát-giác ra phải truất.

(2) Dương Tố đời Tùy dùng binh hay có lối quyền lược, khi sắp ra quân, thường kiếm lỗi người mà giết chết hàng mấy trăm mạng, lúc lâm địch, sai vài ba trăm người xông vào hãm trận, hễ không thành công mà quay về, đều giết chết hết ; sai loạt sau cũng xử như thế.

Nhân tâu trình các tội như sau :

— Kê kia gheo vợ người, dâm con người, tội nên xử thế nào ?

Đức vua nói :

— Đó là vì hấn đắm-chìm ở trong bể ái, nên lấy nước sôi rửa ruột để cho tình-dục không sinh.

Tả hữu liền lôi ra bỏ vào cái vạc đương sôi, thân-thể Hữu-Chi đều nát rữa ra cả. Rồi lấy nước thần sẽ rẫy, một lát Hữu-Chi lại trở lại lành-lặn như là người thường.

— Kê kia chiếm ruộng của người, phá sản của người nên xử thế nào ?

— Đó là vì tuổi tham dìm nó, nên lấy lưỡi trủy-thủ moi ruột để cho lòng tham không nổi lên nữa.

Tả hữu liền rạch bụng moi hết gan ruột phủ tạng ra ngoài. Rồi lại lấy cành dương sẽ phất, một chốc thì thân-thể lại nguyên lành-lặn.

— Đến như phá mồ-mả của người đời xưa, hủy đạo thường với người ruột thịt, nên xử thế nào ?

Đức vua im-lặng lúc lâu rồi nói :

— Đó là sự cản-dỡ không có chừng mực nào nữa, dù xử bằng những hình cây kiếm núi đao, nước đồng gậy sắt cũng chưa đủ thỏa. Vậy chỉ nên áp giải vào ngục Cửu-u lấy dây da chét lấy đầu, lấy dùi lửa đóng vào chân, chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trầm luân kiếp-kiếp, không bao giờ được ra khỏi.

Quý sứ liền vào lời Hữu-Chi điệu đi. Bấy giờ Thúc-Khoản ở khe tường dòm thấy, khóc thất thanh đi. Mấy người quý-sứ liền lấy tay bưng miệng rồi đưa về nhà, ném chàng từ trên không xuống đất. Thúc-Khoản giật mình tỉnh dậy, thấy người nhà đương ngồi chung-quanh mà khóc, nói mình chết đã hai ngày rồi, chỉ vì thấy ngực hấy

còn thoi-thóp và hơi nóng-nóng, cho nên chưa dám đem chôn. Thúc-Khoản bèn ruồng bỏ vợ con, đem của-nả tán-cấp mọi người và đốt hết những văn-tự nợ, vào rừng hái thuốc tu-luyện. Câu chuyện ấy Thúc-Khoản giấu kín, chỉ có chàng và vài người bố già được biết mà thôi, cho nên cũng ít truyền.

Lời bình

Phan ôi ! đạo trời chí công mà vô tư, lưới trời tuy thưa mà chẳng lọt, cho nên hoặc có người lúc sống khỏi nạn mà lúc chết bị hình. Song, chịu họa ở lúc sống, người đã không hiểu, phải tội ở lúc chết, người lại không hay; vì thế mà đời thường có lắm loạn-thần tặc-tử. Ví thử họ hiểu, họ hay thì dù bảo làm ác cũng không dám làm. Song Lý mỗ đã trông thấy và biết rõ rồi lại còn làm tệ hơn. Đó là người hư-tồi bậc nhất không chuyển-đổi được, không còn thể nói bàn gì nữa.

CHUYỆN LÊ - NƯƠNG

NGUỖN THỊ-DIỄM là người một họ lớn ở huyện Đông-sơn (Thanh-hóa) em họ ngoại của Trần Khát-Chân; cùng người đàn-bà họ Lý quê ở huyện Cẩm-giang (Hải-dương) cùng mở ngôi hàng bán phần đổi cửa nhau tại bên ngoài thành Tây-đô (Thanh-hóa). Xóm-giềng gần-gần, tình-nghĩa ngày một thân, nhưng cả hai đều chưa con cái. Một hôm, đến động Hồ-công (1) làm lễ cầu tự, Lý-thị bảo với Nguyễn-thị rằng :

— Chúng ta ở trong phố vẫn quen thân nhau, việc đi lễ cầu-tự hôm nay lại không hẹn mà cùng giống nhau. Nếu mà hương-lửa cô duyên, sau này ta sẽ cho các con sánh nên đôi lứa. Bình-dân ta lại làm bạn với bình-dân, chẳng cần phải kèn chọn con ông cháu cha gì cả ; nói có Sơn-thần chứng dám, tôi quyết không sai lời.

Rồi đó Nguyễn-thị quả sinh con gái đặt tên là Lê-nương, Lý-thị quả sinh con trai đặt tên là Phật-sinh. Hai trẻ đến khi trưởng-thành, đều ham nghề nghiên-bút. Vì có hai bên cha mẹ thân-mật, nên họ cùng đi lại với nhau suồng-sã, thường cùng nhau xướng-họa thơ từ. Tuy kỹ cưới xin chưa định, nhưng hai tình gắn-bó, đã chẳng khác chi vợ chồng vậy.

(1) Ở làng Thiên-vực huyện Vĩnh-kỳ Thanh-hóa.

Niên-hiệu Kiến-tân năm Kỷ-mão (1399) đời Trần, xảy ra cái vạ Trần Khát-Châu (1), Lê-nương bị bắt vào trong cung, Phật-sinh rất là thất vọng. Gặp đêm trừ-tịch, gần hết canh năm, sinh còn đương nằm ngủ, chợt nghe có tiếng ầm ới. Sinh vùng-dậy đẩy cửa ra xem, thấy có hơn trăm chiếc kiệu hoa rậm-rịch đi qua, và có một bức thư bằng lụa cài vào ngưỡng cửa, trong thư chính là bút tích của Lê-nương đã viết. Thư rằng :

妾聞大有陰陽天道以之而備
Thiếp văn, thiên hữu âm-dương, thiên đạo dĩ
chi nhi bị,

人有夫婦人道以之而成
Nhân hữu phu phụ, nhân đạo dĩ chi nhi thành.

嗟我何脩
Ta ngã hà tu?

與君不偶
Dữ quân bất ngẫu

昔時心事久已相關
Tích thời tâm sự, cửu dĩ tương quan,

今日化離翻成永感
Kim nhật ty ly, phiến thành vĩnh cảm

竟落樓前之影
Gánh lạc lầu tiền chi ảnh

長絨院裡之春
Trường giam viện lý chi xuân.

每怕鏡舞離鸞
Mỗi sợ kính vũ ly hoan

琴操別鶴
Cầm thao biệt hạc

(1) Trần Khát-Châu mưu giết Hồ Quý-Ly không thành bị Quý-Ly giết và bắt-bớ đến cả thân-tộc.

春城日暮柳斜寒食東風
Xuân thành nhật mộ, liễu tà hàn thực đông phong.

流水御溝腸斷上陽宮女
Lưu thủy ngự cầu, tràng đoạn Thương-dương cung
nữ.

但有幽愁種種
Đã hữu u sầu chủng chủng.

清淚波波
Thanh lệ ba ba

悵宿願之多違
Chương túc nguyện chi đa vi

笑此生之浪度
Tiếu thử sinh chi lãng độ

柳氏重歸之約好會難期
Liêu thị trùng quy chi ước, hảo hội nan kỳ,

玉蕭再合之緣他生未卜
Ngọc tiêu tái hợp chi duyên, tha sinh vị bốc,

願君自愛
Nguyện quân tự ái

別締良媒
Biệt để lương môi,

無以一日之恩
Vô dĩ nhất nhật chi ân

而誤百年之計
Nhi ngộ bách niên chi kế

悠悠心緒
Du du tâm tự

書不盡言
Thư bất tận ngôn

未得鈞旨
Vị đắc quân chỉ

先此申覆
Tiên thử thân phục

Dịch nghĩa :

Thiếp nghe :

*Trời có âm dương, đạo trời mới đủ,
Người có chồng vợ, đạo người mới thành.*

Đói ta vì đâu ?

Lỡ-làng đến vậy !

Tâm tình buổi trước, đã kết mối dây,

Ly-biệt ngày nay, bao khuấy nguồn cảm.

Bóng trước lâu đã rụng,

Xuân trong viện dành giam,

Những e, gương ly loan bóng mùa hưng-hờ (1).

Đàn biệt hạc tiếng vang ai oán (2),

*Thành xuân trời tối, liễu lả cành dưới ngọn
đông phong (3),*

*Ngồi ngự nước trời, ruột đứt khúc bao người
cung-nữ (4)*

Luống những, mạch sầu dọt-dọt,

Sóng lệ trùng-trùng,

Nguyễn xưa tan-nát nghĩ mà đau,

Kiếp ấy lỡ-làng sinh cũng uổng,

(1) Vua nước Kế-tân đặt một con loan muốn cho nó kêu, phu-nhân bảo : nghe nói loan thấy đồng-loại nó mới kêu, bèn đặt cái gương cho nó soi thì nó kêu ngay.

(2) Chàng mục-tử ở Thương-lãng lấy vợ, 5 năm không có con, cha mẹ định lấy vợ khác cho. Người vợ nghe tin, đương đêm khóc lóc. Mục-tử cảm-động làm ra một khúc hát biệt hạc.

(3) Câu thơ của Hàn-Hoành đời Đường. «Hàn thực đông-phong ngự liễu tà» : nghĩa là : tiết hàn-thực gió đông thổi, cây liễu trong vườn ngự lả cành.

(4) Chuyện Cổ Huống đời Đường đề thơ thả ở ngồi ngự, trong có câu: «Thượng dương cung-nữ đoạn trường thì: lúc những cung-nữ ở cung Thượng-dương đau ruột».

Ước Liễu-thị mong gì hào-hội (1)

Duyên Ngọc-Tiêu đâu chắc tái-sinh (2)

Xin chàng trân-trọng lấy mình,

Liều kết nhân-duyên chôn khác,

Đừng vì tình một buổi,

Đề lờ kể trăm năm.

Man-mác nổi lòng,

Thư không viết lá.

Sinh-được thư rất là đau-thương, bỏ cả ăn ngủ. Rồi vì cơ hôn-sự đã hỏng, bèn thiên ra ở ngoài miền đông. Nhưng nặng tình với Lệ-nương, sinh chưa nở lấy ai cả.

Cuối đời nhà Hồ, tướng Minh là Trương-Phụ chia binh vào cướp, lấn chiếm Kinh-Kỳ. Sinh nghe Hán-Thương phải chạy, đoán chắc là Lệ-nương cũng phải đi theo, bèn từ-biệt mẹ đi vào nam, mong được gặp mặt. Lặn-lội hàng tuần mới đến cửa bể Thân-phù, nghe tướng giặc Lã-Nghị bắt cướp mấy trăm phụ-nữ hiện đóng giữ ở phủ Thiên-trường trợ-trợ không có quân ứng viện. Sinh đoán chắc Lệ-nương cũng ở trong ấy. Nhưng đất khách tay không, chẳng làm gì được. Chợt gặp khi vua

(1) Chuyện nàng Liễu-thị với Hàn-Hoành đã có chầu ở trên.

(2) Vì Cao ở đời Đường thừa nhỏ chơi đất Giang-hạ có tình với nàng Khương Ngọc-Tiêu. Lúc chia tay có hẹn chóng thì 5 năm, chậm thì 7 năm sẽ đến, lưu tặng một cái nhẫn ngọc và một bài thơ. Sau 7 năm Cao không đến, Ngọc-Tiêu nhịn ăn mà chết. Cao nghe tin thương xót, lập đàn tụng kinh siêu độ. Đêm chiêm bao thấy nàng hẹn sẽ thác sinh về làm nàng hầu. Sau Cao làm quan to, gặp ngày mở tiệc sinh-nhật, có người đem dâng một người con hát, cũng tên là Ngọc-Tiêu, ngón tay giữa có một vòng thịt y như hình chiếc nhẫn ngọc mình tặng ngày trước.

Giản-địnhn đi quân lên ở châu Trường-an, nhưng vì ít binh không địch nổi với số nhiều của quân giặc. Sinh muốn nhờ thế quân của vua, đánh úp mà cướp lại Lệ-nương, bèn đến trước ngựa dâng một bài sách, đại-lược rằng :

臣聞拯渙成功固因興運

Thần văn : Chứng hoán thành công, cố nhân hưng vận.

禦戎得策實本廟謨
Ngũ nhung đắc sách, thực bản miếu mô

故攻人必審於致人
Cố công nhân tất thâm ư tri nhân,

而破敵當明乎料敵
Nhi phá địch đương minh hồ liệu địch

昨者胡朝失御
Tạc giả Hồ triều thất ngự

吳子生心
Ngô tử sinh tâm

韓觀乘狐托之威蝸爭遠繳
Hàn Quán thừa hồ thác chi uy, oa tranh viễn khiểu,

沐晟逞鷓張之惡蜂螫郊畿
Mộc Thạnh sinh chi trương chi ác, phong thích giao kỳ.

致今百餘年安樂之區
Tri linh bách dư niên an lạc chi khu

轉作數十合紛拏之地
Chuyển tác số thập hợp phân nã chi địa

析骸供爨
Tích hài cung thoán

粉骨爲糧
Phấn cốt vi hương

沿河之億萬生靈誰無切齒
Duyên hà chi ức vạn sinh linh thùy vô thiết sĩ.
 據郡之四方豪傑咸有戰心
Cứ quận chi tứ phương hào-kiệt, hám hữu chiến tâm.

必須撥亂宏材

Tất tu bát loạn hoành tài

方建扶顛偉績

Phương kiến phù điên vĩ tích

今大王憤陳家之不造

Kim đại-vương phẫn Trần gia chi bất tạo,

奮夏旅以圖回

Phấn Hạ lữ dĩ đồ hồi

持二千不滿之兵

Trì nhị thiên bất mãn chi binh

當五道莫強之寇

Đương ngũ đạo mạc cường chi khấu

雷轟電掣從天之勢方張

Lôi oanh điện xiết, tông thiên chi thế phương trương

霧朗雲清復土之功可必

Vụ lãng vân thanh, phục thổ chi công khả tất

方望還都而陟迹

Phương vọng hoàn đô nhi trác tích,

如何遇敵以班師

Như hà ngộ địch dĩ ban sư

固宜招鄧悉於濱州

Cố nghi chiêu Đặng Tất ư Diễn-châu

留聲基於謀渡

Lưu Triêu Cơ ư Mộ-độ

海道犀舟勁棹直抵平灘

Hải đạo tể chu kinh trạo, trực đễ Bình-than.

步軍長轂高鋒徑趨賊子
Bộ quân trường cốc, cao phong, kính xu Hàm-tử

或命將以扼木丸之口
Hoặc mệnh tướng dĩ ách Mộc-hoàn chi khẩu

或分兵以撞古弄之城
Hoặc phân binh dĩ cháng Cổ-lộng chi thành

鯨賊牙於白鶴灣頭無令轉食
Ngành tặc nha ư Bạch-hạc loan-đầu, vô linh chuyển thực,

植椿木於幔幃津尾用過奔波
Thực thung mộc ư Man-trù tân vĩ, dụng át bốn-ba

陸勿容方軌之車

Lục vật dung phương quỹ chi xa

水莫共長江之險

Thủy mạc cộng trường-gian chi hiểm

夜則燧芻相接

Đạ tắc nhiên sô tương tiếp

晝則桴鼓相聞

Chú tắc phù cổ tương văn

西都之形勢既張

Tây-đô chi hình thế kỷ trương

東土之藩維自固

Đông thổ chi phiên duy tự cố

將見韓攻則趙應

Tương kiến Hàn-công tắc Triệu-ưng,

從合則衛孤

Tung hợp tắc hoành cô

我轉戰而無前師行席上

Ngã chuyển chiến nhi vô tiền, sư hành tịch thượng.

彼扶傷而不暇敗在眼中

Bỉ phù thương nhi bất hạ, bại tại nhãn trung

繼猶豫而孤疑
 Tung do dự nhi hồ nghi
 恐狗嗅而鼠竄
 Khủng cẩu tiều nhi thử thoán
 時難再得
 Thời nan tái đắc
 王請勿疑
 Vương thỉnh vật nghi
 復望
 Phục vọng
 樹漢之旗
 Thụ Hán chi kỳ
 反唐之旆
 Phản Đường chi bài

吾軍霆擊倘同時合力以併攻
 Ngô quân đình kích, thoảng đồng thời hợp lực
 dĩ tinh công
 彼虜天亡將匹馬隻輪之不返
 Bĩ lữ thiên vong, tương sất mã trich luân chí bất
 phản

Định nghĩa :

Thần nghe :

Đẹp loạn thành công, vẫn nhờ vận tốt,

Chống giặc đắc sách, thực bởi mưu cao.

Nên đánh người, cần biết cách nhử người,

Mà phá giặc phải sáng bề liệu giặc.

Dạo trước, triều Hồ đồ sập,

Giặc Ngô tràn-lan,

*Hàn Quán kia cáo mượn oai thiêng, oai tranh
bờ cõi (1)*

(1) Oa đây là oa-ngưu, giống động-vật nhỏ, hình tròn dẹt, mình mềm, đầu có sừng, ngọn sừng có mắt. Trang-tử nói có kẻ dựng nước ở sừng con oa-ngưu, ý nói sự bé nhỏ.

Mộc-Thạnh nọ điều giương mỏ độc, ong đốt
 kinh kỳ,
 Khiến cho đất nước hơn trăm năm yên vui,
 Biến thành khu-vực mấy trăm dặm rối loạn.
 Đập xương làm củi
 Tán xác làm lương
 Men' dãi sóng ực vạn sinh linh, nghiêng rặng tức-
 tối,
 Giữ các quận bốn phương hào-kiệt, tuốt kiếm
 hăm-hè,

Lược-thao phải có tài hùng,
 Chống đỡ mới nên công lớn.
 Đại-vương nay,
 Buồn vạn Trần gặp cơn truân-bĩ,
 Nổi quân Hạ (1) mưu cuộc trùng-hưng.
 Cầm đội quân chẳng đủ hai nghìn,
 Chống đám giặc có thừa năm đạo.
 Sấm ran chớp giạt, tự lưng trời thể mạnh vừa
 buông,
 Mù tạnh mây quang, lấy lại đất công to sắp
 dựng

Những tướng về kinh xây nghiệp cũ.
 Vì sao gặp giặc rút quân lui ?
 Rất nên, vờی Đặng Tất ở Diển-châu.
 Lưu Triệu Cơ ở Mô-độ.
 Đường bề thuyền bến chèo cứng, đến thẳng
 Bnh-than
 Quân bộ xe rộng giáo dài, tới mau Hàm-tử.
 Hoặc sai tướng chen cửa Mộc-hoàn nọ,
 Hoặc chia binh đánh thành Cồ-lộng kia.

(1) Vua Thiệu-khang nổi quân dựng lại nghiệp trung-hưng của nhà Hạ.

Đầu sông Bạch-hạc, ghè nanh cho giặc hết
đường ăn

Cuối bến Mạn-trù (1), dòng cọc cho giặc hết lối
chạy.

Dưới nước không cho chỗ nào cứ hiểm,

Tên cạn không để xe nào sóng dôi.

Ngày đánh trống để truyền tin,

Đêm đốt lửa để báo hiệu.

Hình-thể Tây-dô đã vững,

Phên rào Đông-thỏ phải bền.

Sẽ thấy Hàn bị đánh mà Triệu phải hàng.

Tung đã hợp thì Hoành phải vỡ (2)

Ta ruổi-giong thực gấp, tiến chẳng ngừng chân.

Giặc ừng-tiếp không rời, thua trong chớp mắt.

Nếu mình mà hồ-nghi do-dự,

Sợ giặc sẽ chó chạy chuột chui.

Dịch tốt không hai.

Xin Vương quyết đoán.

Kính mong,

Dựng cờ nước Hán (3),

Về phước nhà Đường (4).

(1) Bến sông Nhị thuộc phủ Khoái-châu Hưng-yên.

(2) Tung và Hoành là những kế-hoạch của các nước đời Chiến-quốc. Tung là kế liên-lạc các nước theo chiều dọc nước Tàu để chống nhà Tần. Hoành là kế các nước rời nhau quay đầu thờ Tần, theo chiều ngang.

(3) Hàn-Tín đánh Triệu, dùng quân kỳ binh, nhờ cờ Triệu, dựng cờ Hán (Hán sử).

(4) Vua Túc-tôn nhà Đường thu binh ở Linh-vô quay cờ tiến về phía đông để đánh giặc An-lộc-sơn (Đường-sử)

*Chớp-nhoàng quân ta, các đội các cơ hợp đánh,
Ngói tan thế giặc, chiếc xe chiếc ngựa không
còn.*

Bài sách ấy dâng lên, vua Giản-dịnh xem mà khen là người giỏi, cấp cho năm trăm quân, sai đi đánh phủ Thiên-trường. Sinh khảng-khải thề quân, du-bảo họ về sự hưng-phục nghiệp Trần, ai nấy đều hăng-hái hăm-hở. Bèn nhân nước thủy triều đương đêm tiến đánh, Lã-Nghị quả-nhiên phải nhờ trại chạy trốn, lùi lên phía bắc đóng ở Xương-giang. Phá luôn một trận nữa, giặc phải lùi lên trạm Bắc-nga thuộc về Lạng-son. Sinh lại đóng án-ngũ ở cửa Quý-môn, lần-lượt vận-tải binh lương đến.

Chợt ở Yên-kinh có chiếu-thư rút quân ban xuống, Trương-Phụ đốc xuất các quân sắp-sửa kéo về. Sinh vốn vì sự tìm vợ mà đến đây, không phải có chí lập công, nay nghe quân Tàu sắp rút về, bèn cùng các tướng-sĩ chia tay từ-biệt, lần đến trạm Bắc-nga vào một buổi tối. Bấy giờ nhà trạm vắng tanh, không có ai mà hỏi-han cả. Chợt gặp một bà-già, hỏi thăm thì bà cau mày bảo :

— Đây là chỗ quân đóng vừa rồi, đây những sát khí, trời lại đã tối, chàng ở đâu đến đây mà giờ chưa tìm vào nhà trọ ?

Sinh rầu-rĩ kể rõ sự mình, bà-già nói :

— Tội-nghiệp ! quả có người họ tên và trạc tuổi như lời chàng nói, nhưng chẳng may đã chết oan rồi.

Sinh giật mình hỏi, bà-già nói :

— Trước đây năm hôm, quân Tàu sắp rút, người đàn bà họ Nguyễn ấy bảo với hai bà phu-nhân họ Chu họ Trịnh rằng : « Bọn chúng ta vóc mềm tựa liễu, mệnh bạc như vôi, nước vỡ nhà tan, lưu-ly đến đó. Nay nếu lại theo họ sang qua cửa ải, tức là đến nước non què người. Chẳng thà chết

đắp ở ngôi lạch, gấn-gũi que-hương, còn hơn là sang làm những cái cô-hầu ở bên đất Bắc ». Thế rồi mấy người đều cùng nhau tự-tận. Trương Tầu thương là có tiết-thảo, dùng lễ mà táng ở trong rừng.

Nói xong, bà-già đưa sinh đến, trở tưng ngôi mộ cho biết và bảo :

— Trinh-thuần cương-liệt, ấy chỉ có mấy người này, còn thì đều bị nuốc-nhờ cả.

Sinh đau-thương vô hạn. Đêm hôm ấy chàng ngủ ở mộ, khóc mà nói rằng :

— Ta vì nàng mà từ xa đến đây, nàng có thể cùng ta gặp-gỡ trong giấc chiêm-bao để cho ta một lời yên-ủi hay không ?

Đêm đến canh ba, sinh quả thấy Lệ-nương lững-thững đi đến, khóc kể rằng :

*Thiếp vốn con nhà tâm-thường,
Chàng quá rủ lòng yêu-mến
Trượng gấm nợ duyên chưa dằm-ấm,
Giá xuân (1) kia phận đã mỏng-manh.
Thời với chí ngửa-nghiêng,
Thiếp cùng chàng ly-cách,
Hôn óm lâu đở, từng trải hôm mai,
Mối dứt chim xanh, khôn thông tin-tức.
Ngày tháng lữa-lần trộm sống,
Dong-quang mòn-mỏi riêng buồn.
Nào hay mỏ đở ca tùn (2).*

(1) Nước kết thành giá (băng), đến mùa xuân ấm-áp thì tan-rã ra.

(2) Mỏ đở, trò Hồ Quý Ly. Vua Trần Nghệ-tôn chiêm-bao thấy vua Duệ-tôn vẽ, đọc một bài thơ trong có câu : trung gian duy hữu Xích trửu hầu, nghĩa là trong đó duy có tước hầu mỏ đở.

Má hồng vạ nổi,
 Ngựa Hồ bình Triệu, giày-xéo tan-tành
 Liễu điện hoa cung, bể vin xơ-xác.
 Ngán nổi thân tàn nhiều lở-dở,
 Than ôi vận ách mỗi chông thêm.
 Trước đã không vẹn tiết để theo chông,
 Sau lại nữ cam tâm mà hàng giặc.
 Gửi chiếc thân ở trong muôn chết,
 Trải một ngày như thề ba thu.
 Lặn suối trèo đèo,
 Qua nguy vượt hiểm.
 Ép duyên toan nhắm mắt, giống sói khôn gần.
 Qua ải muốn đưa chân, núi hồ (1) dễ cảm.
 Bởi vậy, không ham thú sống,
 Chẳng sợ ngục tù,
 Lạnh-lẽo trước đèn, hồn theo trống trận.
 Bàng-hoàng quán khách, mình gửi khăn là.
 Nay thì, linh-linh tuy còn,
 Tàn hình đã khác.
 Cảm lòng chàng từ xa tìm đến,
 Buồn nổi mình biết nói làm sao.
 Dám tỏ niềm riêng,
 Kính xin soi xét.

Nguyên văn

妾 出 自 凡 流
 Thiếp xuất tự phàm lưu
 過 蒙 厚 遇
 Quá móng hậu ngộ

(1) Hồ là cáo. Tục-ngữ : cáo chết ba năm quay đầu về núi

緣未諧於錦帳

Duyên vị hài ư cẩm trướng

分已薄於春冰

Phận dĩ bạc ư xuân băng

時與志而俱違

Thời dĩ chí nhi câu vi

妾辭君而遠逝

Thiếp từ quân nhi viễn thế

朱樓有恨幾對斜暉

Chu lâu hữu hận, kỷ đối tà huy

青鳥無媒誰相來信

Thanh điểu vô môi, thùy tương-lai tín ?

帳容光之減舊

Trướng dong quang chi giảm cựu

度歲月以偷生

Độ tuế nguyệt dĩ thâm sinh

誰料赤嘴歌殘

Thùy liệu xích trủy ca tàn

紅顏禍起

Hồng nhan họa khởi

燕兵胡騎莫過侵陵

Yên binh Hồ kỵ mạc út xâm lăng

禁柳宮花幾愁舉折

Cấm liễu cung hoa, kỷ sầu phan chiết

帳殘軀之多誤

Trướng tàn khu chi đa ngộ

嗟厄運之重遭

Ta ách vận chi trùng tao

始不能全節以從夫

Thử bất năng toàn tiết dĩ tòng phu

終又忍甘心而降虜

Chung hựu nhẫn cam tâm nhi hàng lỗ

寄 隻 身 於 萬 死
Ký chích thân ư vạn tử

度 一 日 如 三 秋
Độ nhất nhật như tam thu

涉 水 踰 山
Thiếp thủy du sơn

備 艱 嘗 險
Bị gian thường hiểm

將 隨 緣 而 苟 合 則 狼 子 難 馴
*Tương tùy duyên nhi cẩu hợp, tác lang tử nan
 tuấn*

欲 出 塞 以 遠 征 則 孤 丘 易 感
Dục xuất tái dĩ đao chinh, tác hồ khâu dị cảm

是 以 不 貪 生 活
Thị dĩ bất tham sinh hoạt

不 怕 拘 囚
Bất phạ câu tù

冷 落 燈 前 魂 隨 戰 鼓
Lãnh lạc đặng tiền hồn tùy chiến cổ

蒼 黃 客 裡 命 寄 羅 巾
Thương hoàng khách lý mệnh ký la cân

今 則 靈 性 雖 存
Kim tắc linh tính tuy tồn

殘 骸 非 舊
Tàn hài phi cựu

愧 良 人 之 遠 訪
Quý lương nhân chi viễn phóng

撫 往 事 以 長 嗟
Phủ vãng sự dĩ trường ta

敢 述 幽 懷
Cảm thuật u hoài

幸 垂 知 悉
Hạnh thùy tri tất

Vợ chồng bèn cùng nhau âu-yếm chuyện trò, y như lúc sống. Sinh nói :

— Nàng đã không may, vậy anh đem linh-thần về, khỏi uổng một chuyến đi không lại trở về rồi.

Nàng nói :

— Thiếp rất cảm tấm thâm-tình ấy. Song thiếp cùng hai vị mỹ-nhân gần-gũi lâu ngày, giao tình thân-mật, không nỡ một sớm bỏ đi. Phương chi chốn này nước non trong sáng, mây khói vật-vờ, thần yên phách yên, bất tất phiền chàng dỗi dờn nữa.

Sau khi gà-gáy ba hồi, hai người vợ cùng nhau đứng dậy từ-biệt. Ngày hôm sau, sinh đem mấy lạng bạc, mua quan-tài và nước thơm, cải táng cho nàng và cả hai mỹ-nhân. Đêm sau mộng thấy ba người đến tạ ơn ; chàng đương toan lại cùng trò chuyện thì thoát-chốc cả ba đều biến mất.

Chàng buồn-rầu quay về, từ đấy không lấy ai nữa

Đến sau vua Lê Thái-tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn, sinh vì mối hờn oán cũ, đem quân ứng-mộ, phạm gặp tướng-sĩ nhà Minh, đều chém giết dữ-dội cho hả. Cho nên vua Lê phá diệt quân Minh, sinh có dự nhiều công.

Lời bình

Than ôi ! điều tin-ước gần với lẽ phải thì lời nói tất nên giữ đúng ; nếu đối với lẽ phải mà chưa được ổn thì sự giữ đúng không cần. Như chàng họ Lý kia, vì mối ân-tình, giữ bền ước cũ, lưu-ly hoạn-nạn, vẫn chẳng quên lời, tình thật đáng thương, mà lẽ phải thì chưa được ổn. Bởi sao ? Cảm-tình mà đi tìm thì nên, liều chết mà đi tìm thì không nên. Liều chết mà đi tìm còn không nên, huống lại thôi không lấy vợ, để đứt dòng-giống của tiên-nhân phỏng có nên không ? Cho nên người quân-tử phải biết tòng quyền chứ không nên chấp nhất. Giữ điều nhỏ để mất điều lớn, chẳng là gã Lý-sinh này ư ?

CUỘC NÓI CHUYỆN THƠ Ở KIM-HOA

HUYỆN KIM-HOA (1) có người con gái họ Ngô tên Chi-Lan, là bậc nội trợ hiền của vị tiên-sinh họ Phù. Nàng chữ tốt văn hay, nhất là thơ ca càng giỏi lắm. Đức Thuần hoàng-đế (Thành-tôn) triều nhà Lê yêu tài văn-mặc, vời nàng vào cung, giao cho việc dạy các cung-nữ. Mỗi khi yến tiệc, nàng thường ôm quyền đứng chầu hầu vua, hễ vua phán làm thơ, chỉ thoắt-chốc đã làm xong ngay, không cần phải chữa-sửa gì cả. Năm ngoài 40 tuổi nàng mất, táng ở cánh bãi Tây-nguyên.

Cuối đời Đoan-khánh (2), có người học-trò là Mao Tử-Biên đến du-học ở Kinh-thành, lâu ngày nhớ nhà, bèn về thăm quê ở huyện Đồng-hỷ thuộc Thái-nguyên. Đường về qua hạt huyện Kim-hoa, chợt gặp cơn mưa gió. Thôn xa đồng vắng, trời lại tối sập xuống. Tử-Biên đưa mắt nhìn quanh, thấy ở đằng nam có bóng đèn thấp-thoảng, bèn rào bước đến. Đến nơi thì thấy có mấy gian nhà tranh ở giữa khoảng cây-cối rậm-rạp. Tử-Biên nhân lúc túng bí, nói xin vào ngủ nhờ ; song người coi cổng

(1) Huyện Kim-hoa thuộc xứ Kinh-bắc, nay là huyện Kim-anh thuộc tỉnh Phúc-yên. Chi-Lan lấy ông học-sĩ Phù Thúc-Hoành người làng Phù-lỗ huyện ấy. Có sách nói nàng tên là : Nguyễn Hạ-Huệ.

(2) Niên-hiệu của vua Lê Uy-Mục.

không cho vào. Chàng trông vào trong nhà, thấy một ông già đương ngồi ở giữa giường ; bên cạnh có một vị mỹ-nhân, trâm ngọc hải cườm, coi như một vị phi-tần vậy. Mỹ-phân nói với ra, bảo người coi công :

— Canh khuya đêm vắng, trời lại mưa gió người ta xin ngủ nhờ không cho thì người ta ngủ đâu bây giờ.

Thấy chủ nhà nói vậy, Tử-Biên vén áo bước vào, nghĩ nhớ ở mái hiên phía nam nhà khách.

Gần đến trống hai, chàng thấy có một người mày râu đã nửa phần trắng bạc, hai vai cao trội, cưỡi một con lừa tía đi đến. Ông già xuống thêm đón tiếp nói :

— Đường xa lặn-dận đến chơi, tiên-sinh sao mà chịu khó thế !

Khách nói :

— Trót đã ước-hẹn, không nỡ sai lời. Chỉ buồn mưa gió đầy thành. Phần-Lão thơ ngâm đến đánh hổ dở (1) mất.

Chủ khách bèn chia ngồi cùng ngồi đối diện bàn luận văn-chương ; cả phu-nhân cũng dự nhưng ngồi thấp xuống một bậc. Ông khách thấy phu-nhân có làm bốn bài từ bốn mùa đề vào bốn bức bình bảng vân-mẫu, bèn thử đọc xem :

Bức thứ nhất đề bài xuân từ

初晴薰人天似醉
Sơ tình huân-nhân thiên tự túy
 艷陽樓臺浮暖氣
Diễm dương lâu đài phũ hoả khí
 隔簾柳絮度鶯梭
Cách liềm liễu như độ oanh thoa

(1) Phan Đại-Lâm đời Tống tự là Phần-Lão, đêm mưa làm thơ, vì có người đến thúc thuế, cụt hứng phải bỏ dở.

繞 檻 花 鬚 穿 蝶 翅
 Nhiều hạm hoa tu xuyên điệp thi
 階 前 紅 線 日 添 長
 Giai tiền hồng tuyến nhật thêm trường
 粉 汗 微 微 沁 綠 裳
 Phấn hãn vi-vi tẩm lục thường
 小 子 不 知 春 思 苦
 Tiểu tử bất tri xuân tứ khổ
 傾 身 含 笑 過 牙 牀
 Khuynh thân hàm tiếu quá nha sàng

Dịch :

Hun người nắng mới như say,
 Lâu-dài âm-áp nhuộm đầy dương quang.
 Cách rèm liêu biếc oanh vàng,
 Quanh hiên cái bướm mơ-màng bên hoa,
 Trước thêm ánh nhật dài ra,
 Mầu hôi dâm-dấp xiêm là đượm xanh.
 Sầu xuân nặng trĩu bên mình,
 Ngây-thơ gã nhỏ lạnh-chanh cợt cười.

Bức thứ hai, hạ từ

風 吹 柳 花 紅 片 片
 Phong xuy liễu hoa hồng phiến phiến
 佳 人 閒 打 鞦 韆 院
 Giai-nhân nhàn dã thu thiên viên
 傷 春 背 立 一 黃 鶯
 Thương xuân bối lập nhất hoàng oanh
 惜 景 哀 啼 雙 紫 燕
 Tích cảnh ai đề song tử yến
 停 針 無 語 翠 眉 低
 Đĩnh châm vô ngữ thủy my đề,
 倦 倚 紗 窗 夢 欲 迷
 Quyện ý sa song mộng dục mê

却怪捲簾人喚起*
Khước quái quyển liêm nhân hoán khởi
 香魂終不到遼西
Hương hồn chung bất-đáo Liêu-tây

Dịch :

*Gió rung hoa lựu tơi-bời,
 Trên đầu tha-thướt đáng người mỹ-nhân.
 Oanh vàng ử-rũ thương xuân,
 Một đôi én tía họa vằn trong cây.
 Dừng kim rủ thấp đôi mây,
 Nương song hồn mộng xa bay cuối trời.
 Cuộn rèm nheo-nheo kia ai,
 Cho hồn chẳng tới cõi ngoài Liêu-lây.*

Bài thứ ba, thu từ

清商浮空澄霽景
Thanh thương phù không trừng tễ cảnh
 霜信遙將孤鴈影
Sương tín dao tương cô nhạn ảnh
 十丈蓮殘玉井香
Thập trượng liên tàn ngọc tỉnh hương
 三更風落吳江冷
Tam canh phong lạc Ngô giang lãnh
 飛螢夜度碧闌干
Phi huyềnh dạ độ bích lan-can
 衣薄難禁剪剪寒
Y bạc nan cấm tiển tiển hàn
 聲斷洞簫凝立久
Thanh đoạn đồng tiêu ngưng lập cửu
 瑤臺何處覓驂鸞
Đào đài hà xứ mịch tham loan.

Dịch :

Hơi may liu-hắt bầu không,
 Tinh sương thấp-thoáng cánh hồng xa bay
 Sen tàn giếng hây thơm láy,
 Bã cạnh gió thổi lạnh đầy sông Ngô.
 Bên lan đóm lượn ra vô,
 Phong-phanh áo mỏng hơi lùa cảm-cảm
 Tiếng tiêu đã dứt, âm-thầm,
 Đài Dao đầu tá khôn nhằm dấu loan.

Bức thứ tư, đông từ

寶 爐 撥 火 銀 瓶 小
 Bảo lô bát hỏa ngân bình tiều.
 一 杯 羅 浮 破 清 曉
 Nhất bôi la phù phá thanh hiều
 雪 將 冷 意 透 疎 簷
 Tuyết tương lãnh ý thấu sơ liềm
 風 遞 輕 冰 落 寒 沼
 Phong đệ khinh băng lạc hàn chiểu
 美 人 金 帳 掩 流 蘇
 Mỹ-nhân kim trướng yểm lưu tô
 紙 護 雲 窗 片 片 糊
 Chi hộ vân song phiến-phiến hồ
 暗 裏 挽 回 春 世 界
 Âm lý vãn hồi xuân thế giới
 一 株 芳 信 小 山 孤
 Nhất tru phương tín tiều sơn cô

Dịch :

Lò hương nhóm ngọn lửa hồng
 La-phù (1) một chén ấm lòng ban mai

(1) Rượu La-phù.

Lọt rèm tuyết lạnh lồng hơi,
 Gió đưa băng rụng toi-bời mặt ao.
 Mũi-nhân trướng gấm rủ thao.
 Cửa hồ phất giấy song cao vắng người.
 Thần đem xuân lại cho đời.
 Đầu non chớm nở một trời mai-hoa.

Ông khách đọc xong than rằng :

— Nam-châu nếu không có tôi, biết đâu phu-nhân chẳng là tay tuyết xương; mà tôi nếu không có phu-nhân, biết đâu chẳng là tay kiệt xuất trong một thời. Thế mới biết lời đồn quả không ngoa thật.

Phu-nhân nói :

— Tài tôi nhỏ-mọn, đâu dám so-sánh với ngài trong muôn một. May mà gặp được tiên-triều, hằng ngày châu hầu nghiên-bút, cho nên mới thông lẽ-luật, chấp nối thành bài. Một hôm tôi nhân đi chơi núi Vệ-linh (1), tức là nơi đức Đồng thiên-vương bay lên trời, tôi có đề rằng :

衛靈春樹白雲間
 Vệ linh xuân thụ bạch vân nhân
 萬紫千紅豔世間
 Vạn tử thiên hồng diễm thế gian
 鐵馬在天名在文
 Thiết mã tại thiên danh tại văn
 英威凜凜滿江山
 Anh uy lâm-lâm mãn giang-san.

Dịch :

Vệ-linh mây trắng tỏa cây xuân,
 Hồng tía muôn hoa đẹp cảnh trần.

(1) Ở làng Vệ-linh huyện Kim-anh tỉnh Phúc-yên bây giờ.

Ngựa sắt về trời, danh ở sử.

Oai thanh còn dậy khắp xa gần.

Sau vài tháng, bài ấy truyền khắp trong cung, đức Hoàng-thượng rất là khen-ngợi, ban cho một bộ áo.

Lại một hôm, Hoàng-thượng ngự ở cửa Thanh dương, sai quan Thị-thư họ Nguyễn làm bài từ khúc uyên-iron. Bài làm xong, nhưng Hoàng-thượng không vừa ý, ngoảnh bảo tôi rằng :

— Văn nàng cũng hay lắm. hãy thử đem tài hoa gấm cho trẫm xem nào.

Tôi vàng mệnh, cầm bút làm xong ngay, có hai câu cuối thế này :

凝 碧 飛 成 金 殿 瓦

Ngưng Bích phi thành kim điện ngõa,

欸 紅 織 就 錦 江 羅

Trừu hồng chức tựu Cẩm-giang la.

(Biếc động kết nên ngói đền vàng,

Hồng châu dệt thành lụa Cẩm-giang.)

Hoàng-thượng khen ngợi hồi lâu, ban cho 5 đỉnh vàng, lại gọi là « Phú-gia nữ-học-sĩ ». Từ đó tôi nức tiếng đương thời, được làng văn-mặc coi trọng, đại-khải đều do sức giúp của đấng Tiên-hoàng cả. Đến khi đức Thuận hoàng-đế thăng-hà tôi có làm bài thơ viếng rằng :

三 十 餘 年 拱 紫 宸

Tam thập dư niên cung tử thần,

九 州 四 海 同 仁

Cửu châu tứ hải đồng nhân.

東 西 地 拓 興 圖 大

Đông tây địa thác dư đồ đại,

皇 帝 天 恢 事 業 新

Hoàng-đế thiên khôi sự nghiệp tân.

雪 擁 真 遊 無 處 覓
 Tuyết ủng chân du vô xứ mịch
 花 催 上 苑 爲 誰 春
 Hoa thôi thượng uyển vị thùy xuân
 夜 來 獨 作 釣 韶 夢
 Dạ lai do tác quán thiêu mộng,
 悵 望 橋 山 淚 滿 巾
 Trương vọng Kiều-sơn lệ mãn cân.

Dịch :

Ba chục năm hơn ngự điện vàng
 Chín châu bốn bề gọi ân quang
 Quy-mô hoàng-đế trời cao cả
 Bờ cõi đông tây đất mở-mang
 Tuyết hộ xe loan mờ-mịt bóng
 Hoa phở vron cấm bãi-bàng hương
 Quán-thiếu (1) đêm vắng mơ thường thấy
 Xa ngắm Kiều-sơn (2) lệ mấy hàng.

Ông khách nói :

— Bài thơ này tuy không có gì mới lạ nhưng thương-nhớ có thừa, rất hợp với ý-thái của người đời xưa. Thơ của người đời xưa, lấy hùng-hồn làm gốc, bình-đam làm khéo, câu tuy ngắn nhưng ý thì dài, lời tuy gần nhưng nghĩa thì xa. Người thơ thì lại khác hẳn, hễ không có giọng dong-đeo tất có giọng mỉa-giễu, làm phú Cao-đường thì bôi xấu Thần-nữ (3), làm ca Thất-tịch thì nói mỉa Thiên-

(1) Tên khúc nhạc trên trời ; ý nói đêm đêm thường chiêm-bao lên chốn cung trời, gặp vua và nghe những khúc nhạc trên trời.

(2) Vua Hoàng-đế mất táng ở Kiều-sơn.

(3) Phú Cao-đường của Tống Ngọc nước Sở.

tôn (1) bày chuyện đặt điều, không còn cách nào tệ hơn nữa. Vì thế mà tôi những thương đời chán cảnh.

Phu-nhân lặng nghe, bất-giác ứa hai hàng nước mắt. Ông khách hỏi thì phu-nhân nói :

— Tôi thờ đức Thánh-tông lâu năm rồi lại thờ đức Hiến-tông, nghĩa kết vừa tôi, nhưng tình thật như cha con vậy, lúc châu-hầu, khi lui tới, không cần giữ ý ty hiềm. Không ngờ vì thế mà những kẻ thiên-bạc, bày chuyện nói xấu, thường làm những câu thơ mỉa giễu. Như là câu :

君王要欲消間恨
 Quán vương yếu dục tiêu nhàn hận
 應喚金華學士來
 Ứng hoán Kim-hoa học-sĩ lai

(Quán vương nếu muốn khuấy buồn-nản,
 Hãy gọi Kim-hoa học-sĩ vào)

Và như :

宴罷龍樓詩力倦
 Yến bãi long lâu thi lực quyen
 六更留待曉眠遲
 Lục canh lưu đãi hiều miên trì
 (Tiệc cạn lâu rồng sức thơ mỏi,
 Canh dài giữ đợi giấc nằm trưa).

Sĩ quân-tử ở trong danh-giáo, thiếu gì thú vui hà tất lại lấy không làm có, trở phải ra quấy, đem chữ nghĩa ra mà đùa-cợt như vậy.

Ông khách nói :

— Nào có một mình phu-nhân như thế đâu ! Xưa nay những người trình-liệt bị ngòi bút trào-phúng làm cho bực mình biết bao nhiêu mà kể.

(1) Ca Thất-tịch của Trương Lỗi đời Tống.

Xem như Hằng-Nga là tiên trên nguyệt-điện có kể vịnh thơ như thế này :

姮娥應悔偷靈藥
 Hằng-Nga ưng hối thâu linh dược
 碧海青天夜夜心
 Bích hải thanh-thiên dạ-dạ tâm
 (Hằng-nga hối trót ăn linhdược (1),
 Tẻ lạnh trời cao đêm lại đêm)

Lộng-Ngọc là gái phi-thăng, có kể vịnh thơ như thế này :

如何後日秦臺夢
 Như hà hậu nhật Tần đài mộng
 不見蕭郎見沈郎
 Bất kiến Tiêu lang-kiến Thẩm-lang
 (Tần-đài sau giấc mơ sau đó,
 Không thấy Tiêu-lang, thấy Thẩm-lang (2)

Vào cửa hầu thì nói mượn Lục-Châu (3), mĩa

(1) Sách Tàu nói : Hằng-Nga là vợ Hậu-Nghệ, lấy trộm thuốc trường-sinh của Vương-mẫu mà nuốt, thành tiên bay lên ở cung trăng. Câu thơ này là của Lý Nghĩa Sơn đời Đường.

(2) Lộng-Ngọc là con gái Tần Mục-công, vợ Tiêu-Sử, sách nói hai người đều thành tiên lên trời. Sách "Thiên hạ dị kỳ" lại chép chuyện Thẩm A-Chi trong năm Thái hòa đời Đường, một đêm ngủ ở nhà trọ, chiêm bao thấy Tần Mục-công nói Tiêu-Sử đã chết, đem Lộng-Ngọc gả cho Thẩm, ở với nhau được một năm thì Lộng-Ngọc cũng lại chết, tình dẫy té ra là chiêm bao.

(3) Lục-Châu là vợ lẽ của Thạch-Sùng, khi bị Triệu-vương Luân cưỡng-bức lấy về, nàng từ trên lầu gieo đầu xuống tự-tử. Thôi-Giao khi thương-tiếc người tình bị bán vào nhà quan Liên-súy Vu-Địch, có câu thơ : « Lục-Châu thùy lệ thấp la cân », nghĩa là : « Lục-Châu tuôn lệ ướt khăn là ».

họ Vũ thi chuyện vu Hậu-thổ (1). Toàn những giọng nói xằng buộc nhảm. Ước sao đem được dòng nước sông Lô để vi người xưa gội rửa những bài thơ xú-ác ấy đi.

Phu-nhân thu nước mắt rồi nói :

— Không có tiên-sinh biết cho, có lẽ tôi thành một hòn ngọc khuê có dấu vết, lấy gì mài cho sáng, giũa cho sạch được. Song đêm đẹp dễ qua, tiệc vui khó kiếm. Bữa nay vợ chồng tôi cùng tiên-sinh hội ngộ, chúng ta chẳng nói những chuyện ấy nữa, chỉ thêm buồn vô ích mà thôi.

Nhân bà đến thơ văn bản-triều, ông khách nói:

— Thơ ông Chuyết-Am (2) kỳ lạ mà tiêu-tao, thơ ông Vu-Liêu (3) tuấn-tiểu mà khích-thích, thơ ông Tùng-Xuyên (4) như chàng trai xông trận, có vẻ sấn-sỏ, thơ ông Cúc-Pha (5) như cô gái chơi xuân, có vẻ mềm yếu. Đến như ông Đỗ ở Kim-hoa (6), ông Trần ở Ngọc-lái (7), ông Đàm ở Ông-

(1) Đời Đường, bà Vũ-hậu lên chiếm ngôi vua của con. Bà có tính hoang-dâm. Người bấy giờ mới đặt ra một câu chuyện bà thần Hậu-thổ nằm với trai là Vi An-Đạo, cốt để nói mách Vũ-hậu.

(2) Ông Lý Tử-Tấn hiệu Chuyết-Am, người làng Triều-dông, huyện Thượng-phúc (Thường-tín Hà-dông) đỗ khoa Canh-thìn (1400) đời nhà Hồ, sau làm quan nhà Lê đến chức Hàn-lâm.

(3) Ông Trạng-nguyên Nguyễn Trực, người huyện Thanh-oai, có tập thơ Vu-Liêu.

(4) Chưa rõ là ai.

(5) Ông Nguyễn Mộng-Tuân người làng Phủ-lý huyện Đông-sơn, Thanh-hóa, đỗ khoa Canh-thìn (1400) đời nhà Hồ làm quan nhà Lê đến Tả Nạp-ngôn, Kinh-xa đô-úy, có tập thơ Cúc-Pha.

(6) Ông Đỗ-Nhuận, người làng Kim-hoa huyện Kim-hoa (nay là Kim-anh), đỗ tiến-sĩ đời Quang-thuận, quan đến Đông-các đại-học-sĩ, sung làm phó nguyên-súy trong hội Tao-dàn của vua Lê Thánh-tôn.

(7) Chưa rõ.

mặc (1), ông Vũ ở Đường-an (2), không phải là không ngang-dọc tung-hoành, nhưng cầu lấy lời chín lẽ tới, có thể khiến cho làng phong-nhã phải phục thì chỉ duy những bài đầy lời trung-ái của ông Nguyễn Úc-Trai (3), lòng lúc nào cũng chẳng quên vua, có thể chen vào môn hộ của Đỗ Thiếu-Lãng được. Còn đến giọng thơ biến-hóa được khỏi mây, lời thơ quan-hệ đến phong-giáo, thì lão-phu đầy cũng chẳng chịu kém thua ai mấy.

Câu chuyện như vậy có thể chép ra đến 4, 5 nghìn chữ, nhưng Tử-Biên không thể nhớ hết. Chàng đừng nghe lóng ở kẻ vách đến một hồi lâu. Bỗng chàng để có tiếng động sột-sạt, bị ông khách nhận thấy. Ông nói :

— Cuộc hội-họp hôm nay thật là hiếm được, vậy mà tựa như có người nghe trộm. Những câu chuyện phong-lưu của chúng mình, sợ bị họ đem phao truyền ra. Tiên-sinh không thấy biết gì ư ?

Phu-nhân nói :

— Thì đến những kẻ nho-sinh cầm bút sau này họ cho chúng mình là bản xằng nói nhằm là cùng chứ gì, có hề chi sự ấy.

Tử-Biên chẳng biết là ý nói thế nào, chàng rảo bước đi vào, phục lay ở trước chỗ ba người ngồi chơi và hỏi về thi-tứ. Ông khách liền rút ở trong lòng ra một quyển sách, ước trăm trang giấy, trao cho chàng mà bảo :

(1) Ông Đàm ^{Thận}Thận-Huy, người làng Ôn-mặc huyện Đông-ngạn Bắc-ninh, đỗ tiến-sĩ đời Hồng-dức, quan đến Thượng-thư. Gặp khi Mạc cướp ngôi Lê, ông uống thuốc độc tự-tận.

(2) Ông Vũ-Quỳnh đỗ hoàng-giáp đời Hồng-dức, quan đến Thượng-thư.

(3) Tức ông Nguyễn Trãi.

— Cứ về mà giờ quyền này ra, sẽ tha hồ học, bắt tất phải tìm ở tập nào khác nữa.

Một lúc sau bầu nghiêng chén cạn, chủ khách vái chào từ-giã nhau. Ông khách ra rồi, Tử-Biên cũng đi nằm ngủ. Đến lúc mặt trời đã mọc, chàng ngồi vung dấy, té ra thấy mình nằm trên cỏ, áo đầm những sương, chỉ có đông tây hai ngôi mộ nhà ai nằm đó. Mở quyển sách ra xem thấy toàn là những giấy trắng, chỉ có bốn chữ « Lã-đường thi-tập », nét mực còn óng-ánh chưa khô. Bấy giờ chàng mới hiểu ông khách ấy, tức là Lã-đường Sái tiên-sinh (1) và hỏi thăm người ở đây, mới biết hai mộ này là mộ vợ chồng quan Giáo-thụ họ Phú (2).

Tử-Biên bèn tìm đến làng Sái tiên-sinh, dò hỏi di-cảo tập thơ Lã-đường, thấy giản nhảm một găm, tản-mác mất cả. Chàng nhân đi khắp xa gần để hỏi-han, hết sức cốp-nhật, dù nửa câu, một chữ cũng không bỏ sót. Cho nên từ khi triều Lê dựng nghiệp, thi-sĩ có đến hơn trăm nhà, mà duy tập thơ của ông Sái thịnh-hành, đại-khải đều do công sức của Mao Tử-Biên cả.

(1) Ông họ Sái tên Thuận, người làng Liễu-lâm huyện Siêu-loại (Thuận-thành Bắc-ninh) đỗ Tãn-sĩ năm Hồng-đức thứ 6, làm quan ở quán-các hơn 20 năm, sau ra Tham-chính Hải-dương. Tập thơ Lã-đường của ông do con trai là Sái-Khắc và học-trò là Đỗ Chính-Mô sưu-tập lại.

(2) Ông Phú Thúc-Hoành có làm chức giáo-thụ kinh Dịch ở trường Quốc-tử-giám, sau được thụ chức Hàn-lâm học-sĩ.

CHUYỆN TƯỞNG DẠ - XOA

KỂ kỹ-sĩ ở hạt Quốc-oai, họ Văn tên là Dĩ-Thành tinh-tinh hào-hiệp, không chịu để ma quỷ mê-hoặc. Phàm những hoa yêu nguyệt quái, và đâm thần lệ quỷ không được liệt vào tự điển, chàng đều coi thường không sợ-hãi gì. Cuối đời Trùng-quang nhà Trần, người chết-chóc nhiều, những oan-hồn không chỗ tựa-nương, thường họp lại thành từng đàn lũ, hoặc gõ cửa hàng cơm để kiếm miếng ăn, hoặc đón cô gái chơi để kết duyên tạm, ai va chạm thì bịnh nguy-khốn, ai cầu cúng thì thấy hết phép hay, hoành-hành ở đồng nội không biết kiêng-sợ gì cả. Dĩ-Thành nhân lúc say rượu, cưỡi ngựa đi ra, bọn ma quỷ sợ-hãi, đều tan chạy cả. Chàng kịp gọi bảo rằng :

— Các người đều là những kẻ trảng-sĩ, không may mắc nạn. Ta nay đến thăm, muốn đem đều lợi hại nói chuyện, xin đừng lảng tránh như vậy.

Ma quỷ lại dần-dần họp lại, mời chàng lên ngồi phía trên. Dĩ-Thành hiểu-bảo rằng :

— Lũ người cứ thích làm cho người ta phải tai-nạn, làm cho người ta phải chết-chóc, chẳng hay cốt để làm gì ?

Chúng nói :

— Chúng tôi muốn để thêm quân:

— Các người muốn cho thêm quân nhưng tổn-hại người sống thì sao ! Quân thêm thì ăn uống phải thiếu người bớt thì cung-cấp phải thua, lợi gì cho các

người mà cứ thích làm như vậy ? Lòng dục thả ra thì khe ngòi không đủ lấp, thói ác giở ra thì hùm sói chưa là đũ. Hễ lợi mình được, dù tấm áo mảnh giấy cũng không từ ; hễ no lòng được, dù ống giáp chấu vỡ cũng không thẹn. Hỷ-hục đi tìm chai lọ, hăm-hở đi kiếm cháo cơm. Gieo tai rắc vạ, trộm quyền của Hóa-công, kêu nóc dòm buồng, rối lòng của dân-chúng. Lũ người lấy thể làm thích nhưng mà ta lấy thể làm thẹn. Hưởng chi trời dùng đức chứ không dùng uy, người ưa sinh chứ không ưa giết. Vậy mà lũ người tự làm họa phúc, quá thả kiêu-dâm. Thượng-đế không dong, bịnh-phạt tất đến, lũ người định trốn đi đàng nào để khỏi tru-lục.

Chúng quý bùi-người nói :

— Đó là chúng tôi bất-đắc-dĩ chứ không phải là muốn như thế. Sống chẳng gặp thời, chết không phải số. Đói không có thứ gì cấp-dưỡng, lui không có chốn nào tựa-nương. Trong gò xương trắng, rầu-rĩ cỏ rêu, trên đồng cát vàng, lạnh-lùng sương gió. Bởi vậy không khỏi rủ-rê bè-bạn, xoay-xở miếng ăn. Phương chi vận đời sắp đến lúc đổi thay, nhà người sẽ đến cơ tan-tác. Bởi vậy mình-ty không cấm-đoán, lũ tôi dễ tung-hoành. E rằng sang năm lại còn tệ hơn năm nay nữa.

Rồi đó nhà bếp dọn cỗ lên, mâm bàn la-liệt. Hỏi đến nguồn-gốc thì thật là con trâu bắt ở thôn nọ, rượu là thúng bồng lấy ở làng kia. Sinh ăn uống rất nhanh, như mưa như gió. Chúng quý mừng-rỡ bảo nhau rằng :

— Thật đúng là chủ soái của ta.

Rồi chúng nói với sinh :

— Chúng tôi là một đám ô-hợp mỗi người đều tự hùng trưởng, đã không có người đứng thống-xuất, thế tất không thể lâu-bền. Nay Sứ-quân rủ lòng yêu mà đến đây, đó là trời đem Sứ-quân cho lũ chúng tôi đây:

Dĩ-Thành nói :

— Ta vẫn võ kiêm toàn, dù hèn cũng làm tướng được. Nhưng u-minh cách trở, còn bà mẹ già thì sao ?

Chúng quý nói :

— Không ; chỉ xin Sứ-quân giữ sự uy-nghiêm, ban cho hiệu-lệnh. Chúng tôi ban ngày thì chia khu ở tản, đến đêm thì sai viên bầm-trình. Không dám phiền ngài phải trở về chín suối.

Dĩ-Thành nói :

— Nếu bất-đắc-dĩ dùng đến ta, ta có sáu điều làm việc, các người phải thề mà tuân theo mới được.

Chúng đều vâng dạ, nhân xin đến đêm thứ ba tới chỗ đó lập đàn. Đến kỳ, chúng quý đều lại họp. Có một tên quý già đến sau, sinh sai đem chém, ai nấy đều run sợ. Sinh bèn ra lệnh rằng :

— Các người không được coi khinh mệnh-lệnh, không được quen thói dâm ô, không quấy-quắc dễ làm hại mạng của dân, không cướp-bóc và phải cứu nạn cho dân, ban ngày không được giả hình, ban đêm không được kết đảng. Nghe mệnh ta thì ta làm tướng các người, trái mệnh ta thì ta trị tội các người. Nghe rõ lời ta, đừng để hậu hối.

Đó rồi bèn chia bọ chúng ra từng bộ, từng tốt, bảo phạm có điều gì hay dở, phải đến bầm-trình.

Như vậy được hơn một tháng, một hôm đương lúc ngồi nhàn, Dĩ-Thành thấy một người tự xưng là sứ-giã của Minh-ty, đến xin mời chàng đi. Dĩ-Thành toan lảng tránh, thì người ấy nói :

— Đó là mệnh-lệnh của đức Diêm-vương. Vì ngài thấy ông là người cương-nghị, định đem phẩm-trật tặng cho, chứ không làm gì phiền ông đâu, đừng nên từ chối. Có điều là xin đề cho ông được rộng kỳ-hạn, ông sẽ tự đến, tôi đợi ông ở dọc đường.

Nói xong không thấy đâu nữa. Sinh đòi chúng quỳ lại đề hỏi, chúng đều nói :

— Bẩm, quả có việc ấy thật, chúng tôi chưa kịp thừa vói Sứ-quân. Nhân hôm nọ Diêm-vương thấy buổi đời gặp lúc không yên, có đặt ra bốn bộ Da-soa, mỗi bộ cử một viên tướng, giao cho cái quyền hành sát-phạt, ủy cho những tinh-mệnh sinh-linh, trách-nhiệm lớn lao, không như mọi quan chức khác. Sứ-quân oai vọng lẫy-lừng, ngài đã biết tiếng, lại nhân chúng tôi hết sức tiến-cử, nên ngày định cử Sứ-quân vào chức lớn ấy.

Dĩ-Thành nói :

— Như lời các người nói thì đó là cái phúc hay là cái họa cho ta ?

— Dưới Diêm-la tuyền người không khác gì tuyền phạt, không thể dứt-lót mà được hay cầu may mà nên. Giữ mình cương-chính, tuy hèn-mọn cũng được cất lên, ở nết gian-tà, tuy hiền-vinh cũng không kể đến. Cái nhậm-vụ huấn-luyện quân-đốc, chẳng thuộc về Sứ-quân thì còn về ai. Nếu Sứ-quân còn ham luyện vợ con, dùng-dăng ngày tháng, thì chức ấy tất lọt về tay người khác, chúng tôi cũng sẽ phải buồn rầu.

Dĩ-Thành tắc lưỡi nói :

— Chết tuy đáng ghét, danh cũng khôn mua. Phương chi ngọn bút vì nhọn mà chóng cùn, cây thông vì cành mà bị đẵn, chim trĩ không vì lông đẹp, can chi rước vạ, con voi không vì ngà trắng, đâu phải đốt mình, chim hồng chim nhạn bị giết há bởi không kêu, cây hu cây lịch sống lâu chỉ vì vô dụng, tu vẫn dưới đất Nhan-Hồi tuổi mới băm hai (1), viết ký lầu trời, Trường-Cát trạc chùng

(1) Nhan Hồi là học-trò đức Khổng-tử, vào bậc đại-hiền, khi mất mới có 32 tuổi. Đời Tấn, Tô Thiệu đã chết lại hồi. Người em là Tiết hỏi chuyện ; Thiệu nói thấy hai ông Nhan Hồi và Bốc Thương làm chức Tu-văn-lang ở dưới đất.

hăm bảy (1), trượng-phu sinh ở đời, không làm nên được lưng đeo vàng, chân bước ngọc, thì cũng phải sao cho lưu danh muôn thuở, tội gì cứ cúi đầu ở trong cõi đời vắn-đục, so kè cái tuổi sống lâu với chết non làm gì !

Bèn trang xếp việc nhà rồi chết.

Bấy giờ có người làng là Lê-Ngộ, cùng Dĩ-Thành vốn chỗ chơi thân, phiêu-bạt ở vùng Quế-dương, ngụ trong một nhà trọ. Một hôm chừng quá canh một, Lê-Ngộ thấy một người cười ngửa thanh song, kẻ hầu, đầy tớ, rộn-rịp, đến xin vào yết-kiến. Chủ trọ vén màn ra đón ; Lê-Ngộ rất lấy làm lạ là tiếng nói của khách giống tiếng Dĩ-Thành, nhưng trông mặt thì hơi không giống. Lê-Ngộ toan ra cửa để tránh thì khách nói :

— Cổ-nhân biết ông, ông lại không biết cổ nhân là làm sao ?

Nhân kẻ quê-quán họ tên và nói mình đã lĩnh chức quan to ở dưới âm-phủ, vì có tình cũ với Lê-Ngộ nên tìm đến thăm.

Bèn cỡi chiếc áo cứu, cố cho nhà hàng lấy rượu để uống làm vui. Rượu uống mấy tuần, Lê-nhân nói :

— Tôi xưa nay ở đời, vẫn đề ý tu lấy âm-công, không mưu sự ích-lợi riêng mình, không gieo sự nguy-bách cho người, dạy học thì tùy tài dụ dịch, tự học thì cực-lực dùi-mài, không ước sự vắn-vơ, không làm điều quá đáng. Vậy mà sao lại phải bốn phương kiếm miếng, chiếc bóng nhờ người, con

(1) Lý Hạ tự là Trường-Cát làm văn rất nhanh, đặt bút là thành. Một hôm thấy một người cầm một cái thẻ, chữ viết như lối chữ triện cò, đến bảo Thượng-đế mới làm xong cái lư bạch ngọc, vội thầy lên làm cho bài ký. Không bao lâu thì Hạ chết. Từ đấy khi nói về văn-nhân mất sớm, người ta thường nói là ngọc lư phó triệu.

khóc dôi lòng, vợ than rét cắt, về thì thiếu túp lều
chắn gió, đi thì không chiếc nón che mưa, hết
đồng rồi tây, long-đong chạy mãi. Thế mà bè-bạn
thì nhiều người đi làm quan cả; so bề tài-nghệ cũng
chỉ như nhau mà thân danh khác xa nhau lắm ;
kể sừng người khổ như thế là cứ làm sao ?

Dĩ-Thành nói :

— Phú-quý không thể cầu, nghèo-cùng do tự
số, cho nên núi đồng mà chết dôi họ Đặng (1)
thăng Xe mà làm khổ chàng Chu (2) có duyên
gió thổi núi Mã-đương (3) không phận sét đánh
bia Tấn-phúc (4), nếu không như vậy thì đức

(1) Vua Hán Văn-đế yêu-quý người bầy tôi là Đặng-
Thông, thấy thầy tướng bảo Thông sẽ phải chết dôi, bèn cho
cả cái núi đồng ở đất Thục, cho được phép đúc tiền mà tiêu,
sẽ không còn lo chết dôi nữa. Nhưng sau Văn-đế mất, Cảnh-
đế lên làm vua, ghét Thông, tịch thu cả gia-sản. Thông phải
đi ở nhờ 7à quả-nhiên chết dôi.

(2) Chu-Thù nhà nghèo, chiêm-bao thấy Thượng-đế
thương mình. Ngài hỏi vị thần tư-mệnh : Nó có giàu được
không ? Tư-mệnh nói : Số nó nghèo lắm. Nhưng hiện có số
tiền-của của thăng Xe, có thể cho nó mượn được, rồi đến kỳ
thăng Xe nó sinh thì lại phải trả. Sau Chu khá giàu: đúng đến
kỳ-hạn, Chu xe-tiền-của chạy đi trốn. Buổi tối, Chu dừng xe
nghỉ ở dọc-đường, gặp một người đàn-bà chừa xin tạm nằm
nhờ ở dưới xe. Đêm ấy người đàn-bà để đứa con trai vì
nghĩ nó dễ ở dưới xe, bèn đặt tên là thăng Xe. Từ đấy Chu
làm gì cũng thất bại, lại thành nghèo kiết.

(3) Vương-Bội đời Đường theo cha đi làm quan, đậu
thuyền ở dưới núi Mã-đương, mộng thấy vua Thủy-phủ giúp
cho một trận gió. Hôm sau quả nhiên có gió thuận ; thuyền
đến Nam-xương làm bài tựa Đấng-vương-các.

(4) Phạm Trọng-Yêm đời Tống khi làm trấn-thủ Nhiều-
châu, có người học-trò vào yết-kiến, nói tình-cảnh dối rét
nghèo-khổ. Bấy giờ người ta đương mộ lối chữ đẹp của Âu-
đương Xuất-canh viết khắc ở tấm bia chùa Tấn-phúc. Ông
Phạm bèn mua giấy mực định cấp cho người học-trò ấy đến
chùa rập lấy nghìn bản rồi đến Kinh mà bán lấy tiền. Người
học trò chưa kịp đến rập, bỗng một hôm mưa gió, tấm bia bị
sét đánh vỡ mất. Vì vậy có câu thơ : « Thời-lai phong tống
Đấng-vương-các, vận khứ lối oanh Tấn-phúc bi. »

hạnh như Nhan như Mẫn (1), hẳn là lên đến mây xanh, từ-chương như Lục như Lư (2), sao lại chỉ là chân trắng. Sự độ đều bởi cái gì không làm mà nên là bởi trời, không vơi mà đến là bởi mệnh. Cái đáng quý ở kẻ sĩ chỉ là nghèo mà không xiêm-nịnh, cùng mà vẫn vững-bền, làm việc theo địa-vị của mình và thuận với cảnh-ngộ mà thôi, còn sự cùng thông sắc nhụt thì ta có thể làm gì cưỡng vơi chúng nó được.

Rượu đã uống cạn, lại khêu đèn cùng nhau trò-chuyện, kéo dài mãi vẫn không biết chán. Ngày hôm sau trong lúc tương-biệt, Dĩ-Thành đuổi hết mọi người ra rồi nói :

— Tôi mới vâng-lệnh của Thượng-đế, kiểm coi cả bốn quân ôn-dịch, chia đi làm việc ở các quận huyện, lại gia thêm những nạn đói-khát, binh-cách, số dân-sinh sẽ phải điều-háo, mười phần chỉ còn được bốn, năm. Người nào nếu không phải nguồn phúc sâu-xa, e sẽ đến ngọc đá đều nát chung cả. Nhà bác phúc mỏng, tựa như không thể tránh khỏi được, nên sớm về quê-quản, đừng lần-lữa mãi ở đất khách quê người.

Lê nói :

— Tôi tưởng rất có thể trông nhờ ở bác che-chở cho chứ ?

Dĩ-Thành nói :

— Không phải trong địa-hạt của tôi, tôi không có thể vượt qua được. Trường-giang trở về phía

(1) Nhan Uyên, Mẫn Tử-Khiên đều là học trò bậc cao của đức Thánh Khổng.

(2) Lư Chiếu-Lân và Lạc Tân-Vương là hai tay danh-sĩ đời Đường Cao-Tông. Bùi Hành-Kiệm thường chê là những người nóng-nảy xốc-nổi, không phải là kiểu người được hưởng trước-lộc. Sau Lư vì ác tật mà gieo mình xuống nước chết. Lạc thì vì dự vào đảng loạn phải chết, đúng như lời Kiệm nói.

bắc do tôi chủ-trương, còn Trường-giang trở sang phía tây, do viên tướng họ Đinh trông coi. Nhưng tôi quân-lính quân áo đen, chúng nó còn có từ-tâm, chứ họ Đinh quân-lính quân áo trắng, phần nhiều là những tên ác quỷ, bác không nên không lộ-liệu trước.

Lê hỏi :

— Vậy thì làm thế nào ?

Dĩ-Thành nói :

— Mỗi một soái-bộ đêm sai hàng hơn nghìn tên quân, chia đi làm ôn-dịch các nơi. Bác nên sắm nhiều cỗ bàn bày sẵn ở sân. Bọn chúng từ xa đến tất là đói-khát, thấy cỗ liền ăn mà không suy-nghĩ gì. Bác núp ở một chỗ tối, đợi khi thấy ăn uống gần xong, bấy giờ mới ra mà sụp lạy, nhưng cũng đừng kêu-nài gì cả. Như thế họa may có cứu-vãn được phần nào chăng.

Đoạn rồi ừa nước mắt cùng nhau từ-biệt.

Lê-Ngộ về đến quê nhà, thì bệnh dịch đương nổi rất dữ, vợ con đều mắc rất nặng, hầu không thể nhận được nhau nữa. Bèn theo lời Dĩ-Thành, đêm hôm ấy làm cỗ rất hậu bày ra ở sân. Quả thấy có đám đông quỷ sứ, từ trên không bay đến nhìn nhau mà nói :

— Chúng ta đều đói cả, sẵn cỗ dày không ăn thì còn đi đâu. Chả nhẽ vì uống mấy chén rượu mà đã đến phải tội được.

Chúng bèn cùng quay lại đánh chén. Một người mặc áo tía chễm-chệ ngồi ở chính giữa, còn những người đều đứng châu chung quanh, kẻ cầm dao búa, người cầm sỏ-sách. Thấy họ ăn uống gần xong, Lê-Ngộ ra lạy mãi, lạy mãi. Người áo tía nói :

— Ta đương đánh chén, gã kia đến đây làm gì ?

Chúng quỷ nói :

— Chắc là người chủ bày những mâm cỗ này, nhà hắn có người ốm nặng, kêu xin châm-chước.

— Người áo tía tức-giận, cầm quyền sỏ ném xuống đất mà nói :

— Lễ đầu vì có mâm cỗ sơ-sài mà đánh đổi được năm mạng người hay sao !

Chúng quý nói :

— Nhưng đã ăn của nhà nó, chả lẽ nỡ làm ngo không cứu. Thôi thì dù có vì cứu nó mà phải tội, đầu chết ta cũng bằng lòng.

Người áo tía ngẫm-nghĩ lúc lâu, bèn lấy bút son xóa bỏ hơn mười chữ rồi đi. Sau vài ngày, nhà họ Lê ai nấy lui bệnh và rời khỏi cả. Lê cảm ân đức của Dĩ-Thành, bèn lập miếu ở nhà đề thờ. Người làng đến khấn-vái kêu cầu cũng thường ứng-nghiem.

Lời bình

Than ôi ! bè-bạn là một ở trong năm đạo thường, có thể mà coi khinh ư ? Câu chuyện quý Dạ-xoa này, thật có hay không, không cần phải biện-luận cho lắm. Chỉ có một điều đáng nói là sự chơi bạn của Dĩ-Thành, khi đã coi ai làm người bạn chân-chính thì sống chết không đổi thay, hoạn nạn cùng cứu-gỡ. Đời những kẻ kết bạn ở chung quanh mâm rượu, gan dạ đảo-diên, hễ lâm đến sự lợi-hại thì lờ đi như không biết nhau, nghe chuyện này há chẳng chạnh lòng hồ-then.

= H ẾT =

MỤC - LỤC

	<i>Trang</i>
<i>TIỂU-TRUYỆN ÔNG NGUYỄN-DŨ</i>	<i>VII</i>
<i>Tại sao có bộ sách Truyền-kỳ mạn-lục</i>	<i>VIII</i>
<i>Văn-chương và tư-tưởng trong sách Truyền- Kỳ mạn-lục</i>	<i>IX</i>
Câu chuyện ở đền Hạng-vương	15
Chuyện người nghĩa-phụ ở Khoái-châu	25
Chuyện cây gạo	39
Chuyện gã Trà-dồng giáng-sinh	49
Chuyện kỹ-ngộ ở trại Tây	59
Chuyện đối-tụng ở Long-cung	79
Chuyện nghiệp-oan của Đào-thị	89
Chuyện chức phán-sự ở đền Tản-viên	109
Chuyện Từ-Thức lấy vợ tiên	115
Chuyện Phạm Tử-Hư lên chơi thiên-tào	131
Chuyện yêu-quái ở Xương-giang	139
Câu chuyện đối-đáp của người tiều-phu núi Na	149
Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông-trào	165
Chuyện nàng Túy-Tiêu	173
Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà-giang	191
Chuyện người con gái Nam-xương	201
Chuyện Lý tướng-quân	211
Chuyện Lê-nương	223
Cuộc nói chuyện thơ ở Kim-hoa	241
Chuyện tướng Dạ-xoa	255
<i>MỤC-LỤC</i>	<i>264</i>

VIỆT NAM MÁU LỬA

của *Nghiêm Kế Tổ*

Trận chiến nóng ở Việt Nam là một trận chiến cục bộ đối với hoàn cầu. Đã là một trận chiến tranh cục bộ tất nhiên nó liên hệ đến vận mệnh chung, ngoài phạm vi ranh giới.

Trận chiến ở Việt Nam tuy đã mang nhiều tên khác nhau như chiến tranh thuộc địa, chiến tranh Quốc Cộng, nhưng thực ra, đứng đắn mà nhận xét, cuộc chiến tranh hiện tại vẫn chỉ là một giai đoạn trong cuộc chiến đấu trường kỳ của dân tộc Việt Nam từ một thế kỷ nay.

Để tất cả những người Việt Nam có dịp nghiên cứu mọi sự việc đã xảy ra trong những năm ghê gớm nhất của Tổ Quốc, để nhắc nhở cho tất cả những ai thường hay lãng quên nhiệm vụ, cố ý thoát ly đời sống của mình ra khỏi hệ thống chung của Quốc Gia Dân Tộc, để trình bày một cách thiết thực quá trình chiến đấu của nhân dân Việt Nam, một quá trình thường khi bị người ngoại quốc tóm tắt một cách sai lầm trên một số trang sách báo, chúng tôi cố gắng soạn quyển **Việt Nam Máu Lửa** ra mắt độc giả.

Cố gắng đứng ở vị trí khách quan, siêu đảng phái để nhận định và trình bày mọi sự việc đã xảy ra, phân tách qua loa những tư tưởng chủ quan của những vai trò phái đảng hay ngoại quốc đã biểu diễn, phô bày trên đất nước, chúng tôi còn có một hoài vọng đặc biệt là sưu tầm để tự nghiên cứu và để mọi người cùng có dịp nghiên cứu bằng cách tổng thu kết hợp những tài liệu mỏng mảnh trong một trang duy nhất: trang **VIỆT NAM MÁU LỬA**.

do Nhà Xuất Bản **XUÂN THU** ấn loát và phát hành

Nhà Xuất Bản XUÂN THU
hân hạnh giới thiệu *Tủ Sách Huyền Môn*:

TÂY TẠNG HUYỀN BÍ

của Lạt Ma Lobsang Rampa
do Nguyễn Hữu Kiệt dịch thuật

■ Xứ Tây Tạng, với một địa thế núi non hiểm trở, sống cách biệt với thế giới bên ngoài, vẫn không bao giờ sẵn lòng đón tiếp những du khách muốn tìm hiểu những bí mật của nó: từ lâu nay, án tử hình vẫn luôn luôn áp dụng đối với những kẻ tò mò, dám mạo hiểm đột nhập vào thủ đô Lhasa. Cho đến bây giờ, dẫu rằng Tây Tạng đang chịu lệ thuộc vào Trung Quốc, và chánh phủ Bắc Kinh muốn biến đối xứ ấy thành một quốc gia tân tiến, nhưng nó vẫn giữ một thái độ thù nghịch đối với mọi ảnh hưởng du nhập từ bên ngoài.

■ Hiện nay không có thiếu gì những sách vở nói về xứ Tây Tạng, nhưng đó là tác phẩm của những tác giả Âu Tây. Trái lại, quyển sách này là tác phẩm tự thuật cuộc đời của một vị Lạt Ma Tây Tạng, nó là một tài liệu vô cùng hiếm có về sự giáo dục, huấn luyện và trưởng thành của một trẻ thiếu niên Tây Tạng, trong gia đình và trong một tu viện Lạt Ma Giáo. Trong quyển sách này tác giả đã diễn tả cả một nền văn minh truyền thống dưới cặp mắt của một người bốn xứ nhìn mọi khía cạnh sinh hoạt vật chất và tâm linh của xứ ấy “từ bên trong,” tức là từ một vị thể đặc biệt ẩn dấu mà không có một người du khách ngoại quốc nào có thể lọt vào. Bởi đó, thật không lạ gì mà thấy quyển sách này đã làm sôi nổi dư luận khi nó vừa xuất hiện ở Anh Quốc và ở những nước Tây Phương.

Đón mua trọn bộ *Tủ Sách Huyền Môn* do Nguyễn Hữu Kiệt dịch :

1. Những Bí Ẩn Của Cuộc Đời — 2. Đông Phương Huyền Bí —
3. Ai Cập Huyền Bí — 4. Xứ Phật Huyền Bí — 5. Tây Tạng Huyền Bí — 6. Á Châu Huyền Bí.

XUÂN THU

P.O. Box 97

Los Alamitos CA 90720

(213) 430-3828



GIÁ: \$11.00



GIÁ \$12.00



GIÁ: \$9.50



GIÁ: \$8.50

GIÁ: \$7.50